

CỎ THƠM



TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
NĂM THỨ 24 - SỐ 84

TẠP CHÍ VĂN HỌC CỎ THƠM

SỐ 84 - THÁNG 4, 2019

BAN ĐIỀU HÀNH

CHỦ NHIỆM:

PHAN ANH DŨNG

dathphan1@gmail.com

PHÓ CHỦ NHIỆM:

PHAN KHÂM

phanvyle@yahoo.com

CHỦ BÚT:

TRẦN BÍCH SAN

littleisaigonnews@aol.com

TỔNG THỦ KÝ:

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH

hanhbang@hotmail.com

CỐ VẤN DANH DỰ:

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

dsenser@yahoo.com

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BẮ

<http://cothommagazine.com>

TÒA SOẠN

9020 CARDIFF RD

RICHMOND, VIRGINIA 23236 USA

TEL. (804) - 387- 8773

dathphan1@gmail.com

BAN BIÊN TẬP

Ý ANH. ĐỖ BÌNH. DIỄM CHÂU.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.

NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỒI.

PHAN KHÂM. HUY LẪM.

NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.

NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.

NGUYỄN VĂN NHIỆM.

PHẠM THỊ NHUNG. TRẦN BÍCH SAN.

NGUYỄN SƠN.

NGUYỄN VĂN THÀNH1923.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

PHONG THU. TIỂU THU.

HỒNG THỦY. TRƯƠNG ANH THỤY.

BÙI THANH TIỀN. PHẠM VĂN TUẤN

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

DIỄM CHÂU: Spring Valley, CA

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



MỤC LỤC

SỐ 84 - THÁNG 4, 2019

BIÊN KHẢO

- 55- VINCENT VAN GOGH - PHẠM VĂN TUẤN
77- TÒA ÁN QUỐC TẾ QUA CÁC GIAI ĐOẠN
LỊCH SỬ - NGUYỄN VĂN THÀNH²³
103- LARA, NGƯỜI TÌNH MUÔN THUỞ -
VƯƠNG TRÙNG DƯƠNG
142- “TÌNH TRAI”... – LS NGÔ TĂNG GIAO

VĂN

- 4- VÀI LỜI CHÂN TÌNH - PHAN ANH DŨNG
8- 40 NĂM NHÌN LẠI - Ỡ NGUYỄN
21- VÔ TÌNH - PHẠM THÀNH CHÂU
30- CHUYỆN TÌNH GÒ-VẤP - NGUYỄN
PHÚ LONG
41- NHỮNG KỶ NIỆM KHÓ QUÊN – NGUYỄN
THỊ NGỌC HẠNH
47- THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH - NGUYỄN
THỊ NGỌC DUNG
67- BÔNG HOA HUỆ - TÔN NỮ MẶC GIAO
90- NHỮNG NGÀY CUỐI VỚI MẸ - TT THÁI AN
111- HƯƠNG RỪNG CÀ MAU – ĐOÀN XUÂN THU
114-TÌNH NGHĨA GIÁO KHOA THƯ - SƠN NAM
133- MỖI NGƯỜI CHIA NHAU MỘT CHÚT
KHÔ - PHẠM CAO HOÀNG
149- NGƯỜI BÊN KIA VĨ TUYẾN – VUU VĂN TÂM
152- LONG AN, THÁNG 4 - ĐÌNH HÙNG CƯỜNG
161 - LỖI HẸN – PHONG THU
172- PHỜ RU – VÕ PHÚ
179- TIẾC - CAO NGUYỄN
181 – CẢNH ĐỜI HƯ ẢO - ĐỖ BÌNH

THƠ

- 6 – BÀI THƠ CHIỀU 30/4 - HẠ THÁI TRẦN
QUỐC PHIỆT
7- ĐÊM LẠNH – TRƯỜNG ĐÌNH
20 – KIẾP SAU / GÓC HẸN – Ý ANH
29- HOANG ĐƯỜNG - LÝ HIỂU
29- NGẮM HOA ĐÀO – PHAN KHÂM
39- PHỜI PHỜI – THANH THANH
39- TRỜI KHÔNG NẮNG – HÀ BÌNH TRUNG
40- BƯỚC CHÂN HOANG – VƯƠNG ĐỨC LỆ
40 - LƯU LẠC – HOÀNG SONG LIÊM
45- ĐÔI CHẮC / NGHINH XUÂN - NGUYỄN VỎ
CÙNG
54 - CHÀO XUÂN – TRẦN QUỐC BẢO
54 - NẮNG / MƯA – NGUYỄN VỎ CÙNG
63- NHỚ XUÂN QUÊ CŨ – QUỲNH ANH
64 - TRÊN NHỮNG MIỀN QUÊ HƯƠNG –
TRƯỜNG ĐÌNH
75- CHUYẾN TÀU TITANIC – NGUYỄN PHÚ
LONG / TITANIC (chuyển ngữ) – THANH THANH
76 - NẮNG SỚM - KIM Y
76 - VỀ THĂM CỎ HƯƠNG - PHẠM THỊ NHUNG
76- CẢNH ĐẸP SAU NHÀ – DIỄM CHÂU
89- GIÓ THOẢNG HƯƠNG XƯA – MINH GIANG
89- KHI NGƯỜI VỀ - NGUYỄN MÂY THU
102- CẢM NGỘ / CẢNH NGỘ (Thơ Xương
Họa) - HỒ TRƯỜNG AN & PHAN KHÂM
110- CHIỀU BÊN PHÍM DƯƠNG CẨM – BẠCH
CÚC - SOIR PRÈS DU PIANO - DIỄM HOA
130- NHỮNG LÁ THƯ KHÔNG GỬI – TUỆNG
140- ĐI CÙNG EM ... - PHẠM CAO HOÀNG
141- HƯƠNG TRẦM / HÌNH NHƯ XUÂN VỀ -
HOA VẤN
148- MỪNG SINH NHẬT 96... - TRẦN GÒ
CÔNG & TRẦN QUỐC BẢO RICHMOND VA

151- **HUẾ VẪN DỄ THƯƠNG**- ĐẶNG NGUYỄN
 160- **TRÁY HỘI ANH ĐÀO** – THÁI HƯNG PGH
 170- **SÀI GÒN ƠI!** - BÙI THANH TIẾN
 171- **AFTERNOON IN FEBRUARY** – H.W.
 LONGFELLOW / **CHIỀU THẮNG HAI** (chuyển ngữ) – NGÔ TẮNG GIAO
 178- **NÀY THÁNG BA** – Y THI
 178- **GIẤN HOA KHÔNG NỖ** - H.T BẠCH MAI
 189- **TÌNH XUÂN** – NGUYỄN MÂY THU
 190- **KHÓI THUỐC ĐÊM TÙ** – VÂN QUANG
 190- **CỐI TUYẾT, TÌNH QUÊ** – HÀ BÌNH TRUNG
 191- **LÒNG NHƯ THẮNG TƯ** – VI KHUÊ
 191- **THÀNH PHỐ ẤY** – NGUYỄN KINH BẮC
 192- **MÙA XUÂN TRÊN QUÊ CŨ / MÙA XUÂN LƯU ĐÀY** – HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

NHẠC

130- **NHỮNG LÁ THƯ KHÔNG GỬI** –
 Thơ: **TUỆ NGA**; phổ nhạc: **VĨNH ĐIỆN**

HỘI HỌA, NHIẾP ẢNH

BÌA TRƯỚC/SAU: **TRẮNG TRONG ĐÀM SEN**
 / **ÁNH LỬA TRONG NHÀ** - NGUYỄN ĐÔNG
 5- **NGÀY CUỐI THẮNG TƯ** - Thơ : **HÀ**
THƯỢNG NHÂN - Thư họa: **VŨ HỎI**

46- **ƯỚC MƠ / THE DREAM** - thư họa & thơ:
PHAN KHÂM; phỏng dịch: **PHẠM TRỌNG LỆ**
 3 - **HOA XUÂN** – MINH CHÂU VIRGINIA

SINH HOẠT

193- **CỎ THƠM HỢP MẶT MỪNG TẾT KỶ HỢI**
 - **PHÁT HÀNH CỎ THƠM SỐ 83** – 26 THÁNG
 1, 2019 - FALLS CHURCH, VIRGINIA USA

200- **THIỆP MỜI HỢP MẶT CỎ THƠM**
THƯỜNG NIÊN – 23 THÁNG 6, 2019 –
 HARVEST MOON RESTAURANT, FALLS
 CHURCH VIRGINIA

GIỚI THIỆU SÁCH

120- **TÌNH BÚT DUYÊN THƠ** – Tuyển tập thơ
 xướng họa của **NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**
 123- **CHA VÔ DANH** – **PHẠM NGỌC LÂN**
 201- **VĂN HỌC VIỆT NAM** – **TRẦN BÍCH SAN**
 201- **CHUYỆN DUNG KẾ, NHỮNG KẾ LẠC**
LOÀI, BIỂN VÀ CÁ, BÊN KIA ĐÒI – **HOÀNG**
DUNGdc



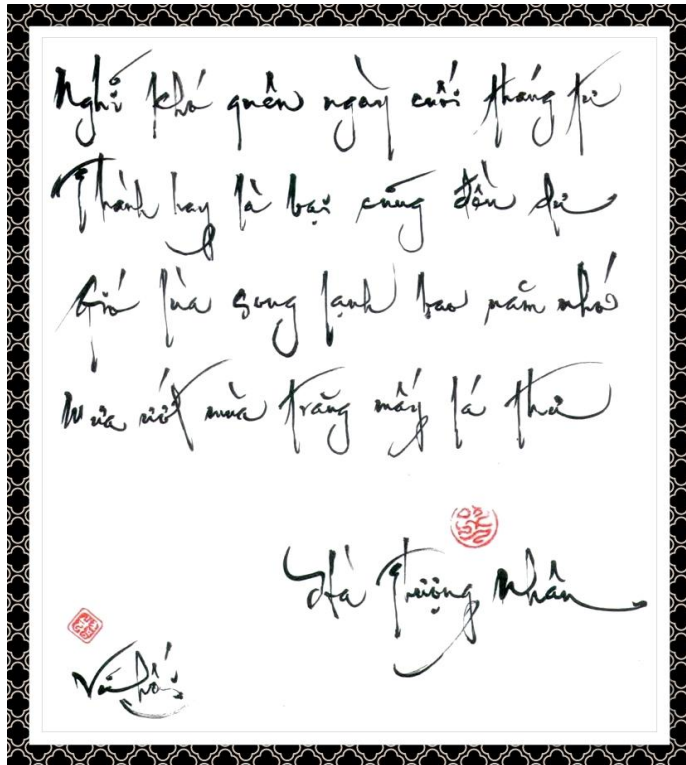
HOA XUÂN – Minh Châu Richmond VA

VÀI LỜI CHÂN TÌNH

Thưa quý mạnh thường quân, độc giả
và quý văn, thi, họa, nhạc sĩ, biên khảo gia, nhiếp ảnh gia của Tạp Chí Cỏ Thơm,

- Chúng tôi rất vui mỗi khi nhận được email hay điện thoại từ một số độc giả và tác giả cho biết hài lòng với tạp chí số 83 - đã phát hành vào cuối tháng 1 năm 2019. Lý do chính là vì trong đó có nhiều bài vở biên soạn công phu cũng như in ấn với chữ lớn rõ ràng. Cảm ơn cô Quỳnh Trâm, NXB “CT Printing & Graphics” ở Silver Springs, Maryland - luôn đặc biệt chăm sóc cho tạp chí được tốt đẹp hơn.
- Nhân dịp phát hành số 83, tuy tiểu bang Virginia còn trong mùa Đông lạnh giá vào cuối tháng Giêng nhưng Ban Điều Hành vẫn cố gắng tổ chức họp mặt mừng Tết Kỷ Hợi ở Hội Người Việt Cao Niên vùng Hoa Thịnh Đốn (trang 193).
- Xin chân thành cảm ơn quý vị gởi tiền lì-xì Tết, ủng hộ ấn phí hay tiếp tục mua tạp chí dài hạn.
- Đặc biệt trong số 84 này, mời quý vị: * xem nhiều văn thơ liên quan đến Tháng Tư Đen qua quan điểm của một số tác giả nguyên là cựu Giáo sư Trung học, sĩ quan của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, nhân viên Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ và người Việt hải ngoại... * thưởng lãm 2 bức tranh thật đẹp, dùng cho bìa trước và sau, của họa sĩ Nguyễn Đồng - phu quân của họa sĩ Nguyễn Thị Hợp (Cỏ Thơm đã dùng 2 tranh của bà cho số 83).
- Cỏ Thơm xin chúc mừng: * sinh nhật thứ 96 của thi sĩ Trần Gò Công Lão Mã Sơn (trang 148); * nhà văn Hồng Thủy trong Ban Biên Tập Cỏ Thơm từ nhiều năm vừa nhận trách nhiệm Chủ Tịch Văn Bút Miền Đông Hoa Kỳ; * nhà văn Hoàng Dungdc đã ra mắt 4 cuốn sách cùng một lúc (trang 201); và * đôi uyên ương nghệ sĩ Nguyễn Xuân Thường & Bích Ngọc vừa có thêm con trai bụ bẫm dễ thương.
- Chúng tôi cũng rất mong quý vị có thể đến dự buổi họp mặt thường niên của Cỏ Thơm trưa ngày Chủ nhật 23 tháng 6 (Thiệp mời trang 200) và tiếp tục ủng hộ/ giới thiệu Cỏ Thơm đến người thân quen.
Chúc quý vị nhiều sức khỏe và an vui. Xin hẹn tái ngộ ở số báo 85.

PHAN ANH DŨNG – Richmond, Virginia USA



NGÀY CUỐI THÁNG TƯ

Thơ: Hà Thượng Nhân - Thư họa: Vũ Hối

*Nghĩ khó quên ngày cuối tháng tư Thành hay bại cũng đều dư
Gió lửa song lạnh bao năm nhớ Mưa ướt mùa trăng mấy lá thư.*



Hà Thượng Nhân



Vũ Hối

BÀI THƠ CHIỀU 30/4/...

Hỏi vách đá, đó có buồn không hở?
khi rêu phong ngày tháng bám thêm dày
chim gõ kiến mỗi ngày xà cánh xuống
hót băng quơ gỗ mấy tiếng vù bay!

Hỏi khe suối trầm u buồn không hở?
nước rì rào than thở có chi chẳng
tiếng róc rách thì thăm chiều sương lạnh
cánh chuồn chuồn lơ đãng vỗ tung tăng.

Hỏi tắc kè có gì ám ức hở?
tiếng võ ra từ góc núi xa xăm
như vọng lại hồn ma Hời than oán
đỉnh tháp rêu hú lời khóc dân Chàm!

Hỏi cỏ thụ sống già buồn không hở?
da sần sù lá đổ ngập chân rừng
chim bìm bịp bên đồng lên tiếng bịp
vẫn triển miên chưa vắng một ngày không

Khi trời chiều những ngày nhiều mây trắng
có vài ba cánh nhạn thoảng điểm trang
gió lang thang hôn lên nhành mắc cở
bài ca nào nức nở những đêm trăng!



Hỏi con đò nằm dài bên bến cạn
gác mái chèo cô lái đã đi đâu?
bặt câu hò nhạt khoan đưa mái đẩy
người sang sông rồi, còn cô về đâu?

Chiều 30 tháng Tư, một mình tự hỏi
muôn ngàn điều kể mấy kể cho cùng
rượu độc ảm ly buồn nâng ly cạn
viết bài thơ chệch choạng hỏi lung tung.

Đã sống thừa hơn bốn chục năm rồi đó
ai huênh hoang to tiếng những huy hoàng
ai thắm buồn vì ngàn nỗi tan hoang
ôi! chán ngấy đồng minh và đồng chí!

Thôi, nào dzô... nâng cho say bí tỉ
nhục hay vinh, chịu làm kẻ sống thừa!
nhìn non nước ngửa nghiêng khoanh tay hỏi
trả lời đi, đã làm được gì chưa?

Ngàn câu hỏi, sao nghe toàn câu hỏi...
ai trả lời đi, chín chục triệu dân tôi
ngày hôm nay ai phải khóc, ai lại cười?
nhìn đất nước người lòng buồn thắm thía!

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

30/4/2018

ĐÊM LẠNH

Trăng đêm nay nhẹ rơi trên cành lá
Sài Gòn ơi, em nhớ một bóng Người
Nỗi nhớ Người mà nhìn theo xa quá
Đêm lạnh buồn, môi mắt cũng lẻ loi

Gió quê xưa trên bờ vai lạnh lạnh
Mưa vào lòng làm vương vấn xa xăm
Ước mơ ơi, xin tìm nhau chấp cánh
Trao vòng tay sưởi ấm, dịu dàng thương

Nơi quê nhà có còn hoa Mai nở
Khi mùa Xuân bên ấy đã vào lòng
Ai nhớ thương điệu ru hò Mẹ gởi
Để Người buồn, nhớ cả gió mênh mông

Con nước xưa, tìm bến bờ vỗ sóng
Từng giọt nồng làm lạnh trái tim yêu
Người bên kia, ánh trăng về soi bóng
Em bên này, mưa gió rót vào lòng

Quê hương ơi, trăm năm còn gọi nhớ
Như tuyết rơi trong băng giá xứ Người
Mà nhìn theo, bóng ai xa vời vợi
Anh có thương hương tóc thuở hôm nào

Sài Gòn xưa, hạt gạo rơi trên mắt
Làm nhạt nhòa ngọn gió ấm thời gian
Môi ai cười để che làn lệ mỏng
Chảy vào lòng niềm nhớ đến miên man.

Trương Đình - UK, sương mù già - 23/3/2019



40 NĂM NHÌN LẠI

**** Ý Nguyên ****

Mới đây mà đã hơn 40 năm trôi qua, kể từ ngày Saigon thay tên đổi họ. **Bốn Mươi Năm** - một khoảng thời gian quá dài so với một đời người, nhưng *ngày di tản* vẫn như một vết thương mãi mãi chưa lành. Đó là nguyên nhân mà năm nào cũng như năm nào, vào ngày 30 tháng Tư hầu như mọi người Việt sinh sống tại hải ngoại đều tổ chức những buổi truy niệm để tưởng nhớ tới ngày lịch sử đau buồn này.

Hồi tưởng lại những ngày đầu tháng Ba năm 1975, khi tình hình đất nước đang đi vào một khúc quanh lịch sử, hàng ngày tin tức chiến sự trên đài phát thanh hay báo chí loan báo Cộng quân đã tiến chiếm nhiều tỉnh từ miền Trung vào đến các tỉnh miền Cao Nguyên. Ngày 19 tháng Ba, địch chiếm đóng Quảng Trị. Ngày 24 bên ta mất Tam Kỳ, qua ngày 25 mất Huế và ngày 31 mất Đà Nẵng... Quân đội miền Nam không thể chống trả, phải triệt thoái dần dần, khiến dân chúng sợ hãi phải di tản theo bằng đường bộ, đường hàng không hoặc đường biển để vào Sài Gòn. Giữa lúc này, người anh chồng nhà tôi là Thiếu Tá thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị đã đột ngột từ Đà Lạt trở về nhà sau hơn một tuần lễ băng rừng lội suối di tản cùng lớp người dân bằng đường bộ. Anh nói, về được đến



Saigon mới biết là mình còn sống. Anh đã chứng kiến nhiều cảnh chết chóc đau thương trên đường tháo chạy như một “đại lộ kinh hoàng...”. Những đám người chạy giặc, đi bộ rong rã nhiều ngày trời dưới sức nóng như thiêu đốt của mặt trời cũng như dưới những cơn mưa rừng xối xả và giá lạnh khi đêm về. Thiếu lương thực, thiếu nước uống, trẻ con đói lả, kiệt sức và cuối cùng là đưa đến cái chết. Những đứa trẻ vô phước này đã bị bỏ xác lại bên đường trong khi bố mẹ anh em phải cố gắng dẫn bước. Sự sống còn của người lớn rất bấp bênh vì con đường phía trước còn xa lắc xa lơ. Khủng khiếp hơn nữa là địch quân tiếp tục pháo kích vào đám người di tản này như cố tình ngăn chặn họ trên đường đi tìm sự sống. Cho nên thân người chết vì đói, chết vì đạn pháo kích nằm chết ngổn ngang ở hai bên vệ đường trông thực tang thương, không bút mực nào có thể diễn tả cho hết. Người ta cố bám víu vào bên hông hay sau đuôi những chiếc xe đồ quá tải như muốn nghiêng sang một bên. Tại phi trường Đà Lạt, người di tản đánh đu vào chân cầu thang của những chiếc trực thăng để mong được cứu thoát, nhưng khi máy bay cất cánh họ bị văng ra rơi

xuống đất. Nghe anh kể lại câu chuyện di tản mà thấy thật rừng mình khiếp đảm.

Sang ngày 21 tháng Tư, có tin Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức khiến dân chúng xôn xao bàn tán... Đi đến đâu cũng nghe thiên hạ xầm xì về việc người Mỹ đang tháo chạy khỏi miền Nam... Đường phố Saigon phút chốc trở nên đông nghẹt xe cộ, ồn ào huyên náo, hỗn loạn đáng sợ... Người dân như đang chờ đợi một điều gì đó sẽ xảy đến nay mai. Thiên hạ chạy tới chạy lui, vội vội vàng vàng, hấp tấp như ma đuổi.

Biết tôi làm việc cho sở Mỹ, mấy người bạn thân quen ngày nào cũng đến gặp chúng tôi để hỏi han và bàn luận về việc thoát ra khỏi Saigon. Thiet tình, lúc đó tôi chẳng biết gì hơn để trao đổi với họ. Chính đầu óc tôi còn rối bời, bấn loạn vì chưa nhận được chỉ thị gì của phòng nhân viên Toà Đại Sứ. Chỉ nghe phong phanh Toà Đại Sứ Mỹ sẽ lo di tản hết mọi nhân viên người Việt Nam, nhưng ra đi lúc nào và đi bằng phương tiện gì thì hoàn toàn không ai biết. Do đó, chúng tôi cũng phải lo tìm đường lối khác cho riêng gia đình nhà mình để phòng khi không đi theo chương trình dự tính. Như vậy chỉ có đường biển là phương tiện mà chúng tôi bàn tới. Tôi chợt nghĩ tới Kim-Yến, cô bạn thân lâu năm có chồng là sĩ quan Hải Quân cao cấp. Tôi vội ghé nhà cô ở khu Hàng Xanh, Xa Lộ Biên Hoà gần nhà tôi may ra có giải pháp nào chăng. Nghĩ rằng ông xã của Kim-Yến sẽ có phương tiện mà mình có thể

nhờ cậy. Nhưng thất vọng quá, nhà cô vắng tanh ngoại trừ hai người lính Hải Quân ngồi canh gác phía ngoài cửa. Tôi lại nghĩ tới cô em gái nhà tôi ở bên Mỹ nên cố liên lạc với cô để có giấy tờ bảo lãnh bổ túc thêm vào hồ sơ của Toà Đại Sứ hầu mong được cứu xét đặc biệt hơn.

Hơn lúc nào hết, những người làm việc cho Toà Đại Sứ Mỹ như tôi đã thực sự hoang mang, lo sợ về sự kiện người Mỹ rút khỏi miền Nam. Chúng tôi không nghĩ đến chuyện bị mất việc nhưng rất sợ bị liên lụy. Tôi đã làm việc cho Toà Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn gần 15 năm. Ông xã tôi là một sĩ quan trong QLVNCH biệt phái. Quá trình của gia đình anh cũng đáng lo ngại vì cụ thân sinh ra anh trước kia đã bị Việt Minh đem đi thủ tiêu vào năm 1946 khi cụ làm Chánh Tổng dưới chế độ Pháp. Chỉ những lý do đó cũng đủ để CS kết tội và cho đi tù nên làm sao mà tôi không lo lắng cho được. Lúc đó tâm trí tôi rối bời, phân tán, khi nghĩ đến gia đình, đến tương lai của ba đứa con nếu chúng tôi không sớm thoát ra khỏi Việt Nam.





*Đồng bào trên đường tháo chạy
(ảnh Internet)*

Trong những ngày xáo trộn này, tôi vẫn sáng sủa đến nỗi, nhưng chẳng phải đến để làm việc, mà đến để bàn tán về việc ra đi khi Tòa Đại Sứ đóng cửa. Rồi nhiều câu hỏi được đặt ra mà không có câu trả lời... Nếu đi thì đi bằng cách nào, đi đâu, ai đưa mình đi, cuộc sống mai này sẽ ra sao v.v... Ai nấy đều mịt mờ như cóc ngồi đáy giếng. Quanh tôi, các bạn đồng sở vắng mặt dần dần, thưa thớt hẳn đi. Sáng nay còn gặp người này, người nọ, hôm sau đã thấy mất hút. Chẳng ai dám hé môi với ai một câu, cũng không một lời từ biệt, cứ lẳng lặng mà ra đi. Hôm đó là ngày 26 tháng Tư thì phải, tôi ghé vào văn phòng làm việc nằm trong khu vực Warehouse bên kia cầu Xa Lộ Biên Hoà. Khi đi ngang bệnh xá dành cho nhân viên người Việt, tôi tạt vào gặp Lại, y tá trưởng của trạm xá này xem có tin tức gì mới về việc ra đi hay không. Cô ta đang bận rộn dẹp bỏ giấy tờ. Thấy tôi, cô có vẻ lúng túng như muốn giấu giếm điều gì, nhưng bất chợt cô ôm chầm lấy tôi bật khóc: "*Mai tao đi rồi, mày đã nhận được tin tức gì chưa?*" - "*Chưa...*" Tôi trả lời cô mà trong lòng bồn chồn khó tả.

Tại văn phòng tôi cũng như mấy văn phòng kế bên không ai còn tâm trí đâu mà làm việc ngoại trừ lo xé bỏ các giấy tờ cần mật. Tôi nhớ lúc đó, cũng như mọi người, tôi phải hủy bỏ không biết bao nhiêu hồ sơ từ trong mấy tủ sắt lấy ra. Những giấy tờ này có thể tôi đã lưu giữ quá lâu, có tới 5, 6 năm... Trong lúc ruột gan rối như tơ vò mà cứ phải nghe những lời đồn, "*Đi lính cho ngựa thì tha; Nhân viên sở Mỹ lột da đóng giày*" làm tinh thần mình càng căng thẳng thêm! Rồi người ta còn đưa tin là tại các trạm kiểm soát lối vào phi trường Tân Sơn Nhất sĩ quan an ninh phi trường ra lệnh bắt giữ thanh niên hay đàn ông Việt Nam theo gia đình đi Mỹ. Không biết tin này đúng hay sai nhưng đã làm cho tôi lo lắng vô cùng. Sáng hôm đó tôi lên gặp ông Frank Jackson, một trong những viên chức cao cấp, lo việc di tản cho nhân viên Tòa Đại Sứ. Tôi hỏi ông về chuyện mang theo chồng con đi cùng. Câu trả lời là: "*I am sorry, but the Embassy can't guarantee for your husband's departure - Tôi rất tiếc, nhưng Tòa Đại Sứ không thể bảo đảm việc ra đi của ông nhà*". Tôi kêu trời và cố thuyết phục ông nhưng cuối cùng vẫn là câu trả lời lạnh nhạt: "*I am sorry...*".

Bạn đồng sở mỗi ngày một vắng bóng mà tôi vẫn chưa nhận được tin tức gì khác. Mấy ngày liền vào cuối tháng Tư tôi vẫn phải đến văn phòng Tài Chánh - Budget & Fiscal Division nằm trong Tòa Đại Sứ tại số 4 đại lộ Thống Nhất để lo giúp thông dịch cho nhân viên người Việt đổi tiền Việt Nam sang US Dollar. Tôi cũng cố gom góp

cho đủ số tiền Việt Nam để đổi hầu có chút tiền dặt lưng nếu phải ra đi.

Sáng Thứ Hai, ngày 28 tháng Tư, tôi không đến sở làm mà đến thẳng Toà Đại Sứ Mỹ trên đường Thống Nhất hầu tiếp tục giúp thông dịch và để đợi tin tức. Bất thành linh nhận được chỉ thị ra đi! Đáng lẽ tôi phải mừng khi nhận được tin vui này nhưng không hiểu sao tôi như người mất hồn lúc đó mới lạ. Quynh quáng không biết xử trí ra sao vì ông xã vừa thả tôi xuống đây để đi đến sở, làm sao để liên lạc với anh đây. Tôi bối rối quá! Tôi gặp vài người Việt Nam làm thợ máy, thợ điện thường ngày cho văn phòng Maintenance, vội nhờ họ cho quá giang về nhà, nhưng tất cả đều đã quay lưng lại với tôi. À ra thế... Lúc này tôi mới hiểu rõ họ là ai mà từ bao năm làm việc ở đây, tôi đã bị lừa vì thấy họ là người lúc nào cũng tỏ ra thân thiện và tử tế với mình. "*Một tí thừa Cô... hai tí thừa Cô...*" Đúng là cháy nhà mới ra mặt chuột. May sao lúc đó tôi gặp cô Phương, một Trắc Hoạ Viên (Designer) của Engineering Division giúp đưa tôi về nhà. Trên đường về tôi ghé vào tiệm tạp hóa Đức Kha ở cuối đường Tự Đức, Đa Kao và tiệm điện Phương Dung tại đầu đường Hàng Xanh, Thị Nghè để thông tin cho hai cháu Khánh và Hào biết vì tôi đã hứa sẽ đem các cháu đi theo.

Vừa về đến nhà, tôi lật đặt chạy thẳng vào phía trong, gặp mẹ tôi, bà chị nhà tôi và cô em gái. Tất cả đã biết được sự ra đi của chúng tôi, ai nấy đều rưng rưng mắt lệ làm tôi hết sức bối rối. Tôi vội vã nói với mẹ tôi: "*Chúng con*

phải đi ngay bây giờ, Mẹ và cậu Khôi đã sẵn sàng chưa, ta cùng đi thôi". Mẹ tôi mếu máo: "*Thôi vợ chồng cô đi trước đi, tôi phải đợi Khôi nó về đã*". Đó là lời nói và hình ảnh cuối cùng của Mẹ tôi... Em trai tôi lúc đó đang làm thông dịch viên (Hạ sĩ quan đồng hóa) cho Phái Đoàn Cố Vấn Quân Sự Mỹ ở một bệnh viện ngoài Quảng Tín nên có thể cậu ấy sẽ đi theo họ chẳng? Thực ra trong danh sách di tản nộp cho Toà Đại Sứ tôi có ghi tên mẹ tôi, cậu Khôi, cháu Khánh gọi nhà tôi là chú và cháu Hào gọi nhà tôi là cậu, và hai cháu Hoàng, Hồ - con chị Mai, nhưng ngày hôm trước, chị tôi lại lên đón hai cháu về. Cũng vì lo xa nên ra vợ chồng tôi đã đến phường Hàng Xanh trước đó cả tuần lễ để làm giấy tờ uỷ quyền sử dụng căn nhà cho mẹ tôi, phòng khi cụ ở lại. Lúc này không còn thời giờ để bàn tính gì nữa, tôi quay sang nói với bà nội các cháu và giục chị người làm sắp đặt vật dụng và quần áo cho chúng tôi đi Vũng Tàu lánh nạn ít lâu. Tôi phải nói dối như vậy phòng khi nếu không đi trót lọt phải quay về. Chị Mười, người giúp việc nhà cho chúng tôi đã nhiều năm, có lẽ không biết rằng tôi làm việc cho sở Mỹ cũng như ông xã tôi là sĩ quan QLVNCH biệt phái. Sở dĩ chúng tôi phải kín đáo như vậy vì nghi chị là VC nằm vùng, vì tháng tháng chị đều kiếm cớ xin phép về quê vài ngày, lần thì giỗ bố, lần thì giỗ chồng... chắc là để báo cáo tin tức thu thập được từ thành phố. Sau này sự nghi ngờ của chúng tôi quả không sai vì chồng chị là một Đại Úy thuộc Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam mà lúc trước chị nói là đã chết. Chị rụt rè xin tôi chiếc radio làm

kỷ niệm. Thực ra lúc đó chị muốn lấy bất cứ thứ gì trong nhà mà chả được. Tôi đâu còn thì giờ để mà tiếc rẻ. Trong túi còn 5 ngàn đồng VN tôi cho chị luôn. Trong nhà tôi lúc đó còn có thêm hai gia đình người quen bên ông xã vừa tản cư từ miền Trung vào. Bấy giờ ai nấy đều ngớ ngàng trước sự chia tay đột ngột của gia đình chúng tôi. Mẹ tôi sụt sùi, bịn rịn nắm tay tôi. Chị Tịnh và cô Tâm tiễn chúng tôi ra cửa, nước mắt ngấn dài. Không lời lẽ nào có thể diễn tả được nỗi lo âu và bấn loạn lẫn sợ hãi của tôi trong giây phút phân ly này.

Nửa tiếng đồng hồ sau, chúng tôi đã có mặt tại building Trương Quốc Dung (TQD), một trong nhiều điểm tập trung cho chương trình di tản của Tòa Đại Sứ. Ông anh chồng tôi và thằng cháu Khánh, con trai lớn của anh đã có mặt tại đó để đợi chúng tôi. Chúng tôi khuyên anh nên đi cùng, nhưng anh từ chối vì anh không muốn bỏ chị và các con ở lại. Nói cho đúng, biến cố 30 tháng Tư này đã xảy ra quá đột ngột không ai có thể trở tay kịp. Chả lẽ vợ anh đang làm chủ một tiệm buôn phát đạt, nhà cửa khang trang, tự nhiên khóa cửa bỏ lại hết tất cả để ra đi hay sao. Cũng như thế, tôi đâu dám rủ bà chị chồng và cô em gái lúc hai người đến nhà tiễn chân chúng tôi. Điều này làm tôi ân hận mãi. Ước gì lúc đó tôi thông minh và nhanh trí để lường trước được việc di tản này thì tôi đã đem theo được tất cả mọi người thân trong họ ra đi với mình. Giá chi anh Khái đi theo chúng tôi hôm đó thì anh đâu có phải bị tù đầy suốt 13 năm trường (75-1988). Ấu tất cả cũng là do số phận của mỗi người.

Từ chung cư TQD có xe bus đưa mọi người vào phi trường TSN. Chiếc xe chật kín chỗ ngồi. Nhìn quanh tôi thấy toàn người lạ. Chắc hẳn tất cả các gia đình này đều có thân nhân làm sở Mỹ. Ngồi trên xe bus, tôi lo lắng cho ông xã và hai thằng cháu Khánh, Hào. Chỉ sợ bị sĩ quan an ninh phi trường chặn lại, không biết phải làm sao. Họ đã được lệnh bắt giữ tất cả đàn ông và thanh niên trong tuổi động viên. Ông xã tôi lúc ấy dưới 40, cháu Khánh 25 còn Hào mới 18, như vậy làm sao mà tôi không lo lắng cho được. Nghe đồn hình như phải hồi lộ tại trạm kiểm soát mới lọt qua cổng được. Việc chặn giữ này đã làm cho bao gia đình bị phân tán. Người người oán hận. Một người bạn đồng sở với tôi là cô T.G.Hương, khi đi qua trạm kiểm soát này, chồng cô đã bị giữ lại. Sau này anh ta phải vượt biên sang Hồng Kông để đoàn tụ với gia đình. Tôi lo quá, dặn hai cháu Khánh, Hào nếu bị xét hỏi nhớ nói là đi tiễn chân người nhà. Nhưng may mắn thay hôm đó không thấy bóng dáng của mấy ông sĩ quan an ninh phi trường. Dù sao việc thận trọng của ông Sterick, xếp của tôi, đã làm cho mọi người ngồi trên xe bus đỡ căng thẳng vì ông ta luôn luôn đứng chặn tại cửa lên xuống của xe bus để sẵn sàng đối phó với những nhân viên an ninh phi trường khi đi qua các trạm kiểm soát. Vậy là xe bus của chúng tôi đã may mắn đi chót lọt và từ từ tiến vào trung tâm của căn cứ.

Trong khoảng khắc, chúng tôi đã có mặt tại cơ quan DAO (Defense Attaché Operations) trong căn cứ Không quân

TSN. Lúc còn ngồi trên xe bus tôi cứ nghĩ rằng chúng tôi sẽ được lên thẳng máy bay để đi đến các trại tiếp cư hay bay thẳng sang Mỹ, nào dè, chao ôi! trước mắt tôi lúc đó, người ta ngồi la liệt trên khắp sân cỏ, trong các nhà kho, đầy ngập khu hành lang và trong các văn phòng của cơ quan DAO. Nơi đâu cũng chỉ thấy người là người, nhón nháo tụ tập thành từng nhóm đông như kiến cỏ.

Tôi còn đang ngỡ ngàng trước sự kiện này, bỗng ông Sterick chợt tới nhờ tôi đứng ra thông dịch. Thực ra tôi chỉ làm nhiệm vụ dịch lại những thông tin liên quan đến việc làm thủ tục Boarding Pass sẵn sàng cho việc lên máy bay, thế thôi. Lúc này tôi cảm thấy tinh thần mình suy sụp quá. Nhìn quanh thiên hạ đã đợi ở đây mấy ngày mà chưa được đi, vậy tình trạng của mình biết bao giờ mới đến lượt đây. Tôi lại bắt đầu lo lắng. Tiếng đại pháo chẳng biết từ phía ta hay phía địch nổ ầm ầm bên tai. Có lúc nghe như bay ngang qua đầu. Máy bay trực thăng quần thảo khắp vùng trời TSN. Biết chúng tôi thuộc phái đoàn di tản của US Embassy, một số người sán lại gần nhờ cậy, ngờ ý muốn “đút lót” tôi để được giới thiệu với ông Sterick cho lên máy bay sớm. Lẽ tất nhiên là tôi từ chối vì trong lúc này lo cho gia đình mình chưa xong đâu còn dám nghĩ đến ai. Những người này đã đợi tại sân bay 2, 3 ngày rồi mà vẫn chưa được bốc đi. Ai nấy đều hoảng sợ không hiểu số phận của mình ra sao. Gần bên tôi có một nhóm người Việt đã có mặt tại đây trước chúng tôi. Họ là nhân viên của hãng thầu xây cất RMK được một người Mỹ của hãng thầu này

đưa vào đây từ hồi nào không biết, nhưng vì đi bất thành linh nên không ai đem theo được vợ con. Tôi nghe ông Mỹ đó đã thúc dục một nhân viên trở về nhà đón vợ con. Và sau đó anh Việt Nam này đã đem được thân nhân vào. Nghĩ đến người thân của mình còn kẹt lại và thấy việc đi qua trạm kiểm soát mới đây không có vấn đề gì nên tôi đưa tiền cho anh Tăng, tài xế của Embassy để nhờ anh đem thư về cho gia đình, nhưng tất cả chỉ là công dã tràng.

Vào khoảng 3 giờ chiều cùng ngày 28 tháng Tư, máy phát thanh loan tin Đại Tướng Dương Văn Minh nhậm chức Tổng Thống VNCH thay thế Cụ Trần Văn Hương. Ở thời điểm này, nhón nháo bên kia hàng rào sân bay, nhiều tốp lính nhảy dù và thủy quân lục chiến đã được tăng cường như để bảo vệ vòng đai sân bay. Thời gian như ngưng lại. Nỗi sợ hãi lo âu dâng lên ngút trời đối với những người đang ngồi chờ đợi trong sân bay như chúng tôi. Tôi nghĩ tới những trận pháo kích của VC vào thành phố những buổi sáng tinh mơ trước đây mà lạnh cả người. Linh tính như báo cho tôi có điều gì không hay. Biết đâu VC lại chẳng pháo kích vào TSN để chặn đứng các chuyến bay. Tự nhiên tôi cảm thấy rùng mình khiếp sợ.

Ngày hôm sau 29 tháng Tư, vào khoảng 3 giờ sáng, gia đình chúng tôi nhận được chỉ thị lên máy bay. Mọi người thứ tự xếp hàng để ra sân bay theo sau nhiều gia đình khác, giữa một biển người chen lấn bao quanh hai bên lối đi của chúng tôi. Cuối tháng tư mà

thời tiết nóng nực đến chảy mồ. Bầu trời không trăng sao. Tối đen như mực. Những cây cột điện cao ngất trong sân bay toả xuống một thứ ánh sáng lờ mờ, rờn rợn. Tôi cố thu hết can đảm và bình tĩnh để đừng nghĩ tới những điều mà mình đã tiên đoán. Không thể tưởng nổi, vào ngay lúc ấy tiếng đạn pháo ở đâu bỗng nổ ầm trời, bay xé qua đầu chúng tôi rớt xuống sân bay. Mọi người xô đẩy nhau tìm nơi trú ẩn. Một cảnh hỗn loạn chưa từng thấy. Gia đình chúng tôi cũng mỗi người một nơi. Tôi kéo tay bé Phượng nằm rạp xuống bên chân một bồn xi măng chứa nước, cao tới hai đầu người. Miệng tôi lâm râm cầu nguyện, nhưng tâm tôi dường như hoảng loạn, trống ngực đập thình thình. Tôi kêu trời... Điều tiên đoán của tôi đã thực sự xảy ra. Trong chớp nhoáng tôi cảm thấy hối hận cho quyết định ra đi của mình. Tôi lo sợ quá và thương ba đứa con tôi kể sao cho xiết. Nếu đêm hôm đó VC cố tình pháo kích vào khu vực người di tản, chắc chắn sự tổn thất về sinh mạng sẽ không thể lường được. Thực kinh khủng quá! Trong giây phút hoảng sợ đó, tôi đã quăng cái giỏ đựng sữa của bé Phượng đi đâu mất. Tất cả vốn liếng tôi đem theo đều giấu ở trong cái giỏ này thế mới chết! Sợ quá, tôi chẳng biết phải làm sao cho đến khi ông xã hỏi, tôi mới hồi hã đi tìm. Quay ra đã thấy một người đàn ông nào đó đang xách chiếc giỏ này. Chúng tôi hỏi xin lại. Ông ta cũng ngỡ ngàng và ngạc nhiên không hiểu tại sao ông ta lại giữ nó trong tay. Thực hú hồn! Nếu đêm hôm ấy mất cái giỏ, không biết gia đình chúng tôi sau này sẽ xoay sở ra sao...

Tối khoảng 7 giờ sáng, đạn pháo kích của VC vẫn còn tới tấp bắn vào phi trường. Chung quanh khu vực TSN có nhiều đám cháy, khói đen bốc ngút trời. Những chiếc máy bay có lẽ sẵn sàng để đưa người Việt di tản đã bị trúng đạn pháo kích hồi đêm, hiện giờ đang còn âm ỉ cháy tạo nên những vùng khói đen ngòm cao ngất. Chắc cũng vì thế mà phương tiện di tản bằng máy bay coi như bị huỷ bỏ hoàn toàn. Trên bầu trời cao, nhiều máy bay của Không quân VNCH đang oanh tạc các mục tiêu của VC bao quanh phi trường. Ngay lúc này chúng tôi được mục kích một máy bay của quân đội VNCH bị trúng hoả pháo của địch. Người phi công nhảy dù ra khỏi máy bay, chiếc dù bị lửa bén cháy, anh ta bị rơi xuống đất trông rõ mồn một, y như một cảnh diễn xuất trong phim truyện. Sau đêm pháo kích khiếp đảm đó, ai nấy đều như người mất hồn, mặt mày xám ngắt. Không ai biết rõ số phận mình sẽ ra sao. Chính lúc này, chúng tôi nhận được chỉ thị không được đem theo hành lý, ngoại trừ thuốc men hay giấy tờ cần thiết. Mỗi người chỉ còn lại độc nhất một bộ quần áo mặc trên người. Hành lý bỏ lại vất ngổn ngang khắp mọi nơi trong sân bay. Hình như ai nấy chỉ còn lo nghĩ đến mạng sống của mình. Vậy mà vẫn có một số người đi lần mò, lục lọi đồng hành lý này để hồi của. Cũng từ giờ phút này trở đi tôi như người mất hồn. Toàn thân run rẩy như muốn phát nóng lạnh. Tôi đã có ý định quay về nên bàn với ông xã nhưng anh vẫn giữ ý định “phải đi” của anh. Nỗi sợ hãi của tôi tăng lên tột đỉnh khi nghĩ rằng nếu người Mỹ bỏ rơi mình, có thể

từ bên ngoài, người ta sẽ ập vào cướp tiền bạc, của cải của những người di tản chúng tôi và cảnh chết chóc có thể xảy ra như cảnh trốn chạy từ Đà Nẵng vào Saigon trước đây.

Nhưng rồi đột nhiên, chúng tôi thấy một số quân nhân Mỹ lái xe xúc ủi xập những cây cột điện cũng như những cây cao tại sân quần vợt sát cạnh sân bay nơi chúng tôi đang ngồi chờ đợi. Sau đó máy bay trực thăng khổng lồ Mỹ đã cho đổ bộ nhiều toán Thủy Quân Lục Chiến xuống khu vực vừa giải toả này như để sẵn sàng ứng chiến. Trong đầu óc tôi chợt loé lên một tia hy vọng: chắc chắn họ đến để bảo vệ cho cuộc di tản khổng lồ này đây. Vừa lúc đó, có một người hối hả chạy qua nơi chúng tôi đứng và la lớn: "*Mỹ nó bỏ mình rồi. Mỹ nó bỏ mình rồi...*". Chẳng hiểu ông ta căn cứ vào đâu mà hét to lên như vậy. Chính sự kiện này đã làm cho nhiều người thất hồn bạt vía. Có người oà lên khóc. Tôi cũng sợ quá đi chứ. Không hiểu sao, tôi vội vã dúi một nắm tiền cho ba đứa con và dặn chúng rằng: "*Nếu có chuyện gì xảy ra cho bố má, ba chị em hãy thuê xe taxi về nhà mấy người họ hàng...*". Vừa nói tôi vừa khóc tưởng như chuyện đó có thể xảy đến ngay bây giờ. Ba đứa con tôi lúc đó còn quá nhỏ, Ly là chị cả mới gần 11 tuổi, Long 9 tuổi còn Phượng mới vừa 4 tuổi, còn bú sữa bình. Bên cạnh còn có mẹ chồng và hai thằng cháu Khánh, Hào mà tôi đều quan tâm lo lắng nếu tất cả không thể ra đi. Tôi gần như tuyệt vọng. Tôi vội tìm kiếm ông Sterick và nói với ông là tôi muốn trở về nhà vì nghe nói người Mỹ sẽ bỏ chúng tôi. Ông ta hỏi tôi: "*Gia đình bà có bao*

nhiều người?" Nói rồi, ông bảo chúng tôi đi theo ông. Vậy là cả gia đình nhà tôi gồm 8 người lớn bé đi theo sát ông ta vào khu chờ đợi nằm ở phía sau sân bay. Ôi! không thể tưởng tượng được trước mắt tôi là một rừng người đã có mặt ở đó từ hồi nào đang ngồi chờ trực thẳng đến đón. Ông Sterick đưa gia đình chúng tôi nhập vào hàng đầu trong nhóm những người ngồi chờ đợi này. Ông chỉ kịp nói good bye rồi biến vào đám đông.

Không hiểu đã có bao nhiêu chuyến bay rời nơi đây rồi, nhưng ngay sau khi ông Sterick từ giã chúng tôi thì một chiếc trực thăng khổng lồ khác đã xuất hiện. Gia đình tôi là những người đầu tiên được những người lính thủy quân lục chiến Mỹ giúp đưa lên trực thăng. Giờ đây, khi viết lại những giòng chữ này, tôi vẫn còn hình dung được hình ảnh đặc biệt lúc bấy giờ. Tôi nhớ tôi cầm tay bà mẹ chồng. Nhà tôi nắm tay bé Phượng. Cháu Khánh cầm tay Ly và cháu Hào cầm tay Long để không bị thổi ngã vì sức quạt quá mạnh của chong chóng trực thăng. Chiếc trực thăng Chinook khổng lồ này đã thần nhiên nuốt chửng hơn 80 người di tản chúng tôi trong chớp nhoáng. Cũng như mọi người, chúng tôi phải ngồi nép sát vào nhau như lớp cá mòi trong lòng máy bay, chật ních không cựa quậy được. Con bé út của tôi như muốn ngộp thở, mồ hôi toát ra, khóc thút thít. Tôi vẫn chưa hẳn an tâm vì trực thăng còn đang bay trên vùng trời Saigon. Ngó nhìn qua cửa kính xuống phía dưới, từng đám cháy xung quanh Saigon đang cuộn cuộn bốc cao. Tôi

ngậm ngùi thương tiếc và thì thầm giã biệt Sài Gòn thân yêu của mình.

Trời đã về chiều, chiếc Chinook từ từ hạ cánh xuống boong của một Hàng Không Mẫu Hạm thuộc Hạm Đội 7th đậu ngoài khơi Vũng Tàu. Một lần nữa, mỗi người trong chúng tôi lại được mấy anh lính TQLC Mỹ cẩn thận nắm tay từng người đưa vào phía trong tàu. Sau đó, chiếc trực thăng này lại quay về Saigon để tiếp cứu lớp người di tản khác đang đợi ở trong sân bay TSN. Khi chiếc Chinook này vừa bay khuất, một trực thăng của Không Quân VNCH xuất hiện, lượn lòng vòng trên đầu chúng tôi rồi từ từ đáp xuống boong tàu. Người phi công VN bước ra khỏi máy bay cùng một số người mà tôi nghĩ có lẽ là thân nhân của anh. Thoát một cái, chiếc trực thăng này bị đẩy rơi xuống biển. Người phi công bùi ngùi đưa tay ngang trán chào vĩnh biệt và liệng chiếc mũ anh đang đội trên đầu theo cùng chiếc trực thăng vắng số này... Chao ôi! còn cảnh chia ly nào nào nùng hơn thế nữa!

Tôi lần mò bước vào phía trong cabin. Tại đây tôi gặp ông Frank Jackson, người đã nói câu "I am sorry" khi tôi đến hỏi ông về việc đem theo ông xã. Ông mừng rỡ gặp lại tôi và giới thiệu với mấy viên chức người Mỹ lo ổn định cho nhân viên Tòa Đại Sứ trên chiến hạm này. Nhẽ ra gia đình chúng tôi đã đi theo ông Jackson tới đảo Subic ở Phi Luật Tân trên chiếc chiến hạm này. Nhưng không hiểu sao khi nghe anh Lương, một người bạn đồng sở rủ sang tàu khác chúng tôi lại đi theo. Thế mới ngốc! Thế là chúng tôi lại lục đục kéo nhau xuống một cái phà,

một thứ phà nhà binh gọi nôm la là "tàu há mồm" dành cho quân lính đổ bộ, làm cả gia đình chúng tôi người nào người nấy bị nôn mửa tứ tung. Nhưng rồi chúng tôi cũng đã lên được chiếc tàu buôn lớn đã từng cứu giúp, di tản đồng bào từ Đà Nẵng vào Saigon. Gia đình chúng tôi tạm thời chiếm một khu nhỏ ở ngay chân cầu thang trên boong tàu. Sẵn đem theo 2 tấm ga giường, một cuộn dây gai nhỏ, một con dao con và một cái kéo, ông xã tôi và hai cháu Khánh, Hào xoay sở giăng một tấm ga vào chân cầu thang để làm mái che mưa nắng cho gia đình, còn tấm ga giường kia trải ra thay chiếu ngồi. Bà mẹ chồng tôi và ba đứa nhỏ cũng như tôi nằm vật ra tấm ga này để nghỉ sau khi bị những đợt sóng biển nhồi lên nhồi xuống mới đây. Rồi... mọi người thiếp đi lúc nào không hay.



Sáng hôm sau, Thứ Tư ngày 30 tháng 4, Radio loan tin VC đã chiếm hẳn Saigon. Từng đoàn xe tăng thiết giáp của họ đang rầm rộ tiến vào Dinh Độc Lập. Ai nấy đều sững sờ trước cái tin đột ngột này. Sự đau đớn như hoà với những giọt nước mắt khi biết rằng quê hương miền Nam yêu dấu giờ đã vĩnh viễn xa vời... đã nằm trong vòng

kiểm soát của chế độ mới. Đến giờ phút này mà con tàu chở chúng tôi vẫn đứng yên tại chỗ, chưa di chuyển. Thủy thủ đoàn vẫn còn đang lo tiếp cứu những ghe đánh cá. Họ nhón nháo trên những chiếc ghe mong manh đang đậu sát bên hông tàu đợi được kéo lên. Người ở trên tàu gọi vọng xuống người dưới thuyền: "*Nhớ đem theo bình nước mắm nhé; nhớ đừng quên mấy hũ cà muối, mấy bao gạo, túi cá khô v.v...*" Ôi! sao thấy họ thần nhiên quá như thể đã sẵn sàng cho chuyến ra đi này không như chúng tôi tuy làm việc gần mặt trời mà chẳng biết mô tê ắt giáp gì. Vào khoảng 10 giờ sáng hôm đó, đài phát thanh Sài Gòn loan tin Đại Tướng Dương Văn Minh ra lệnh cho quân đội VNCH ngưng chiến đấu, buông vũ khí, đầu hàng vô điều kiện. Vậy là chính phủ VNCH đã hoàn toàn sụp đổ. Tướng DVM lên làm Tổng Thống được đúng hai ngày. Khi tin tức này vừa loan truyền, mọi người trên tàu buồn bã thở dài não nuột, có nhiều người há hốc miệng kêu trời, nét mặt ngờ nghệch, nước mắt ràn rụa.

Mặt trời đứng bóng mà việc tiếp cứu những ghe đánh cá vẫn chưa ngưng. Sau khi những người ở trên ghe đã được đưa lên tàu, họ phóng hỏa đốt những chiếc ghe này cháy lênh bênh trên mặt nước. Tôi để ý toàn diện boong tàu lúc bấy giờ mới hay là người ta đã sắp đặt cho nhân viên sứ quán Mỹ ở phía trước boong tàu, cùng một số yếu nhân trong chính phủ VNCH như Ngoại Trưởng Trần Văn Lắm và một số sĩ quan cao cấp trong quân lực VNCH, trong đó tôi thấy có Trung Tá

Ngưu, Sĩ quan Không Quân đặc trách an ninh khu vực TSN, còn phía cuối boong tàu được dành cho lớp người lao động, thợ thuyền hay những dân chài lưới được cứu vớt sau này, chưa kể đến những khoang ở dưới lòng tàu người đồng ới là đồng.

Sang đến ngày Thứ Năm - mùng 1 tháng 5. Trong khi ở Sài Gòn VC ăn mừng chiến thắng, con tàu định mệnh chở chúng tôi đang lằm lũi vượt trùng dương. Trời quang mây tạnh không đáng lo ngại. Thỉnh thoảng mới có một vài cơn mưa nhỏ nhỏ. Nhưng may mà gia đình chúng tôi có tấm ga giường che tạm nên cả nhà chen chúc nhau nằm ngang nằm dọc, ngủ gà ngủ gật cho qua thời gian. Trưa đến, mặc dù, đầu óc tôi choáng váng vì say sóng, tôi vẫn phải gắng gượng ngồi dậy để lo đi xin thức ăn cho ba đứa nhỏ. Những ngày ở trên tàu chúng tôi được ăn ba bữa tạm đủ nhưng chỉ là cơm trắng và sauce cà chua (ketchup) nhạt nhẽo. Ăn để mà sống nên chẳng dám đòi hỏi gì hơn. Từ hôm rời Saigon đến nay, đã bốn ngày không tắm rửa, người nào người ấy hôi hám, ngứa ngáy khó chịu. Ngồi cạnh bên mấy đứa con, tội nó kêu tôi hôi quá. Đầu tóc không gội nên cả bốn mẹ con và luôn bà nội các cháu đều có chấy, nghĩ lại thiệt là sợ. Nghe nói tàu còn phải chạy 3, 4 ngày nữa mới tới đảo Guam mà cả nhà tôi ai cũng bị say sóng nằm ụ một chỗ, ngoại trừ ông xã tôi và hai cháu Khánh, Hào. Đêm hôm ấy mấy đứa con tôi lại lên cơn sốt, nóng dữ dội. Tôi lo quá phải lên trạm y tế để xin thuốc uống. Ngay lúc đó tôi được mục kích người ta quăng một xác người chết được quấn

vải trắng toát như mummy xuống biển. Tự nhiên tôi thấy choáng váng, toát mồ hôi. Phải nói tôi sợ quá đi mất khi chứng kiến sự kiện này. Nhìn mấy đứa con đang bị bệnh làm tôi lo lắng quá chừng. Cũng may nhờ uống được mấy viên thuốc cảm mà sáng hôm sau các con tôi đã qua được cơn nóng sốt và dần dần tỉnh táo.

Thời gian trôi đi quá chậm, như muốn thử thách sự kiên nhẫn của đám người tị nạn chúng tôi. Ai nấy đều mong cho con tàu sớm cập bờ. Nhưng xung quanh chúng tôi vẫn chỉ là biển rộng mênh mông, trời cao thăm thẳm. Tự nhiên hôm sau mọi người được ăn cơm trắng kèm theo một bịch nylon nước mắm nhỏ nhỏ. Chao ôi! Bữa ăn chẳng thịnh soạn gì mà ai nấy đều cảm thấy ngon miệng lạ thường! Đúng là món ăn quốc hồn quốc túy, cảm nhận được hương vị của quê hương Việt Nam. Mới chỉ thiếu nước mắm có vài bữa mà sao ai nấy cũng thèm thuồng và nhớ hương vị đặc biệt này đến thế.

Sau 7 đêm và 8 ngày lênh trên biển cả, con tàu nhân đạo này cuối cùng rồi cũng đã đưa được lớp người tị nạn chúng tôi đến bến bờ tự do. Sáng hôm đó là ngày Thứ Tư, mùng 7 tháng 5 chúng tôi có mặt tại trại tiếp cư Orote Point ở trên đảo Guam, một căn cứ quân sự Mỹ tạm thời được dựng lên để đón nhận người Việt tị nạn. Đây mới chỉ là trạm dừng chân tạm thời để mọi người nghỉ xả hơi và tắm gội và sau đó chúng tôi được xe bus đưa về trại Anderson gần đó. Kế đến là trại Asan, trại tiếp cư chính trên đảo Guam.

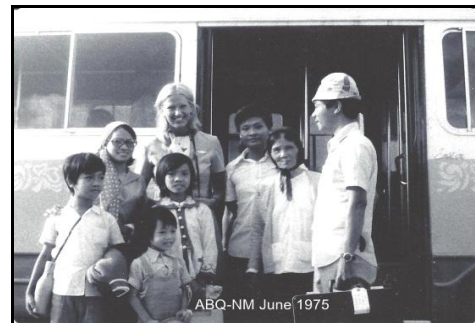


Để chuẩn bị cho cuộc di tản vĩ đại này, quân đội Mỹ đã thiết lập nhiều trại tiếp cư mà hầu hết là tại những căn cứ quân sự cho nên chúng tôi thấy toàn là lều nhà binh với những ghế bố xếp sẵn trong lều. Cũng may ở trại Asan chúng tôi không phải nằm trên ghế bố, mà nằm trên sàn xi măng sạch sẽ. Thời tiết đang độ mùa hè và trại lại ở sát gần bờ biển nên không khí rất mát mẻ. Nhiều gia đình được xếp vào ở chung cùng một căn phòng rộng thênh thang. Có những cặp vợ chồng trẻ họ dùng chăn quây quanh làm như phòng riêng vui thú... hú hí với nhau. Sau này có nhiều cô đề con ngay ở trong trại trước khi được đi định cư. Riêng tôi, lần đầu tiên trong đời, phải tắm trần trong nhà tắm tập thể cùng với các bà các cô lạ lẫm, lúc đầu thấy ngại ngùng nhưng vài ngày sau cũng quen đi tuốt luốt! Những trại tiếp cư khác trong đất liền là Camp Pendleton ở tiểu bang California, trại Indiantown Gap ở Pennsylvania, trại Fort Chaffee ở Arkansas và một trại nữa nằm trong căn cứ Eglin Air Force Base ở Florida. Tôi được biết hầu hết các tàu chở người tị nạn từ Việt Nam phải tới đảo Guam trước, rồi từ đây tùy theo nơi định cư, người tị nạn sẽ được phân phối đến một trong bốn trại nêu

trên cho gần với người bảo trợ hoặc cơ quan bảo lãnh khi xuất trại.

Thời gian ở trong trại Asan được hơn 2 tuần lễ, tôi tình nguyện làm việc cho Hội Hồng Thập Tự (Red Cross) tại các trạm y tế lo cung cấp tạm thời quần áo và thuốc men cho người tị nạn. Lúc này tôi gặp ông Tony Lâm cũng giúp thông dịch như tôi cho trạm y tế này. Sau này ông Lâm một thời là nghị viên thành phố tại Orange County, tiểu bang California. Cũng tại trại Asan, tôi gặp Trung Tá Hải Quân Trần Đình Trụ, chồng Kim-Yến bạn tôi mà tôi đã nói đến ở phần trên. Vì lẽ Yến và các con còn kẹt lại Việt Nam nên ông ta đã hướng dẫn lái chiếc tàu Việt Nam Thương Tín trở về Saigon. Tuy nhiên nghe nói khi chiếc tàu VNTT vừa cập cảng Saigon, họ đã đưa ông đi thẳng tới trại tù thay vì về gặp vợ con như ông dự tính. Sau này khi đi định cư tại Hoa Kỳ, ông Trụ ra một cuốn sách có tên là "*VNTT Chiếc tàu Định Mệnh*".

Nói về thủ tục xuất trại, ban điều hành trong trại cho chúng tôi biết những ai có thân nhân bảo lãnh sẽ được đi định cư sớm hơn, còn không thì phải đợi các hội thiện nguyện bảo trợ đón ra. Trước khi đoàn tụ với gia đình cô em nhà tôi tại tiểu bang New Mexico, chúng tôi phải chuyển sang Camp Pendleton ở San Diego, California một tuần để hoàn tất thủ tục giấy tờ định cư và chích ngừa. Vào ngày đầu tháng 6, chúng tôi đặt chân trên thành phố Albuquerque tiểu bang New Mexico và rồi cuộc sống mới của gia đình chúng tôi cũng bắt đầu từ đây.



Chỉ trong một thời gian ngắn, chúng tôi đã thích nghi với nếp văn hóa mới cũng như hội nhập với đời sống mới tại đây. Để có được một cuộc sống vững vàng như ngày hôm nay, chúng tôi đã rất vất vả, đã cố gắng học hỏi, tranh đấu và kiên nhẫn để vươn lên và đạt tới mục đích. "Uống nước nhớ nguồn", chúng tôi muốn mang sự hiểu biết và tài năng của mình để đóng góp vào quê hương mới này, một đất nước tự do với căn bản quyền làm người luôn luôn được tôn trọng.

Hôm nay, nhân ngày 30 tháng Tư - **Bốn Mươi Năm** sau, ngồi ghi lại những giòng tâm tư của mình, với ước nguyện

được chia sẻ cùng những ai đã có mặt tại phi trường TSN trong cái đêm kinh hoàng đó, đồng thời để tưởng nhớ đến nhiều đồng bào đã bỏ thân trên biển cả, trong rừng sâu trên đường đi tìm tự do. Cuối cùng chúng tôi muốn nói lên lòng tri ân thấm thiết của chúng tôi đối với đất nước Hoa Kỳ đã đón nhận chúng tôi cũng như những người Mỹ đã cư mang và hướng dẫn chúng tôi trong những ngày đầu lập nghiệp. Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng tôi vẫn luôn luôn tâm niệm rằng: **"Vết thương trên da thịt rồi cũng có ngày lành, nhưng vết thương tinh thần của ngày 30**

tháng Tư năm 1975 vẫn mãi hằn sâu trong ký ức chúng tôi, không biết đến bao giờ mới khuây khỏa ... "



Ỡ Nguyễn

Maryland April 2019

(Trích từ tập truyện "Từ Một Vùng Ký Ức" -
Nhớ lại ngày di tản 30 tháng 4 năm 1975)



KIỆP SAU

*Lặng lẽ bờ xa cát nhạt màu
Muôn trùng sóng nước lặc tìm nhau
Mây kéo mưa về chôn đầu núi
Mộng hoá sinh thành sông kiếp sau.*

Ỡ Anh

GÓC HẸN

*Mưa nắng hẹn nhau ở góc trời
Ta cùng nhau hẹn góc chơi vơi
Nơi đó không còn là giới hạn
Yêu mở lòng ra mền ngập tràn.*

Ỡ Anh

VÔ TÌNH

**** Phạm Thành Châu ****

Không trăng sao ấy, không người ấy

Không biết đời tôi đặt ở đâu?

(thơ Trần Mạnh Hảo)

Đây là chuyện kể về một người đàn ông chán chường với đàn bà và một cô gái lớn tuổi nhưng cô đơn. Lần đầu, gặp người đàn ông đó, từ tiểu bang khác đến, cô đã xao xuyến. Tình cảm bất chợt bao giờ cũng rất mãnh liệt và khó quên. Cô tìm mọi cách cho người vô tâm kia hiểu được cô và đáp lại tình cảm của cô. Vì mỗi năm chỉ có thể gặp mặt một lần nên cô phải bạo dạn, nhưng ông ta vẫn vô tình! Mời bạn theo dõi xem, “làm cách nào” cô tiếp cận được với người đàn ông đó? Người nam, yêu là muốn chiếm hữu. Theo đuổi mà không thấy hy vọng thường bỏ cuộc. Người nữ, yêu là hiến dâng. Trót yêu ai thì nhớ mãi và đau khổ rất nhiều nếu không được người mình yêu hiểu cho.

Ông Tâm, tuổi trên năm mươi, vóc dáng, gương mặt không có gì đáng để phái nữ chú ý. Ông Tâm nghỉ phép thường niên (vacation), từ miền Đông Hoa Kỳ qua Texas, thăm các bạn. Ông có nhiều bạn ở các tiểu bang Texas, California. Ông đến bạn này vài hôm, qua bạn khác vài hôm. Ở Mỹ, nhà nào cũng có nhiều phòng cho con cái. Khi

chúng lớn, như những con chim rời tổ, chúng có gia đình, ở nhà riêng. Thành thử, nhà bố mẹ có những phòng trống, dành cho bà con, bạn bè đến thăm, ở lại. Ông Tâm cũng biết, đến nhà người ta, dù bạn thân cũng làm xáo trộn nếp sống thường ngày của gia chủ, nên ông thường ở motel, bạn đến motel mời về nhà ăn bữa cơm gia đình hoặc đưa đi thăm viếng địa phương. Đôi khi, bạn thật tình, khấn khoản lắm, ông cũng chỉ ở vài hôm là tối đa. Khi người trong nhà đi làm thì ông lang thang ngoài đường một mình, ngắm cảnh hoặc vào siêu thị nhìn thiên hạ. Ở Texas và California, nhiều người Việt nên ông cảm tưởng như đang ở quê nhà thời trước. Một buổi trưa, đi mỗi chân, ông vào tiệm McDonald, sắp hàng mua bánh. Vào giờ đông khách, ông Tâm đứng cuối một dãy dài. Đang nhìn vợ vắn, ông thấy một cô, (ông đoán là người Việt) bước vào, đứng sau lưng ông. Ông bước lùi lại, nhường chỗ “Mời cô!” Cô bước tới, nói nhỏ “Cám ơn chú!” rồi ngược nhìn ông Tâm, nhoẻn miệng cười. Cô đứng gần đến độ hai người như chạm nhau.

Bỗng cô quay lại, nhìn sừng ông, ánh mắt sáng lên, như vui mừng được gặp lại bạn thân, rồi cô lại cười. Tự nhiên, ông Tâm cũng vui lây với cô. Niềm vui bất chợt và đơn giản mà ông chưa hề cảm nhận được lần nào trong đời. Hình như cô đang thở mạnh. Ông nói: “Cô cho tôi được mời cô, nghe!” Cô không quay lại, “Cám ơn chú!”. Tuổi cô chưa đến bốn mươi nhưng cô gọi ông bằng chú, có lẽ để khỏi ngại ngùng.

Hai người ngồi ăn cùng bàn. Chuyện trò cũng chỉ mưa nắng, những nhận xét về Cộng đồng người Việt, về thời sự. Cả hai, đôi khi có nói về mình như một cách tự giới thiệu. Ông Tâm cho biết. Ông làm việc ở một thành phố miền Đông Hoa Kỳ. Nghỉ vacation hai tuần. Ông cũng được biết cô tên Trang, có một tiệm buôn nhỏ ở thành phố Austin, về Houston mua hàng. “Từ Austin, cháu về đây hết mấy giờ lái xe. Cháu lái xe chậm lắm. Chú có biết Austin không?”. “Tôi chưa đến, có thể tôi sẽ đến đó cho biết”. “Khi nào chú đến Austin, nhớ gọi cho cháu. Cháu sẽ đến thăm chú”. “Tôi sẽ gọi cô. Tôi có vài người bạn ở đó”. Cô ngạc nhiên: “Sao ở đâu chú cũng có bạn cả?”. Ông Tâm cười: “Bạn văn, thơ, báo chí với nhau. Thịnh thoảng, tôi có viết và gửi đến các báo. Có người chưa hề gặp mặt mà thân nhau lắm. Gặp nhau trên email, trên điện thoại thôi. Nhưng cuối tuần này tôi qua San Antonio rồi”. “Nếu thấy tiện, khi đến San Antonio, chú gọi cháu.

Cháu cũng định ít hôm nữa về đó mua một ít hàng hóa”. “Tôi sẽ gọi cô trước khi đi San Antonio. Sao hôm nay cô không đi San Antonio mua hàng cho gần?”. “Cháu có bạn ở đây. Về thăm bạn. Ở Austin ít người Việt, cháu chỉ có người quen chứ không có bạn ở đó”. Ăn xong, ông Tâm đem giấy, ly bỏ vào thùng rác. Lúc quay lại, thấy cô Trang ngồi nhìn vào khoảng không, vẻ bồn chồn. Đột nhiên cô gọi “Chú!” rồi cúi xuống, không nhìn ông Tâm. Ông Tâm nói: “Vì chuyện trò với tôi mà cô trễ hẹn với bạn, phải không? Tôi xin lỗi!”. Cô ngước lên, lắc đầu: “Không có đâu! Bây giờ cháu phải lái xe về Austin. Cháu ngại quá. Đường xa quá!”. “Sao phải vội? Ở lại với bạn vài hôm cho vui”. “Cháu cũng định như vậy. Nhưng bạn cháu ngày mai phải đi làm. Cháu chỉ một mình ở đây”. “Cứ ở lại với bạn. Sáng mai mát trời, chạy xe thông thả, thoải mái hơn. Sáng mai, tôi mời cô với bạn cô đi ăn điểm tâm trước khi bạn cô đi làm. Được không?”. Cô cười vui vẻ: “Cho cháu mời chú. Chú định đến tiệm ăn nào?”. “Tôi chẳng biết tiệm nào ăn được. Tùy cô”. “Sáng mai, nếu bạn cháu phải đi làm sớm thì cháu đến đón. Chú cho cháu số điện thoại...”. “Tôi cũng cần số điện thoại của cô để sau này còn có thể gọi hỏi thăm nhau. Đến nơi lạ mà có người quen cũng đỡ lẻ loi”. “Chú có cần cháu đưa chú về nhà bạn chú không?”. “Nhà ở gần đây. Với lại, cô cần đi gấp, không dám làm phiền

cô". "Chú bảo cháu ở lại, sáng mai hãy đi nên cháu không vội". "Vậy thì mình ngồi nói chuyện một lúc nữa". Cô lại cười: "Cháu cũng định nói như thế". Chuyện trò cũng chỉ quanh quẩn, linh tinh, không đầu không đuôi nhưng cả hai đã qua khỏi giây phút e ngại, trở nên thân mật. Ông nhận thấy cô Trang thông minh, dịu dàng và rất dễ mến. Cô thường lắng nghe và khuyến khích ông nói tiếp: "Rồi sao nữa chú?". Ông Tâm kể về bạn bè, về thời còn đi học, về công việc của mình. Ông thường thêm thắt vào những chuyện vui khiến cô Trang thích lắm, ngồi cười mãi, "Chú kể tiếp đi!". Hai người chuyện trò đến gần hai giờ chiều mới đứng lên. Cô Trang đưa ông Tâm về. Sáng hôm sau, ông Tâm báo với bạn "Sáng nay tôi có bạn đến đón đi ăn điểm tâm". Người bạn cười, đoán chừng "Bạn gái phải không? Tay này giỏi thiệt! Tôi ở đây bao nhiêu năm mà vẫn cô đơn. Thấy ông dậy sớm, định rủ ông đi điểm tâm. Nay có người khác mời thì thôi. Làm ly cà phê này cho sáng suốt tâm trí mà tán tỉnh người đẹp". Vừa lúc có chiếc xe dừng lại trước nhà, ông Tâm vội vã đi ra. Ông thấy cô Trang hơi lạ và đẹp hơn hôm qua. Một chút phấn hồng, đôi mắt viền đen, chiếc áo điểm hoa trang nhã nhưng sang trọng. Cô nhìn phía trước như chăm chú lái xe vì biết ông đang ngắm cô. Ông Tâm nói: "Đến nơi lạ, tôi khó ngủ, bây giờ hơi mệt!". "Cháu cũng vậy. Lạ chỗ. Cháu thức trắng

đêm". Ông Tâm cười, nói: "Đồng bệnh tương lân". "Nghĩa là sao, chú?". "Cùng có bệnh giống nhau nên dễ thân nhau". "Nhưng cháu chỉ không ngủ được đêm vừa rồi thôi mà". "Thì tôi cũng vậy!". Cô quay nhìn ông Tâm, cười: "Chú ghê thật!". Ông trả lời: "Có được người bạn thông minh, thích lắm!". "Cháu ngu lắm. Người thông minh bao giờ cũng biết giữ bí mật những ý nghĩ của mình". "Vậy là tôi cũng chẳng thông minh gì!" Cô liếc nhìn ông Tâm, "Chú... tức cười quá! Gì cũng giống cháu!". Đến tiệm ăn, hai người lại chuyện trò quên cả thời gian. Họ đã trở nên đôi bạn thân nhưng luôn giữ ý để khỏi bị hiểu lầm. Mấy hôm sau, ông Tâm qua San Antonio. Hai người lại gặp nhau. Cô Trang lộ vẻ mừng rỡ, nói cười tíu tít. Lúc ngồi trong tiệm ăn, cô nói: "Bữa trước, cháu bị sét đánh gần chết!". Ông Tâm ngạc nhiên "Cả tuần nay, trời nắng, đâu có mưa gió gì mà có sét đánh?". "Cháu không biết. Bạn cháu nói cháu bị sét đánh". "Cô làm gì đến nỗi ông trời chỉ sét đánh một mình cô? Sự việc xảy ra như thế nào? Cô có thể kể cho tôi nghe, được không?". Cô cúi xuống, không nhìn ông Tâm, giọng ngập ngừng: "Buổi sáng mà cháu từ biệt chú về Austin, cháu bị mất ngủ. Cháu gọi người bạn ở Houston tâm sự linh tinh. Bạn cháu nghe giọng mệt mỏi, tưởng cháu bệnh, hỏi, người thấy ra sao? Nếu cần phải đi bác sĩ ngay. Cháu bảo không sao cả, chỉ mất ngủ

thôi. Bạn cháu hỏi có chuyện gì xảy ra không? Cháu kể chuyện cháu về Houston mua hàng, gặp chú, chuyện trò mấy lần. Không hiểu sao về ngủ không được! Bạn cháu nghe xong, nói với cháu rằng: “Bà bị sét đánh rồi!” Cháu không hiểu, tại sao mình bị sét đánh?” Ông Tâm chỉ đoán lờ mờ nhưng cảm động: “Bạn cô hiểu lầm tâm trạng của cô nên nói vậy. Đúng ra phải nói là bị ‘tiếng sét ái tình’ Có thể cô bất ngờ gặp anh chàng nào, bị xúc động nên không ngủ được”. Cô ngược nhìn ông Tâm: “Tiếng sét ái tình là sao chú? Từ bữa đó đến nay, cháu có gặp ai đâu? Cũng chẳng bị ai đánh cả!” “Người ta bảo. Mới thấy đối tượng lần đầu đã yêu ngay là bị tiếng sét ái tình”. “Chú giải thích cho cháu nghe xem có phải cháu bị sét đánh không?”. “Tôi giải thích dài dòng, nghe cho vui chứ chẳng có căn cứ khoa học nào chứng minh cả”. Cô Trang không nhìn ông Tâm “Cháu gặp chú là để nghe chú nói chuyện. Chú nói càng nhiều cháu càng cảm ơn chú. Cháu thích nghe chú nói”. “Tiếng sét ái tình do chính mình tự đánh mình chứ chẳng phải ông trời hay ‘đối tượng’ nào đánh cả. Nguyên nhân thì, có thể là. Thứ nhất, là người kia có gương mặt giống mình. Ngày nào cũng soi gương, nhìn mãi mặt mình, nay bất ngờ gặp người có gương mặt, đôi mắt, miệng cười... (giống mình mà không biết) thấy quen quen, thân thiết. Vậy là yêu. Hai người yêu nhau lâu bền, đa số

có khuôn mặt giống nhau, người mình gọi là Hạp Nhãn”. Cô Trang kêu lên “Thôi. Chết cháu rồi! Chú xem thử, gương mặt chú cháu mình có giống nhau không?” Ông Tâm cười: “Giống sao được! Tôi có râu, da mặt nhăn nheo. Mặt cô đẹp, da láng o, hồng hào. Cô mà giống tôi sẽ thành người đàn ông xấu trai. Chỉ có tính tình thì giống. Thích chuyện trò với nhau mãi mà không chán”. Cô cười: “Cám ơn chú. Tính tình giống nhau đủ rồi. Chú còn biết lý do nào mà bị sét đánh nữa không chú? Cháu lo quá. Sét mà đánh cháu. E cháu chết!”. “Cô đừng lo. Không ai nổ đánh cô đâu. Còn một giải thích khác, đó là sự cộng hưởng của tần số giao động sinh lý. Mỗi người có một tần số sinh lý riêng, giống như ADN của riêng mỗi người. Khi hai người có cùng tần số giao động giống nhau thì cộng hưởng và tác động mạnh lên tâm sinh lý của cả hai. Giống như radio (máy thu thanh) hay TV, nếu ta điều chỉnh máy thu của ta cùng tần số với đài phát thì ta có hai tần số (giống nhau) cộng hưởng và khuếch đại để cho ta hình ảnh, âm thanh. Nhà thi miên W. G. Messing nói rằng. Những người có nhân điện mạnh có thể dùng đôi mắt điều khiển người khác (thôi miên) Chỉ thoáng nhìn thấy nhau mà đã rung động cả thần trí thì có thể gọi đó là Tiếng sét ái tình. Tần số cộng hưởng là sợi dây liên lạc vô hình nối kết hai người với nhau. Người vợ hay chồng đi

xa, gặp chuyện không may, người phối ngẫu tự nhiên thấy lo lắng, bất an. Đó gọi là “Linh cảm” Có những người con chết ngoài mặt trận, báo mộng cho mẹ biết ngay, là “Thần giao cách cách cảm”. Ngược lại, có trường hợp, chỉ nhìn thấy một người, dù trông họ rất hiền lành, mình cũng không ưa. Đó là hiện tượng xung động, phá sóng. Người Việt mình còn một giải thích khác nữa, là do Duyên kiếp. Chẳng hạn, kiếp trước yêu nhau mà không được sống với nhau, hai người thề nguyện, kiếp sau sẽ tìm đến với nhau. Nhiều người vợ (hoặc chồng) sống không được hạnh phúc nhưng vẫn yêu người kia nên cố chịu đựng và cho rằng “Kiếp trước mắc nợ, kiếp này phải trả”. “Nghe chú giải thích cháu mới hiểu. Vậy là không phải cháu bị chú Sét đánh, vì chú với cháu chẳng có tần số dao động nào cả. Cháu mừng lắm. Cháu chỉ sợ thương chú thành linh... thì khổ cháu. Có lẽ, như chú nói, kiếp trước, cháu mắc nợ chú, kiếp này, cháu phải tìm chú mà trả nợ. Thú thật, cháu có nghĩ nhiều đến chú. Không phải cháu yêu chú, nhưng hễ nghĩ đến chú là cháu thấy dễ chịu, thích thú, vui vẻ, nhưng chú thì ở xa... lại chẳng biết gia đình chú ra sao?”. “Cô yên tâm. Tôi xem cô như bạn chứ không có ý nghĩ gì khác. Chuyện mất ngủ, ai cũng có, ít bữa sau ngủ bù. Cũng có thể vì công việc buôn bán, làm cô suy nghĩ, tính toán nên không ngủ được”. Cô gật đầu

“Chú nói đúng. Mấy bữa nay, cháu cứ nôn nao, muốn về đây mua hàng. Cứ tính mình sẽ mua những gì. Nhưng lại quên. Viết vào tờ giấy rồi cũng bỏ đâu mất tiêu. Cháu lái xe mà hồn vía để đâu đâu. Khi chạy nhanh, khi chạy chậm. Cháu nghĩ, có lẽ mình có hẹn với chú nên mong được gặp chú. Nhưng khi ngồi với chú, cháu chỉ thấy vui thôi chứ không rung động, hồi hộp gì cả”. “Cô đừng lo. Người đang hoang như cô, vì đã hẹn gặp tôi nên bồn chồn vậy thôi. Tôi hẹn đi uống cà phê với bạn cũng vậy, cứ nhìn chừng đồng hồ mãi. Mà dù cô có xao xuyến, rung động vì người nào đó cũng chẳng tội lỗi gì. Chỉ như một kỷ niệm đẹp để trang trí cuộc đời, một chút vui, một chút buồn, một chút nhớ nhung, đau khổ, như ăn tô phở phải có chút ớt cay, chanh chua, miễn sau đó thì quên đi cho đỡ rắc rối”. “Khi về bên đó, chú nhớ gọi cháu kéo cháu trông nghe! Nếu chú không gọi thì cháu gọi chú. Có trở ngại gì không chú?”. “Giờ làm việc thì hơi bận, nhưng buổi chiều hay tối, cô gọi giờ nào cũng được. Tôi sống một mình, được cô gọi để chuyện trò thì thích hơn mấy ông bạn. Giọng cô dịu dàng, đối đáp thông minh. Cám ơn cô rất nhiều”. Cô cười vui: “Chú khen cháu, cháu mừng lắm!”

Thời khoa học phát triển, chỉ với chiếc điện thoại nhỏ là có thể chuyện trò với bất cứ người nào, nơi nào. Ông Tâm về lại miền Đông Hoa Kỳ, thỉnh thoảng

hai người gọi hỏi thăm nhau. Cô tâm sự: “Không hiểu sao, lối rày cháu thích nghe những bản tình ca. Bây giờ mới thấy hay chứ trước đây cháu ghét lắm”. Ông Tâm cười: “Chúc mừng cô đã yêu một người nào đó”. Cô Trang bảo: “Chú tài thật. Cháu đang yêu. Nhưng không phải yêu chú đâu. Chú đừng vội mừng”. Cô tỉ tê: “Hơn mười năm, cháu lo buồn bán, bòn mót từng đồng, gửi về cho gia đình, cha mẹ, anh chị em. Khi cuộc sống của người thân ở Việt Nam ổn định thì cháu nhìn lại mình mới biết tuổi xuân đã đi qua. Cháu già quá rồi! Lại suốt ngày lẩn quẩn trong tiệm buôn. Mà có ra đường, cũng chẳng ai thèm nhìn. Cháu buồn lắm, nhiều lúc tủi thân, nằm khóc một mình”. Ông Tâm an ủi: “Sống một mình cũng có cái thú của nó. Không làm phiền ai mà cũng chẳng ai làm phiền mình. Muốn ăn, ngủ, đi chơi đây đó... tự nhiên, thoải mái. Xứ Mỹ này, rất nhiều người thích sống độc thân, khi già thì có nhà dưỡng lão lo. Tôi định, khi mình về hưu, sẽ đến thành phố của cô xin vào viện dưỡng lão chờ đến khi cô thành bà lão thì vào ở chung với tôi”. Cô cười như reo lên nhưng làm bộ cự nự: “Chú đừng hi vọng. Sau này, cháu có vào nhà già thì mỗi người một phòng riêng, cháu sẽ không qua phòng chú. Cháu cũng không cho chú vào phòng cháu đâu. Chỉ gọi điện thoại thôi. Nam nữ thọ thọ bất thân mà chú!”. “Cô đang cười, chứng tỏ cô không còn buồn nữa.

Khi cô vui vẻ thì tôi cũng vui lây. Cô dễ thương lắm!”. Cô yên lặng, rồi ngập ngừng như muốn nói điều gì, nhưng cô lại tắt điện thoại, không trả lời.

“A lô! Tôi đang ở thành phố của cô Trang đây!”. “Chú đến lúc nào vậy?” “Sáng nay đến Austin thăm mấy người bạn, hiện giờ ghé điểm tâm ở Round Rock. Cô biết tiệm ăn Á Đông ở đó không? Mời cô đến điểm tâm với tôi”. “Cháu có biết tiệm đó. Mười phút nữa cháu sẽ đến. Gặp chú rồi cháu phải về tiệm ngay. Chú đứng trước cửa nhà hàng đón cháu nghe!”

Cô Trang đậu xe trước tiệm ăn, mở cửa bước ra, dáo dác nhìn quanh. Ông Tâm tiến đến “Trang. Tôi đây nè!”. Cô Trang quay lại, lấy tay đè lên ngực “Cháu muốn bẻ tim vì hồi hộp. Cháu mừng quá! Cả năm mới được gặp lại chú”. “Mời cô vào với tôi”. “Cám ơn chú. Cháu không vào đâu. Cháu ngại gặp nhiều người. Bây giờ cháu phải về!”. “Ừa, gặp nhau, nói mấy câu là hết sao?”. “Cháu ước được gặp lại chú. Bây giờ gặp rồi. Chú vào với các bạn chú đi!”. “Nói với nhau vài câu nữa, không được sao?”. Cô Trang mở cửa xe, tần ngần một lúc rồi nói: “Chiều nay, lúc bảy giờ, cháu đóng cửa tiệm, sẽ gặp chú ở quán cà phê đằng kia. Một mình chú thôi. Cháu không thích đông người”. “Cám ơn cô!”

Ông Tâm nhờ bạn đưa đến tiệm cà phê Starbucks, bước vào, đã thấy cô Trang ngồi trong đó. “Cô chờ tôi có lâu không?” Cô lắc đầu: “Cháu mới vào. Chú uống gì?”. “Cho tôi ly cà phê nóng”. Cô đứng lên, đi lấy hai ly cà phê “Chú uống cà phê có bị mất ngủ không?” “Tôi nằm xuống là ngủ liền, nhưng tối nay phải thức để trò chuyện với bạn bè”. “Những người dễ ngủ thường vô tâm. Cháu mà được vô tâm như chú thì cháu không đến nỗi già như thế này. Cháu già lắm, phải không chú?”. “Trẻ hơn trước!”. “Cả năm, không gặp chú nên cháu già thêm! Đồ chú, cháu có gì lạ không?”. “Cô vừa có bồ nên trông tươi tỉnh, vui vẻ”. “Chú sai rồi. Cháu mập hơn trước”. Ông Tâm tấm tắc: “Hèn chi chân tay tròn vo, mặt cũng tròn như của Thúy Vân. Gương trắng đầy đặn nét ngài nở nang. Cô đẹp như Thúy Vân”. Cô lắc đầu, phụng phịu” “Chú nói cho cháu vui. Cứ đem Thúy Vân ra so sánh là xong. Nhưng Thúy Vân đâu có đẹp!”. Ông Tâm chăm chú nhìn cô rồi nhũn mày, làm như suy tư “Bây giờ cô đứng lên, xoay người để tôi so sánh cô với Thúy Vân, xem ai đẹp hơn?”. Cô Trang đứng lên. Cô đánh phấn hồng, môi son nhạt, mắt viền đen. Cô mặc áo pull màu nâu hồng nhạt, bó sát thân hình thon gọn với hai đôi ngực thanh tân, nhỏ như hai quả cam. Quần jean xanh đậm. Hai đùi tròn lẳn, đôi mông tròn, đẹp tinh khiết. Cô yếu điệu quay người hai vòng rồi

ngồi xuống, đôi mắt long lanh ngược nhìn ông Tâm, chờ đợi. Ông Tâm gục gặc đầu: “Hôm trước, gặp Thúy Vân, tôi tưởng Thúy Vân đẹp nhất. Bây giờ gặp cô thì hóa ra cô đẹp hơn Thúy Vân nhiều. Thúy Vân mà đứng cạnh cô, mắc cỡ không biết để đâu cho hết!” Cô Trang làm nghiêm, “Chú gặp Thúy Vân ở đâu? Lúc nào?”. “Mới đây thôi. Gặp ở quận Cam, bên Cali, Cô ta và Thúy Kiều đi ăn phở với Nguyễn Du, có cả Vương Quan với Kim Trọng nữa. Lâu ngày gặp nhau, chúng tôi mừng lắm!”. “Bộ chú cũng quen với Nguyễn Du nữa à?”. “Bạn thân mà! Tay bắt mặt mừng đảng hoàng”. Cô Trang cố mím môi để khỏi bật cười, mắt đăm đăm nhìn ông Tâm, “Chú!” Ông Tâm ngạc nhiên: “Cô định nói gì?”. “Cháu muốn xô chú ngã xuống đất quá!”. “Coi bộ ghét hay giận tôi điều gì?”. Cô lắc đầu, “Chú làm cháu vui quá, thích quá! Cháu không biết nói thế nào cho chú biết rằng cháu chưa bao giờ được vui như lúc này. Cám ơn chú. Chỉ nghe giọng chú nói là cháu đã vui sướng rồi. Từ khi quen chú đến nay, chú đã cho cháu biết bao niềm vui. Cháu không biết, có phải đó là hạnh phúc không?”. “Hạnh phúc hay không là tự mình cảm nhận được. Tôi lúc nào cũng cầu mong cho những người thân yêu của mình vui vẻ, hạnh phúc”.

Tiệm cà phê vắng khách, yên tĩnh, cả hai cảm thấy thoải mái. Cô thu ngân ngồi ở quầy tính tiền thỉnh thoảng nhìn hai người rồi tủm tỉm cười. Cô Trang

hỏi chuyện đi đường, chuyện thăm viếng bạn bè của ông Tâm. Hai người mãi chuyện trò, quên cả thời gian. Rồi cô nhìn đồng hồ, thờ dài, đứng lên “Cháu phải về!”

Hai người bước ra, đứng trước tiệm cà phê. Ông Tâm nói: “Tôi thấy ở đây yên tĩnh, phong cảnh đẹp. Mấy ông bạn rủ tôi ở chơi đến cuối tuần hãy đi”. Cô lắc đầu, “Không được! Chú không được ở đây. Cháu... sợ lắm!”. Ông Tâm ngạc nhiên “Cô sợ gì?”. “Cháu không biết. Cháu sợ chú!”. Cô yên lặng một lúc rồi ngược nhìn ông Tâm, đôi mắt long lanh nước mắt. Cô mím môi “Mai chú đi rồi, phải không? Chúc chú đi bình an, vui vẻ”. Giọng cô run run “Từ nay chú đừng gọi cháu nữa. Cháu cũng không gọi chú. Chú hứa đi! Không gọi cháu nữa”. Ông Tâm bối rối “Tôi xin lỗi cô. Tôi không hiểu mình đã nói gì mà thành linh cô giận tôi đến nỗi phải khóc? Hay là cô giận ai?”. Cô cúi đầu, yên lặng. Chợt cô ngược lên “Chú ngốc lắm!”, rồi cô bước nhanh ra xe. Ông Tâm đứng sững “Tôi xin lỗi cô. Mấy hôm nữa tôi mới lên đường. Sáng mai mời cô đi ăn điểm tâm. Nhớ nghe! Tôi sẽ gọi cô”. Cô lắc đầu, vào xe, lái ra đường.

Cô Trang cho xe ra đường mà không biết mình đang đi đâu. Tiếng ca nhạc trong xe vang lên nhỏ nhỏ “Dù tình yêu đã quá xa tầm tay với. Dù mai kia bước chân này rã lụi. Thành tượng đá bơ vơ phương trời...” Nước mắt cô lại ứa ra. Mùa hè, trời vẫn còn sáng nhưng nước mắt làm nhạt nhòa con đường trước mặt. Không thấy rõ đường, cô phải tấp xe vào một công viên, tắt máy, ngồi

lặng người. Cô quen sống một mình, nhưng sao giờ đây, cô thấy mình bơ vơ và buồn đến rã rời, chỉ muốn chết đi. Cô bỗng khóc òa, khóc nức nở. Một lúc sau nước mắt đã cạn, cô lau mắt và thờ dài. Bóng tối đã tràn ngập công viên, chỉ còn lại chút ánh sáng mờ mờ trên các ngọn cây. Bỗng nhiên, cô lấy điện thoại. Bấm số, áp vào tai. Nghe bên kia chuông reo, cô ngần ngừ, chưa nghe trả lời thì cô bấm tắt. Và cứ áp điện thoại vào tai, cô thì thầm “Chú ngốc quá! Chú từng viết ‘Hạnh phúc của anh là khi em đang rơi nước mắt’ Thấy cháu khóc mà chú chẳng hiểu gì cháu cả”. Ngược nhìn hàng cây phía xa trong công viên, cô thờ dài “Cháu không có bạn để tâm sự. Cháu chưa hề yêu ai! Cháu yêu chú mà không dám nói, cháu dành tâm sự với cái điện thoại vô tri này. Chẳng ai hiểu cháu, cả đến chú nữa. Khi yêu, đau khổ quá chú ơi! Ít hôm nữa, chú đi rồi. Chỉ biết khóc. Biết bao giờ gặp lại chú? Sáng mai, gặp chú. Không biết cháu có đủ can đảm nói với chú rằng. Cháu cho phép chú ở đây. Ở đây với cháu. Đến khi nào chú chán cháu, thì, chú đi đâu tùy ý!”



Cô không biết rằng: cô bấm tắt điện thoại, nhưng bấm nhẹ quá, điện thoại vẫn hoạt động.

Ông Tâm yên lặng lắng nghe! Rồi ông tắt điện thoại.

Phạm Thành Châu

HOANG ĐƯỜNG

Chỗ muốn đến mà không đến được!
Động thiên thai cỏ mượt hoa chen
Vực đèo huyễn hoặc liên miên
Ngăn cách tiên tục thêm phiền lòng ai

Tóc bạc trắng ôm hoài ái ngại
Em mi xanh mộng trải đêm nồng
Ngực vun đồi núi chập chồng
Xanh xao thung lũng hút hồn thế nhân

Em nương theo tàn vân màu đỏ
Lên non cao thổi gió mùa xuân
Ta đang chơi với sông Tần
Nghe em giấu cọt hện lần tái sinh

Em hỏa diệm trào tình khốc liệt
Uống đi nào say chết ai đâu
Cuồng ngôn đảo lộn sắc màu
Hồn chìm hoang tưởng gọi nhau ời ời

Ta thế tục vô thời mạt vận
Em ca nhi nuốt hận phong trần
Rối bờ đen trắng phân vân
Tri âm đồng điệu chẳng lần gặp nhau

Tranh tố nữ phai màu thâm hại
Bỏ nằm cùng cỏ dại xác xơ
Bướm đêm đậu ở vườn thơ
Ta-Em lạc giữa giấc mơ hoang đường.

Lý Hiểu



NGẮM HOA ĐÀO

Em tươi cười hớn hở
Dưới bầu trời trong xanh
Ngắm hoa đào đang nở
Làm bài thơ đi anh...

Phan Khâm

Thấm thoát mấy chục năm...
CHUYỆN TÌNH GÒ-VẤP
**** Nguyễn Phú Long ****

Từ năm 1966 về trước, tôi là công chức thuộc Bộ Tài Chánh Sài Gòn. Sáng cấp ô đi tới cấp về, không sợ vi phạm luật lệ giao thông vì lúc nào cần di chuyển kể luôn mấy việc khác, thường ngày phần lớn cũng chỉ sử dụng phương tiện các loại xe công cộng ba bốn bánh.

Đến đâu cảnh sát hạch hỏi tình trạng lý lịch cá nhân cũng chẳng lo gì bởi đã thủ sẵn lá bùa hộ mạng, luôn luôn mang theo trong người: tấm giấy miễn dịch vĩnh viễn. Cuộc sống của một thầy ký lạng lẽ an phận bình thường trôi trôi tưởng cứ như thế mãi.

Rồi năm 1966, sau một đêm ngủ dậy, sáng ra, nghe lệnh tổng động viên đã ban hành, tất cả những trường hợp miễn hoãn dịch bỗng nhiên đều vô hiệu lực, nhiều sự việc thay đổi ập đến, như tôi sẽ bị đẩy vào Thủ Đức để trở thành một quân nhân “đi quân dịch là thương nòi giống.”

Cũng năm 1966. Khi nhập ngũ, nhờ có chút kinh nghiệm về kế toán khai báo ra, tôi chỉ phải tập quân sự căn bản tại Thủ Đức, giai đoạn đầu, khoảng mười mấy tuần, tiếp theo được xe vận tải GMC chở sang học ở trường Hành Chánh Tài Chánh ngay vùng Gò Vấp,

nằm về phía Bắc-Tây-Bắc ngoại ô Sài Gòn để được huấn luyện thêm chuyên môn.

Lúc ấy tôi đã lập gia đình. Bạn bè cùng trang lứa, hầu hết nhập ngũ từ lâu, nhiều đứa hăm hiu, đã yên nghỉ nghìn thu ngoài nghĩa trang lạnh lẽo, song cũng có đứa ra Nha Trang, rồi sang Mỹ học, về lái máy bay A37, F105...; Đứa thích lên đèn sóng nước bông bình đã mài miệt công việc chà rửa boong tàu tới ngày, để, tới ngày ghê ngoạ: “Vớ biển cả anh là thủy thủ.”

Đất nước khói lửa tới bờ, quê hương tan hoang người trở về với đôi nạng gỗ, kẻ chết hai lần... mình đứng ngoài an toàn xa lộ. Song đôi khi cảm thấy thật là hèn, mai kia làng xóm thanh bình lấy gì để kể chuyện cho các em nghe và thật sự lúng túng “Biết Trả Lờ Sao” với bày trẻ, con má nó, như trong bài hát xẩm nơi cuốn sách “Còn Vương Tư Lòng, 2009”.

“Lũ con anh, đôi lúc, nó vẫn hỏi bây giờ Thế bố ơi, khói lửa hồi xưa làm gì? Trả lời sao? Nói năng chi! Giá trong bom đạn chết vì núi sông, Có khi bắt tử, anh hùng.”

Khóa Thủ Đức lúc ấy, năm 1966 là khóa 24. Vô trồng tôi hơi ngạc nhiên thấy có nhiều vị tên tuổi cũng hiện hữu, như Phó Tổng Giám Đốc Tổng Nha Ngân Khố VN Nguyễn Đức Nhiệm; Giáo sư Cao Thoại Châu, Thi sĩ Nguyễn Sa; Giáo sư Lưu Trung Khảo, thi sĩ Trần Văn Lệ, thỉnh thoảng gặp một hai người xuống khu gia binh, Thiết Giáp lè phè, uống cà phê, mua bánh mì thịt nguội, ăn cơm đĩa...

Xin mở một dấu ngoặc, mạn phép ghi chút kỷ niệm với nhà thơ Nguyễn Sa là đại diện khóa sinh khoá 24, mà tôi là đại diện đại đội, thường làm việc chung với nhau, khi được tin ông mất, đã làm mấy câu thơ in trong cuốn “Biết Bao Nhiều Tình” 2001 như sau:

Gặp nhau Thủ Đức hôm nào

*Chưa mưa tháng Sáu đã vào thiên thu
Paris buồn kẻ lãng du*

*Hà Đông áo lụa mịn mù thương đau
Tuổi mười ba biết tìm đâu!*

Hoa vàng mực tím chuyển tàu sân ga...

Sơ lược tình hình như vậy, đặc biệt một điều là, dẫu dòn dập dối diện những thay đổi “cũng xin đón chờ bình yên”. Cứ từ từ. Đầu chạy đuôi lọt. Không cố ý đánh bóng, dựa hơi, thêu dệt để lấy le gì đâu. Có sao nói vậy! Phải khai cà kê dê ngỗng lòng thông, mục đích chỉ để đầu đuôi câu chuyện dễ dàng thông suốt.

Khởi đầu nhiều thay đổi tới tấp. Trước hết là phải sống cách biệt trong trung tâm huấn luyện như một tên tù, như bị tẩy vô cái lò, “Lò cừ nung nấu sự đời”, tôi tắm mờ mịt, nào: bản đồ, súng ống, đi bãi, đạn dược, hít đất huấn nhục toàn những thứ nghe điếc tai, mới toanh, căng thẳng, lạ hoắc.

Rồi khi đến vùng Gò Vấp tự nhiên lại tà chiều về nhà ăn cơm thơ thới hân hoan, còn cái chuyện chuyên môn thì tương đối cũng dễ. Nhà binh chỉ thêm vấn đề hoả thực, gạo muối trà đường nuôi ăn binh sĩ chứ kể toán sổ sách đầu khác bao nhiêu nên ngày ngồi lớp tôi mới vào đơn vị trăm phần trăm ứng chiến.

Song, cấp chỉ huy nhà trường nói thế thôi, trên nguyên tắc là thế thôi! Trừ mấy sinh viên đến phiên canh gác chứ có đứa nào dẫn đến nổi sau tan học buổi chiều, còn ở lại ôm khẩu súng Carbine làm gì, đám lính tráng nửa ông nửa thằng chúng tôi đã đem bồn cũ soạn lại, sinh hoạt gần như thuở chưa xỏ quần kaki đi giày xăng đá. Cuộc đời giống y chuyện Tái Ông Mất Ngựa, trước, sau, hên, xui chẳng tự mình quyết định, được gì xất cả...

Cư ngụ tại vùng chợ Tân Định, đi lại hàng ngày bắt đầu ra khỏi nhà tới trường cũng gần. Vào những buổi sáng, quãng đường từ Phú Nhuận tới Tổng Y Viện Cộng Hòa thường thấy mấy cô gái mặc quần đen áo bà ba

tươi tắn, lúi thủi vừa bước vừa ngoảnh cổ phía sau trông chừng đón xe lam đi... “làm”!

Đoàn quân phụ nữ âm thầm ấy hầu như ai cũng đã biết rồi. Họ làm ở đâu? làm gì nhất là các cậu choai choai thì rành lắm! Họ khiến tôi thường nhớ đến một người quen cùng cạo giấy ở bộ Tài Chánh khi trước, anh ta tuổi đã trọng, bình dân, phong trần, bụi đời, đâu đó mới được chuyển chuyển vào cùng phòng, rất thật thà, giỏi công việc hình như ảnh đã tốt nghiệp từ một trường thương mại nào đó tận bên Tây thì phải...

Tôi hỏi một câu xã giao thông thường:

“Anh cư ngụ ở gần đây không?”

Anh chậm rãi, chẳng trả lời ngay, từ từ đứng dậy làm điệu bộ chỉ trỏ, rồi đọc khẽ câu hát của ban AVT vui, phổ thông, trào phúng, một thời nhiều người thuộc:

“Nàng ở đầu Xóm Mới,

Tớ thì cuối Cầu Kho,

Thương nhau đã lỡ hẹn hò,

Đường xa vẫn phải lần mò mà đi.”

Mấy lời này hơi khác bản chính, anh cương đại cho hợp hoàn cảnh. Đọc xong ngồi xuống tình thực kể lể, trước ở Cầu Kho, hiện đang sống với một cô gái bán hoa ở Xóm Mới đi làm hơi xa nhưng khoẻ re!

Chung sống với gái bán hoa? Khỏe re? Trước sự ngạc nhiên của người nghe, ông bạn cùng làm việc tình bơ tiếp tục

mơ màng:

- Ủ, chúng tôi yêu nhau, trước một biến cố cuộc đời, cực chẳng đã, em phải bước chân vào nghề này. Về sau tình cờ đi chơi gặp lại. Đã trễ, mà trễ vẫn hơn không. Nương tựa nhau. Còn chuyện ấy bây giờ đâu nhằm nhò gì. Nàng thì như gái goá. “Trai tân gái goá”, ở thế, tiết kiệm hơn mà cũng vui! Tôi nghe rồi thấy chẳng “cũng vui” nhưng thật lạ lùng và thực sự rất hiếm hoi, rất ít người cả đàn ông đàn bà, ráp vào như vậy, “cũng vui” như vậy.

Trở lại câu chuyện tôi đi học ở trường Hành Chánh Tài Chánh. Một hôm như thường lệ, buổi sáng trên đường, từ nhà qua cầu Bông đến Phú Nhuận theo hướng Tổng Y Viện Cộng Hòa chợt có chiếc xe lam ba bánh, tiếng máy nổ lớn, nhào tới, thẳng gấp, đột ngột đón khách ngay trước mặt, cát bụi bay tung, nên linh tính thấy nguy hiểm, tôi cũng phải ngừng lại. Cảnh tình làm ăn vội vã, khách đông, quang gánh, túi xách, nhón nháo, rồi chiếc xe ỳ ạch tiếp tục hành trình, mang đi cả sự ồn ào, cát bụi. Tuy nhiên còn để lại một người khách trẻ chậm chân đứng đó, một cô gái bán hoa, tôi đoán thế!

Khi ấy tôi cũng chưa kịp đi. Cô gái nhớ tàu, bến lữ. Nàng nhìn tôi cười. Tôi tội nghiệp, ra dấu mời, nàng bắt ngờ, mừng rỡ, riú riú chạy ra, leo lên phía sau xe Honda, ôm eo ếch. Tôi hỏi: ‘Gò Vấp phải không?’ Nàng gật đầu! Thấy

chưa? Trúng boong, bèn thản nhiên tăng tốc độ, kẻ bàng quan trông vào ngỡ như mấy hình ảnh thông thường.

Tới Gò Vấp, quẹo trái quẹo phải vài con hẻm, tôi dừng lại trước căn nhà cho nàng xuống, ngoài hiên hai đứa bụi đời, có lẽ là ma cô, canh chừng, ngồi hút thuốc lá bên chiếc máy radio xách tay đang phát thanh bài vọng cổ khá mùi. Nàng hỏi nhỏ, nhẹ: - Nhiều? Lúc đó tôi mới nhìn nàng kỹ hơn. Nàng mặc quần đen, áo bà ba trắng, không phấn son chiếc cúc bấm trên cùng chưa gài để hở phần cổ khêu gợi nồn nà, thân thể hấp dẫn, sạch sẽ, tươi tắn chưa mệt mỏi. Vì hôm đó tôi không mặc đồ nhà binh, có lẽ nàng tưởng là dân lái xe ôm kiếm tiền độ nhật. Tôi trả lời ngần ngừ vì thực ra cũng chẳng biết bao nhiêu cho phải:

- Không bao nhiêu. Để lúc khác. Mai mốt muốn quá giang thì chờ chỗ cũ.
- Hay bây giờ vào chơi chút chẳng? Nàng sòng phẳng thật thà muốn trả công. Mời vào chơi như thế tức là để thực hiện câu “Bánh ít đi bánh quy lại.”. Nói cách khác trường hợp này có nghĩa là: “Ông mất cây giò, bà thò chai rượu” chứ chẳng phải chỉ ngồi chơi nói chuyện. Có lẽ ai cũng hiểu vậy, riêng tôi xin phép bày tỏ là biết chắc chắn thế, nên đã lắc đầu lập tức đáp ngắn ngủi: “không”, rồi quay xe trở lại “cùng với lũ em học hành như xưa!”

Trên đường về trường, cũng gần thôi, tôi cứ nghĩ đến đoạn đối thoại giữa một cô gái bán hoa và người kéo xe, truyện của nhà văn Nguyễn Công Hoan trong cuốn “Ngựa Người” đọc đã lâu, nhớ lờm bõm, thấy hao hao, đại khái như sau:

“- Tôi gán cho anh khăn, áo, đồng hồ, mà anh không lấy thì tôi chả biết nghĩ thế nào cho phải cả, thôi thì anh kéo tôi ra chỗ kín, vắng, anh muốn bắt tôi cái gì tôi xin chịu.

- Tôi bắt gì cô mà tôi bắt!

Cô ả nắm lấy tay, vỗ vào vai anh xe nhả nở cười:

- Anh này thật thà quá, nghĩa là chỉ có anh với tôi thôi, thì người tôi đây, anh muốn làm gì, tôi cũng bằng lòng.

- Ôi thôi! Tôi lay cô, nhờ cô đỡ bệnh cho tôi, thì bỏ m.. tôi!”

Sau ngày đầu tiên đưa nàng, đôi lúc tôi cứ vẫn vơ như thể nhớ nhớ, tức là chẳng nhớ bao nhiêu. Có khi thấy tội tội, tức là tội nghiệp chút chút, không nhiều. Rồi từ đó, chỉ thỉnh thoảng thôi, tôi lại gặp và giúp nàng như thế.

Tôi chẳng ngại gì, nhưng cũng không kể chuyện này với ai. Mà tại sao thái độ ai cũng có vẻ xa lánh, khinh khi họ nhỉ? Họ cũng làm việc, tuy công việc của họ thấp và là bản cùng vì phải mang thân thể ra làm thương mại. Giúp họ một đoạn đường có gì đâu! Như ông bạn cùng sở khi trước, còn sống

chung với họ có sao! Điều hệ trọng là hãy luôn luôn nghĩ và cảnh giác như người phu xe: “Ồi thôi nhớ cô đỡ bệnh cho tôi, thì tôi bỏ mẹ tôi!”

Mấy hôm sau, vừa tới chỗ cũ, nhìn thấy nàng tôi bèn ngừng lại. Từ đó chúng tôi quen biết nhau, nàng là Kim Em, giản dị, thật thà, thân thiện. Kim Em giải thích ba mẹ sinh được hai chị em, chị tên Kim Anh, em là Kim Em. Tôi giỡn, nếu thế tên chị phải đặt là Kim Chị mới đúng, sao lại Kim Anh. Kim Em hơi ngạc nhiên khi biết tôi, dân nhà binh đang học ở vùng Gò Vấp.

Một bữa hai đứa đang phom phom trên đường, nghe: Tốp! Tốp! Tôi dừng lại, không hiểu chuyện gì, thì ra....để nàng xà vào ven đường, mua gói xôi điểm tâm. Nàng cũng mua cho tôi một gói như thế. Tôi chống xe lên, đỡ lấy gói xôi, cùng nhau đứng thản nhiên vừa ăn vừa nói chuyện ngon lành. Ngoài đường, hai dòng xe đủ loại, ngược xuôi vun vút, vô tình. Kim Em vừa bốc xôi trên miếng lá chuối, nhai, hỏi:

- Bao giờ hết học?

- Bao giờ học hết thì hết học!

Kim Em nghe trả lời vậy thì im lặng nhưng có vẻ tức tức, cầu hòa, tôi cười, tiếp:

- Hai tuần nữa.

Nàng hơi sững sờ. Không vui. Lại hỏi:

- Rồi về đâu?

Tôi không giỡn nữa, nhưng cũng chẳng muốn nói ra sự thật là vì xét bản tướng

mạo quân vụ với nhiều năm lăn lộn trong nghề kế toán nên đã được chấp thuận ở lại trường làm giảng viên dạy các khóa đàn em. Phải đề cao cảnh giác. Tứ đại công khai tùy trường hợp. Chuyện mất nỏ thần của bố con An Dương Vương còn đó! Bèn trả lời:

- Chưa biết. Nhưng điểm bài vở học hành khá cao chắc rồi cũng được ở gần đây thôi!

- Chắc không?

- Không chắc, nhưng hy vọng!

Mất Kim Em sáng lên đây...”hy vọng”. Nét mừng thấy rõ, nhẩy cẫng, vịn tôi, thụi vào ba sườn tôi ba cái sung sướng, chẳng e gì xung quanh, đến đây cũng là thời gian, cả hai vừa ăn hết gói xôi, tôi hạ cang xe sửa soạn chạy tiếp. Khi tới “sở làm không bằng hiệu”, trước lúc bước lên thềm nhà, Kim Em từ giã vui vui:

- Anh đi học nhé!

Lần sau, xuống xe câu tạm biệt lại khác, chung chung:

- Cám ơn anh!

Mấy hôm sau nữa, lời nàng chia tay có vẻ buồn buồn:

- Em tính rồi em sẽ bỏ việc này.

- Vậy hả? Anh cũng mong em sẽ bỏ việc này.

Quãng thời gian từ vui vui sang chung chung rồi tới buồn buồn, chẳng biết dòng suy nghĩ của Kim Em đã biến chuyển ra sao! Sự việc có gì thay đổi trước sau thế nào. Bầu không khí ưỡ

oải, lảng vảng. Tôi không muốn “nó” vậy, bèn nói như vừa sửng sốt nghĩ ra:

- Bỏ việc này? Làm bé anh chẳng?

Kim Em dừng lại, nghiêm nét mặt:

- Không. Không bao giờ, cũng như sau 15 năm lưu lạc, khi tái hồi Kim Trọng, Thúy Kiều đã từ chối.

Nàng đứng yên tư lự, nhìn đàn gà kiếm ăn lòng vòng qua mấy gốc cây bụi cỏ, lang thang. Gò Vấp không hẳn là thành phố mà cũng chẳng là thôn dã. Nửa quê nửa tỉnh, tôi cầm tay nàng, nói giọng buồn dịu dàng:

- Giận anh ư? Anh chỉ đùa chơi tí thôi! Xin lỗi!

Kim Em đáp vội vàng như sợ tôi phạt lòng:

- Anh không có lỗi gì cả! Xin đừng nói thế! Chẳng bao giờ em giận anh. Cám ơn anh đã đến với em. Em còn muốn nói thêm ít chuyện mà tiếc thay chưa có cơ hội.

Tiếp theo, nàng lấy bốn câu Kiều một cách nghiêm chỉnh như giải thích: *“Chữ trịnh còn một chút này, Chẳng cầm cho vững, lại giày cho tan. Còn nhiều ân ái chan-chan Hay gì vầy cái hoa tàn mà chơi!”*

Tôi ngạc nhiên khi nghe Kim Em thuộc và đọc mấy câu trong Truyện Thuý Kiều trơn tru như thế. Tôi đoán có thể nàng đã suy nghĩ, phòng hờ, dự trù trước. Phải chăng đó chính là những lời nói của Kim Em cho tôi. Và cả cho nàng nữa. Là những lời cảnh báo hai

đứa ráng giữ gìn chút tình bằng hữu cho trọn, chớ bước qua lằn ranh đỏ.

Lập trường của Kim Em rõ rệt là thế. Nàng quyết định cầm cho vững để “chữ trịnh còn một chút này” trong sáng đẹp để mãi mãi. Sự háo hức khao khát thực tế chỉ là lòng ham muốn chiếm đoạt và khám phá cái thái độ lúc ban đầu, về sau, rồi thì bình thường, cũng vậy, thử nghĩ coi, lạ lùng gì, “Ờ đời chỉ có thế mà thôi!”

Tôi rất vui khi nghe “Em sẽ bỏ việc này.” Tôi biết mấy em vẫn thường tâm sự, đại khái, vì nghèo khổ là địa phương quân vừa tử trận, mẹ buồn, ốm đau nên phải hy sinh giúp lo mấy nhỏ đi học.

Em và mọi cô gái bán hoa khác dù ở bất cứ phương trời nào thời gian nào có ai lựa chọn nghề này đâu, chỉ là hoàn cảnh đưa đẩy. Tôi chắc chắn thế. Bao nhiêu người cũng biết tình trạng các em như thế.

Nơi cuốn sách “Mây Mùa Thu” (trang 170) bà Thu Vân, một thành viên Câu Lạc Bộ Các Phụ Nữ Mỹ Á Thái Bình Dương (APAWC) viết: “Nhiều cô gái bán bar và mãi-dâm là những cô ở đồng quê đã lên thành phố để kiếm tiền nuôi gia đình.” Em đã lên thành phố bao lâu? Từ vùng đồng quê nào? Cái Sắn hay Củ Chi?

Tôi nhìn Kim Em không coi thường như trước. Rồi hình dung ra một cô bé cấp sách đến trường, xung quanh bạn bè,

ríu rít như “Hồng Hồng Tuyết Tuyết, mới ngày nào chưa biết cái chi chi...” Nhiều phần hồi xưa Kim Em cũng có một cuộc sống tương tự như thế, ngắn dài, sau đó, hình ảnh, tình trạng, vị trí cứ biến đổi dần với thời gian. Đây là dĩ vãng và hiện tại, thứ tự tiếp nối nhau như con đường một chiều, không bao giờ trở lui. Đây là luật. Dĩ vãng thường đẹp hơn.

Khi lớp huấn luyện của tôi kết thúc. Sau hai tuần nghỉ phép miễn khóa, tôi trở lại trường với tư cách giảng viên. Vẫn tiếp tục với Kim Em thấp thoáng. Giờ làm việc khác trước, chuyện gặp nhau thất thường. Đôi lúc vắng cả tuần, hai tuần. Nàng thản nhiên, vô tư, không nhắc nhớ chi, tôi cũng vậy. Một hôm đồn canh báo tôi có người nhà đến thăm. Tôi ra gặp, thấy Kim Em. Hơi ngạc nhiên và thực sự cũng vui vui.



Sáng nay Kim Em diện áo dài màu tím Huế nhã nhặn. Dưới ánh nắng mai, da dẻ hồng hào, chiếc áo may khéo không dài đến mắt cá chân như sau này, nó chỉ ở lưng chừng

giữa từ đầu gối xuống đất trông thật đẹp, gọn ghẽ, ngây thơ, trẻ trung. Thời trang ngày ấy áo dài còn ngắn, tôi hỏi: - Có chuyện gì không? Sao chẳng đi làm?

Kim Em im lặng. Quay mặt phía khác. Xúc động? Tôi tưởng có chuyện gì, vội làm cử chỉ triu mến, trấn an, để tay lên bờ vai nàng. Tươi cười nàng quay lại. - Không có chuyện gì!

Tôi nói: - Em mặc áo dài thật đẹp, thật dễ thương.

Kim Em có vẻ hãnh diện, mặt hơi vênh lên như ngăm bảo “cũng giống ai chứ bộ!”. Hình như trước đây người con gái này ít được khen ngợi và chiêm ngưỡng như thế! Làm hoa cho người ta hái. Nhưng chắc chắn chẳng phải chỉ có vậy!

Chỗ hai đứa đang đứng là bãi cỏ, lề đường, bên gốc cây trứng cá không ai chăm sóc, là lối vào chung cho ba đơn vị bán quân sự: hai sở Hành Chánh Tài Chánh số 1, số 6, một trường huấn luyện hiện diện cả cổ vấn Mỹ, song chẳng có một nơi để tiếp đón khách thăm cho đàng hoàng. Tôi nói với Kim Em:

- Bữa nay rảnh. Anh chở em đi uống nước, nói chuyện nhé!

- Đi đâu?

Tôi không trả lời mà hỏi lại: - em có bận gì không? Nàng nhìn tôi, lắc đầu tình tứ, ý như thể sẽ theo tôi bất cứ đến đâu. Tôi đề nghị:

- Hay là mình vào Chợ Lớn ăn cơm Tàu?

- Thiếu úy sang thế!

- Mới lãnh lương.

- Em muốn đi Sở Thú được không?

- Muốn xem khỉ hả, coi anh bộ chưa đã sao?

Sở Thú, tên chính thức là Thảo Cầm Viên, vì ngoài việc nuôi thú nơi đây còn ươm trồng bảo vệ cây cảnh lạ nữa. Tới đây Kim Em không đến chuồng khỉ. Chẳng buồn xem hồ cá vàng với những tàn lá sen, lá súng lơ lửng, lênh bênh trên mặt nước, giúp cho bầu không gian như thư thả, như ngừng trôi.... nàng cứ thơ thẩn hết cây nọ tới cây kia, mấy gốc cổ thụ quét vôi trắng, mấy gốc xa xa để cỏ mọc tự nhiên,...

Tôi theo sau, nhẩn nại, triu mến, từ vùng nắng đến chỗ dưới bóng cây, mát hơn, cuối cùng nàng nhìn tôi, thở dài:

- Chẳng thấy đâu!

- Em kiếm gì, cần anh giúp không?

Kim Em như không nghe tôi nói, lát sau tôi tiếp:

- Hay em đang mơ màng đi tìm lại thời thơ ấu?

Nàng như bừng tỉnh, nắm lấy bắp tay tôi kéo sát, vừa đi vừa thủ thỉ, chậm chạp:

- Mình ở Gò Vấp, em nghĩ Gò Vấp là một cái gò phải có loài cây vấp, nên mới gọi Gò Vấp, em hỏi không ai biết, cũng chưa thấy cây vấp bao giờ! Mới

đây một cụ già cho hay ở Sở Thú còn hai cây vấp nên hôm nay nhân tiện tìm thử... thế thôi!

Ồi chào, thì ra vậy! Thêm một điều nữa tôi ngạc nhiên và không thể coi thường cô gái bán hoa này. Tôi chẳng đang làm việc nơi loanh quanh vùng Gò Vấp sao? Mà có bao giờ thắc mắc làm chi! Diện tích quận Gò Vấp cũng nhỏ thôi, nghe đâu chỉ khoảng hơn mười cây số vuông thì phải. Gò Vấp và vùng phụ cận có Tổng Quân Y Viện Cộng Hoà, trường Quân Cụ, thành Cổ Loa, Xóm Mới... là khu vực phần nhiều dân di cư năm 1954 từ miền Bắc tới sinh sống, nổi tiếng với nghề làm pháo bán cho thiên hạ đốt mừng Xuân.

"Tà tà bóng ngả về Tây", tôi nói:

- Hôm nay có lẽ mình chẳng đủ thì giờ.

Ý nghĩ của Kim Em rất hấp dẫn, lôi cuốn, anh hứa sẽ cùng đi tìm dò hỏi việc này.

- Cám ơn anh. Cuộc sống với em, không phải chỉ lo cơm áo, đôi khi còn muốn biết chuyện nọ chuyện kia, trau dồi thêm... khi có dịp.

Tôi mỉm cười thấy cũng đúng, nhưng sợ Kim Em nhìn tôi cười lại hiểu lầm, nghĩ tôi nhạo báng nàng, nàng chẳng nói gì và tôi cũng chẳng biết nói gì. Lát sau, tôi lên tiếng băng quơ cho có:

- Anh tin cụ già nói là đúng sự thật! Chúng ta sẽ tiếp tục kiếm tìm, Kim Em

im lặng. Tuy nhiên, lát sau nàng vẫn đọc hai câu lục bát trong tác phẩm thơ cổ điển “Lục Súc Tranh Công” như phân trần về việc làm nhỏ bé của mình: “Kinh nghệ vui thú kinh nghệ, Tép tôm thì lại yên bề tép tôm.”



Kim Em đang tìm hiểu về Gò Vấp, cây vấp vì hiện thời sinh sống ở Gò Vấp.

Chẳng hay cây cầu Bông tôi di chuyển

hàng ngày

giữa vùng Đa-Kao và Phú Nhuận, xưa kia gọi cầu Hoa vì có vườn hoa kế bên. Về sau cứ tên bà mệnh phụ trong triều đình nên đổi ra thế Kim Em biết chưa? Thảo Cầm Viên có bốn lối ra vào, một ở cuối đường Hồng Thập Tự ngay chân cầu sang Thị Nghè, một trước cổng trường trung học nữ Trưng Vương và một ở phía sau, qua chiếc cầu cement xây vòng cao lên cho thuyền bè đi lại phía dưới. Chiếc cầu dẫn tới khu đất trống mở hội chợ hội Đệ Nhất Cộng Hòa xưa, có nhớ chăng? Chúng tôi ra về phía cổng chính cuối đường Thống Nhất rộng thênh thang

chạy thẳng tới dinh Độc Lập. Trước khi lấy xe dừng lại mua hai ổ bánh mì thịt, nàng đề nghị cho trở lại Gò Vấp vì còn chút việc thanh toán tiền nông đồ đặc gì đó.

Sau đấy, dù cuộc sống bận rộn tôi cũng để tâm tìm kiếm, và đến khi có kết quả rõ ràng chắc chắn, vấn đề “Cây Vấp” thì dù nôn nóng cũng chẳng liên lạc được với Kim Em. Hồi đó chưa có cell phone, tôi không có địa chỉ, tôi vẫn qua lại trên đường từ Võ Duy Nghi đi Tổng Y Viện Cộng Hòa thêm một thời gian, thỉnh thoảng ngó vào chỗ hẹn hò cũ chỉ thấy lè đường, cây trứng cá xác xơ...

Đợi mãi mà nàng cũng chẳng mặc áo dài màu tím Huế đến thăm “Rồi em sẽ bỏ việc này” một lần nàng đã nói với tôi như thế. Hay nàng đã bỏ việc này rồi? Bữa đi chơi Thảo Cầm Viên là kỷ niệm sau cùng? Kim Em cố tâm hay chỉ là tình cờ?

Tôi không tới căn nhà Kim Em làm việc ở Gò Vấp dò hỏi, thâm tâm những mong nàng đã thôi làm ở đấy, đã có một công việc khác, nơi khác tốt đẹp hơn, hoặc đã gặp một Từ Hải “râu hàm hàm én mày ngài.” biết đâu! Thời gian sau, “vật đổi sao dời”, tôi cũng đã chuyển chuyển không còn phục vụ nơi KBC đó nữa.

Nguyễn Phú Long

(Cuối tháng Tư)

PHỜI-PHỜI

Đạp nhẹ chân cho xe chạy chậm
Phổi phồng khoan-khoái khí ban mai.
Trời không nóng, lạnh; trời âm-ấm;
Tôi thấy lâng-lâng nhẹ cả người.

Sớm nay, Xuân mới về theo gió,
Dáng-dấp duyên-duyên những phút đầu.
(Thiên-hạ vô-tình từ vạn thuở
Cố cùng thông-cảm với tôi đâu!)

Ngựa xe rộn-rịp qua muôn nẻo,
Hình-ảnh cuồn quay, loạn dấu đường.
Không hội mà tin ngấm mách-lẻo,
Kéo về tụ-hợp khách mười phương.

Vớ-vẩn đôi môi nhoẻn nụ cười,
Sốt chia cho họ nổi lòng tôi.
Chao! quen thân quá, chào không ngớt!
-- Bốn bề là nhà, bạn-hữu ơi!

Hoa sống vườn ai nở ngập đường,
Đóa thì lời-lả, đóa đoan-trang.
Có đàn em nhỏ -- ngây-thơ quá
Trán đẹp xinh như những mái trường.

Đất rộng, sông dài, trời cao xa,
Lượng lòng tôi cũng rộng bao-la.
Những người chỉ đáng cho khinh-ghét
Cũng dễ thương như gái nồn-nà!
Cuộc sống ai tô nét vẽ thuần,
Tươi như hoa thắm buổi đầu xuân,
Xinh như mộng-ảnh ngày xanh trẻ,
Và thiết-tha như khúc nhạc hồng!

Những ý tình xen những nỗi-niềm;
Ước gì thấu-góp lại thành phim,
Ghi trong ký-ức thời niên-thiếu
Để những khi buồn chiếu lại xem!

Thanh-Thanh 1948

TRỜI KHÔNG NẮNG

*Trời không nắng, nhưng môi em vẫn thắm
Má vẫn hồng, thương mến biết bao nhiêu
Không xa lắm, mà cũng không gần lắm,
Nhưng cả trời như đã rộn tình yêu.*

*Trời không mưa, nhưng mắt em vẫn đẹp
Chỉ nhìn thôi, không nói một lời nào
Hương ngát dậy, trên đường về ngõ hẹp
Ngọn lửa tình đang ngùn ngụt dâng cao.*

*Gió hiu hắt... vào tóc em tỏa nhẹ
Áo hồng em cũng phất phới tung bay
Ta muốn nắm ngón tay em nhỏ bé
Nhưng ngập ngừng e thẹn cả bàn tay!*

*Thu chưa tới mà gió về mát lạnh
Nhớ hay không? tình đẹp mấy cho vừa?
Ta đứng lặng ngắm trời quang mây tạnh
Nhớ thương rồi, em đã trở về chưa?*



Hà Bình Trung 1953

Mời nghe **Triệu Vinh** hát: TÌNH KHÔNG PHAI, **Phan Anh Dũng** phổ nhạc từ ý bài thơ TRỜI KHÔNG NẮNG:
<https://www.youtube.com/watch?v=AdzA12rZpGg>

BƯỚC CHÂN HOANG

Tôi vẫn bước lang thang trên những hè phố cũ
Ôi Sài Gòn và nỗi nhớ khôn khuây
Như một gã hành hương, chân đi tìm đất hứa
Nghe điều tàn đổ vỡ ở quanh đây.

Ngược dòng người, tôi không tìm thấy nữa
Ôi Sài Gòn thương tiếc tuổi hồng phai
Giờ tay hái trái sầu kia chín đỏ
Em đi rồi, xa lác cuối chân mây.

Cơn bão lửa vẫn cuồng quay đó chứ
Tuổi đời trai mù mịt bụi tro bay
Này, tháng, năm vẫn xuôi dòng sử cũ
Ngược thời gian còn nỗi xót tim này.

Đêm mất đấng Sài Gòn trắng thổ huyết
Đường đông chen sao phố vắng thừa người
Tôi tìm Em thuở môi hồng, mắt biếc
Còn, chỉ còn rên siết tuổi đời trôi...

Tôi trở lại lần mò trong hẻm tối
Gõ cửa nhà thăm dội tiếng thân quen
Mặt giáp mặt, ngó trân, lòng ước hỏi
Ôi Sài Gòn, lời sám hối chưa quên?

Vương Đức Lệ



Vương Đức Lệ & Hoàng Song Liêm

LƯU LẠC

Ba mươi năm lưu lạc
Quê cũ đã mù tăm!
Chim bay về biển Bắc
Thăm thăm mộng cảnh Nam
Ngoài song chiều đã tắt,
Hoài niệm xanh đã vàng,
Soi gương, người lạ mặt
Ngó sững ta bàng hoàng.
Tóc xưa giờ điểm bạc,
Nỗi xót tình ly tan.
Đêm dài, thân lữ khách
Quán trọ sầu mệnh mang.

Ba mươi năm lưu lạc
Đất mẹ cách trùng khơi.
Đầy trời bông tuyết trắng
Lòng riêng những ngậm ngùi.
Từng mùa Thu lá chết,
Bầy ve khan giọng đời
Chim bằng đôi cánh mỏi
Biển động sầu khôn nguôi!
Đành thôi tình lận đận
Thao thức mộng cảnh trường
Người xưa xa vạn dặm
Có xót lòng tha hương?

Hoàng Song Liêm

NHỮNG KỶ NIỆM KHÓ QUÊN

**** Nguyễn Thị Ngọc Hạnh ****

Thường những việc vui buồn, thăng trầm trong cuộc sống sẽ nhạt nhòa, phai pha theo thời gian năm tháng. It ai vương vấn, nhớ mãi chuyện ngày xưa. Nhưng cũng có những việc dù năm dài tháng rộng vẫn nằm nguyên trong trí nhớ, không xóa bỏ được. Riêng tôi, hình ảnh gầy gò xanh xao của nhà tôi và các tù nhân khác lúc đi thăm anh lần đầu tiên ở trại cải tạo hãy còn đậm nét dù việc xảy ra hơn 20 năm.

Năm ấy chánh quyền ra lệnh các sĩ quan, công chức cao cấp tập trung học tập cho biết đường lối, nếp sống mới... Nhà tôi là sĩ quan biệt phái nên tuân theo lệnh nhà nước, chuẩn bị hành lý đi học tập 10 ngày. Tôi sắp xếp hành trang cho nhà tôi, một ít quần áo, thức ăn loại có thể để lâu được. Tôi để vào, anh lấy bớt ra, bảo chỉ 10 ngày, không cần mang theo nhiều. Tôi theo anh đến trình diện tận trường Tabert Saigon. Sĩ quan Cộng Hòa và gia đình đứng nhón nháo, lớp trong nhà, lớp ngoài đường, tay trong tay, nhìn nhau bịn rịn không muốn chia xa. Công an mặc sắc phục đứng rải rác đó đây. Nhà tôi đi rồi các con buồn hiu, không đùa giỡn như trước. Đến buổi cơm mẹ con nhìn nhau, như no ngang, thức ăn

nghe ở cổ. Chi bếp giúp việc cho chúng tôi 14 năm đã nghỉ từ đầu tháng. Lương giáo chức chúng tôi không nuôi nổi người làm, mà cũng không dám nuôi. Nghe đồn miền Bắc không ai nuôi người giúp việc vì sẽ gặp lắm chuyện rắc rối. Chị bảo “cho cháu ở lại với cậu mợ và các em, cháu không lấy tiền công...” tôi thấy thương lắm nhưng cũng phải để chị đi.

Mười ngày trôi qua, lại đến 1 tháng, rồi 2,3 tháng... chẳng thấy tin tức gì, các vợ tù nhân cải tạo ruột gan teo tóp. Trường Taberd chỉ là nơi tập trung. Ban đêm hàng chục xe nhà binh bố phủ bít bùng chở họ đến nơi nào không ai biết. Các bà tìm nhau hỏi thăm, mặt mày ngơ ngác, héo hon. Người có con mọn chỉ sống nhờ lương chồng càng khổ hơn nữa. Bạn bè cùng cảnh ngộ nhìn nhau chảy nước mắt. Mới bị đổi tiền, ai cũng xơ xác như nhau. Vật dụng trong nhà từ từ “ra đi không trở lại”. Chợ trời đông nghẹt người là người, bán đủ mọi mặt hàng, quần áo, tivi, nồi niêu song chảo, chai, lọ, xe đạp, máy hát... Kể đứng người ngồi, chen chúc, nhón nháo, nhếch nhác giống như cảnh nước Nga thời kỳ dân chúng lật đổ Nga Hoàng trong các phim ảnh.

Tôi vẫn đi dạy dù lương giáo chức được điều chỉnh lại còn rất thấp nhưng nếu không dạy sẽ không có hộ khẩu, bị đưa đi kinh tế mới không có trường cho con học, tối tối nghe đé hợp ca, chuột rần diễn hành! Điều này do bạn bè chuyển tai nhau nhưng đủ sức thuyết phục, làm mọi người hải hùng... Các học sinh tôi ngoài giờ học chữ còn học đan nón, vót tre trúc để làm màn tre trúc xuất khẩu, làm thủy lợi, trồng rau, trồng chuối trong sân trường. Tôi cũng học vót tre, đan nón... cùng với các em. Bảy tháng sau ngày trình diện, nhà tôi gửi thư về cho biết nhà nước cho phép gửi quà với trọng lượng ấn định ghi trong thư. Bưu điện mở cửa trong giờ tôi đi dạy, lúc tôi về thì bưu điện đã đóng cửa. Cũng may có người em họ xưa là trưởng ty, nay thất nghiệp, em đem quà ra bưu điện sắp hàng với hàng trăm gia đình tù nhân khác chờ đến lượt mình gửi quà đi. Có lẽ quần áo nhà tôi đã tả tơi sau mấy tháng lao động.

Tôi dạy Trung học đệ nhị cấp. Phần lớn nữ giáo chức trong trường có chồng đi cải tạo. Cô Cúc đồng nghiệp trẻ mới đổi về trường ít lâu, con mới 2 tuổi, chồng đã đi học tập. Lúc đi dạy cô đem con gởi, hết giờ đón con về. Chị giúp việc cô cho nghỉ từ khi đổi đời, căn nhà lầu 2 tầng rộng mênh mông của mẹ chồng cho nay chỉ còn 2 mẹ con cư ngụ, gia đình ở xa, chung quanh chỉ còn bạn bè,

đồng nghiệp. Tầng trên có chút ít đồ đạc, tầng dưới trống từ trước ra sau, bàn ghế vật dụng cô bán dần, để đi chợ và đi thăm chồng. Cứ đầu tháng vào giờ giải lao cô nhắc tôi chuẩn bị hồ sơ để nộp đơn. Bao giờ trong cặp 2 chị em ngoài sách, tập để dạy học còn có đơn, giấy tờ phường khóm chứng nhận để xin chồng được tự do. Nếu trong 1 tháng không có tin tức gì là xem như đơn đã bị vứt vào sọt rác, tất cả giấy tờ hồ sơ nộp lại như lúc đầu. Tuy có con mọn nhưng Cúc vẫn đi làm thủy lợi như các nhân viên khác. Nhà tôi ở quận nhất, nhà Cúc ở bên Chương Dương, địa điểm thủy lợi ở xa tít bên kia bên đò Thủ Thiêm, ngoại ô thành phố. Chúng tôi phải có mặt ở địa điểm thủy lợi vào 6 giờ sáng để làm việc cho mát. Phương tiện di chuyển lúc ấy khó khăn, Cúc rủ tôi đến nhà ngủ để hôm sau cùng nhau đến nơi tập trung làm thủy lợi. Khi chúng tôi đến địa điểm, một số học sinh đã có mặt. Theo công tác quy định, học sinh mỗi lớp 10 đến lớp 12 phải đắp con đường cao 2m từ mặt ruộng, bề ngang 4-5m, bề dài 6-8m. Nhìn khoảng ruộng mênh mông, nước ngập trên mắt cá chân, tôi ngao ngán nhưng ông trưởng toán mừng vì đất mềm, đỡ vất vả. Hiệu trưởng, giám học, thầy cô giáo đều tham gia công tác. Tôi bước xuống ruộng. Chân phải đặt xuống kẹt trong bùn nhão, rút được

chân phải ra chân trái lại bị kẹt trong bùn! Là chủ nhiệm lớp, tôi có nhiệm vụ hướng dẫn học sinh hoàn tất công tác lớp mình. Nay bước đi chưa xong làm sao đào đất? Cũng may học sinh lớp 11 phần đông cao lớn. Các em giao cho tôi bình nước lạnh và mấy cái ly nhựa. Tôi có phận sự mang nước cho các em giải khát. Đào đất, đắp đường để các em lo. Các cậu giỏi lắm, hoàn thành xong phần việc lớp mình còn giúp lớp bạn để cùng về một lúc. Nếu không nhờ các em học sinh dễ thương hôm ấy chắc cô giáo bị kiểm thảo. Khi đi tôi đi với cô Cúc, lúc về tôi về với cô Bích Hà. Chồng Hà là Luật sư nhưng tôi chẳng biết thời gian ấy anh ở đâu. Nhà chỉ có mẹ già, Bích Hà, chị vú lâu năm và 4 trẻ vị thành niên. Trẻ bé nhất khoảng 3 tuổi. Thời trước Hà lái xe hơi đi dạy, đôi khi dùng Honda. Sau tháng 4 năm 1975, Hà đi dạy bằng xe đạp, thỉnh thoảng mới dùng xe gắn máy. Với 1 lương công nhân viên và 4 con dại nhưng lúc nào cô cũng tươi cười, tôi không bao giờ nghe Hà than khổ. Tôi thấy Hà giống người thiếu phụ trong Chinh phu ngâm:

*...Nay một thân nuôi già dạy trẻ; Nỗi
quan hoài mang mẽ biết bao Nhớ
chàng trai mấy sương sao Xuân từng
đổi mới, đông nào còn dư....*

(Xin thưa mấy chục không chạm đến sách giáo khoa, tôi chỉ nhớ đại khái, chưa chắc đúng hoàn toàn).

Sau 1975 chương trình giáo dục đổi mới, các giáo viên sau giờ dạy phải ở lại trường soạn giáo án, làm việc đủ 8 tiếng 1 ngày. Trước kia giáo sư đề nghị cấp dạy 16 giờ 1 tuần. Vị nào vừa dạy lớp thì, vừa làm chủ nhiệm như cô Bích Hà chỉ dạy 14 giờ một tuần. Sau những giờ đó ai muốn dạy thêm trường tư hay làm gì thì tùy ý. Nay mọi sự thay đổi. Trường có thông lệ họp tổ các bộ môn mỗi tuần. Họp xong ai cũng về muộn. Trời tối thui, đường xá vắng tanh. Lâu lâu có chiếc xe lam chạy qua cổng trường đã đầy khách. Tổ Pháp văn của Bích Hà xong trước, tổ Việt Văn của tôi bao giờ cũng về trễ. Dù trễ, Hà luôn luôn chờ để đèo tôi về khi bằng xe gắn máy, khi bằng xe đạp, từ quận tư Khánh Hội về quận I Saigon, xong mới về nhà Hà ở Bà Chiểu, Gia Định. Biết Bích Hà có con mọn tôi cũng sốt ruột lắm nhưng Hà không đèo về thì chẳng biết bao giờ tôi mới đến nhà, ban ngày tôi còn đi bằng 2 chuyến xe lam và chờ rất lâu, ban đêm thì vô phương. Trước kia nhà tôi đưa đón. Hà thương bạn nên “cư mang”, đèo đi về ngày 2 lượt. Cả năm tôi mới được đổi về trường Trung Học Đệ II cấp quận I gần nhà, đi 1 chuyến xe lam là đến nơi. Bích Hà dịu dàng, nhanh nhẹn, hay giúp đỡ người khác. Ai có tâm sự chuyện trò với Hà là phiền muộn vơi đi nhiều lắm. Giáo sư Bùi Bích Hà và GS Nguyễn trung Hối thường đứng lớp thay mỗi khi tôi đi

thăm ‘nhà tôi’ ở trại cải tạo hay ở vùng quê tỉnh nhỏ miền Tây - khi được trả tự do nhà tôi phải về thôn quê, không được ở thành phố.

Nhớ lần đầu đi thăm nhà tôi nơi trại cải tạo Tây Ninh. Khoảng 3 giờ sáng, chị bạn chồng là giáo chức, cùng tôi và con trai lớn 13 tuổi đã thức dậy ra xe đồ dù xe khởi hành 5 giờ. Hành khách chật như nêm, trễ là hết chỗ. Có người phải đứng suốt từ Saigon đến Tây Ninh, quàng ôm vào lòng, không có chỗ để. Đến Tây Ninh, các vợ tù phải đi bộ khoảng đường dài, xe không được đến gần khu cải tạo. Những hôm giấy phép cho thăm 8 giờ sáng là phải đến khu cải tạo từ chiều hôm trước, ngủ qua đêm trong chòi lá dân cất gần khu cải tạo để làm rẫy. Tuy chòi lá nhưng cũng rộng, có 2 bộ ván thô và dụng cụ làm bếp. Nền nhà là đất khô, thân nhân tù ai đến trước được nằm trên ván, ai đến sau nằm trên nền đất. Ban đêm gió lạnh thổi vi vu, tối éch nhái, ềnh ương kêu uỳnh oành nghe thật buồn thảm, vậy mà người tù đã phải chịu đựng hàng đêm. Vất vả cả ngày nhưng các bà chỉ gặp chồng chừng một vài tiếng là chia tay. Thật là *“dùng dằng nửa ở nửa đi, bước đi một bước thì quay lại nhìn...”*. Tuy nhọc nhằn vì đường xá xa xôi nhưng tôi tự an ủi rằng nỗi khổ của tôi so với các người vợ phải ra tận miền Bắc thăm chồng bị đi đày ra ngoài đó thì thật chẳng thấm vào đâu.

Sau biến cố 1975, gia đình tôi có phương tiện ra nước ngoài nhưng nhà tôi thương Mẹ hơn 80 tuổi, không nỡ bỏ đi. Lúc học tập về, nhà tôi muốn rời Việt Nam bằng mọi giá dù Mẹ chồng tôi già yếu hơn trước...

Nay các đồng nghiệp phần lớn định cư ở các nước tự do. Chị Bùi Bích Hà không theo nghề dạy học mà là nhà văn, nhà báo. Cô giữ mục “Bạn gái nhỏ to” trên đài phát thanh và là Chủ nhiệm, chủ bút tờ nguyệt san “Phụ Nữ Gia Đình”, con gái út theo nghiệp bố làm luật sư. Giáo sư Nguyễn Trung Hối nay là nhà văn, Anh định cư Hoa Kỳ. Cơm gạo xứ tự do làm ngòi bút anh trong sáng nhẹ nhàng hơn. Cô Cúc đã cùng chồng đến Hoa Kỳ. Cô có thêm cậu con trai thứ 2, con trai lớn đang học đại học, tôi quên hỏi bạn về số phận căn phố lâu ở bến Chương Dương. Tuy ít cơ hội gặp gỡ bạn bè nhưng tôi vẫn nhớ những ngày thứ sáu quý báu, các bạn thay tôi đứng lớp để tôi đi thăm nhà tôi.

Kết: Mỗi năm gần đến tháng 4, khi cộng đồng, báo chí tung bừng kỷ niệm ngày tháng thương đau đã đưa đẩy hàng triệu dân Việt nam rời khỏi quê hương, tôi bằng khuâng nhớ họ hàng, nhớ quê nhà, nhớ ngôi nhà xưa và vườn cây ăn trái trĩu quả của ngoại. Hôm nay theo gợi ý nhà báo và cũng để cảm ơn các đồng nghiệp, bạn bè thân mến đã giúp đỡ tinh thần hay vật

chất, an ủi những năm tôi làm than, cơ cực, tôi ghi lại những việc đã qua. Tôi cảm ơn giáo sư Bùi Bích Hà nhiều lắm, cầu mong bạn nhiều sức khỏe và hạnh phúc. Tôi cũng cảm ơn các em học sinh thân yêu đã học hành tử tế, giúp tôi trong các công tác lao động thủy lợi. Tôi cầu nguyện cho các em học sinh tuổi còn trẻ đã bỏ mình chiến trường Campuchia hay chết thảm trong biển cả mênh mông...

Nhờ đại gia đình, bạn tốt, con ngoan và các học sinh thân yêu giúp tôi thêm nghị lực vượt qua những khó khăn... Tôi đã thành người vô sản! Ruộng vườn, nhà cửa ông bà để lại, tôi không còn làm chủ nữa. Đến xứ người với bàn tay trắng, chúng tôi làm lại cuộc đời từ đầu nhưng nghĩ lại cũng còn may mắn hơn đồng bào di cư từ miền Bắc. Các vị ấy di cư đến 2 lần. Tôi thành thật cầu mong các bà vợ gia đình cải tạo quên đi quá khứ nhọc nhằn đầy lo âu, sợ hãi, sống bình an, hướng về tương lai tươi sáng hơn. Tôi cũng ước ao và cầu mong thật nhiều sao cho nước nhà an lạc, thái bình, dân chúng ấm no, thương yêu đùm bọc nhau như truyền thống dân tộc Việt Nam từ ngàn xưa...

Ngày 28 tháng 3 năm 2000

Ngọc Hạnh

ĐỔI CHÁC

người xưa đem ruộng đổi trâu

đem đường đổi muối

cau trầu đổi duyên

đơn sơ đổi lấy bình yên

mái tranh cho dễ ưu phiền khói bay

người sau say tỉnh tỉnh say

đem thương yêu đổi tháng ngày ly tan

còn trắng đổi dặm tuyết tràn

ngắn ngơ hơn thiệt

buồn chan chứa buồn!

nguyễn vô cùng



NGHINH XUÂN

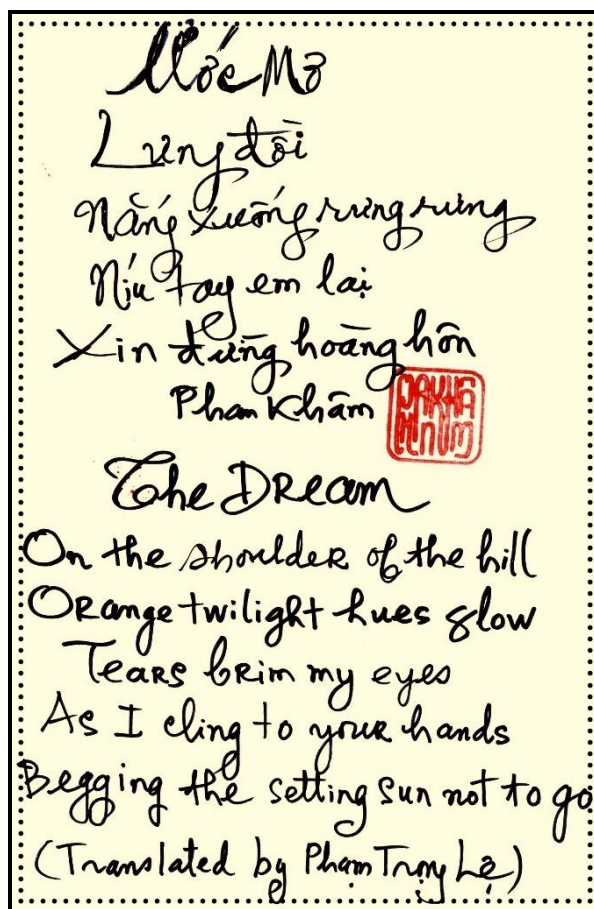
Cành lê e ấp khai hoa

Đào tơ ươm nụ hiên nhà đông đưa

Cỏ cây hớn hở sang mùa

Ta còn đợi dáng xuân xưa mỗi mòn

nguyễn vô cùng



ƯỚC MƠ - Thơ & thư họa: **Phan Khâm**

*Lưng đồi nắng xuống rưng rưng
Nú tay em lại xin đừng hoàng hôn.*

THE DREAM - phỏng dịch: **Phạm Trọng Lê**

*On the shoulder of the hill, orange twilight hues glow
Tears brim my eyes,
As I cling to your hands, begging the setting sun not to go.*

THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH

(Để tưởng nhớ người bạn đời, R.A.S. của tôi)

**** Nguyễn Thị Ngọc Dung ****

(Dịch từ những lá thư 50 năm cũ. Tiếp theo Cỏ Thơm số 83)

Saigon, July 26, 1970,

My dearest Dung, my darling,

Anh biết nói gì đây trong lúc này?
Có thể anh nên giữ im lặng nhưng anh yêu em thật nhiều, anh không thể. Anh biết em không là một người xấu, nhưng anh chàng bác sĩ đã lợi dụng em. Hắn ở đây. Hắn lái xe đưa em đi làm, đón em về. Anh ước gì anh có thể. Anh sẽ, nếu em muốn anh làm. Anh sẽ ở đây và tìm việc làm khác. Anh có thể, anh biết.

Anh hỏi em một điều. Anh hỏi em gặp anh tối thứ bảy. Em nói, em sẽ, nhưng anh sợ em đổi ý. Jerry sẽ đón anh ở phi trường Thứ bảy. Em hãy nhắn ông ta. Nếu không, anh sẽ đến nhà em. Anh muốn nói chuyện dài với em.

Anh cảm ơn em đã nói chuyện nhiều với anh tối qua. Anh cần nói chuyện dài nữa với em. Bây giờ 5 giờ sáng, một đêm yên tĩnh. Anh muốn gặp em và đưa em đi làm. Đã lâu em ước mong như thế mà anh không để ý. Em đã giải thích với anh tình trạng của em. Những gì em nói là sự thật, nhưng anh nghĩ em tử tế không muốn làm anh buồn và ghen. Anh nghĩ em thương người kia rất nhiều. Hắn làm em nghi ngờ tương lai của chúng ta.

Thượng Đế trừng phạt anh vì đã làm em đau khổ. Bây giờ anh đau khổ và không phản đối. Không giận em. Chỉ tự giận mình. Anh ghét cái anh và

những gì anh đã làm em buồn. Nhưng đừng bảo anh hãy tìm bạn gái khác. Em không hiểu anh. Anh không thể. Em bảo anh ném trái tim của anh đi ư? Anh làm thế nào được?

Em là người tốt, rất tốt là vì em nghĩ lấy chồng giàu và gia đình thích là sai. Em muốn lấy chồng vì tình yêu. Anh đồng ý. Nhưng chúng ta có thể cưới nhau và sẽ rất hạnh phúc với nhau, *my dear*.

Bây giờ em có thể nói với người kia rằng em đã nói với anh, em không cưới anh. Okay, hãy bảo hắn đi. Anh vui vẻ chờ đợi quyết định của em.

Anh tự trách. Anh đã làm nhiều lỗi ngu. Những dự định của anh sai. Anh đã quên nhiều điều.

Lúc này mặt trời bị mây che phủ. Anh hy vọng sẽ nhìn thấy mặt trời Thứ bảy này. Xin em đừng đổi ý.

Bob ♥

5 giờ sáng.



Saigon, July 27, 1970

My dear Dung,

Anh vừa ghé vào sờ em gửi bó hoa tặng em.

Em yêu, anh muốn viết một lá thư dài về anh cho em hiểu anh và cho cả anh hiểu anh nữa. Anh tin rằng người đàn ông không nên có tình nhân. Hắn

nên yêu và trung thành với vợ. Lẽ dĩ nhiên có đôi lần ham muốn, nhưng anh không bao giờ có bạn gái cho đến khi anh gặp em. Anh đến Sài Gòn và không định có bạn gái. Anh nghĩ rằng sẽ trung thành với vợ, dù rằng lúc đó bà ta không yêu anh. Nhưng anh gặp em và rồi chúng ta yêu nhau. Anh hiểu ngay em không là người đàn bà xấu. Em cho anh sức mạnh và niềm tự tin. Nhưng anh phải về Mỹ. Anh thử sống lại với vợ. Bà ta muốn giữ anh như một người chồng, nhưng không phải là người chồng thực sự. Anh cũng không muốn là một người chồng không được thương yêu. Nên anh trở lại Việt Nam và quyết định em sẽ là vợ của anh. Chúng ta yêu nhau. Chúng ta có thể có hạnh phúc với nhau. Anh sợ anh thay đổi nên trở lại Mỹ lo thủ tục ly dị và giấy phép. Anh trở lại đây lần nữa và không thay đổi ý định. Bà vợ cũ của anh đồng ý ly dị và không buồn gì về chuyện này.

Vậy em đã hiểu về anh như anh đã giải thích ở trên. Nếu anh thật tình yêu ai, anh trung thành với người đó, và anh hiến dâng cả đời anh cho người đó. Đôi khi anh ngu, nhưng anh sẽ học hỏi.

Okay, anh không là một người quan trọng, hay giàu có. Anh cần hạnh phúc, và làm người khác hạnh phúc. Anh muốn có thực phẩm đầy đủ cho vợ con và cái xe đi đây đó. Anh có thể sống giản dị, không hào nhoáng lắm. Anh không cần uống rượu tuy đôi khi có uống chỉ vì cô đơn. Anh tin rằng con cái của anh phải có học vấn tốt. Anh muốn nói các con của em. Quyết định của em thế nào, anh cũng muốn giúp và gửi chúng đến trường học.

Anh có thể sống đời giản dị. Anh không cần chức tước. Bất cứ là gì, anh cũng có thể làm việc cho người được. Anh là một nhà văn có tài viết. Anh có thể là một nhà văn ngay tại Sài Gòn. Anh có thể được tự do. Tự do là một người chồng của em và một người cha của các con em, bây giờ. Anh có một chút để dành có thể có nhà, có xe và vài thứ cần dùng cho lâu dài.

Nếu em không cưới anh, anh nghĩ anh sẽ vẫn làm như vậy. Anh không muốn làm trong văn phòng nếu không là làm cho người yêu của anh. Anh có thể kiếm tiền sống thoải mái ở Sài Gòn hay Tokyo hay chỗ khác. Anh làm việc gì anh muốn, không phải ông boss muốn. Vậy em biết đó, nếu em không muốn ở Washington, anh có thể ở ngay đây với em, anh có thể cưới em ngay tại đây. Anh sẽ có thể bỏ việc hiện tại. Anh coi đó như một phần dự định của anh để làm em hạnh phúc. Anh không thể sống đến 100 tuổi. Anh có thể sống được 20 năm nữa và trong thời gian đó anh muốn giúp người. Vợ cũ của anh có việc làm tốt. Bà ấy giàu hơn phần lớn số người trên thế giới. Bà ta không cần biết anh đi đâu và làm gì. Nếu em cũng không cần, anh sẽ làm gì anh muốn. Anh sẽ vác cái máy chữ và tìm một cái phòng rẻ tiền nào đó, và viết lâu dài, viết từ trái tim, và rồi anh sẽ viết cho các báo. Anh nghĩ như vậy sẽ tốt cho anh. Nhưng anh sẽ không quyết định ngay. Anh đồng ý với em sẽ phải suy nghĩ kỹ. Trên hết, anh phải nói chuyện với em trước.

Anh là ai? Anh sẽ cố gắng giải thích với em sau. Anh sẽ viết thư cho em trên máy bay và đem tới em khi anh trở lại.

Trên tất cả mọi điều, anh sẽ không làm em buồn hơn nữa. Hãy cầu nguyện Đức Phật cho em và anh. Anh cầu nguyện cho chúng ta sẽ có đúng quyết định, em và các con em được hạnh phúc. Gặp em Thứ bảy. Chỉ có giống bão và tai nạn mới cản trở anh được. Nếu máy bay không đến thứ bảy, vì lý do trời xấu, Anh sẽ gặp em Chủ nhật. *I love you.*

Bob ♥



Kuala Lampur, July 30, 1970

My dear,

Trong ba năm nay Anh đã là chồng của em. Em có hiểu cảm giác của anh thế nào không?

Trên tất cả, anh cảm thấy hạnh phúc đã được gặp em, hạnh phúc vì em đã thích anh và yêu anh, hạnh phúc đã có bao nhiêu giờ phút quý báu với nhau, hạnh phúc đã trao đổi bao nhiêu lá thư yêu thương khi chúng ta xa nhau, hạnh phúc đã được gặp lại em sau một thời gian xa cách thật lâu dài.

Nhưng bây giờ anh cảm thấy nhiều điều khác nữa. Trước hết, anh ân hận đã không là một người chồng tốt hơn. Em đã thẳng thắn nói với anh những điều đó. Anh ước gì đã cho em tất cả để có thể thay đổi được, và nếu anh có thể sửa chữa sự quên lãng của anh đối với em. Em biết đấy, anh đã không quên một điều chính là làm nhanh chóng kết thúc việc ly dị để chúng ta cuối cùng có thể cưới nhau.

Anh ân hận đã không ly dị một hai năm trước đây để bây giờ chúng ta có thể chung sống hạnh phúc.

Anh đau khổ sâu đậm (deep grief) vì bây giờ em từ chối cưới anh. Em có hiểu đau khổ sâu đậm là gì không, là như có một người thân vừa chết. Anh cũng muốn chết. Anh không cần sống. Nhưng anh tiếp tục sống để thấy một nỗi đau sắc bén trong ngực anh. Anh nói chuyện với người và nghe họ, nhưng luôn luôn nghe tiếng em. Anh nhìn họ nhưng luôn luôn thấy khuôn mặt em. Anh thấy em và nghe em trong giấc mơ. Anh tưởng nhớ em ở tất cả mọi nơi, khi anh nhìn cánh tay của anh đã được em vuốt ve, khi anh cài khuy cổ tay áo bằng vàng rất đẹp mà em tặng anh, khi anh dùng cái vé máy bay và ước gì nó cũng là của em đi cùng du lịch với anh, khi anh nhìn thấy một đứa bé và nghĩ tới sự thánh thiện của em, khi anh nhìn đồng hồ cổ tay và tự hỏi không biết giờ này em đang làm gì. Anh luôn luôn nghĩ tới em khi anh ở Djakarta, Pittsburgh, Manila, Washington, bay trên không cao. Đối với anh, nghĩ tới em như được thở hít một không khí tươi mát.

Đôi lần anh giận em, rất giận em. Giận vì sau ba năm, em dễ dàng trở nên thân mật với một người đàn ông khác. Giận vì em bảo anh nên có bạn gái. (Rất dễ đối với anh vì rất nhiều đàn bà, con gái ở Washington, có xe hơi, tiền bạc và nhà cửa). Nhưng anh vẫn coi em như vợ của anh - Anh không thể dễ dàng hướng về một người đàn bà khác dù anh muốn, và anh không muốn, bây giờ hay bao giờ.

Anh cũng giận vì đã ly dị, mà em không còn muốn chia sẻ tự do với anh mà đã có lần em muốn anh đi tìm.

Anh giận vì di chuyển tới Washington vì em, sửa soạn cho đám cưới chúng ta, và bây giờ Washington là một thành phố trống vắng, một thành phố nhiều người nhưng không có em.

Anh giận vì em tin lời người y sĩ đó nói cưới anh có thể là một cuộc phiêu lưu. Em bỏ anh là em đã cười nhạo ba năm của chúng ta. Em coi ba năm của chúng ta là một cuộc phiêu lưu. Em nói vậy ư?

Anh giận vì em đã gọi anh là "ông xã tôi" buổi sáng và nói không bao giờ bỏ anh. Anh sung sướng khóc trước mặt cả các con em, rồi buổi tối em nói với anh hoàn toàn khác. Tại sao? Tại sao?

Anh giận vì đây là lần thứ hai anh thất bại về việc lập gia đình – và cũng là lần thứ hai thất bại của em và em không cố gắng cứu tình yêu này.

Nhưng anh không giận em. Anh không coi thường em. Tình yêu đã nghiền nát nỗi giận hờn của anh. Anh muốn nói với em rằng tình yêu của anh luôn luôn vươn tới em. Anh vẫn hy vọng tình yêu của chúng ta sẽ trở lại như trước.

Tình yêu của chúng ta cho đến gần đây là tình yêu hai chiều. Chúng ta yêu nhau thắm thiết, chúng ta hạnh phúc với nhau. Thỉnh thoảng em giận hờn anh, nhưng nhanh chóng em lại là người yêu của anh. Tình yêu một chiều không tốt. Nó sẽ gây đau khổ cho cả hai người.

Anh không thể quên nhanh chóng tình yêu của anh, nhưng anh sẽ cố gắng không nói đến, vì anh không muốn em đau khổ và trách móc em. Vậy, đây là lá thư yêu thương cuối cùng của anh viết cho em, trừ phi em viết cho anh.

Bob ♥



Saigon, Monday night, August 3, 1970

My dear Dung,

Một đêm mưa. Anh đã quên sự cô đơn như thế nào, và bây giờ thì anh hiểu. Một người bạn Việt Nam, Đ. mời anh nói chuyện lúc 8 giờ tối nay. Đ. lái xe chở anh. Anh rất biết ơn Đ. Tại sao anh có thể quên được những ngày mưa ở Việt Nam. Em đã nói với anh, và anh đã không hiểu. Thật là ngu.

Đã khuya, và anh viết cho em vài chữ trước khi đi ngủ. Anh cảm thấy lẻ loi ở khách sạn nên dọn ra ngoài. Anh ở nhà Bill trên đường Trần Quang Diệu, không xa nhà em. Anh đến tối nay. Bà bếp làm cho Jerry trước kia, hiện đang làm ở đây. Anh có phòng riêng. Thật là yên tĩnh. Bill rất lịch sự. Cái biệt thự thoải mái hơn khách sạn nhiều. Như em biết, Trần Quang Diệu cùng đường với Trương Tấn Bửu và gần Trương Minh Giảng. Biết thế anh ở đây từ lúc đến.

Ngày mai anh sẽ đi Đà Nẵng, và chụp một số hình ở đó. Nhưng anh mới được biết vé máy bay chưa có. Anh không muốn chờ đợi 2 hay 3 ngày. Anh vẫn định rời đây đi Tokyo 1:15 chiều Thứ năm và anh sẽ ở Tokyo với người bạn 3 hay 4 ngày.

Dung ơi, như em biết anh, anh rất ân hận đã chậm chạp và làm rất ít cho em. Nhưng quá khứ đã qua rồi, và anh không thể sửa chữa được. Chỉ có một câu hỏi là bây giờ anh phải làm gì. Hãy để anh nói với em.

Trước hết, anh sẽ im lặng rồi em như em muốn. Dĩ nhiên là anh muốn gặp em trước khi anh đi, nhưng anh tôn trọng ý muốn được để yên một mình của em. Anh muốn ăn trưa với em,

nhưng sẽ không hỏi em nữa. Anh muốn em thăm anh ở đây như một người bạn, không phải là người tình nữa. Anh muốn gọi em hai lần mỗi ngày, nhưng anh sẽ không làm, ngoại trừ nói từ biệt em trước khi anh đi. Nếu em muốn nhắn anh thì gọi cho Jerry hay Đ. ở văn phòng của họ. Chuyện đó tùy em. Anh tôn trọng quyết định của em. Anh muốn ở lại sau thứ năm, nhưng anh sẽ đi. Trong ngày anh rất bận. Buổi tối anh sẽ làm việc ở nhà người bạn đây. Ở khách sạn, anh rất cô đơn. Bill mời anh cơm tối mỗi ngày. Bill mời cả em nữa. Nhưng anh nói em sẽ không đến.

Honey, anh sẽ yên lặng rời em, nhưng anh sẽ không bỏ em. Em đã rất tốt với anh, rất kiên nhẫn với anh, em đã chờ anh quá lâu, vì thế anh sẽ kiên nhẫn với em. Anh nghĩ là anh đã hiểu tình trạng của em, tình trạng mới. Anh không trách móc em. Anh sẽ viết cho em luôn, vì anh muốn giữ em nếu anh có thể. Anh muốn em có cảm tưởng rằng em vẫn có anh như một người bạn, như một người thất bại với em trong quá khứ nhưng là người sẽ làm nhiều hơn trong tương lai.

Anh muốn làm thật nhiều bây giờ, khi đã quá muộn. Nhưng nếu chúng ta qua được những sự khó khăn này, và sau đó chúng ta vẫn còn yêu nhau, anh nghĩ chúng ta sẽ yêu nhau hơn và sâu đậm hơn. Lúc nào anh cũng nghĩ về em, khi anh nghe nhạc, khi anh gặp bạn và khi anh lái xe trên đường phố. Anh nhận ra rằng anh cần em biết chừng nào.

Em là phụ nữ rất đặc biệt, em không giống nhiều đàn bà có bạn trai Mỹ khác. Đ. cũng đồng ý như thế. Vì

lý do đó anh muốn chắc chắn sẽ không làm lỗi nữa. Anh đã rất là sai về cách đối xử với em. Nhưng xin em đừng tự làm đau khổ vì điều đó.

Anh nợ em nhiều lắm. Em không nợ anh gì hết. Anh cảm thấy tội lỗi và xấu hổ.

Honey, em được tự do. Tự do. Em làm những gì em muốn. Đừng lo âu vì chị em của em quý mến anh – bỏ điều đó đi. Em phải tự tìm hạnh phúc. Anh muốn em trong hạnh phúc của anh, lẽ dĩ nhiên em phải tự chọn lựa.

My dear, em nghĩ rằng anh yêu em vì em là một người đàn bà "dễ dãi". Không đúng. Anh yêu em bây giờ, khi em là một người đàn bà rất khó. Bây giờ anh mới nhận ra rằng anh yêu em biết chừng nào. Anh để dành tiền cho tương lai của chúng ta, nhưng bây giờ tiền bạc vô nghĩa đối với anh. Em là tất cả ý nghĩa của đời anh. Em hiểu anh nói gì với em không?

Rời xa Sài Gòn anh sẽ buồn lắm. Anh có nhiều bạn ở đây. Trên hết, tình yêu của anh ở đây. Nhưng anh bằng lòng vậy. Thực buồn khổ ở rất gần em (vài đoạn đường thôi), và lại rất xa. Ít nhất ở Tokyo anh không thể gặp em dễ dàng. Ở đây anh quá căng thẳng. Tại sao anh sợ sệt đi gặp em? Bởi vì em muốn được yên lặng. Cũng có khi em rất vui gặp anh. Khi anh đi Djakarta và gọi điện thoại cho em, em bảo anh hãy can đảm. Anh bảo em cũng như vậy. Đừng để đầu em trên gai nhọn làm đau em.

Cảm ơn em đã đến thăm anh tại nhà J. hôm nay. Anh tưởng em muốn đến, nhưng ngạc nhiên vì em không vui và có vẻ giận hờn. Đừng bao giờ gặp anh, trừ phi em muốn. *Okay?*

Dung ơi, anh yêu em rất nhiều. Anh đau khổ khi thấy em giận anh. Đừng giận anh. Khi em giận anh thì đừng gọi anh, đừng viết cho anh. Nếu có ai hỏi, em hãy nói em không biết anh là ai.

Anh muốn nói với em. Trong tiếng Anh có câu ngạn ngữ "*Có tình yêu và mất còn hơn là không bao giờ có tình yêu.*" Anh đồng ý. Anh hài lòng anh quen em dù rằng em chọn người khác. Anh muốn có em như là một người bạn nếu anh có thể. *Good night my love.*

Anh có thể đến RMK gặp Mr. K. và Mr. C. hôm nay (4 tháng 8) hay ngày mai, nhưng anh sẽ không ghé Cost Accounting phòng của em. *Okay, dear.*

P.S. Em luôn luôn hỏi anh tại sao anh yêu em. Anh sẽ viết cho em một thư dài về câu hỏi đó. Một lá thư về em, và nhân dáng của em như là anh đã thấy.

Bob ♥



Saigon, Tuesday night, August 4, 1970

My dear,

Một ngày bận việc hôm nay. Anh gặp Ô. K. ở RMK vào khoảng 3 giờ chiều. Cả Ô.W. người thay thế Ô. R. nhưng ở một *buiding* khác.

Anh thích chỗ ở Gia Định này. Rất yên tĩnh. Thật tiếc là anh đã không đến ở đây sớm hơn. Thay vì ở khách sạn và đưa em tới nhà Ô. F. Em cố gắng đối với anh như bạn. Em đã rất cố gắng.

Anh vừa ăn cơm tối và dứt nói chuyện với Bill. Dĩ nhiên là anh vẫn cảm thấy cô đơn, nhưng không cô đơn như ở khách sạn. Chiều nay khi mưa xuống, anh thật nhớ tới em, không biết em về nhà bằng gì.

Sáng Chủ nhật khi anh gặp em, em nói sẽ viết thư cho anh. Có lẽ trước khi anh đi, em sẽ gửi cho anh một thư như anh gửi cho em một cái ở RMK sáng nay.

Nhưng không sao, nếu em không làm vậy. Anh rất bối rối, em nói những điều trái ngược trong một ngày. Anh hiểu em như bị phiền nhiễu. Thường thường em mạnh mẽ và nhất ý. Bây giờ em khác làm anh lo lắng và không biết làm gì để giúp em. Nhưng anh sẽ vẫn là bạn của em.

Trong lá thư tối qua, anh quên không trả lời em, anh sẽ làm gì bây giờ. Anh biết anh sẽ không lấy vợ nữa, trừ phi người đó là em. Đối với anh thật là khó để cưới vợ nữa. Em cho rằng anh yếu đuối. Đúng, nhưng anh muốn cẩn thận chọn lựa người vợ khác, người vợ thứ hai mà anh đã chọn rồi. Bây giờ anh không thể chọn người thứ ba được nữa; Anh không thể.

Thật đau khổ với anh ở Sài Gòn bây giờ. Chỗ nào anh nhìn cũng thấy nơi đó chúng ta đã từng đi tới, khi em còn là "*bà xã của anh.*" Anh hối hận đã không làm nhiều hơn để giữ em. Anh đã đi xa bảy tháng. Tại sao anh lại đi xa lâu thế? Bây giờ anh không biết nữa. Chúc em ngủ ngon, em yêu.

Anh nghĩ rằng trong thư tối qua anh đã viết một câu ngạn ngữ: "*Có một tình yêu và mất còn hơn không bao giờ có tình yêu nào cả.*" Anh không tiếc nuối gì ngoài điều anh đã hành động muộn màng và chậm chạp. Anh hài lòng đã quen em. Chỉ hối tiếc là đã không làm gì nhiều cho em. Anh yêu em và vẫn còn yêu em.

Bob ♥



Saigon, August 05, 1970

My Dung,

Dĩ nhiên là anh vui mừng gặp em hôm nay. Nhưng thời gian quá ngắn ngủi. Em nói rất nhiều. Và còn nhiều nữa để nói, để bàn chuyện. Chiều nay anh gặp Jerry với cô bạn gái. Cô ta nói sẽ gọi em nhưng đã không. Tối nay anh lại đến nhà Jerry. Họ hỏi tại sao em không đến. Tất nhiên là anh ước gì em đến. Khi về nhà Bill, anh nghĩ em có thể làm anh ngạc nhiên và đến thăm anh. Tối nay anh không thể viết thư dài cho em vì anh mệt mỏi và buồn ngủ.

Em rất xinh xắn hôm nay. Đặc biệt là em có mang cái chân cài áo anh mua cho em. Anh nghĩ rằng đàn ông Việt Nam ngu. Tại sao em nói rằng em không thể lấy người Việt Nam? Anh không tin vậy. Em bảo anh viết cho em mỗi ngày. Đó là một điều rất dễ thương em nói. Dĩ nhiên là anh sẽ viết cho em luôn luôn. Anh hy vọng em cũng sẽ làm như vậy. Anh sẽ ở Tokyo năm ngày, và sẽ viết cho em. Anh sẽ gửi thư và vài thứ từ đó.

Anh vừa nói chuyện một người Mỹ gốc Nhật Bản. Ông ta và anh đồng ý, phần lớn những người Mỹ ở đây ít nhiều ngu. Hỏi sao nhiều người Việt Nam lo ngại đi Mỹ vì người Mỹ mà họ biết rất ngu.

Em yêu, anh muốn giúp em mua cái nhà rồi khi nào về Mỹ với anh, em sẽ cho thuê. Anh cũng sẽ mua nhà vùng Washington cho chúng ta ở. Anh sẽ để dành tiền cho học vấn của các con em, mua xe và những thứ khác mà chúng ta cần.

Anh nhìn mưa, và anh vui mừng khi có người chờ anh. Anh nghĩ tới em.

nh sẽ mua xe cho em để em lái đi làm đỡ vất vả nhất là khi trời mưa. Em làm cho anh sung sướng vì những lời nói của em hôm nay. Anh nghĩ em không nói để cho anh vui lòng.

Anh nhìn thấy em khắp mọi nơi trong Sài Gòn vì anh yêu em. Nếu anh ở nhà Bill ngay từ ngày đầu thì chúng ta sẽ hạnh phúc biết bao. Em đã bắt đầu đắm thắm với anh ngày thứ hai thì chúng ta lại gặp phiền nhiễu. Chúc em ngủ ngon. Nhưng cho anh biết khi nào em muốn anh trở lại. Anh sẽ cho em biết về vụ ly dị của anh. Dù em không muốn cưới anh, anh cũng muốn kết thúc ly dị. Anh sẽ không cưới ai ngoài em.

Tối nay, lần thứ nhất hình như em mới nhìn thẳng anh và ngắm tóc anh. Thời gian thật ngắn ngủi. Anh nên ở lại, nhưng anh không thể gần em và anh vẫn một mình như tối nay.

Anh sẽ gọi em ngày mai. Anh suýt quên nhờ Đ. gọi em hôm nay.

Anh không muốn thúc đẩy em. Anh muốn em được yên tĩnh. Và đêm nay em được yên tĩnh. Gần 2 giờ sáng. Anh cô đơn, nhưng đêm nay anh cảm thấy yên lòng hơn đêm qua. Rất nhiều điều phải viết. Anh sẽ viết nữa ngày mai. Anh nhớ em. Anh hiểu tại sao em không ở đây với anh.

Anh yêu em.

Bob ♥

(Còn tiếp)



Ngọc Dung & Bob Senser

CHÀO XUÂN

Em yêu ơi!

*Sao sáng hôm nay ngồi trầm mặc
Để gió mơn man sợi tóc mai
Nắng hồng ướp long lanh trên thắm cỏ
Và trái mềm ve vuốt bờ vai*

*Em có thấy hai con chim nhỏ
Hôn nhau trên ngọn trúc đào
Thật dễ thương
Hót líu lo khúc nhạc tình êm ái
Mỏ trắng ngà như hạt gạo vàng hương
Trong mắt em, thời gian ngừng lại
Và môi em trọn vẹn một mùa xuân*

*Em biết không
Hạnh phúc đến thật gần
Như hương hoa
Như ánh hồng làn gió
Như kim cương long lanh trên ngọn cỏ
Ta hồn nhiên, đón nhận...*

Em ơi!

*Này tình yêu
Trái chín tuyệt vời
Hãy ân ái đắm say như chim nhỏ
Nắng ban mai chan chứa xuân hồng
Sao em ngồi yên đó
Hãy đến bên anh
Với hạnh phúc, với tình
Mình hôn nhau và chào đón bình minh.*

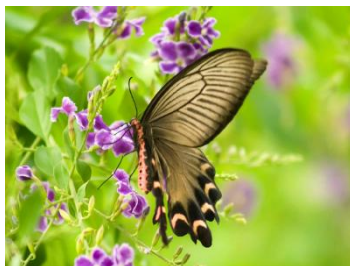
Trần Quốc Bảo

Richmond, Virginia

NẮNG

Nắng mai ngập mảnh vườn xưa
Ai chưng hương phấn
cho vừa men say
Bướm vàng bay, bướm vàng bay
Lung linh bông cải tháng ngày hoa niên

nguyễn vô cùng



MƯA

Cho ta làm hạt mưa ngoan
Lăn bờ vai nhỏ thấm làn da thơm
Em lên cơn sốt chập chờn
Trong mê có thấy từng cơn sóng gào?

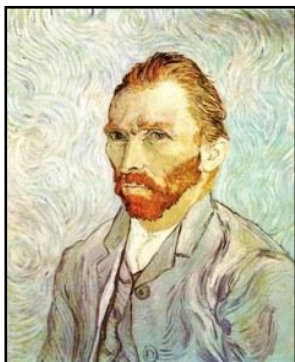
nguyễn vô cùng

VINCENT VAN GOGH

(1853 - 1890)

NHÀ DANH HỌA ĐẮT GIÁ NHẤT

**** Phạm Văn Tuấn ****



Vincent Van Gogh là nhà danh họa người Hòa Lan có danh tiếng đứng sau Rembrandt và là một trong bốn họa sĩ hậu ấn tượng, gồm Paul

Gauguin, Georges Seurat và Paul Cézanne.

Danh tiếng của Van Gogh được căn cứ vào các họa phẩm mà ông đã sáng tác, phần lớn trong ba năm cuối của cuộc đời hội họa 10 năm. Van Gogh đã vẽ hơn 800 bức sơn dầu và 700 họa phẩm thuộc các thể loại khác, thế nhưng ông đã chỉ bán được một tấm tranh khi còn sống. Tranh của Van Gogh có đặc điểm là màu sắc gây cảm xúc mạnh, nét bút thô, hình ảnh có đường viền lớn, tất cả mang bên trong nỗi đau khổ của một tâm hồn bệnh hoạn khiến cho sau này nhà danh họa phải tự sát.

1/ Thời thanh niên.

Vincent Willem van Gogh chào đời vào ngày 30 tháng 3 năm 1853 tại làng

Groot- Zundert thuộc miền Brabant, nước Hòa Lan và là con trai lớn của một gia đình 6 người con. Cha của Van Gogh là một mục sư Tin Lành. Thuở thiếu niên của Van Gogh rất hạnh phúc, cậu nhỏ này thường lang thang vui chơi nơi miền quê thanh vắng. Vào tuổi 16, Van Gogh học nghề bán họa phẩm cho công ty Goupil tại thành phố The Hague, nơi mà một người chú có phần hùn. Công ty Goupil này có nhiều chi nhánh tại các thành phố khác như Brussels, London rồi tới năm 1874, có cửa hàng chính tại thành phố Paris.

Tại Paris, Van Gogh thường đi thăm Viện Bảo Tàng Louvres và các họa phẩm trưng bày tại nơi này đã làm cho tâm hồn Van Gogh say mê và cuộc sống hàng ngày liên quan tới các tác phẩm nghệ thuật đã làm sống dậy trong tâm hồn chàng niềm cảm xúc nghệ thuật. Chàng Van Gogh dần dần không còn chú tâm vào công việc buôn bán rồi cuối cùng, xin thôi nghề buôn tranh vào tháng 4 năm 1876.

Van Gogh say mê các tác phẩm hội họa của Rembrandt, Frans Hals và các danh họa khác người Hòa Lan cũng như các

sáng tác của Jean Francois Millet và Camille Corot. Hai họa sĩ đương thời người Pháp này đã tạo nên các ảnh hưởng trong suốt cuộc đời nghệ sĩ của Van Gogh.

Do nghề bán họa phẩm, Van Gogh đã đi và sống tại nhiều xứ sở và tình yêu ban đầu đã nẩy nở khi chàng thanh niên Hòa Lan này sinh sống tại nước Anh vào năm 1874. Mối tình đầu với một thiếu nữ London đã thất bại, Van Gogh trở nên đau khổ và cô đơn, vì vậy chàng muốn theo học trường đào tạo mục sư, nhưng đã bị rớt vào kỳ thi tuyển. Do quan tâm về tôn giáo, Van Gogh đã theo học một khóa huấn luyện 3 tháng về đạo Tin Lành tại Brussels rồi sau đó, được cử đi rao giảng tại miền Borinage, là nơi hầm mỏ nghèo khó thuộc miền tây nam của nước Bỉ.

Tại nơi hầm mỏ này, Van Gogh đã thông cảm với nỗi khổ đau của người nghèo nên đã quá chăm chỉ và xả thân giúp đỡ họ, gây nên nhiều bất đồng với các vị lãnh đạo tôn giáo. Van Gogh vì thế bị sa thải khỏi công việc giảng đạo và phải trở về sống nhờ gia đình vì không còn tiền bạc. Chính vào năm 1880, ở tuổi 27, Van Gogh đã bị dẫn vật, tuyệt vọng và tìm ra cho mình một lối thoát. Trong một bức thư dài viết cho người em trai tên là Theo, Van Gogh đã cho biết quyết định theo ngành hội họa.

Nhờ sự khuyến khích và nguồn trợ cấp tài chính của người em trai đang làm việc cho công ty bán tranh Goupil tại Paris, Van Gogh trở lại khu hầm mỏ Borinage và bắt đầu vẽ, bắt chước vẽ theo các bức tranh của Jean Francois Millet (1814-1875), vẽ đời sống và chân dung của những người thợ mỏ đen đủi. Van Gogh thấy rằng cách tự học và làm việc chăm chỉ không đủ, còn cần tới sự hướng dẫn của các họa sĩ nhiều kinh nghiệm nên vào năm 1882, ông trở lại thành phố The Hague, Hòa Lan, để theo học hội họa với một người bà con là họa sĩ Anton Mauve (1814-1875), một họa sĩ chuyên vẽ phong cảnh, nhưng Van Gogh đã coi đường lối vẽ của ông Mauve là ngột ngạt và khô khan.

2/ Thời kỳ sáng tác.

Cuộc đời sáng tác của Van Gogh rất ngắn ngủi, chỉ kéo dài 10 năm, từ 1880 tới 1890. Trong 4 năm đầu, Van Gogh học hỏi các kỹ thuật hội họa và chuyên vẽ đường nét (drawing) và màu nước (watercolors) nhưng sau khi đã học tập với Anton Mauve và đã gặp gỡ nhiều họa sĩ khác, kể từ mùa hè năm 1882, Van Gogh bắt đầu bước sang phạm vi tranh sơn dầu (oil painting).

Do nội tâm thúc đẩy “phải sống một mình với thiên nhiên”, năm 1883 Van Gogh đã tới Drenthe, một miền hoang vắng thuộc phía bắc xứ Hòa Lan và đã lưu lại nơi này trong ba tháng

trước khi trở về Nuenen, một ngôi làng thuộc vùng Brabant mà gia đình mới dọn tới. Van Gogh đã cư ngụ tại Nuenen trong các năm 1884 và 1885 và vào thời gian này, nghệ thuật của Van Gogh táo bạo hơn, chín chắn hơn.

Van Gogh đã vẽ ba loại đề tài: tĩnh vật, phong cảnh và con người, tất cả đều liên quan tới miền đất canh tác của nông dân, đời sống của họ, những gian khổ mà họ phải chịu đựng. Cuốn truyện *Germinal* (1885) của Emile Zola, một văn sĩ người Pháp, mô tả một miền hầm mỏ của nước Pháp, đã ảnh hưởng tới Van Gogh rất nhiều, nên trong các tấm tranh của Van Gogh vẽ các người thợ mỏ, đã bộc lộ những chỉ trích mang tính xã hội của họa sĩ.

Năm 1885, Van Gogh đã vẽ ra họa phẩm danh tiếng có tên là “Những người ăn khoai” (*The Potato Eaters*) sau hai năm chuẩn bị. Đây là một tấm tranh lớn, kích thước gần 3 x 4 feet, tượng trưng cho sắc độ và đề tài mà Van Gogh ưa thích vào giai đoạn này. Họa phẩm này mang các màu đất u tối, gợi lại cách diễn đạt của Frans Hals và Rembrandt, với nét bút nặng nề, mô tả cảnh gia đình gồm 5 nông dân đen đui, ngồi nơi bàn ăn nghèo nàn. Toàn thể bức họa đã diễn tả đầy đủ mức sống thấp hèn của đề tài và hoàn cảnh tàn nhẫn của người dân thợ mỏ.

Trong thời kỳ này, Van Gogh cũng vẽ một số tranh tĩnh vật như một giỏ khoai, một ấm đồng đun nước, vài tổ chim và ngay cả một đôi giày cũ rách. Một trong

các họa phẩm tĩnh vật nổi danh nhất của thời kỳ ban đầu này là bức họa “Sách Thánh Kinh mở với ngọn nến” (*Open Bible with Candle*, 1885), trong tranh còn bao gồm cuốn truyện “Vui Sống” (*Joie de Vivre*) của Emile Zola.

Qua nghệ thuật hội họa, Van Gogh cố gắng tìm kiếm sự cứu rỗi cho chính mình và cho các người khác bằng tinh thần tông đồ khi trước và Hội Họa đã là ngõ ra của nội tâm sâu kín cũng như cách diễn tả sự quan tâm về xã hội của họa sĩ. Van Gogh đã cố công diễn tả sức cần lao và sức sản xuất của người lao động, nhất là mô tả các kẻ khốn cùng.

Kiến thức về hội họa của Van Gogh cũng thay đổi sau khi nghiên cứu các tranh của Frans Hals. Van Gogh thấy rằng lối học thuần lý thuyết đã phá hủy sự tươi mới của các ấn tượng nhãn quan, trong khi các họa phẩm của Paolo Veronese và Eugene Delacroix khiến cho Van Gogh hiểu rằng chính màu sắc cũng đã nói lên một điều gì. Trong lần đi tới Antwerp và được ngắm nhìn các tranh vẽ của Peter Paul Rubens, Van Gogh đã thấu hiểu các phương tiện đơn giản của Rubens và khả năng của nhà danh họa này trong việc mô tả bản sắc (mood) của đề tài bằng cách phối hợp các màu sắc. Cũng vào thời kỳ này, Van Gogh đã khám phá ra hai đường lối nghệ thuật trong nền Hội Họa Nhật Bản và trong các tranh thuộc trường phái Ấn Tượng (Impressionism).

Do không chấp nhận các nguyên tắc cổ điển về hội họa thuộc trường phái hàn lâm của thành phố Antwerp, Van Gogh bỏ về, sống với người em trai là Theo tại Paris năm 1886. Trong 4 tháng, Van Gogh theo học với họa sĩ Fernand Cormon và nhờ thời gian cư ngụ tại Paris mà Van Gogh gặp gỡ các nghệ sĩ như Henri de Toulouse-Lautrec (1864-1901), Emile Bernard (1868-1941). Và nhờ Theo, Van Gogh được giới thiệu với các nghệ sĩ danh tiếng, là những người đang giữ các vai trò lịch sử trong nền nghệ thuật mới, họ là các họa sĩ ấn tượng và hậu ấn tượng (Post Impressionists) như Edgar Degas, Paul Signac, Georges Seurat, Paul Gauguin. Camille Pissaro (1830-1890) đã khuyên Van Gogh nên dùng các màu sắc tươi sáng hơn và áp dụng các kỹ thuật mới mà trường phái ấn tượng bắt đầu sử dụng.

Trong thời gian giữa mùa xuân năm 1886 tới tháng 2 năm 1888, đường lối diễn tả nghệ thuật của Van Gogh đã thay đổi hẳn, với một họa pháp riêng, một khuynh hướng đặc biệt về bút pháp. Các tấm tranh của Van Gogh trở nên nhiều màu sắc hơn, cách nhìn sự vật không còn cổ điển như trước, với sắc độ của họa phẩm nhẹ nhàng hơn. Van Gogh không còn vẽ các nông dân đen đui nữa mà bắt đầu mô tả những đề tài đặc trưng của trường phái ấn tượng, chẳng hạn nhiều phong cảnh của các vùng phụ cận

Paris, cảnh trí bên bờ sông Seine, với hai họa phẩm tiêu biểu là “Montmartre” (1886) và “Sàn quay Galette” (Moulin de la Galette, 1886).

Van Gogh cũng bị ảnh hưởng bởi họa phẩm của Seurat, đó là bức tranh “Buổi chiều chủ nhật trên đảo La Grande Jatte” (A Sunday Afternoon on the Island of La Grande Jatte) được triển lãm năm 1886. Kể từ mùa hè năm 1887, Van Gogh đã dùng tới bút pháp với các nét kẻ cận mang các màu sắc của quang phổ thuần chất (spectrum-pure).

Ngoài ra, Van Gogh còn sưu tập một số họa phẩm khắc gỗ (woodcuts) của Nhật Bản, nhất là loại tranh Ukiyo-e của họa sĩ Hiroshige (1797-1858) và ảnh hưởng của đường lối thí nghiệm mới là cách dùng hai hay nhiều điểm viễn khuất (vanishing points). Kỹ thuật phối cảnh mới này được thể hiện qua họa phẩm “Dạ Hội tại Montmartre” (Festival in Montmartre, 1886/87) và họa phẩm “Các cây mận đang nở hoa” (Plum Trees in Blossom, 1888) là thí dụ về ảnh hưởng của lối khắc gỗ Nhật Bản.

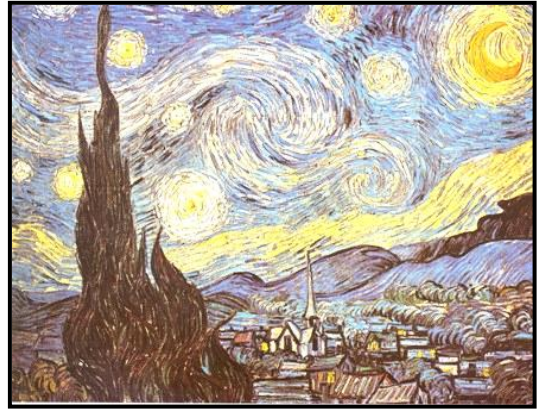
Tới mùa hè năm 1887, Van Gogh đã vẽ các phong cảnh bằng các màu thuần chất (pure colors) với nét họa đứt khúc, đôi khi theo lối điểm chấm (pointillistic). Đường lối hậu ấn tượng (post-impressionist style) của Van Gogh bắt đầu được thực hiện kể từ năm 1888 qua các họa phẩm “Chân dung của Cha Tanguy” (Portrait of Père Tanguy) và

“Chân dung tự họa” (Self-Portrait in Front of an Easel) cũng như một số tranh vẽ các vùng ngoại ô của thành phố Paris. Vào năm 1888, Van Gogh được nghe Toulouse-Lautrec ca ngợi phong cảnh rực rỡ của miền nam nước Pháp và được đọc vài tác phẩm văn chương của Alphonse Daudet mô tả về những người dân bà đẹp của miền Provence, các sự kiện này đã khiến cho Van Gogh di chuyển về miền đông nam của nước Pháp vì họa sĩ đã quá mệt mỏi, chán cảnh đời sống thành thị và ước ao được “nhìn ngắm thiên nhiên dưới một bầu trời trong sáng”.

Kể từ tháng 2 năm 1888 và trong suốt 12 tháng trường, Van Gogh đã thuê một ngôi nhà tại Arles, sơn màu vàng và trang trí ngôi nhà thành một nơi cộng đồng của các “nhà ẩn tượng miền nam”. Đây là thời kỳ sáng tạo phong phú nhất của nhà danh họa Van Gogh. Trước phong cảnh thiên nhiên rực rỡ này, Van Gogh đã vẽ mỗi ngày, hầu như luôn luôn ở ngoài trời, dưới ánh nắng chói chan và trong bầu không khí khô ráo, cảnh trời quang đãng. Van Gogh đã không thể kiềm chế được các cảm xúc của tâm hồn mình trước các đề tài mới lạ, hấp dẫn. Nhà danh họa đã làm việc với tốc độ rất cao, cố công ghi lại các ảnh hưởng của thiên nhiên và tâm trạng của mình trước ngoại cảnh.

Các đề tài tại miền Arles này gồm các cây ăn trái đang nở hoa, các toàn cảnh của thành phố và vùng phụ cận, các

chân dung của bạn bè và người đưa thư Roulin, cảnh trí trong nhà và bên ngoài nhà, một loạt các hoa hướng dương và “Một đêm đầy sao” (A Starry Night).



Qua các họa phẩm, Van Gogh đã khai triển sự trong sáng về màu sắc và lối sắc nét về bút pháp, khác hẳn với đường nét mờ ảo của trường phái Ấn Tượng (Impressionism). Trong mỗi họa phẩm của Van Gogh, mỗi hình ảnh được vẽ rõ ràng và táo bạo, khiến cho ánh sáng có vẻ như phát ra trực tiếp từ cảnh vật trong tranh.

Cũng giống như các họa sĩ ấn tượng, Van Gogh vẽ từ cách quan sát trực tiếp, không vẽ theo trí nhớ và bao gồm trong họa phẩm cách mô tả các cảm giác nội tâm của mình. Đặc điểm của Van Gogh là cách dùng màu sắc. Nhà danh họa đã xử dụng màu sắc một cách rất hàm xúc, không những coi màu sắc là một phương tiện để thiết lập nên các tác dụng của ánh sáng và không khí, tạo

nên chiều sâu của thể tích và không gian, mà còn coi màu sắc là cách chuyển đạt sự đam mê sâu thẳm mà họa sĩ rung cảm trước các cảnh vật, kỷ vật và con người.

Về các chân dung, Van Gogh không chỉ vẽ lại các nét đặc biệt của nhân vật mà còn muốn ghi lại bản chất chính yếu của người mẫu và trong kỹ thuật này, màu sắc đã đóng một vai trò chính, như tại hai chân dung vẽ năm 1888: “Họa sĩ người Bỉ Eugene Boch” và “Người nông dân miền Provence” (The Provencal Peasant). Và đối với Van Gogh, các màu sắc khác nhau mang các hàm ý khác nhau: màu mặt trời tượng trưng cho sự ấm áp, yêu thương, màu xanh mát mang ý nghĩa của ban đêm và vô tận, màu đỏ biểu hiện sự đam mê và điều xấu xa. Cùng với cách diễn tả bằng màu sắc, Van Gogh còn mô tả nhân vật bằng nét vẽ hoặc thô, nặng, hoặc thanh, nhẹ và chân dung của họa sĩ Boch có nét bút tế nhị, tượng trưng cho một con người tinh tế.

Sống đơn độc tại miền Provence, Van Gogh cho rằng cách đạt tới nghệ thuật hội họa của mình mang nhiều tính cá nhân nên ông đã muốn tập hợp một số họa sĩ để lập ra nhóm các họa sĩ ấn tượng miền nam, trong đó gồm cả Toulouse-Lautrec, Paul Gauguin và một số người khác.

Theo lời mời của Van Gogh, Paul Gauguin đã về miền Arles vào tháng 8

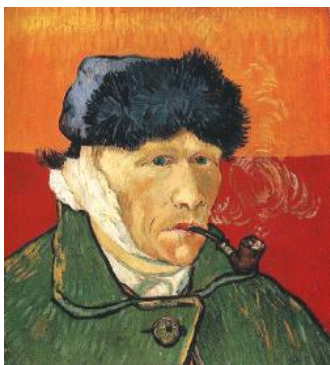
năm 1888, sống trong căn nhà màu vàng, nơi mà trên tường Van Gogh đã trang hoàng bằng một loạt các bức họa vẽ “Hoa Hướng Dương” (Sunflowers).



Cả hai họa sĩ này đã vẽ cùng với nhau và vì Gauguin cao tuổi hơn nên đã hầu như đóng vai trò một bậc đàn anh, một bậc thầy chỉ bảo để Van Gogh cải tiến đường lối hội họa.

Gauguin cho rằng Van Gogh nên vẽ bằng trí nhớ, nên làm cho các nét vẽ bớt thô kệch và không nên dùng các màu phụ đối chọi, chẳng hạn như màu lục và màu đỏ, màu vàng và màu tím, nên tránh các màu gắt và chói mắt. Lúc đầu, Van Gogh nghe theo lời khuyên của Gauguin và đã vẽ ra họa phẩm “Người đọc chuyện” (The Novel Reader, 1888) và một vài bức họa khác, nhưng rồi Van Gogh cho rằng cách vẽ như vậy thiếu hẳn đi chiều sâu tâm lý nên đã không thỏa mãn về phương pháp hội họa đó.

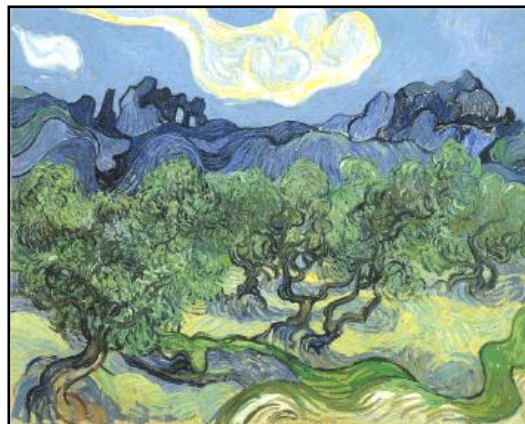
Van Gogh trở về với lối làm việc cũ, điều này đã khiến cho Paul Gauguin coi người em là một họa sĩ kiêu căng, thường chối bỏ các lời đề nghị xây dựng. Thực ra, hai nhà danh họa này đều là những con người có cá tính không ổn định, dễ bùng nổ. Các xung khắc về bản chất chắc chắn sẽ không tránh khỏi. Vào đêm Giáng Sinh năm 1888, một trận cãi cọ đã xảy ra giữa hai họa sĩ và trong cơn nóng giận, Van Gogh đã dùng một con dao cạo sắc, cắt đứt một vành tai. Sau khi Van Gogh được chở đi bệnh viện băng bó thì Paul Gauguin cũng bỏ về Paris. Cả hai không bao giờ gặp lại nhau nữa.



Self- Portrait with Pipe and Bandaged Ear

Hai tuần lễ sau, Van Gogh trở về căn nhà màu vàng và bắt đầu cầm cọ trở lại, và kết quả là các họa phẩm như “Chân dung tự họa với ống điếu và tai bị băng bó” (Self- Portrait with Pipe and Bandaged Ear), một số tranh tĩnh vật và họa phẩm “Ru Em” (La Berceuse). Sau đó vài tuần lễ, người ta lại thấy ở Van

Gogh các dấu hiệu của bệnh tâm thần khá nặng, khiến cho họa sĩ phải quay về điều trị tại bệnh viện.



Landscape with Olive Trees, 1889

Vào cuối tháng 4 năm 1889, Van Gogh yêu cầu được nghỉ ngơi tạm và chữa bệnh tại Saint-Rémy de Provence. Trong 12 tháng lưu ngụ tại nơi này, Van Gogh đã vẽ ra các họa phẩm như “Căn vườn của người ẩn náu” (Garden of the asylum), “Các cây trắc bá” (Cypresses), “Các cây ô-liu” (Olive Trees), các bức chân dung của một số bác sĩ. Trong thời gian sáng tạo này, 1889-1890, Van Gogh đã bộc lộ qua tác phẩm nỗi buồn và nỗi sợ bị mất đi cách tiếp xúc với thực tại.

Vì bị giới hạn trong phòng hay trong vườn của khu điều trị, nhà danh họa bị thiếu tự do trong việc lựa chọn đề tài, thiếu hẳn các cảm hứng từ cách quan sát trực tiếp và luôn luôn Van Gogh không đồng ý với cách vẽ từ trí nhớ. Chính tại Saint Rémy, các họa phẩm của

Van Gogh không còn chứa đựng các màu sắc mãnh liệt như trước, các đường viền bao quanh đề tài không còn thô đậm và các hình thể mang hàm ý chạy vội tới người ngắm tranh hay lùi xa về phía chân trời. Trong thời gian này, 150 khung vải đã phủ đầy các nét đan thanh xuất sắc.

Van Gogh rời bệnh viện vào tháng 5 năm 1890 và đi về hướng tây bắc của thành phố Paris, tới ngôi làng Auvers-sur-Oise, nơi mà Daubigny và Pissaro đang sống và làm việc. Theo lời khuyên của Camille Pissaro, Van Gogh đã nhờ bác sĩ Paul Ferdinand Gachet trị bệnh. Bức họa “Bác Sĩ Gachet” của Van Gogh đã là một danh tác mới.

Nhà danh họa cũng chọn một số đề tài để vẽ như các cánh đồng bắp và lúa mì, thung lũng có giòng sông, các mái nhà tranh của nông dân. Các họa phẩm trong thời kỳ này có các hình thể tự nhiên, không bị méo lệch như trước kia và ánh sáng của miền bắc nước Pháp đã làm cho sắc độ của họa phẩm tươi mới hơn nhưng vẫn đượm màu xám. Mọi vật trong tranh có vẻ như linh động hơn, sống dậy hơn.

Thế nhưng, thời kỳ sáng tác này của Van Gogh đã không kéo dài được lâu. Nhà danh họa đã cãi lại bác sĩ Gachet, tự cảm thấy quá lệ thuộc vào người em trai Theo và không còn khả năng thành công nữa. Thế rồi vào đêm hôm 27 tháng 7 năm 1890, do quá tuyệt vọng,

nhà danh họa Van Gogh đã dùng súng, tự sát. Người em Theo vào lúc này đã lập gia đình và có một con trai 6 tháng, cũng cảm thấy quá đau khổ, rồi qua đời 6 tháng sau, vào ngày 25-1-1891 vì bệnh sưng thận kinh niên.

Căn cứ vào các họa phẩm phần lớn sáng tác vào ba năm cuối của thời kỳ 10 năm cầm cọ ngắn ngủi, Vincent Van Gogh được giới nghệ thuật coi là họa sĩ tài danh người Hòa Lan xếp hạng sau Rembrandt. Trong thời kỳ sinh sống tại Arles, Van Gogh đã vẽ các loại hoa, các cánh đồng chan hòa nắng ấm, còn tại Saint Rémy, các họa phẩm của ông trở nên dịu hơn, nhưng lại hàm chứa các đường nét táo bạo hơn.



Red Vineyards at Arles, 1888

Khởi đầu bằng các màu sắc u tối, Van Gogh đã ghi lại các tĩnh vật, phong cảnh và chân dung của miền bắc, tới khi dọn xuống Arles thuộc miền nam, các họa phẩm lại tươi sáng, rực rỡ và khi trở về sống tại Auvers thì các bức họa mô tả miền bắc Âu lại đượm màu xám và sắc

độ tươi mới. Màu sắc và bút pháp trong các tranh của Van Gogh đã biểu hiện được các cảm xúc nội tâm, sâu kín, đã mang đầy đủ ý nghĩa diễn tả và đã gây được ảnh hưởng lớn lao trong việc phát triển ngành Hội Họa mới, đặc biệt đối với các họa sĩ thuộc hai trường phái Dã Thú (Fauve Painters), và Biểu Hiện tại nước Đức (German Expressionists).

Trong lúc sinh thời, Van Gogh không được nhiều người biết đến. Nhà danh họa đã trưng bày các tác phẩm nơi Phòng Triển Lãm của các Nghệ Sĩ Độc Lập (Salon des Indépendants) tại Paris trong các năm 1888 và 1889 và tại Brussels năm 1890 nhưng đã không gây được sự chú ý nào của quần chúng. Và khi ông còn sống, chỉ có một bài báo đề cập tới nhà danh họa, nhưng qua đầu thế kỷ 20, cách biểu hiện tự tình (lyrical) các cảm xúc nội tâm trước sự vật, trước cảnh thiên nhiên của nhà danh họa đã là những đặc điểm, đã nói lên rằng vẻ đẹp và sự thật không chỉ ở trong con mắt mà ở trong tâm hồn và linh hồn và nhà danh họa đã là người diễn tả ra bằng các màu sắc, các loại bút pháp đặc biệt.



Irises, 1889

Ngày nay các viện bảo tàng, các nhà sưu tập tranh đều tìm kiếm mua lại các họa phẩm của Van Gogh vì cách sáng tạo nghệ thuật này hàm chứa các kinh nghiệm cá nhân, các cảm xúc và tâm tư của tác giả. Và đặc biệt vào năm 1987, họa phẩm “Hoa Diên Vĩ”(Irises) của nhà danh họa Van Gogh đã được bán đấu giá với giá biểu cao kỷ lục của thời bấy giờ là 53.9 triệu Mỹ kim./.

Phạm Văn Tuấn

NHỚ XUÂN QUÊ CŨ

Mây giăng đỉnh núi mờ sương
 Bâng khuâng cỏ biếc
 vương vương nắng đào
 Nhớ xuân quê cũ dạt dào
 Mai vàng cúc trắng ngạt ngào sắc hương

Trăm ngàn cánh én muôn phương
 Tìm về phương ấy con đường mù xa
 Luyến thương hoa mận hoa trà
 Hương xuân man mác bao la ngập trời

Quan hà từ độ đôi nơi
 Phương này hiu hắt chơi vui xuân về.

QUỲNH ANH

Trường thi: “TRÊN NHỮNG MIỀN QUÊ HƯƠNG”

**** Trường Đình ****

LTS: Đây là một bài thơ gồm 1584 câu 8 chữ, 396 đoạn 4 câu. Nhà thơ Trường Đình đã chọn lọc từ 200 bài thơ về quê hương của chính tác giả và trau chuốt trong 2 tháng vào đầu năm 2018. Cỏ Thơm sẽ lần lượt trích đăng trường thi này lên các tạp chí trong tương lai.

Mời em nhé, về thăm quê xứ Mẹ cùng với anh đi từ Bắc vào Nam...

(xem đoạn 1-44 trong Cỏ Thơm số 82)

45

thác Ba Tia mơ màng bên triền đá
anh có em nơi thung lũng Huyền Đình
thành Xương Giang, gió bay về yên ả
áng mây chiều vẽ lại dáng hình yêu

46

xứ Kinh Bắc gần kề bên sóng nước
ông ả chào với nhạc điệu dân ca
hương gió nhẩn giữa chiều quê Đình Bảng
gọi nhau về làm xao xuyến tình ta

47

chiều Hội Lim, nắng dịu trên vai nhỏ
khăn Mỏ Quạ, em chít đẹp tóc huyền
anh giao duyên một chút gì Quan Họ
rời mai đây, sẽ tìm đến Mời Trầu

48

dòng Tiêu Tương, chiều nay là sông cổ
tiếng Gọi Đò reo nhớ cả Bắc Ninh
lời mến thương, gọi về em sóng vỗ
chốn quê xưa, em đẹp với tháng ngày

49

sáng vừa lên, Hải Phòng mờ sương lạnh
làng Đông Khê nhẹ nhẽ trải nắng hồng
hoa Phượng Vĩ ngọc ngà khoe đôi cánh
nhớ thuở nào lưu bút vẽ nhánh thơ

50

bãi Cô Tô, hoàng hôn reo gió mộng
chiếc hôn mơ làm đẹp nét Tình Yêu
đêm Hồng Vân, tương tư về soi bóng
ngọn sóng thương, dào dạt bến Trường Xuân

51

gió Vân Đồn chiều nay tha thướt gọi
Bãi Tử Long, cơn sóng nhớ hôm nào
tình anh đó như mây trời giăng lối
đưa em về, thăm hỏi chốn quê xưa

52

bến Quan Lạn chiều nay ngàn sóng vỗ
tình cho nhau chớ vỡ đóa hoa yêu
em ngây dại như Bãi Dài chờ đợi
anh mơ màng chan chứa những niềm thương

53

sóng gọi nhau vẫn nồng nàn biển ấm
mây xa vời chớ theo gió quạnh hiu
nay em hỡi, Minh Châu là bến đợi
đôi cánh tình đẹp mãi trong tim yêu

54

sáng sớm mai, ghé thăm miền Phật cảnh
tỉnh Quảng Ninh, lên cao với núi đồi
ánh từ bi theo về xưa gió lạnh
xin nén nhang làm nguyện ước thanh bình

55

dãy Đông Triều, một khung trời Yên Tử
vùng đất lành có gió hát rừng reo
trên đỉnh núi, mây ngàn năm xuống ngự
khói hương thiên như tỏa cánh linh lung

56

*binh minh sáng, nắng trải đầy Uông Bí
nơi chùa Trinh còn dấu bước Hương Vân
một thuở đó, vua Nhân Tông ghé lại
bên Suối Tắm để rửa sạch bụi trần*

57

chùa Giải Oan, vết rêu mờ cổ kính
tiếng chuông chiều còn gõ nhẹ âm vang
suối nước xưa trầm mình theo cơn mộng
mây gió về để giải nỗi hăm oan

58

*khói Hoa Yên gọn hình ngôi chùa Cả
thuở hôm nào còn phủ nhánh mây xanh
am Ngọa Vân với la đà sương gió
rừng cây từng như rồng múa uốn quanh*

59

mây tràn về chiều nay trên núi đỉnh
ngôi chùa Đồng giữa cổng trời uy nghiêm
chốn Vân Tiêu, nén hương lòng dâng kính
non thiêng này, xá lợi tháp Huệ Quang

60

*chiều gió mây đưa người về Một Mái
để thấy mình có Phật ở trong tâm
lời kinh khuya xin dâng lên tháp Tổ
trong cõi lòng là Yên Tử Trúc Lâm*

61

một sớm mai, ước mơ anh đã hứa
được bên em trên đất Mẹ quê hương
tìm thân ái chỉ riêng mình mở cửa
chớm yêu thương trên biển đảo Cát Bà

62

*thuyền Bha-ya theo Hạ Long vỗ sóng
bữa tiệc trưa trên con nước bình bông
kia Bô Hòn, Ngọc Vũng rồi Cổng Đổ
đạo quanh trời giữa ngàn đảo mệnh mông*

63

núi Đề Thơ giữa biển màu xanh thẳm
trên nét mây, em soi bóng mê say
môi mắt gần, ta vào hang Sừng Sốt
thấy đất trời chen sát với bàn tay

64

*gió chiều nay, Bô Nâu lay cành liễu
rủ la đà bên giấc mộng linh lung
em hiền ngoan khép vào vòng tay nhỏ
ta diu nhau theo từng bước Thiên Cung*

65

lời dịu ảm giữa Long Tiên mây khói
hương gió trời chan chứa những niềm tin
trái tim si có nhau về chung lối
mỗi cái nhìn là nhắn gửi yêu thương

66

*hang Trinh Nữ vẫn còn reo mộng nhớ
em ngây thơ như bước lại tháng ngày
ta dúi dúi giữa hồn nhiên dạo bước
đắm mê tình cho mãi vẫn còn say*

67

ghé Tuần Châu, vào Hải Dương mua cốm
lên Ninh Bình, tìm đến Cổ Đô xưa
điệu hát chèo với đàn Bầu đàn Nguyệt
ru vào lòng nỗi nhớ, chiều lệ mưa

68

*đền Kiếp Bạc, nhìn nét xưa trầm mặc
núi Côn Sơn tĩnh lặng giữa mây ngàn
Bàn Cờ Tiên cho nhau nhiều lưu luyến
ghì vào lòng nẻo vương vấn thời gian*

69

mênh mang trắng, vạn ngàn cánh cò vạc
râm ran trời trên đảo Chi Lăng Nam
bềnh bồng gió giữa hồ gương bát ngát
chạnh cõi lòng chan chứa những niềm thương

70

về đây thăm ngôi đền chùa Bái Đính
tượng Phật đồng lớn nhất vùng Á Châu
bên sân đài, dãy hành lang La Hán
Giếng Ngọc xanh, óng ánh nét nhiệm mầu

71

đầm Vân Long và Tràng An kỳ bí
cảnh hoang sơ có gió núi nghiêng bay
dòng sông xưa như vãn thơ diễm ảo
sóng bập bềnh bên giấc mộng thiên thai

72

sáng mai này, dạo núi đồi Non Nước
chuyện chúng mình sẽ yêu mến từ đây
cài tóc mây bài thơ tương tư nhớ
để mỗi chiều, em ngã vào tình say

73

sông Vân Sàng lững lờ như vẽ mộng
có bóng em trên sóng nước dịu dàng
ghế công viên, anh sẽ chờ em đó
trong vòng tay, hai đứa chọt mơ màng

74

núi Cánh Diều, những cánh hoa đang nở
sắc tím vàng cho đẹp nét lá loi
chiều rơi nắng với nụ hôn trao gửi
anh gọi em là nàng Ngọc Mỹ Nhân

75

ngày lất lêu cầu Mây trên cỏ thụ
từng bước chân theo phím gió đông đưa
vượt suối nước, lang thang vào Tam Cốc
Sa Pa tình, lãng mạn giữa rừng thưa

76

cánh Cổng Trời vừa hé chào cơn mộng
vòng tay trao, vẽ đẹp Thung Lũng Hồng
chiếc kèn lá, em làm chim ca hát
nhánh đào xinh bên phiến đá Hàm Rồng

77

động Tả Phìn có em diu theo bước
trên tay anh, áo Thổ Cẩm mịn màng
rừng thông xanh cũng tơ tình tha thướt
gió xạc xào ngơ ngác nặng Sa Mu

78

màu nắng hạ, chiều nay nhìn dịu mát
có phải thương lên mắt nhớ một người
gió rừng thông về ngang qua Cồn Thủ
mỗi yêu đương còn vương vấn nụ cười

79

bãi Đồng Châu tháng ngày thơ dại ấy
cánh đồng Ngao, cát mỏng và gió chiều
ngàn sóng nhớ vỗ vào bờ kỷ niệm
chiếc hôn trao còn say ngất tình yêu

80

hàng cây Ngâu, hoa vàng thương rộ nở
nỗi nhớ người cũng vàng ánh Thái Bình
chiếc Chiếu xinh chờ em nơi làng Hới
anh ru hời cho mây nước gần nhau

81

chiều Hà Nam trải đầy trên sông Đáy
sóng dập dềnh theo con nước về nguồn
làn lụa mỏng khoe sắc màu Nha Xá
thạch nhũ treo, gió nước giữa hang Luồn

82

dãy núi cao, vườn cây xanh mươn mướt
cánh cò bay làm trắng cả khung trời
bầy sơn dương dạo quanh bên bờ nước
từng nhánh rong rêu lả bên ao Dong.

(còn tiếp)

TRƯỜNG ĐÌNH

BÔNG HOA HUỆ

**** Tôn Nữ Mặc Giao ****

Bông, Hoa và Huệ là tên của ba cô gái... sồn sồn chứ chưa phải là già lắm! Bởi khi trận “đại hồng thủy” xảy ra cho toàn miền Nam vào ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì các cô đang ở vào độ tuổi 11, 12 gì đó. Thân phụ của các cô đều là những vị sĩ quan của Quân lực Việt Nam Cộng Hoà ngày xưa. Đặc biệt ba gia đình này là lối xóm, ở khít vách liền nhau ba căn trong một khu phố trung lưu hiền lành ở đường Hai Bà Trưng Sài Gòn khi xưa. Ba ông bố đều trong quân đội, ba bà mẹ đều là giáo viên, cả ba gia đình đều chỉ có độc nhất một đứa con gái đầu lòng là Bông, Hoa và Huệ.

Bông, Hoa và Huệ tuy là lối xóm với nhau nhưng tình thân như chị em ruột. Khi miền Nam bị rơi vào tay cộng sản, cả ba gia đình đều bị kẹt lại. Nhờ sự “khoan hồng, độ lượng” của “cách mạng”, ba vị sĩ quan, thân phụ của các cô đều được nhà nước ưu ái cho đi “du lịch” từ Nam ra Bắc rồi lại từ Bắc vào Nam để mà... “đi một đường học một sàng khôn”. Nhưng hỡi ơi! Khi biết “khôn” ra rồi thì chỉ còn thối tha câu: “Đừng nghe những gì cộng sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm!”. Cho nên khi còn ở trong lao tù cộng sản, các ông đã nhấn nhủ một câu khéo léo trong thư viết về cho các bà

vợ rằng: “Anh ở ngoài này rất khỏe, đủ ăn và lao động giỏi. Em ở nhà đừng lo cho anh mà hãy nghe theo chánh sách nhà nước, hồi hương về quê làm ruộng. Lao động là vinh quang. Anh nghĩ về miền Tây làm ruộng với ông bà ngoại là thích hợp nhất, để mau chóng ổn định cuộc sống mà lo cho con học hành tới nơi tới chốn.”

Các bà vợ đọc thơ bàn với nhau, hiểu ý các ông xã. Làm gì có quê mà về. Một bà người miền Trung, hai bà kia một bà là Bắc di cư 54, một bà cũng gốc Bắc rặc, nhưng theo bố mẹ vào Nam từ sớm, sanh đẻ trong Nam nên nói giọng Nam ngọt sớt. Vả lại ông bà Ngoại của sắp nhỏ đi bán muối từ khuya rồi còn đâu nữa mà cày với cuốc. Ý của các ông xã bảo hồi hương “về quê làm ruộng” đây có nghĩa là xúi chúng mình tìm đường vượt biên đấy! Thế là các bà cứ theo lệnh các ông xã trực chỉ “miền Tây” mà tìm đường “về quê”. Con người ta có số mạng cả, không phải ai vượt biên cũng thành công tới nơi tới chốn hết. Có người bỏ thân làm mồi cho cá trên biển cả. Có người nhà tan cửa nát đến được bến bờ tự do chỉ có một mình. Cũng có người xác bấc xang bang một vài lần rồi cũng được thành công. Ôi! Nói sao cho xiết những nỗi hải hùng trên biển

cả khi con tàu bị hư lênh đênh trôi không định hướng? Nói sao cho xiết những nỗi khổ đau, nhục nhã khi hải tặc hoành hành bá đạo trên thân xác những nữ thuyền nhân đáng thương kia! Có những cô gái bị ám ảnh đến nỗi không xoá bỏ được nỗi kinh hoàng trên con tàu chết máy trôi trong cơn giông bão bị hải tặc thay nhau hãm hiếp. Cho nên khi sang đến Mỹ rồi, mỗi khi trời chuyển cơn mưa gió, các cô quỳ xuống lạy như tể sao xin tha mạng. Có cô trở thành bệnh tâm thần phải nằm nhà thương. Bình thường thì cô rất hiền lành, dễ bảo. Nhưng có một lần y tá giúp cô cài lại một cái cúc áo thôi, cô đã bỗng dưng trở nên hung dữ, cào cấu, cắn xé và hành hung y tá. Người nhà cô giải thích là tại cô bị ám ảnh khi nhớ lại cảnh đám hải tặc như một bầy thú dữ bu vào xé quần xé áo làm nhục cô. Tác giả mỗi khi viết đến đây cứ rơi nước mắt và thảm trách ông Trời sao để cho tác giả cứ phải nghe được những chuyện thương tâm như vậy làm chi? Tác giả mà còn không quên được thì những nạn nhân kia làm sao mà họ trở lại bình thường được? Thôi thì chỉ còn biết cầu xin các cô sẽ được đền bù xứng đáng từ những đáng thiêng liêng, xin thời gian hãy xoa dịu làm mờ dần đi phần nào vết thương tâm và nỗi đau trong lòng các cô.

Cũng có người tán gia bại sản vì chuyện vượt biên mà vẫn không thành công. Diễn hình như ba gia đình của

Bông, Hoa và Huệ. Lần đầu tiên được ba bà mẹ cho đi vượt biên theo đường miền Tây ở Rạch Giá. Trong khi đang ngồi trên “tắc xi” để di chuyển ra “cá lớn”. (“Tắc xi” là ghe nhỏ, “cá lớn” là tàu bự, tiếng lóng của dân vượt biên). Bỗng đâu một đám công an ập đến cầm súng chia vào đám người trên ghe la lớn:

- Giơ tay lên!

Tội nghiệp ba cô bé nhỏ dại đâu biết gì, đã hốt hoảng đứng dậy meo máo đưa hai tay lên cao. Ba bà mẹ vội vàng ôm các con vào lòng trấn an:

- Không có gì! Không có gì! Các con đừng sợ! Có mẹ đây! Có mẹ đây!

Cả bọn bị hốt hết về đồn công an. Năm ngày sau cả ba bà mẹ đều được thả về vì có con nhỏ. Thế là tiền mất tật mang, nhưng ba bà mẹ vẫn kiên trì thêm một vài lần như vậy nữa ở những chỗ khác nhau. Khi thì Vũng Tàu, lúc thì Cần Thơ, một đôi khi đổi ra Nha Trang hoặc Phan Thiết nhưng vẫn không thành công. Tiền hết, nhà cửa trống trơn. Đồ đạc bay dần ra chợ trời để mua cơm gạo cho con ăn. Các bà không đi nữa, đành phải ở lại chờ chồng về tính sau. Riêng các cô càng ngày càng lớn và khôn dần ra chứ không còn sợ hãi như lần đầu tiên “giơ tay lên” nữa. Nhưng hình ảnh những người lính đầu đội nón cối, chân mang dép râu, tay cầm súng “Aka” hăm dọa, mặt lạnh lùng hét: “Giơ tay lên!” chẳng bao giờ xoá nhòa trong đầu các cô.

Thời gian trải dài trên tuổi thơ của các cô theo cuộc sống kham khổ, túng thiếu của gia đình. Khi ba ông bố được thả về thì các cô đã trở thành những thiếu nữ đang tuổi dậy thì, mười bảy bề gãy sừng trâu. Nhờ trời thương, tuy ăn kham mặc khổ nhưng các cô mạnh cuội cuội, thông minh, hiếu học lại ngoan ngoãn. Được sự chăm sóc, dạy dỗ tận tình của ba bà mẹ đã từng là nhà giáo nên các cô cũng tốt nghiệp được hết lớp 12. Ba ông bố sau khi tốt nghiệp trường đại học “Đỉnh cao trí tuệ” trở về không một “bằng cấp” gì trong tay ngoài một mảnh giấy “ra tù” bị quản lý tại địa phương đã trở thành ba ông “lái”... xích lô và làm thêm hầm bà lằng đủ thứ nghề để phụ giúp thêm cho ba bà mẹ đáng được vinh danh là những bậc hiền thê, những vị phụ mẫu đã một đời hy sinh cho chồng cho con. Đã cùng nhau nắm tay chịu khổ, chung tình chung thủy, chờ chồng nuôi con trong cơn nước nhà ngã nghiêng gió bão.

Ôi thời buổi đảo điên, điên đảo. Ông xuống thuyền, thuyền lên ông mấy hồi! Ba vị sĩ quan đã từng chỉ huy trăm trận trăm thắng, hết một lòng bảo vệ quê hương nay chỉ là những người lao động đập xích lô. Tác giả không cố ý chê bai những người hành nghề đập xích lô. Đó là công cụ kiếm tiền của những người lao động chân tay có sức khỏe. Mỗi người mỗi việc, tài năng của ba vị Sĩ quan kia là nên tận dụng tham

gia đóng góp vào việc bảo vệ và xây dựng quốc gia. Nhưng mất nước là mất tất cả, “ông” xuống thuyền, để thuyền lên “ông” đưa quốc gia đi đến chỗ tối tăm, băng hoại, ngày càng trở nên càng nghèo đói có hạng trên thế giới.

Tưởng cuộc đời “chấm dứt” từ đây, ba ông bố trở về nhà chẳng còn tiền để mà toan tính chuyện vượt biên được, nên an phận giúp vợ, một lòng chăm sóc, dạy dỗ và kèm các cô học thêm ngoại ngữ. Vốn liếng Anh văn mà các ông đã học được trong quân đội và những lần tu nghiệp ở Mỹ. Hy vọng với số vốn liếng sinh ngữ này, mai sau các con có thể tìm được một việc làm tương đối có thể tự nuôi sống được bản thân mình ở trong cái đất nước mà bọn “trí tuệ đỉnh cao” đang cầm quyền. Thì đúng một cái năm 1989 cả ba gia đình đều được đi Mỹ theo diện “H.O”. Lúc đó Mỹ còn dễ dàng, các cô mặc dù đã quá tuổi thành niên, nhưng vì chưa lập gia đình nên vẫn được đi theo bố mẹ. Đặc biệt hơn nữa là cả ba gia đình dù đi đâu chẳng nữa cũng đều cố gắng định cư chung một tiểu bang. Lúc đầu chỉ có gia đình Bông và Huệ được về California thôi, nhưng cũng chẳng được ở gần nhau. Bông ở San Jose còn Huệ ở Santa Ana. Gia đình Hoa ở tận miền Đông Hoa Kỳ.

Ông Trời đã không phụ kẻ có lòng, rất may mắn, thân phụ của Bông gặp lại được một người cố vấn Mỹ ngày xưa làm việc chung một đơn vị ở VN.

Vị cố vấn này đã giới thiệu việc làm cho ông, sẵn đó ông nhờ giúp đỡ luôn cho hai ông bạn là thân phụ của Hoa và Huệ. Vị cố vấn này thật là tốt, đã đứng ra “sponsor” cho hai gia đình Hoa và Huệ về San Jose, kiếm luôn việc làm cho hai ông bố. Thế là họ lại gặp nhau, vui mừng nắm tay hứa hẹn, cùng nhau cố gắng học hỏi để mau chóng hội nhập vào cuộc sống mới trên miền đất tự do mà họ đã tuyệt vọng tưởng chẳng bao giờ được đặt chân đến.

Phần ba cô Bông, Hoa và Huệ. Tuy tuổi đã gần “băm” đến nơi rồi, nhưng cũng cố gắng học lấy cái nghề để dễ tìm việc làm. Lúc đó điện tử đang bắt đầu lên như diều, với cái trình độ Anh ngữ trong bao nhiêu năm chịu khó học hỏi ở VN từ những ông bố thì việc tìm job đối với các cô chẳng trở ngại gì. Thế là chẳng bao lâu các cô đều có việc làm tốt và ổn định cuộc sống một cách mau lẹ. Các ông bố bà mẹ thấy con cái của mình đứa nào cũng có công ăn việc làm tốt thì bắt đầu nói chuyện “kén rể” với các cô. Bông và Hoa dấy nẩy lên, nại có lớn tuổi rồi, còn muốn học lên nữa nên không nghĩ tới chuyện lập gia đình, Huệ thì không phản đối nhưng nói để tự nhiên chứ không muốn ai giới thiệu, mai mối cho mình.

Và rồi cái gì tới thì phải tới thôi, duyên đã đến thì không sao tránh khỏi. Số là một bữa nọ vào mùa hè, công ty của các cô tổ chức buổi “picnic” ngoài

trời với những trò chơi giải trí cho gia đình nhân viên. Họ chia nhóm với nhau, đàn ông một bên, đàn bà một bên. Thách thức nhau nặn đất sét, đề tài là tự do không bó buộc, nhưng sản phẩm của bên nào làm cho mọi người cười được thì bên đó thắng. Bên thắng sẽ được bên thua bao một tuần lễ ăn “lunch” khỏi trả tiền. Mọi người xúm nhau bàn bạc, tìm kiếm người khéo tay nhất trong bọn để nặn. Thế là ba cô được bầu làm người nặn đất, đề tài do ba cô tự chọn. Bên nhóm đàn ông cũng bầu được ba người để cân bằng với phái nữ. Và họ bắt đầu cuộc thi, thời gian họ có được là hai tiếng đồng hồ để hoàn thành tác phẩm.

Ba cô vì sợ những người khác làm lộ chuyện không nhìn được cười khi nhìn thấy tượng nặn của các cô nên yêu cầu mọi người đi chơi chỗ khác để các cô được yên tâm làm việc. Ba cô tánh tình đều giống nhau, nghĩa là năng nổ, xốc vác, nhưng nghịch ngợm, phá phách cũng chẳng ai bằng. Chỉ riêng cô Huệ hơi khác một chút là cũng năng nổ, cũng xốc vác vậy, nhưng lại nhát khách, chỉ dám nghịch ngợm, phá phách ngấm sau lưng người ta thôi, hoặc đưa ý kiến hay xúi người khác làm chứ không bao giờ dám ra mặt. Lần này chính cô lại chủ động đưa ra đề tài và làm thợ chính, Bông và Hoa chỉ là thợ phụ mà thôi.

Chẳng cần phải đến hai tiếng đồng hồ, chỉ hơn một tiếng đồng hồ sau, ba

cô bùng sang bên nhóm đàn ông một cái mâm phủ vải đỏ, đặt xuống bàn rồi chạy mất. Mọi người ngơ ngác không nghĩ là các cô giỏi tới như vậy, chưa hết giờ mà đã hoàn thành nhiệm vụ, nhưng cũng kéo tấm vải đỏ ra xem thử. Trời đất! Thì ra các cô nắn “con chim” của một thằng boy (không phải của man). Con nít bao giờ cũng dễ thương, người lớn thì... sợ lắm! Nghịch đến thế thì thôi, hèn gì mà các cô cấm đầu cấm cổ chạy mất. Một thằng boy nằm tênh hênh trên cái mâm, hai tay nắm lấy hai chân kéo lên ngực, miệng cười toe toét. Khoe “con chim” đang ở cái thể “biểu dương lực lượng” khiến không ai có thể nhìn cười được. Chẳng biết cô nắn giống tới cỡ nào mà đã khiến một anh chàng “H.O” trẻ, có lẽ là nhỏ tuổi nhất khi miền Nam bị rơi vào tay cộng sản, khoái tác phẩm “con chim của thằng boy” nên đã động lòng với Huệ. Anh H.O này hơn Huệ 9 tuổi. Mười tám tuổi đi lính, hai mươi tuổi bị đi học tập chỉ vì mang lon Thiếu úy. Và đau hơn nữa là học tập dài lê thê vì trót đại làm lính Tâm lý chiến. Một tên nẫu cộng sản đã chỉ vào mặt anh trong một buổi kiểm thảo, “lên lớp” anh với một giọng trợn trệ rặc mùi... nẫu rằng:

- Anh là Sĩ quan Tâm lý chiến mà anh lại bảo là không giết người à? Tội ác của anh nặng lắm anh biết không? Tâm lý chiến là xách động quần chúng phản lại cách mạng. Tội ác của anh rửa không biết đến bao giờ mới sạch. Rồi

hắn nhếch mép cười một cách nham hiểm nói tiếp: nhưng cách mạng khoan hồng không giết anh, để cho anh trình diện học tập cải tạo cho thông suốt đường lối cách mạng. Được về hay không là tùy vào thành quả lao động của anh, anh hiểu chưa?

Rồi không biết có tấy não được anh không, chín năm sau tức là năm 1984 anh được tha về, rồi cũng được đi Mỹ theo diện H.O. Đó là nguyên nhân mà anh có mặt trong buổi “picnic” ngày hôm đó. Anh theo đuổi Huệ ráo riết, nhất quyết đòi tham gia vào việc “nặn chim” và đã được Huệ đáp lại. Họ đám cưới và anh cứ một hai bắt Huệ phải cùng anh “nặn” cho ra một “con chim của thằng boy”. Huệ cũng hy vọng lắm! Nhưng Trời chẳng chiều lòng người, “con chim” đâu chẳng thấy, chỉ thấy ra một “cái tẹt”. Ông H.O không thất vọng, tiếp tục nắn nỉ Huệ ráng một lần nữa cho ra “con chim”, nhưng Huệ vì sanh khó, quá đau đớn nên tởn tới già không chịu “nặn” tiếp.

Mười bảy năm sau, tức là năm 2008. Bông và Hoa cũng đã lập gia đình, con cái đề huề, người nào cũng có hai con, một trai một gái. Chỉ riêng có Huệ là “em chả”. Chả hay không chả cũng không làm sao tránh được số trời. Bao nhiêu năm “kiêng cử” không sao, 44 tuổi chả biết “trục trặc” thế nào Huệ lại mang bầu lần nữa. Đầu tháng 4 năm 2008 Huệ đã “nặn” ra được “con chim của một thằng boy” khiến ông H.O trẻ

tuổi như mở cờ trong bụng. Tuy muộn màng nhưng có còn hơn không, ông vui hơn bao giờ hết. Đi làm thì thôi, hễ về đến nhà là chạy vào coi... “con chim”. Ông còn đùa trêu Huệ:

- Em coi! Giống hệt “con chim” đất sét của em năm xưa.

Huệ then thùng mắng chồng:

- Cái “ông mãnh” này! Sao mà nhớ dai thế!

Họ thật là hạnh phúc. Ôi! Thời gian trôi quá nhanh. Mới đó mà đã 33 năm mất nước. Đến bao giờ mới thấy lại được lá cờ xưa? (Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ). Ba mươi ba năm với ba thế hệ đời người nối liền nhau như những mắc xích của cuộc đời. Thế hệ thứ nhất coi như đã qua, là những bậc tiền bối, bậc cha chú đã từng sống và tham gia, chứng kiến hai lần di cư (54 và 75). Thế hệ thứ nhì đang trôi (là những người đã từng chứng kiến và sống trong hải hùng khi miền Nam bị rơi vào tay cộng sản. Thế hệ thứ ba đang tới (là những cháu sinh sau năm 1975). Đáng lẽ chuyện của Bông, Hoa và Huệ cũng chẳng còn gì để nói tiếp. Nhưng tác giả tình cờ nghe được những mẫu đối thoại giữa cháu Nai Nai với bố mẹ của cháu nên không thể không viết tiếp được. (Nai Nai tức là “cái Tẹt” con gái lớn của cặp H.O trẻ và Huệ nay đã 17 tuổi). Xin thuật lại như sau:

Bông nhận được ba tấm vé mời đi xem chương trình văn nghệ “Lịch sử ngàn người viết” do IRCC tổ chức vào

ngày Chủ Nhật mùng 6 tháng 4 năm 2008. Đáng lý ba chị em rủ nhau đi xem, nhưng vì Huệ mới sinh còn trong tháng nên không thể tham dự được. Nàng nhờ Bông và Hoa cho cháu Nai Nai đi xem chung để cháu hiểu biết thêm về cái ngày tang thương 30 tháng 4 của những người Việt “di tản buồn”. Vì cháu rất hiếu kỳ, hay tìm hiểu và hỏi bố mẹ về quê hương cội nguồn của mình. Cháu rất dễ thương, cháu nói cháu không bao giờ quên mình là người Việt Nam, tuy sanh đẻ trên đất Mỹ nhưng cháu hiểu và nói tiếng Việt rất rành.

Chương trình văn nghệ đến 7 giờ tối mới xong mà mới gần 6 giờ đã thấy cháu trở về với nét mặt không vui. Ông H.O trẻ nhìn con gái hỏi:

- Sao con? Đi xem văn nghệ có hay không?

Nai Nai phụng phịu, chu mỏ lắc nhẹ đầu không nói gì, đi vào phòng mẹ gõ cửa gọi:

- Mẹ! Con vào được không?

Huệ đang cho “con chim” bú, nghe tiếng con gái thì ngạc nhiên:

- Sao con về sớm vậy? Mẹ đang cho em bú, con vào đi!

Nai Nai xà xuống bên mẹ, nựng nựng vào hai cái má bầu bĩnh đỏ hồng của “thằng con chim” giờ đã no nê nằm phưỡn trong tay mẹ, cặp mắt lim dim thật là thấy ghét. Huệ vác “thằng con chim” lên vai cho ợ vài cái rồi đặt vào

nôi cho nó ngủ, xong quay sang con gái hỏi lại:

- Sao con về sớm vậy?

Nai Nai không giải thích mà hỏi lại Huệ:

- Mẹ! Mình chào cờ là phải đứng nghiêm chỉnh, mặt hướng về lá Quốc Kỳ phải không mẹ?

Huệ gật đầu:

- Đúng vậy! Sao? Văn nghệ 30 tháng 4 mà không có chào cờ à?

Nai Nai lắc đầu:

- Không phải! Chương trình văn nghệ gì mà giống như là làm để phô trương thanh thế của mình chứ không phải để nhắc nhở và lưu truyền lại cho thế hệ mai sau. Mẹ biết không? Đầu tiên hết là một dàn chào của lính, đi diễn hành và cầm cờ đưa lên cao trông cũng khí thế lắm! Nhưng sau đó đến phần chào cờ và hát Quốc ca, tự nhiên đẩy một đám con nít lên khiến những người lính cầm lá Quốc Kỳ bị đẩy tuột ra phía sau. Đám con nít đứng “quay đi” lại hát Quốc ca. Như vậy là không đúng phải không mẹ?

Huệ ngạc nhiên không ngờ con gái mới 17 tuổi thôi mà lại khó tính và “serious” đến những gì liên quan tới VN như vậy. Tuy không đi xem nhưng Huệ cũng có thể tưởng tượng ra cảnh chào cờ trên sân khấu nên giải thích:

- Có thể chương trình này vì quay video để lưu trữ cho viện bảo tàng nên họ muốn mọi người quay nhìn xuống phía

khán giả để họ có thể thu được hết những hình ảnh trên sân khấu chăng?

Nai Nai nghiêm giọng:

- Nếu vậy tại sao không sắp xếp theo hình vòng cung? Người lính cầm cờ VN đứng chính giữa trên bục cao. Mọi người đứng hai bên cánh, mặt hướng về lá Quốc Kỳ, khi hát có phải là trang nghiêm và tôn kính hơn không? Chưa kể là một phút mặc niệm để tưởng nhớ các “chiến sĩ đã bỏ mình vì Tổ quốc” (chữ của ông H.O trẻ hay nhắc nhở và hát bài “Hồn Tử Sĩ” cho con gái nghe). Con thấy không giống như bố hát, hoặc trong những phim tài liệu mà con đã xem. Mỗi lần nhạc tưởng niệm trỗi lên con cảm thấy toàn thân “nổi gai ốc” và muốn khóc. Bầu không khí yên lặng và trang nghiêm đến nỗi con có cảm tưởng như “anh linh” đã khuất của các bậc “tiền bối” đang “hiển linh” phảng phất theo bầu không khí trở về “chứng giám” và “phù hộ” cho “hậu bối” đời sau vậy. Mẹ! Có phải nhạc tưởng niệm sau lễ chào cờ của Việt Nam Cộng Hoà ngày xưa “của bố” không còn “hiệu lực” nữa phải không mẹ? Ai cũng có quyền muốn thay thế nó bằng bài nhạc nào thì thay hả mẹ? IRCC đã không trỗi nhạc “Hồn Tử Sĩ” để tưởng niệm mà lại hát một bài nhạc nào đó, hình như của TCP thì phải? khiến con hoang mang và thắc mắc không biết sau này họ còn “ché” ra cái gì khác nữa không? Những tài liệu con tìm hiểu về Quốc Kỳ, Quốc ca có còn chính xác nữa không? (Tác

giả có lời khen cháu Nai Nai ra đời và lớn lên trên nước Mỹ mà đã hiểu và dùng được nhiều danh từ không thể ngờ. Tác giả đã cố tình đóng trong ngoặc kép để phân biệt. Có lẽ phải khen ông H.O trẻ và cô giáo Huệ đã khéo dạy con).

Huệ kêu lên:

- Vậy nữa sao? Điều này mẹ không biết thật. Có lẽ con phải hỏi bố, có thể bố biết và để ý hơn mẹ.

Nai Nai vẫn còn ám ức:

- Hơn nữa con thấy họ chỉ nói chung chung chứ không nhấn mạnh và “đánh thẳng” vào trọng điểm là “vì ai? Và tại sao?” mà chúng ta phải bỏ nước ra đi? Điểm đáng chú ý nhất là kêu gọi tinh thần “đề cao cảnh giác” coi chừng bị bọn cộng sản nằm vùng trên đất Mỹ lợi dụng, len lỏi, trà trộn vào trong Cộng đồng để làm lung đoạn tinh thần đoàn kết của người Việt Quốc gia mình. Văn nghệ thuần túy thì là văn nghệ thuần túy, còn đã xen chính trị vào thì phải nói cho rõ ràng. Những ca sĩ và những tiếng hát của các hội đoàn thì con không có ý kiến vì họ chỉ muốn đem tiếng hát và góp mặt với chương trình mà thôi! Nội dung có ý nghĩa và sâu sắc hay không là ăn thua ở người tổ chức chương trình. Cho nên ai nghĩ sao thì con không biết, ý kiến cá nhân con đối với buổi văn nghệ này là... con chẳng hiểu gì cả. Sau phần chào cờ và phút mặc niệm “kỳ cục” đó đã làm con “cụt hứng” nên họ muốn hát gì đó thì

họ hát. Con ngủ gục lên, ngủ gục xuống cho đến giờ “break” con và hai dì đi về.

Huệ hỏi thêm:

- Con đòi về nữa chừng như vậy mà dì Bông với dì Hoa chịu à? Ý kiến hai dì ra sao?

- Hai dì chịu liền. Hai dì còn nói nhỏ vào lỗ tai con: “Dở ẹt! May mà còn có những ca sĩ tên tuổi và phim tài liệu kéo lại. Dì cũng như cháu, ngủ gục lia chia”. Phần hai thì con miễn bàn vì con không có tham dự. Cũng có thể hay và có ý nghĩa cũng không chừng. Nhưng rất tiếc là con không còn phần khởi nữa. Sorry, but that was a waste of time. I could have spent it doing something better.

Nai Nai còn nhiều nhận xét rất độc đáo về buổi văn nghệ “Lịch sử ngàn người viết” mà tác giả không thể nào ngờ.

Xin chấm dứt ở đây với một ý nghĩ: Nếu ai cũng “khó tính” và “ngghiêm túc” khi nghĩ về Việt Nam như cháu Nai Nai thì có lẽ đây là một đóng góp không nhỏ trong việc yểm trợ tinh thần để đấu tranh giành lại tự do cho quê hương, và giải thoát dân tộc khỏi ách gông cùm cộng sản trên toàn lãnh thổ Việt Nam hiện tại.

Tôn Nữ Mặc Giao

CHUYỆN TÀU TITANIC

*Titanic...ngày xưa...Titanic!
Với chuyến hải hành định mệnh ban đầu.
Mang hơn ngàn người chìm xuống biển sâu
Cùng khối tình em thiên thu bất diệt.*

*Chuyện cũ rồi, ngỡ không còn ai biết!
Bỗng hôm nay như sóng cuộn dâng cao,
Chuyện đã lâu mà nước mắt nghẹn ngào
Cửu hiện ra hết thảy nào đang sống.*

*Ôi tình cờ mà thực là xúc động!
Anh lên tàu hành lý một con tim.
Trời xui đất khiến chẳng phải đi tìm
Giữa mây nước, anh, em...đời lý tưởng.*

*Em chối bỏ giàu sang cùng an hưởng,
Tính toán làm chi khi nhập cuộc chơi.
Hồn nhiên ca hát nhảy múa tuyệt vời.
Bất chấp mọi cản ngăn và nguy hiểm.*

*Lắm người mẩu khỏa thân, em mẫu nhiệm
Ghi dấu thời gian để lại đời sau.
Anh vẽ đi! Thừng thẳng chớ ngại lâu!
Hỡi chàng họa sĩ tài ba thương mến...*

*Thế rồi tai ương bắt đầu xập đến,
Tàu đụng tảng băng bị cắt làm đôi,
Biết bao sinh linh hồng hót chơi vơi,
Để càng lúc càng lâm vào tuyệt vọng.*

*Em với anh luôn như hình với bóng,
Luôn vẫy vùng, luôn bày tỏ thương yêu.
Mấy chiếc thuyền cấp cứu được bao nhiêu!
Trẻ thơ, thiếu phụ cũng nhiều tức tưởi.*

*Thôi..."cát bụi lại trở về cát bụi"
Cho khắp mọi người đều phải riêng ta.
Đang tay trước gió chẳng thể bay xa,
Thì đành chấp nhận, thế là vĩnh viễn!*

*Sau được vớt lên, em từ mặt biển
Cùng với nỗi buồn chẳng biết anh đâu!
Em mơ màng tưởng lúc ở bên nhau
Giá tình mình hết mọi người cổ vũ.*

*Giá một phút huy hoàng rồi sụp đổ...
Cũng vui lòng thỏa dạ phải không anh?
Bốn phía bấy giờ nước biển vẫn xanh
Và em vẫn nhớ người tình muôn thuở.*

NGUYỄN PHÚ LONG

TITANIC

Titanic... Titanic! There was... once upon a time,
On the fateful sea journey in its very prime,
The ship, carrying two thousand souls and above,
Sank deep into the sea together with her eternal love.

The story is old, thought that people no longer extol,
But casually today it returns to me like a surging roll.
My tears overflow despite too long ago for it to derive
Reappearing just like in the time they were still alive.

Oh, unexpectedly but really moving, you, so smart,
Embarked with, as all luggage, one youthful heart.
Fortunately we did not need to seek in any distance;
Amidst clouds and water, you and I: an ideal existence.

I turned down the ready-to-enjoy richness right away;
Why to compute, contrive while entering the play?
Together with you I sang and danced fabulously by far,
In defiance of any restraint, obstacle, danger, bar.

Acting as a model I marvelously performed nude,
Recording the setting and time for our future brood.
Depict! Leisurely, no worry about time, be the gainer,
Oh my dear, paint on, my beloved talented painter!...

And then suddenly to the ship happened the infliction:
Against an iceberg, it broke into two by the friction.
So many souls were panic-stricken, alarmed, in scare;
The more they cried out the more they fell in despair.

You and me, we had always been held together tight,
Always struggling, all the time expressing our plight.
How many lives could those few rescue boats save?
Children, women, all folks choked in sore and rave.

Well, comes the rule: "Ashes to ashes, dust to dust."
It is fundamental for everyone not only for us the must.
We stretched our arms in the wind but could not fly far,
Then, fens we couldn't help dying without lodestar.

After that, I was finally from the sea fished out
Together with the agony you were nowhere about!
I dreamily recollect our time being side by side;
Our valued love all the world has encouragingly eyed.

Rather only one minute of glory then the tumble
Than, isn't it so, honey, a lifetime of fumble, humble?
Now in the four directions the sea water is still blue,
And I will continue to miss my sweet the ever true.

Translation by THANH-THANH



VỀ THĂM CỔ HƯƠNG

*Quá nửa đời người biệt cố hương
Bao đêm thôn thức khóc trong hồn
Đảo điên thế cuộc trời quê mẹ
Ai kẻ ra đi chẳng đoạn trường!*

*Bốn tám năm nao nức trở về
Ngân ngơ Từ Thức lạc đường quê
Cây đa cổng thượng nào đâu thấy
Thôn xóm không còn rợp bóng tre.*

*Chốn cũ ta tìm thuở ấu thơ
Ao bèo, ngõ trúc, mái chùa xưa...
Quần quanh chỉ những nhà san sát
Bên vũng đâu còn điệu hát xưa.*

*Hỏi thăm tin tức bạn thân quen
Ngơ ngác không người biết đến tên
Chao ôi! Nhân thế vô thường quá
Trở gót lòng nghe nặng nỗi niềm.*

*Thôi thế từ nay hết ngóng trông
Cố hương, kỷ niệm ở trong lòng
Cố hương, trọn kiếp còn thương mãi
Trọn kiếp ai hoài khách viễn phương.*

PHẠM THỊ NHUNG



NẮNG SỚM

Buổi sáng ra vườn dạo cảnh chơi,
Trời êm mây lặng, cỏ xanh tươi.
Bông hồng trước mặt đang hàm tiếu,
Khóm cúc bên rào mới thịnh khai.
Ngọn trúc la đà vờn nắng sớm,
Cành đào phe phẩy rũ sương mai.
Không gian chìm lắng trong yên tĩnh,
Giây phút lâng lâng lãng chuyện đời.

KIM Y

CẢNH ĐẸP SAU NHÀ

Nhìn lên cảnh sắc chập chùng
Cỏ xanh trải nắng, ngập ngừng trên không
Buông lơ lửng mái tóc phiêu bồng
Phất phơ trước gió lụa hồng nhẹ lay.

Mây vắt vẻo bủa vây đỉnh núi
Nước hồ thu gợn xủi long lanh
Vi vu đông giá trên cành
Nhẹ nhàng liễu rủ tơ mảnh động lay.

Xuân qua hạ đến từng ngày
Vài đôi hạc trắng xoài bày luyện thương
Câu ca vọng khúc vô thường
Đường dài cất bước đoạn trường viễn du.

DIỄM CHÂU (Cát Đơn Sa)

TÒA ÁN QUỐC TẾ QUA CÁC GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ

**** Nguyễn Văn Thành²³ ****

Hiện nay, trên thế giới, có hai Tòa Án Hình Sự Quốc Tế đang tổ chức những phiên tòa xét xử những bị cáo can tội “diệt chủng” và “những tội phạm chống nhân loại”.

Tại Bosnia (trong Liên Bang Nam Tư Cũ) từ 1991 đến 1993, Kadovan Karadzic tự tuyên bố thành lập Cộng Hòa Serbian Bosnian và nắm chức Tổng Thống. Được sự hỗ trợ của Slobodan Milosovic, Tổng Thống Serbia, nhà lãnh đạo Karadzic đã cùng Tướng Datko Mladic Tư Lệnh các lực lượng vũ trang Bosnian Serb, tiến hành cuộc chiến tranh tại Bosnia và Croatia nhằm thi hành kế hoạch thanh lọc chủng tộc, diệt người hồi giáo và Croat, để dựng lên một Cộng Hòa Serbia vĩ đại.

Tại Rwanda (Phi Châu), dưới quyền cai trị của Tổng Thống Juvenal Habyarimana, binh sĩ thuộc bộ lạc Hutu cùng những phần tử quá khích đã từng đột giết hàng loạt bộ lạc thiểu số Tutsi trong 3 tháng từ 19.04.1994 đến tháng 8 năm 1994, đưa con số tử vong trên nửa triệu người. Nếu kể từ đầu năm 1994 đến cuối năm 1994, theo các nhà điều tra, ước khoảng 800.000 người bị

giết, trong khi đó dân số Tutsi sống ở Rwanda có 7 triệu rưỡi, tức 11% dân số bị tiêu diệt. (*Foreign Affairs March/April 1998 - World Affairs Summer 1998 - Security Council Resolution 827 May 25, 1993 for the Former Yugoslavia - Resolution November 8, 1994 for Rwanda*).

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, ta thấy sự ra đời của Tòa Án Hình Sự Quốc Tế vào những năm cuối cùng của thế kỷ 20, để xét xử những vi phạm trầm trọng luật nhân đạo quốc tế (*serious violations of international humanitarian law*) như tội “diệt chủng” (*genocide*) và “những tội phạm chống nhân loại” (*crimes against humanity*).

Hai tội phạm nói trên, trước 1945 chưa hề có trong luật pháp quốc tế. Các tội phạm này bắt nguồn từ Hội Nghị Luân Đôn giữa năm 1945, Công Ước Geneva ngày 12.08.1949 và một phần Án Lệ của Tòa Án Quân Sự Quốc Tế Nuremberg xét xử các bị can đầu não Đức Quốc Xã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược gây ra Thế Chiến thứ II (1939-1945).

Phần Án Lệ còn lại rất quan trọng liên hệ tới hai tội phạm như tiến hành

cuộc “chiến tranh xâm lược” (*aggressive war*) và “những tội phạm chống hòa bình” (*crimes against peace*). Từ nhiều thế kỷ trước năm 1945, không có hai tội danh này. Thực hiện kế hoạch tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược coi như tội phạm đứng hàng đầu trong số các tội phạm.

Con đường đi tới Nuremberg là một công trình nghiên cứu tập thể của những chính trị gia, sử gia và luật gia về các biến cố quan trọng xảy ra trên thế giới trải dài suốt tiền bán thế kỷ 20. Sự thất bại của Tòa Án Đặc Biệt xét xử Hoàng Đế Đức Kaiser Wilhelm II cùng các Tòa Án Quân Sự gặp trở ngại không xét xử được 2.000 (hai ngàn) phạm nhân chiến tranh gây ra Thế Chiến Thứ I cũng như sự sụp đổ của Hội Quốc Liên kéo theo sự tan rã của Tòa Án Quốc Tế Thường Trực, đã giúp các nhà nghiên cứu rút ra những bài học nói trên để hình thành một tổ chức an ninh tập thể mới thay thế Hội Quốc Liên. Đó là sự ra đời Liên Hiệp Quốc với sự xuất hiện Tòa Án Quốc Tế được quy định trong Hiến Chương Liên Hiệp Quốc. Sau đó, ta thấy lần lượt Tòa Án Quân Sự Quốc Tế được thiết lập do Hiệp Ước và Tòa Án Hình Sự Quốc Tế do Nghị Quyết của Hội Đồng Bảo An và quy chế của Tòa này do Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc soạn thảo. (*The road to Nuremberg. Judgment on Nuremberg by Wilham J. Bosch-Versailles Treaty, 1918 - Articles 227, 228 and 229 -*

Statute of the International Court of Justice -Statute of the International Tribunal).

Để có cái nhìn bao quát các biến cố quan trọng xảy ra trong thế kỷ 20 ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự tiến triển của bộ máy tư pháp trong cộng đồng thế giới và sự sáng tạo luật pháp quốc tế mới chẳng những được áp dụng trong hậu bán thế kỷ 20 mà còn hướng tới Thiên Niên Kỷ sắp tới, người viết xin trình bày tóm tắt 3 giai đoạn lịch sử dưới đây với những điểm nổi bật nhất:

GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT (1899-1920)

Trong giai đoạn này, có sự kiện quan trọng là sự ra đời của Tòa Án Trọng Tài Thường Trực và Đệ Nhất Thế Chiến bùng nổ ngoài tầm nhìn của những nhà lãnh đạo trên thế giới, đưa tới sự tổ chức Tòa Án Đặc Biệt và Tòa Án Quân Sự.

1- Tòa Án Trọng Tài Thường Trực (*The Permanent Court of Arbitration*)

Tòa Án Trọng Tài được thiết lập do Công Ước The Hague năm 1899 và Công Ước 1907, đặt trụ sở tại The Hague, Hòa Lan, hoặc cũng còn được gọi Tòa Án The Hague. Tòa Án nói trên có thẩm quyền tài phán về những vụ tranh chấp giữa các quốc gia về nhiều lãnh vực tỷ như tranh chấp biên giới, lãnh hải, giao thông trên sông ngòi hoặc ngoài biển cả, vùng đánh cá ngoài biển khơi... bằng đường lối hòa

bình theo một thủ tục pháp lý được các quốc gia tham dự chấp thuận. Xin đề cập một vụ điển hình về sự tranh chấp biên giới giữa Mỹ Tây Cơ (Mexico) và Hoa Kỳ.

Có một giải đất nằm dọc theo con sông Rio Grande vùng El Paso, Texas, vùng đã còn được gọi Chamizal Tract gây ra sự tranh chấp biên giới giữa Hoa Kỳ và Mỹ Tây Cơ. Sự giao hảo giữa hai nước trở nên căng thẳng. Sau nhiều cuộc thương thuyết, hai nước đồng ý đưa vụ tranh chấp biên giới đó ra Tòa Án Trọng Tài xét xử. Ngày 15 tháng 6 năm 1911, Tòa Án Trọng Tài phán quyết vùng đất tranh chấp thuộc lãnh thổ Mexico. Hoa Kỳ từ chối thi hành bản án. Mãi 60 năm sau, theo đường lối ngoại giao và theo sáng kiến của Tổng Thống John F. Kennedy và Tổng Thống Lyndon B. Johnson, Mỹ thỏa thuận với Tổng Thống Mỹ Tây Cơ Diaz Ordaz trao trả mảnh đất đó cho Mỹ Tây Cơ. (*The price of international justice by Philip C. Jessup*).

2- Tòa Án Đặc Biệt (*Special Tribunal*) và các Tòa Án Quân Sự (*Military Tribunals*)

Vụ ám sát công tước Áo Francis Ferdinand ngày 28.06.1914 tại Serajevo (một tỉnh hiện nằm trong Liên Bang Nam Tư cũ) đã châm ngòi cho Thế Chiến Thứ I bùng nổ.

Cuộc chiến đã gây ra thảm họa sau:
- Ước 10 triệu người chết / 20 triệu người bị thương hoặc tàn tật / 5 triệu góa phụ / 9 triệu trẻ em mồ côi / 10 triệu người không nơi trú ẩn.

- Riêng Hoa Kỳ đã hy sinh 125.000 quân nhân, trong đó có 50.000 tử trận, số còn lại chết về nhiều lý do, đáng kể nhất là dịch cúm trên thế giới.

Đức thua trận nhưng vẫn được hưởng một số tự do có giới hạn. Phe thắng trận gồm 5 đại cường Anh, Pháp, Ý, Nhật và Hoa Kỳ buộc Đức phải thi hành hai điều kiện:

1- Giao nộp Hoàng Đế Đức cùng 2.000 phạm nhân chiến tranh cho Đồng Minh để đưa ra Tòa xét xử chiếu theo sự quy định của Hiệp Ước Versailles 1918.

2- Bồi thường thiệt hại cho các nước thắng trận.

Ngày 19.11.1918, Hoàng Đế Đức Kaiser Wilhelm II chạy sang Hòa Lan lánh nạn. Sau đó, tướng tá cùng các nhân vật cao cấp trong chính quyền cũng kéo nhau tới Hòa Lan để ẩn trốn. Đồng minh yêu cầu Hòa Lan dẫn độ Hoàng Đế Đức cùng các phạm nhân chiến tranh. Hòa Lan từ chối viện dẫn lý do Hòa Lan là nước trung lập. Bất lực trước lời yêu cầu nói trên, phe thắng trận yêu cầu Đức nộp danh sách số phạm nhân còn lẩn trốn trong nước Đức. Để tránh nghiệm ý chí của đồng minh, Đức nộp một danh sách 45 phạm

nhân không nằm trong danh sách theo sự yêu cầu của lực lượng thắng trận.

Năm đại cường thanh lọc rồi rút ra được 12 bị can để đưa ra Tòa Án Quân Sự xét xử tại Leipziz (Đông Đức). Tòa án tha bổng 6 bị can và tuyên phạt 6 phạm nhân tính trung bình mỗi người lãnh mấy tháng tù ở.

Tất cả các sử gia đều đồng ý thủ tục xét xử các phạm nhân chiến tranh, thật phi lý và gây nhiều tai tiếng. Trái lại, chuyên gia luật quốc tế cho rằng tất cả phạm nhân chiến tranh chỉ có trách nhiệm tinh thần mà thôi, ngoại trừ Hoàng Đế Đức có thêm trách nhiệm về chính trị. Các chuyên gia luật đã kết luận như vậy vì Ủy Ban phụ trách về những vi phạm luật chiến tranh đã bắt động không lập danh sách phạm nhân chiến tranh, cũng như không sửa soạn cho các phiên xử.

Hiệp Ước Versailles quá nghiêm khắc bị chỉ trích đã đưa Hoàng Đế Đức ra Tòa như phạm nhân chiến tranh đã gây công phần trong dân tộc Đức. Đó là lý do thúc đẩy Hitler lật đổ chế độ Weimaz (1933), đưa ra chủ thuyết “dân tộc thượng đẳng” và bành trướng quân đội đi xâm lược các lân quốc gây ra Thế Chiến Thứ Hai. (*The war's cost-The United States in world war I - World War I by Neil H. Heyman*).

GIẢI ĐOẠN THỨ HAI (1920-1945)

Sự hình thành Hội Quốc Liên (*The League of Nations*) trong giai đoạn này,

cho thấy sự xuất hiện Tòa Án Quốc Tế Thường Trực, theo Điều Ước 14, được coi như cơ quan tư pháp chính của Hội. Sau đó, Hội Quốc Liên từ từ sụp đổ do 3 hội viên Đức, Ý và Nhật vi phạm Điều Ước của Hội đã âm mưu thực hiện kế hoạch cuộc chiến tranh xâm lược, gây ra Thế Chiến Thứ II.

1- Tòa Án Quốc Tế Thường Trực (*The Permanent Court of International Justice*)

Hội Quốc Liên sát nhập Tòa Án Trọng Tài vào Tòa Án Quốc Tế Thường Trực. Cho đến nay, Tòa Án Trọng Tài vẫn còn hoạt động mà nhiệm vụ chính là phụ trách thủ tục bầu 15 thẩm phán cho Tòa Án Quốc Tế. Thẩm quyền của Tòa Án Quốc Tế nay được thêm quyền đưa ra ý kiến cố vấn có tính cách pháp lý cho các cơ quan chính thức cũng như phụ thuộc Liên Hiệp Quốc.

Điều đáng đề cập là Hoa Kỳ không tham gia Hội Quốc Liên cũng như không cộng tác với 49 quốc gia soạn thảo quy chế cho Tòa Án Quốc Tế Thường Trực, trong khi đó Tổng Thống Woodrow Wilson rất tích cực đã đưa Mỹ giữ một ghế tại Hội Đồng Đại Cường. Ngược lại, Thượng Nghị Sĩ Henry Cabot Lodge, Chủ tịch Ủy Ban Ngoại Giao Thương Viện, cầm đầu nhóm Thượng Nghị Sĩ Cộng Hòa, ngăn cản Hoa Kỳ tham gia vì, một phần theo đường lối truyền thống cô lập, và phần

khác do Lodge có ác cảm với Tổng Thống Wilson.

Sự vắng mặt của Mỹ tại Hội Quốc Liên không ngăn cản Hội thành hình ngày 10.01.1920 nhưng Hội đã mất một đại cường quốc có tiềm năng quân sự và sức mạnh kinh tế để răn đe những quốc gia hiếu chiến.

2- Tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược.

Dựa theo các văn kiện pháp lý của Hội Nghị Luân Đôn giữa năm 1945 và các bản án của Tòa Án Quân Sự Quốc Tế Nuremberg cũng như Tokyo đều lấy thời điểm 1928 hoặc 1933 làm khởi điểm để kết tội các phạm nhân về tội tiến hành cuộc chiến xâm lược. Người viết xin trình bày vài sự kiện dưới đây:

A- Năm 1928, Nhật sửa soạn kế hoạch và tháng 3 năm 1933 đem quân xâm chiếm Mãn Châu, Trung Hoa. Hội Quốc Liên lên án và trừng phạt kinh tế được gọi là tẩy chay kinh tế (*economic boycott*). Nhật rút khỏi Hội Quốc Liên.

B- Năm 1933, Hitler lật đổ chế độ Weimar, lên nắm chính quyền phát triển quân đội nằm trong kế hoạch thôn tính các lân bang. Nhà độc tài này đưa ra chủ thuyết “dân tộc thượng đẳng” bắt đầu đưa dân tộc thiểu số Do Thái vào các trại tập trung hoặc lò hỏa thiêu. Bị lên án nặng nề, Đức theo chân Nhật rút ra khỏi Hội Quốc Liên.

C- Năm 1937, Ý mang quân đội xâm lược Ethiopia (Phi Châu). Nhà độc tài Mussolini tuyên bố rút khỏi Hội không thi hành Nghị Quyết của Đại Hội Đồng yêu cầu rút quân.

Ngoài ra, tháng 12 năm 1939, Liên Xô xâm lược Phần Lan bị trục xuất ra khỏi Hội Quốc Liên. Tổng cộng có 17 nước rút ra khỏi Hội Quốc Liên vào năm 1939.

Hội Quốc Liên bắt đầu chuyển cơ quan đầu não sang Hoa Kỳ vào năm 1940 và chính thức giải tán ngày 19.04.1946, giao nhiệm vụ cho tổ chức quốc tế mới tức Liên Hiệp Quốc (United Nations).

Thế chiến thứ II đã gây tổn thất: Chết trận: 14.904.000 / Bị thương ở mặt trận: 25.218.000 / Thường dân chết: 38.573.000

Hoa Kỳ: Chết trận: 292.131 / Bị thương ở mặt trận: 671.278

Dân thiểu số Do Thái Chết: 5.953.000

(Estimated Costs of World War II - The toll of war by Nations - World War II by Robert Goralski. The League of Nations and The United Nations by Raymond B. Fosdick.)

Tóm lại, theo các sử gia, Hội Quốc Liên nhìn thấy dấu hiệu cho biết Thế Chiến Thứ Hai sẽ xảy ra nhưng bất lực không có biện pháp nào mạnh mẽ ngăn chặn cuộc chiến, kéo theo sự khai tử của Tòa Án Quốc Tế Thường Trục.

GIẢI ĐOẠN THỨ BA (1945-1999)

Trong giai đoạn này, có hai Hội Nghị quan trọng được tổ chức vào năm 1945. Đó là Hội Nghị San Francisco và Hội Nghị Luân Đôn. Hội Nghị San Francisco đánh dấu sự thành lập Liên Hiệp Quốc với sự tổ chức Tòa Án Quốc Tế với tên mới *The International Court of Justice* được quy định từ Điều 92 đến 96 trong Hiến Chương Liên Hiệp Quốc. Thẩm quyền của Tòa này cũng giống như Tòa Án Quốc Tế Thường Trực đề cập ở giai đoạn II.

Hội Nghị Luân Đôn có tầm vóc vô cùng quan trọng vì được coi như nguồn gốc của 3 tội phạm mới mẻ được trình bày ở giai đoạn I và II (chiến tranh xâm lược, những tội phạm chống Hòa Bình và Nhân Loại).

Đưa 3 tội phạm nói trên có tính cách hồi tố, tức có hiệu lực về quá khứ (*retroactivity*), các nhà lãnh đạo phe thắng trận muốn, một mặt phải trừng phạt thích đáng kẻ gây ra không biết bao nhiêu thảm họa chiến tranh cho nhân loại, và mặt khác mưu tìm qua phán quyết của Tòa Án Quân Sự Quốc Tế Nuremberg, những nguyên tắc mới cho luật pháp quốc tế để áp dụng trong tương lai.

Các sử gia rất ngạc nhiên vì thành phần Hội Nghị không có luật gia, ngoại trừ một thẩm phán dự khuyết đại diện cho Pháp quốc. Do đó, không tránh khỏi kể hồ pháp lý vi phạm nguyên tắc luật pháp quốc tế như áp dụng văn kiện

pháp lý có tính cách hồi tố và đưa tới chủ trương hành quyết phạm nhân chiến tranh không lập phiên Tòa xét xử.

Theo phúc trình của Đặc sứ Rosenman trình Tổng Thống Roosevelt, có đoạn viết như sau: "Các nhà lãnh đạo Anh Quốc muốn, vào một buổi sáng nào đó, không báo trước, đưa những phạm nhân chớp bu Đức Quốc Xã ra bắn bỏ rồi loan báo cho thế giới biết họ đã chết." (*"The British leaders wanted to take the top Nazi criminals out and shoot them without warning one morning and then announce to the world that they were dead"* - *Working with Roosevelt by Samuel I. Rosenman.*)

Riêng Hoa Kỳ chống đối chủ trương trên vì đi trái với nguyên tắc của luật pháp quốc tế, mặc dầu chủ trương đó nhanh chóng, hữu hiệu và không gặp những khó khăn về thủ tục pháp lý. Hành quyết không xét xử có thể tạo cơ hội cho dân tộc Đức coi những phạm nhân bị bắn bỏ như những anh hùng dân tộc, đưa tới nhiều hậu quả khó lường. Thủ Tướng Anh Churchill, nhà lãnh đạo nổi tiếng nhất trong lịch sử Thế Chiến Thứ II, đã miễn cưỡng chấp nhận đề nghị của Hoa Kỳ thiết lập Tòa Án hợp pháp.

Vì lý do trên, Tòa Án Quân Sự Quốc Tế Nuremberg được thành hình trong bối cảnh đó.

Sau khi xét xử xong 23 phạm nhân Đức Quốc Xã đầu não trong phiên tòa

đầu tiên, Tòa Án Nuremberg đã để lại Ấn Lệ quý báu làm khuôn mẫu cho Tòa Án Tokyo lẫn Tòa Án Hình Sự Quốc Tế bắt đầu hoạt động từ năm 1993 vậy.

1- Tòa Án Quân Sự Quốc Tế Nuremberg



Tất cả có 22 Phiên Tòa được tổ chức tại Thành Phố Nuremberg nằm trong vùng chiếm đóng của quân đội Hoa Kỳ tại Đức. Phiên Tòa đầu tiên khai mạc ngày 20.11.1945 để xét xử 23 phạm nhân chiến tranh đầu não Đức Quốc Xã và tuyên án ngày 01.10.1946 như sau:

- 10 bị treo cổ / - 3 chung thân / - 4 tù 10 đến 20 năm tù / - 3 tha bổng / - 3 tự tử

Qua bản án, Tòa Án Nuremberg đã áp dụng tính cách hồi tố (*Retroactivity - Ex Post Facto Character*) của 3 tội phạm mới như tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, những tội phạm chống hòa bình và nhân loại để trừng phạt các bị can.

Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều dựa vào câu Châm Ngôn La Tinh sau “không có luật, không có tội phạm; không có luật, không có hình phạt” (*Nullum crimen sine lege, nulla poena sine lege*). Điều I Hiến Pháp Hoa Kỳ cũng minh định qua câu Châm Ngôn đó như sau “*Unless there is a law, there can be no crime; unless there is a law, there can be no punishment*”.

Xem như vậy, luật Hình không áp dụng tội phạm có tính cách hồi tố vì liên hệ tới sự cấu trúc thân thể và sự tước đoạt mạng sống của con người.

Lý do quan trọng nhất trong nhiều lý do đưa Tòa Án Nuremberg tuyên phạt các phạm nhân Đức Quốc Xã vì không lễ những kẻ gây biết bao thảm họa chiến tranh giết và gây thương tật gần trăm triệu người mà lại không bị trừng phạt. Thật là một sự bất công hết sức lớn lao nếu không trừng phạt họ một cách thích đáng.

Do đó, Tòa Án Nuremberg đã xây dựng một Ấn Lệ qua lý thuyết “Âm Mưu” (*Conspiracy*) để thực hiện các trọng tội.

Đã là một âm mưu thì phải có nhiều người tham dự. Kẻ đề xuất một kế hoạch chung, người tán trợ, giúp đỡ, xúi bẩy, khuyến khích để thi hành kế hoạch đó đều có trách nhiệm. Cho nên tất cả những người nào tham gia, tỷ như tiến hành cuộc “Chiến tranh xâm lược” không thể nại quyền đặc miễn tài phán dành cho Nguyên Thủ Quốc Gia

hoặc những cấp dưới cũng không thể nài thi hành lệnh của thượng cấp để miễn trừ trách nhiệm.

Từ nguyên tắc đó, ta thấy gần nửa thế kỷ sau, sự khai sinh ra Tòa Án Hình Sự Quốc Tế có thẩm quyền tài phán về trách nhiệm của những cá nhân trước luật pháp quốc tế vậy. (*Reaching judgment at Nuremberg by Bradley F. Smith*).

2- Tòa Án Quân Sự Quốc Tế Tokyo



Cựu Thủ Tướng Tojo Hideki

Đáng lẽ Hoa Kỳ đưa Tòa Án Quân Sự Quốc Tế đến Honolulu (nơi Nhật tấn công ngày 07.12.1941 Trân Châu Cảng - Pearl Harbor - kéo Mỹ nhảy vào Đệ Nhị Thế Chiến) để xét xử 5.700 phạm nhân chiến tranh, đứng đầu danh sách là Nhật Hoàng Hirohito.

Vì lý do chính trị và đã có tiền lệ tổ chức phiên Tòa ở Nuremberg rồi nên phe thắng trận lập Tòa Án tại Tokyo (Đông Kinh) và đặt Nhật Hoàng ra ngoài vụ án.

Tòa Án Tokyo cũng giống như Tòa Án Nuremberg, có nhiều Phiên Tòa trong đó Phiên xử đầu tiên khai mạc ngày 31.05.1946 để xét xử 28 can phạm và tuyên án ngày 04.11.1948 với bản án như sau: - 7 bị treo cổ (5 tướng lĩnh và 2 cựu Thủ Tướng) / - 16 tù chung thân / - 1 bị 17 năm tù / - 2 tự tử / - 1 bị tâm thần

Có 3 điểm khác biệt với Tòa Án Nuremberg:

1- Tòa Án Nuremberg có 4 thẩm phán gồm Anh, Pháp, Liên Xô và Hoa Kỳ. Trái lại, Tòa Án Tokyo có 11 thẩm phán thuộc 11 quốc gia Anh, Úc, Tân Tây Lan, Phi Luật Tân, Liên Xô, Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Trung Hoa, Pháp, Ấn Độ, và Hòa Lan.

2- Bản án rất nghiêm khắc, không có phạm nhân nào được tha bổng. Có nhiều phạm nhân bị treo cổ với số phiếu 5 tha bổng, 6 kết tội, trong khi đó thẩm phán Liên Xô là một nhà chính trị từng dự Hội Nghị Luân Đôn, ngồi xét xử. Nhiều luật gia chỉ trích cuộc bỏ phiếu đó và cho rằng có nhiều phạm nhân không đáng bị treo cổ hoặc lãnh án chung thân tỷ như Thủ Tướng Tojo chẳng hạn.

3- Ngoài Tòa Án Tokyo, còn có Tòa Án Quân Sự Quốc Tế cho Viễn Đông (*The International Military Tribunal for the Far East*). Các Tòa này đã xét xử 5.700 phạm nhân, trong số đó có 920 phạm nhân bị treo cổ. Phạm nhân nổi

tiếng nhất mang biệt danh Hùm Xám Á Châu, Tướng Yamashita chỉ huy một đạo quân hoàng gia đã đè bẹp quân đội Hoa Kỳ tại Phi Luật Tân, cũng bị hành quyết treo cổ tại Baguio trong quần đảo Philippine.

Tóm lại, Tòa Án Tokyo đã mắc phải nhiều sai lầm nghiêm trọng về thủ tục xét xử, để lại Án Lệ xấu không có gì đáng đề cập. Theo các sử gia và luật gia, đó là công lý của những kẻ thắng trận. (*Victors' Justice - The Tokyo War Crimes Trial* by Richard H. Minear).

3- Tòa Án Hình Sự Quốc Tế (*The International Criminal Tribunal*)

Không giống như Tòa Án Quân Sự Quốc Tế Nuremberg được thiết lập do Hiệp Ước, Tòa Án Hình Sự Quốc Tế cho Liên Bang Nam Tư cũ và Rwanda được khai sinh ra do Nghị Quyết của Hội Đồng Bảo An.

Hội Đồng Bảo An xác định, thứ nhất, Liên Hiệp Quốc phải can thiệp nếu có sự đe dọa hòa bình cho thế giới, và thứ hai, những vi phạm Luật Nhân Đạo quốc tế tại Bosnia (trong Liên bang Nam Tư cũ) đã thực sự tạo ra mối đe dọa hòa bình trên thế giới.

Vì lý do trên, hai Tòa Án Hình Sự Quốc Tế ra đời vào năm 1993 và 1994 để truy tố và xét xử những can phạm cáo buộc đã vi phạm trầm trọng luật nhân đạo quốc tế xảy ra tại liên Bang

Nam Tư cũ từ 1991 và Rwanda từ 1994 vậy.

Thẩm Quyền

Thẩm quyền quản hạt bị giới hạn trong lãnh thổ Liên Bang Nam Tư cũ và Rwanda. Cả hai Tòa chỉ có thẩm quyền tuyên án đến mức tối đa tù chung thân tức không có án tử hình.

Theo quy chế của hai Tòa, có 4 tội phạm thuộc thẩm quyền tài phán: xâm phạm Công Ước Geneva 1949, vi phạm những luật hoặc những tập tục chiến tranh (*the laws or customs of war*), diệt chủng, và những tội phạm chống nhân loại.

Tòa Án Hình cho Liên Bang Nam Tư cũ thụ lý 77 vụ và Rwanda 21 vụ.

Tại Bosnia, trong số 77 phạm nhân, có can phạm Guran Jedisic là người cho đến nay, lãnh án 40 năm tù được coi như án nặng nhất. Georges Rutaganda, lãnh tụ dân quân bộ lạc Hutu, bị kết án tù chung thân vì đã ra lệnh giết hàng ngàn dân thiểu số bộ lạc Tusti tại Rwanda.

Riêng cựu Tổng Thống Kadovan Karadzic và Slobodan Milosovic, Tổng Thống Serbia đều bị cáo buộc về tội “diệt chủng” và “những tội phạm chống nhân loại” nhưng chưa bị bắt để đưa ra tòa xét xử.

Cựu Tướng Datko Mladic, Tư Lệnh các lực lượng vũ trang Bosnian Serb và 4 nhân vật cao cấp trong chính quyền

Serbia cũng bị truy lùng, và nã bắt để đưa ra Tòa.

Một Khúc Quanh

Từ nhiều thế kỷ trước, những nghĩa vụ và trách nhiệm đều quy cho Quốc Gia và Dân Tộc. Những cá nhân không có trách nhiệm trước luật pháp quốc tế. Nay quan niệm đó đã hoàn toàn thay đổi. Lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, ta thấy trách nhiệm của những cá nhân trước luật pháp quốc tế (*The Responsibility of Individuals before International Law*) được xác nhận qua bản án của Tòa Nuremberg.

Một trong những nguyên tắc quan trọng nhất rút ra từ quy chế lần phán quyết của Tòa Nuremberg cho thấy:

A- Nguyên Thủ Quốc Gia không còn được hưởng quyền đặc miễn tài phán nếu vi phạm luật pháp quốc tế.

B- Những nhân viên trong chính quyền hoặc thuộc cấp cũng không thể nại lý do thi hành lệnh của Thượng cấp để xin miễn trừ trách nhiệm trước luật pháp quốc tế.

Vụ cáo buộc Tổng Thống Serbia, Slobodan Milosovic, về tội “diệt chủng” và “những tội phạm chống nhân loại” cùng vụ Thẩm Phán Tây Ban Nha Baltasar Garçon ban trát nã bắt quốc tế nhà cựu độc tài Pinochet sang Anh chữa bệnh về tội tra tấn, thủ tiêu trên 5.000 nhà đối lập khi cầm quyền 17 năm (1973-1990) tại Chí Lợi (Chile),

đánh dấu một khúc quanh trong lịch sử mở đường cho nhiều vụ án khác.

Tóm lại, sự khai sinh ra Tòa Án Hình Sự Quốc Tế và vụ án lịch sử Augusto Pinochet cho thấy những Nguyên Tắc của Tòa Nuremberg được tái xác nhận gây tiếng vang khắp nơi trên thế giới. (*The Nuremberg Principles - 1946 General Assembly Resolution 95*).

Trong giai đoạn III, những nguyên tắc trứ danh của Tòa Án Nuremberg, làm phong phú cho luật pháp quốc tế đã bàng bạc trên truyền thông, báo chí và trong các cuộc tranh luận cũng như trong sử sách trải dài suốt hậu bán thế kỷ 20.

Bà Madeleine K. Albright, nguyên Đại Sứ Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc, hiện giữ chức Ngoại Trưởng, đã tuyên bố, trước Hội Đồng Bảo An khi toàn thể quốc gia hội viên chấp thuận Quy Chế Tòa Án Hình Sự Quốc Tế, như sau: “Những Nguyên Tắc Nuremberg đã được tái xác nhận” (*The Nuremberg Principles have been reaffirmed - Washington Post, Thursday, December 2, 1999*). Câu tuyên bố lừng danh trên, cho đến nay, vẫn còn vang vọng tại Phòng Hợp Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.

KẾT LUẬN

Đệ Nhất và Đệ Nhị Thế Chiến gây ra không biết bao nhiêu thảm họa cho nhân loại, đã để lại những trang sử đen

tối và buồn thảm nhất cho loài người. May mắn thay, nhờ lẽ phải và thiện chí, Đồng Minh thắng trận đã ghi 3 nét son sáng chói trong lịch sử với chủ trương mưu tìm hòa bình qua luật pháp để cùng nhau, người thắng trận cũng như kẻ bại trận, hợp tác xây dựng một thế giới Hòa Bình, Ổn Định và Thịnh Vượng.

Nét son thứ nhất: Thượng tôn luật pháp quốc tế.

Trước 1945, không có Hiệp Ước, tiền lệ lẫn văn kiện quốc tế quy định thủ tục xét xử nên Đồng Minh phải chọn lựa giữa hai giải pháp: hành quyết không xét xử hoặc quy định thủ tục pháp lý.

Các nhà lãnh đạo Anh cương quyết phản đối lập phiên tòa vì sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong thủ tục xét xử. Trái lại, Hoa Kỳ chủ trương giải pháp công bằng, hữu hiệu và thích hợp nhất không vi phạm những nguyên tắc căn bản của luật pháp quốc tế, là phải sử dụng phương cách pháp lý để xét xử những phạm nhân Đức Quốc Xã, cho dù có gặp khó khăn.

Sau khi Tòa Án Nuremberg xét xử xong, Đặc Sứ Rosenman của Tổng Thống Roosevelt đã ghi lại câu nói của Thủ Tướng Anh, Sir Churchill như sau: “Tôi nghĩ rằng Tổng Thống đã đúng và tôi đã sai.” (*I think the president was right and I was wrong. Aide Memoire from the United Kingdom by Samuel I.*

Rosenman). Câu nói của nhà lãnh đạo lẫy lừng nhất trong Thế Chiến II đáng được suy ngẫm và học hỏi.

Nét son thứ hai: Đặt Nhật Hoàng ra ngoài vụ án.

Số phận của Nhật Hoàng Hirohito được thảo luận tại Luân Đôn và cuối cùng được quyết định tại Hoa Thịnh Đốn. Theo Hoài Niệm của Đại Tướng Mac Arthur, vào tháng 9-1945, Nhật Hoàng Hirohito đã đến gặp Đại Tướng lần đầu tiên tại Đại Bản Doanh đóng tại Đông Kinh và đã nói như sau: (xin phỏng dịch) “Tôi đến gặp Ông, Đại Tướng Mac Arthur để nạp mình cho sự xét xử của các quyền lực mà Ông đại diện, và như là người duy nhất chịu trách nhiệm về mọi quyết định chính trị và quân sự và về mọi hành động mà nhân dân tôi đã thực hiện để tiến hành cuộc chiến.” (*I come to you, General MacArthur, to offer myself to the judgment of the powers you represent as the one to bear sole responsibility for every political and military decision made and action taken by my people in the conduct of the War - MacArthur, Reminiscences, p. 288*).

Đại Tướng Mac Arthur bay về Hoa Thịnh Đốn nhận thấy các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ nghiêng về ý kiến của Anh, Liên Xô, Trung Hoa, Úc, Tân Tây Lan nên yêu cầu Bộ Tổng Tham Mưu Liên Quân tăng cường 1 triệu quân vì Đại Tướng tiên liệu chiến tranh du kích sẽ

bùng nổ tại Nhật Bản nếu Nhật Hoàng bị đưa ra Tòa xét xử có thể bị treo cổ. Sau đó, một mật lệnh của Bộ Tham Mưu Liên Quân ra lệnh ngày 06.10.1945 cho Đại Tướng tiến hành mau chóng xét xử và đặt Nhật Hoàng ra ngoài vụ án. Thật là một Quyết Định vô cùng sáng suốt không đi vào vết xe đổ vỡ của Hiệp Ước Versailles truy tố Hoàng Đế Đức.

Nét son thứ ba: Thành lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế.

Sự ra đời của Tòa Án Hình Sự Quốc Tế vào cuối Thế Kỷ 20 đánh dấu một khúc quanh trong lịch sử tư pháp của Cộng Đồng Thế Giới. Tòa này đã mở đường cho luật quốc nội vượt biên cương quốc gia hòa nhập vào trào lưu tiến bộ của nhân loại để truy lùng và nã bắt bất cứ người nào vi phạm trầm trọng luật nhân đạo quốc tế, cho dù người phạm pháp đó thuộc tiểu quốc hay siêu cường.

Đối với nguyên Thủ Quốc Gia, không còn cái khiên che quyền bất khả xâm phạm hay đặc miễn tài phán nữa. Đối với thuộc cấp, nại lý do thi hành lệnh của thượng cấp đã đi vào quá khứ. Công pháp quốc tế lần chủ quyền Quốc Gia đã phải nhường bước cho luật nhân đạo quốc tế.

Vụ án lịch sử Augusto Pinochet là một thí dụ điển hình cho mọi người dân trên thế giới thấy Công Lý Toàn Cầu đã thắng bạo lực. Luật cần có sức mạnh, có sức mạnh mới thi hành được bản án, nếu không, Công Lý chỉ có trên giấy tờ. Sức mạnh đó nằm trong tổ chức an ninh tập thể bao trùm khắp thế giới tức Liên Hiệp Quốc vậy. Liên Hiệp Quốc cũng cần sức mạnh hơn bao giờ hết bước sang Thiên Niên Kỷ sắp tới. Muốn có sức mạnh, Liên Hiệp Quốc cần hai nền tảng không thể thiếu, nếu thiếu sẽ sụp đổ như Hội Quốc Liên.

Nền tảng thứ nhất là một khi các quốc gia hội viên ký kết văn kiện quốc tế như Hiệp Định, Công Ước hoặc Hiệp Ước, phải có nghĩa vụ bảo đảm thi hành trọn vẹn những điều đã cam kết. Nền tảng thứ hai là phải có thiện chí của tất cả 188 quốc gia hội viên để thực hiện mục đích của Liên Hiệp Quốc đề ra. Được như vậy, Liên Hiệp Quốc mới có thể duy trì Hòa Bình và An Ninh Trật Tự Quốc Tế để che chở cho tất cả trẻ em, nam giới cũng như nữ giới có cuộc sống tự do, dân chủ rộng rãi và an lạc trên hành tinh này vậy.

NGUYỄN VĂN THÀNH 23



GIÓ THOẢNG HƯƠNG XƯA

Phù Dung ngậm giọt sương mai
Giấc tình lặng lẽ u hoài thời gian
Canh tàn thâm đêm ly tan
Kiếp sau... ai hẹn, võ vàng tịch dương
Hỏi mình, "Chín nhớ mười thương"
Lá thư tro bụi, má hường phôi pha
Thấp lên ngọn nến chiều tà
Soi tìm hương cũ, giữa sa mù đời
Bước chân lối nhỏ xa vời
Nhoà phai dấu vết, chơi vơi mộng hồ
Phút giây ôn lại ngày thơ
Mỗi con mắt đợi giữa bờ sông xưa
Luyến lưu đôi nét âm thừa
Chuyển mùa lá đổ, giăng mưa nỗi niềm
Vòng tay hơi ấm dịu êm
Bóng câu bay thoáng qua thềm nhớ ai
Như còn tình mộng đắm say
Trăng thanh huyền ảo,
mộng lay đêm hồng.



ĐT Minh Giang

KHI NGƯỜI VỀ

*Buồn như khói sương luồn cay khóe mắt
Khi Người về, sao sẽ vỡ trên tay.
Sầu sẽ hết, nỗi sầu xa chất ngát,
Cùng Nguyệt Cầm ai sẽ lạc hồn ai.*

*Chia trăm nhánh, chẻ trăm đường mộng ảo
Khi Người về, con chim nhỏ đứng nhìn.
Tóc tím để bay ngang đường rừng cấm,
Cỏ vu vơ chim nhỏ ngậm làm thình.*

*Áo tím có nỗi mơ không tên gọi,
Khi Người về, đường vui bước thênh thang
Mùa xuân đến dịu dàng vườn nắng mới,
Trên thảm nhung in lóng lánh hoa vàng.*

*Trong tay ấm nụ cười như ướp mật,
Mộng như mây phiêu lãng chốn trời xa.
Khi Người về, khói sương trong đáy mắt
Biến tan đi, còn lại những ngọc ngà.*

*Trái Hạnh Phúc
ngọt ngào trong tâm tưởng
Hoa Tình Yêu hương ngát ý mong chờ.
Khi Người về, nở trong tim độ lượng,
Nụ Hoa Yêu nồng thắm kết duyên tơ.*

Nguyễn Mây Thu (25-03-2019)

NHỮNG NGÀY CUỐI VỚI MẸ

**** TT-Thái An ****

Cuối tháng 9, 2018. Em Khánh gọi cho tôi, bảo rằng em sẽ đi Texas 5 ngày, từ mừng 5 - 9 tháng 10; mong rằng tôi sẽ thu xếp để qua Toronto thăm bố mẹ trong thời gian em tôi đi vắng. Vì bố tôi yếu lắm rồi, không biết có sống được đến cuối năm nay không.

Tôi thu xếp đi Toronto một ngày trước khi em Khánh đi Texas để em có thể đón tôi ở phi trường.

Thứ Năm, ngày 4 tháng 10, 2018, đi làm ra tôi đi chuyến bay tối. Sau hơn một giờ bay, tôi đến phi trường Pearson Int ở Toronto lúc 11:14 pm. Em Khánh đón tôi về nhà. Những năm mẹ còn khỏe mạnh, mẹ hay theo Khánh ra phi trường đón tôi. Nhưng mấy năm gần đây, mẹ không đi được nữa vì yếu rồi.

Mẹ biết tôi đến nên thức chờ dù đã gần nửa đêm. Bố mẹ tôi ở dưới basement nhà em Khánh, có bếp riêng, có bàn ăn và chỗ để ghế sofa ngồi xem TV. Có lối đi riêng. Khánh ở trên lầu với vợ con.

Khi tôi bước vào nhà. Mẹ đang đứng ở gần sofa dang tay ra đón tôi và nói: “Con đến rồi à! Kỳ này con định ở mấy ngày?”. Tôi đến ôm mẹ rồi nói: “Con sẽ ở 10 ngày”. Mẹ cười có vẻ vui, vì mấy kỳ trước tôi chỉ ở độ 1 tuần. Kỳ trước

tôi qua thăm bố mẹ vào tháng 7, 2017. Cách nay 15 tháng rồi.

Bố tôi đang ngồi ở sofa nhìn tôi. Mẹ hỏi bố: “Bố có biết ai đây không?” Bố tôi vẫn không nói năng gì. Mẹ bảo tôi bố không nhớ gì đâu.

Mẹ hay dùng dầu gió. Mấy kỳ trước tôi đem dầu gió xanh cho mẹ. Canada cũng có bán dầu gió xanh, nhưng mẹ ít khi ra phố nên tôi mua bên Mỹ đem qua cho mẹ. Cũng có lần tôi đem dầu gió đỏ mua ở Thái Lan cho mẹ. Kỳ này tôi đem cho mẹ 3 lọ dầu gừng sản xuất ở Hà Nội. Nghe người ta giới thiệu dầu gừng dùng xoa bóp rất tốt, hết đau lưng, hoặc đau nhức chân tay, mình mẩy. Tôi đã giải thích công dụng của dầu gừng với mẹ rồi. Nhưng vài phút sau mẹ lại hỏi:

- Dầu này để làm gì?

Tôi giải thích thêm lần nữa. Năm phút sau mẹ lại hỏi cũng một câu hỏi như thế. Tôi lại trả lời như cũ. Cứ năm phút mẹ lại hỏi một lần và tôi kiên nhẫn trả lời. Đến lần thứ tư, mẹ hỏi:

- Dầu này có ăn được không?

Tôi hoảng quá, nói ngay:

- Ăn coi chừng chết đó!

Rồi cầm cái hộp đựng chai dầu gừng có ghi hàng chữ “Dầu xoa” “Không được uống” cho mẹ đọc cho rõ. Thế này tôi biết trí nhớ ngắn hạn (short term

memory) của mẹ đã có vấn đề rồi. 15 tháng trước trí nhớ của mẹ chưa có trạng thái này.

Nửa giờ sau, khi tôi đi ngang bố. Bố nhìn tôi và hỏi “An đấy à?” Như thế trí nhớ của bố thỉnh thoảng có trở lại.

Bố đi đứng khó khăn, bước từng bước run rẩy và thức ít, nằm ngủ nhiều.

Sau đó tôi đi ngủ vì đã quá khuya.

Sáng hôm sau em Khánh ra phi trường để đi Mỹ lúc trời còn tối nên khi tôi dậy thì em đã đi.

Tôi dậy sau 7 giờ sáng. Ngồi một mình trong bếp pha cà phê uống. Bố mẹ dậy trễ hơn. Lúc trước còn khỏe, mẹ dậy sớm lắm. Bây giờ thì khác rồi, gần 10 giờ mẹ mới dậy. Thấy tôi, mẹ nói ngay: “Hôm nay là thứ Sáu, còn 9 ngày nữa con về”.

Mẹ không ăn được nhiều từ hơn 10 năm nay. Tôi đem cháo ra hâm cho mẹ ăn sáng. Mẹ thích ăn cháo trắng với chao và trứng gà chiên, có thể thôi. Em dâu tôi thì luôn chê ăn chao có gì bổ mà ăn. Nhưng mẹ thích ăn chao thì vẫn cứ ăn.

Mẹ đã không đi nhà thờ từ 6 tháng nay vì không thể ngồi lâu. Ngồi độ nửa tiếng mẹ đã thấy mệt lắm, phải nằm xuống.

Như thế mẹ cũng không đi chợ được nữa vì lúc trước mỗi tuần mẹ chỉ đi chợ một lần khi tan nhà thờ ra. Em Khánh chở mẹ ghé chợ ở phố Tàu Đông để mua thức ăn cho cả tuần.

Mẹ không còn sức đi chợ, cũng chẳng còn sức nấu ăn. Vì thế lúc sau này Khánh phải đi chợ cho mẹ. Khánh mua toàn thức ăn nấu sẵn ở chợ Tàu gần nhà, loại thức ăn “cơm chỉ”. Và mua nhiều gói mành-thánh đông lạnh để sẵn trên ngăn đá. Khánh là con trai, nấu nước lèo chỉ có nước súp gà. Nhưng mẹ cũng phải ăn thôi.

Em Khánh nhờ cô Tuyết trong nhà thờ ghé nhà đón tôi đi chợ vào chiều hôm thứ Sáu. Cô Tuyết đưa tôi đến một siêu thị của Đài Loan mới mở thật lớn, có ba dãy bán đồ ăn nấu chín của Tàu, Nhật và Âu Châu. Tôi mua vịt quay, heo quay, và nhiều thứ rau, thịt tươi để nấu cho bố mẹ những món mà bố mẹ thích ăn nhưng không còn sức để tự làm.

Tôi nấu nồi nước lèo để ăn mành thánh. Mẹ thích ăn nắm hương nên tôi cho cả nắm hương vào. Mẹ ăn được một bát nhỏ. Mỗi lần mẹ chỉ ăn được một tí là đã thấy no, nên ăn nhiều lần trong ngày. Bố ăn ít hơn mẹ. Cả bố và mẹ đều phải uống sữa Ensure mỗi ngày vài lần.

Hôm sau tôi làm gói cuốn, mẹ ăn được ba cuốn là nhiều lắm rồi đấy. Bố không ra bàn ăn. Bố chỉ ngồi dựa ở sofa. Tôi phải lấy một đĩa đựng hai cái gói cuốn và 1 bát tương đưa cho bố. Bố ăn chậm nhưng ăn hết. Ăn xong, bố đưa cái đĩa trống ra, ý nói “ăn nữa”, vì bố không nói chuyện nữa, chỉ ra hiệu. Mẹ bỏ vào đĩa cho bố thêm 1 cuốn. Mẹ lấy

bát trên tay bố để lấy thêm nước chấm. Nhưng thay vì lấy tương, mẹ lại lấy nước mắm đưa cho bố. Vì cả hai lọ tương và lọ nước mắm đều để trên bàn ăn. Bố cầm lấy bát nhìn vào rồi trả lại cho mẹ.

Mẹ than phiền:

- Đấy, bố không thèm ăn đưa trả kia kìa.

Tôi nhìn vào cái bát trên tay bố, thấy nước mắm thì nhin cười không được. Tôi cười toang lên rồi nói ngay:

- Bố đưa trả là phải rồi, vì bố còn nhớ là ăn gỏi cuốn với tương chứ ai ăn với nước mắm!

Đến lượt mẹ ngơ ngác nhìn tôi không hiểu tại sao. Tôi thấy đúng là trí nhớ của mẹ có vấn đề rồi. Bố tuy không nhớ người nào ra người nào, nhưng riêng về món ăn ông vẫn còn nhớ món nào ra món nấy.

Nhưng có những chuyện đời xưa đời xưa mẹ vẫn còn nhớ như in. Trí nhớ của mẹ thật kỳ lạ, hiếm có. Những câu ca dao, tục ngữ mẹ nghe các cụ ở làng Tây Hồ hay nói từ lúc mẹ còn bé, mẹ hầy còn thuộc lòng.

Mẹ kể chuyện trước khi di cư vào Nam năm 1954, mẹ có trở về làng Tây Hồ ở vài tháng. Trong một đêm thanh vắng, có tiếng người đàn bà kêu la từ bên kia hồ Tây vọng lại bên này: “Anh ơi! Chị cả đánh em”.

Mẹ cười đọc câu tục ngữ: “Khôn đi làm bé, khỏe đi ở mùa”. Mẹ bảo đàn ông ngày xưa hay có nhiều vợ, vợ bé

thường được chồng thương yêu hơn nên người ta mới chế ra câu tục ngữ ấy.

Mẹ còn đọc cho tôi nghe một câu ca dao thật hay và lạ, tôi chưa nghe qua bao giờ. Tôi hỏi mẹ nghe ở đâu câu này. Mẹ bảo lúc bé hay nghe các cụ trong làng Tây Hồ nói. Độ mười phút sau tôi đem bút ra ghi lại, tôi không nhớ rõ nên nhắc mẹ đọc lại thì mẹ đã quên rồi. Mẹ tự phân trần có khi chợt nhớ rồi lại chợt quên.

Kỳ này, mỗi lần ngồi nói chuyện với tôi, mẹ hay chỉ vào cái ghế cạnh mẹ bảo tôi ngồi xuống. Mẹ nói độ nửa giờ hay bốn mươi phút là kêu mệt, mẹ bảo phải đi nằm. Mẹ ngủ nhiều hơn thức. Tôi nhận thấy mẹ yếu hẳn so với tháng 7 năm ngoái. Vậy là trong 15 tháng tôi không gặp mẹ, mẹ đã sa sút nhiều quá. Có vài lần vừa đứng lên, mẹ ôm ngực kêu mệt quá, không thở được, lại phải ngồi xuống thờ. Một lúc sau mới đứng dậy được.

Trông thấy thế tôi đau lòng quá. Tôi đặt tay lên mẹ và cầu nguyện với Chúa: “Chúa ơi, nếu đến thời điểm Chúa đem mẹ con đi, xin Chúa cho mẹ con đi bình an. Nếu như chưa tới thời điểm, xin Chúa chữa lành hai lá phổi của mẹ con. Chứ con thấy mẹ con thở khó khăn như vậy con đau lòng quá, tội nghiệp mẹ con quá.”

Buổi sáng, tôi có dậy sớm cũng phải ngồi trong bếp uống cà phê chờ mẹ dậy. Muốn nghe mẹ kể chuyện đời xưa

cũng không được nhiều thời giờ nữa vì mẹ dậy thì phải ăn để uống thuốc. Ăn xong, mẹ ngồi với tôi một lúc rồi lại đi nằm.

Tôi cố gắng nấu cho mẹ mỗi ngày một vài món khác nhau. Mẹ và bố chỉ còn ăn được những thứ mềm. Bố và mẹ thích ăn bánh cuốn, tôi làm bánh cuốn tráng chảo. Mẹ ăn được ít, nhưng có thể ăn bánh cuốn vài lần trong ngày. Bố không nói chuyện nữa, nhưng ăn bánh cuốn bố lại mở miệng nói: “Cám ơn nhé!” Như thế bố vẫn còn nhận biết món ăn mà mình thích.

Một buổi sáng mẹ lấy quả chuối plantain chín, vỏ thâm đen ra cắt từng miếng ngắn rồi lấy bột chiên tôm chuối ra pha để chiên chuối. Tôi chụp ngay vài tấm ảnh cho mẹ vì thấy mẹ còn đứng bếp được vài phút để làm món mà mẹ thích ăn. Tôi cũng chụp cho bố mẹ vài tấm khác rồi đưa cho mẹ xem. Mẹ nhìn rồi cười, bảo: “Sao già quá vậy?” Tôi trả lời: “Mẹ đã 88 tuổi rồi còn gì.”

Khi nồi cháo trắng đã hết, mẹ còn nấu được cơm bằng nồi điện để sáng hôm sau đem cơm này ra cho vào nồi khác, cho thêm nước để nấu cháo vài phút là xong. Quanh năm, mẹ ăn điểm tâm bằng cháo vào buổi sáng.

Mẹ thích ăn ngọt. Tôi nấu chè đậu ván cho mẹ, nhưng lọ bột năng mà tôi ghi nhãn hiệu “Bột Năng” bên ngoài từ năm ngoài đã hết, mẹ cho bột mì vào đó mà tôi không hay nên khi nấu thành chè thì

có màu đục, không trong veo và dẻo như bột năng. Thế mà mẹ vẫn ăn ngon lành, không chê gì hết.

Mẹ lẫn thần rồi, lọ bột mì có ghi nhãn hiệu “Bột Mì” mà mẹ không cho bột mì vào đó. Có lẽ mẹ chẳng còn để ý đến nhãn hiệu bên ngoài lọ. Trong khi mẹ vẫn còn đọc được Kinh Thánh mỗi ngày mà.

Trước khi về Mỹ một ngày tôi nhờ Khánh chở đi chợ mua bột năng và đường đem về cho vào lọ. Tôi nghĩ rằng tháng 12 trở lại Canada tôi sẽ nấu chè đậu ván cho mẹ, kỳ này là bột năng đang hoang.

Có mấy bà trong nhà thờ tự nguyện thay phiên nhau nấu canh, nấu cháo, nấu các thức ăn mềm đem cho bố mẹ tôi mỗi tuần. Trong nhà thờ ai cũng gọi bố mẹ tôi là “Ông, Bà” vì họ xem bố mẹ tôi như ông bà của họ.

Riêng cô Tuyết tuy đáng tuổi cháu ngoại, nhưng cô rất thân với mẹ tôi. Từ khi mẹ tôi không còn đi nhà thờ được, cô hay gọi phone cho mẹ tôi mỗi tuần để hỏi thăm và cầu nguyện chung trong điện thoại. Cả cô Tuyết và mẹ tôi có chung một điểm giống nhau là có tấm lòng cầu nguyện với Chúa rất thống thiết. Cũng bởi thế, mẹ tôi hay nhận được những Khải tượng đến từ Chúa qua những giấc mơ đặc biệt báo trước những việc quan trọng. Cô Tuyết thì thỉnh thoảng được Chúa phán bên tai khi cô đang cầu nguyện với Ngài về những điều cấp bách.

Riêng có một câu chuyện mà mẹ kể cho tôi nghe hai tháng trước trong điện thoại, lần này gặp tôi, mẹ kể lại y như thế; đó là giấc mơ mà mẹ được Chúa báo cho. Trong giấc mơ, mẹ trông thấy một miếng gỗ thật đẹp trên có khắc mấy hàng chữ. Có tiếng nói với mẹ: “Hãy đến gần mà đọc, và đọc nhiều lần cho đến khi thuộc. Đừng đọc một lần rồi bỏ đi”. Mẹ đến gần đọc ba lần hàng chữ đó:

“Ta sẽ chỉ cho người con đường mình phải chọn. Linh hồn người sẽ được ở nơi bình an. Con cháu người sẽ được hưởng đất làm sản nghiệp”.

Kể xong, mẹ giải thích “Linh hồn người sẽ được ở nơi bình an” có nghĩa là Chúa sẽ đem linh hồn mẹ lên Thiên Đàng, hưởng bình an đời đời. Như thế Chúa sắp đem mẹ đi rồi.

Mẹ lại nói:

- Mẹ đã sẵn sàng đi với Chúa. Chỉ sợ bố ở lại không có ai săn sóc, tội nghiệp. Tôi cãi ngay:

- Thế nào bố cũng đi trước mẹ. Mẹ còn sống thêm nhiều năm nữa với chúng con.

Tôi nói thế vì nghĩ thế thật. Chính em Khánh cũng nói với tôi phải thu xếp qua thăm bố vì không chắc bố còn sống đến cuối năm nay. Mẹ nghe tôi nói thế chỉ yên lặng, có vẻ suy nghĩ.

Khi em Khánh từ Mỹ về, tôi kể cho Khánh nghe về giấc mơ của mẹ. Khánh nói ngay mẹ cũng kể cho em nghe giấc mơ này, lâu rồi, từ ba tháng

trước. Em tìm thấy câu này trong Kinh Thánh, sách Thi Thiên 25: 12-13.

Nhưng nguyên văn trong câu 12 là “Ai là người kính sợ Đức Giê-hô-va? Ngài sẽ chỉ dạy cho người ấy con đường mình phải chọn”. Chúa không phán với mẹ tôi “Ai là người kính sợ Đức Giê-hô-va”, Ngài phán thẳng với mẹ tôi “Ta sẽ chỉ cho người con đường mình phải chọn” vì Ngài biết mẹ tôi rất kính sợ Ngài.

Mẹ khổ suốt đời với bố. Mẹ quá hiền lành, quá nhân từ. Bố thì luôn hung dữ, độc tài và vũ phu. Bố từng có bồ trẻ, mẹ cam lòng chịu đựng. Từ khi ra khỏi Việt Nam, bố mất liên lạc với cô kia.

Thế mà mẹ không để lòng thù hận bố. Mẹ bỏ qua tất cả, cứ xem như một tai nạn trong cuộc đời. Mẹ vẫn hàng ngày cầu nguyện với Chúa xin tha thứ cho bố và cứu linh hồn bố. Cũng nhờ mẹ cầu thay cho bố trên ba mươi năm, cuối cùng bố đã nhờ mẹ cầu nguyện cho bố tiếp nhận Chúa vào năm 1994, lúc còn ở Paraguay.

Từ khi rời Việt Nam, ba năm đầu tạm cư ở Đà Loan. Sau đó bố nghe lời rủ rê của mấy người Đà Loan đi Bolivia làm ăn.

Qua Bolivia rồi bố mới hơi ới. Bố chẳng còn làm ăn gì được. Bố hùn tiền với người ta mở nhà hàng, chưa được một năm thì chủ nhà lấy lại tiệm. Chỉ có mẹ bưng chài, ra chợ trời thuê sập bán quần áo cả gần một năm. Vừa bán

hàng vừa học nói tiếng Tây Ban Nha. Sau đó dọn qua Paraguay, thuê nhà mở tiệm tạp hóa. Cũng chỉ có mẹ đi mua hàng về bán. Bố phụ mẹ chút đỉnh trông cửa tiệm.

Suốt gần 20 năm ở mấy nước bên Nam Mỹ, bố phải sống nhờ mẹ buôn bán tảo tần. Vậy mà bố vẫn hung dữ với mẹ, vẫn luôn quát tháo, đàn áp. Mẹ luôn im lặng nín chịu vì thế nét mặt mẹ luôn đăm chiêu, buồn khổ. Chỉ những năm cuối ở Canada, mẹ được thanh thản và bớt cực nhọc tâm thần.

Mỗi buổi sáng thức dậy, trông thấy tôi mẹ lại đếm: “hôm nay còn năm (bốn, ba, hai) ngày nữa con về”. Đây là lần đầu tiên mẹ đếm từng ngày như thế. Đến khi chỉ còn một ngày, mẹ nói:

- Ngày mai con về rồi mẹ buồn lắm vì không còn ai nói chuyện với mẹ nữa.

Lần đầu tiên mẹ nói với tôi câu này. Tôi áy náy quá vì biết mình ít được ở gần mẹ. Mẹ không có người trò chuyện. Mẹ không nói chuyện với bố được vì bố lẩn quá rồi. Em Khánh thì mỗi ngày xuống thăm bố mẹ một, hai lần rồi lại lên lầu. Đây cũng là lần đầu tiên mẹ đếm từng ngày xem tôi còn ở với mẹ được bao lâu. Có lẽ mẹ biết mình sắp lên Thiên Đàng, sẽ không còn gặp lại tôi lần nữa trước khi mẹ đi.

Tôi định thăm khi nào tôi về hưu sẽ qua ở với mẹ mỗi lần vài tháng, sẽ nấu cơm cho bố mẹ mỗi ngày. Nhưng tôi đã mua sẵn vé máy bay qua Canada vào tháng 12, 2018 nên nói với mẹ:

- Tháng 12 con sẽ qua thăm mẹ nữa.

Đôi mắt mẹ sáng lên khi nghe tôi sẽ trở lại thăm mẹ trong vòng hai tháng tới. Tôi cũng nói với mẹ:

- Con sẽ gọi cho mẹ thường xuyên hơn. Nhưng lắm khi con gọi mà không ai bắt lên nghe. Có lẽ mẹ ngủ.

Sáng hôm sau ngày 14 tháng 10, 2018 tôi rời Canada trở về Mỹ. Tôi đi lúc trời chưa sáng tỏ nên mẹ hãy còn ngủ.

Tôi về Mỹ gọi cho mẹ được ba lần, lần cuối là ngày 6 tháng 11. Lần này mẹ bảo không nghe thấy tiếng tôi trong phone. Tôi có gào thật lớn cho mẹ nghe, nhưng mẹ vẫn bảo không nghe thấy gì. Nhưng mẹ cứ nói một mình, mẹ kể lúc này mẹ mệt lắm, ăn ít lắm; bố cũng yếu lắm rồi, chỉ uống sữa Ensure thôi. Mẹ còn nói nhiều nữa, tiếng nói còn rõ ràng, làn hơi không đứt quãng, nhưng chẳng ăn nhập gì đến câu hỏi của tôi. Tôi bức bối vì đường dây điện thoại bị trục trặc nên mẹ không nghe được tiếng tôi. Rốt cuộc, cuộc gọi bị cắt ngang, tôi không còn nghe thấy tiếng mẹ nữa. Tôi gác điện thoại, hy vọng hôm khác gọi, đường dây sẽ rõ hơn.

Tối ngày 11 tháng 11, 2018 em Khánh gọi cho tôi báo tin mẹ đang nằm trong nhà thương. Bác sĩ bảo không cứu được nữa, chỉ còn chờ đi. Tôi hỏi Khánh mẹ vào nhà thương hôm nào. Khánh bảo từ tối thứ Năm ngày 8 tháng 11. Tôi hỏi sao không báo cho tôi biết ngay, bây giờ mới nói. Khanh bảo vì

lúc đầu bác sĩ bảo chữa xong sẽ cho mẹ tôi về và từ đây sẽ phải dùng bình dưỡng khí thường xuyên. Nhưng hai hôm sau bác sĩ nói rằng mẹ tôi sẽ không qua khỏi. Vì thế Khánh mới gọi cho tôi hay.

Tối ngày 13 tháng 11 tôi bay qua Canada, đã hơn 11 giờ khuya, em Khánh đón tôi đưa ngay vào nhà thương. Mẹ tôi đã nhắm mắt mê man, thở bằng dưỡng khí, hơi thở ngắn. Tôi đứng nhìn mẹ quá gầy gò, chỉ còn da bọc xương. Nhưng nét mặt mẹ bình thản. Tôi cố nói chuyện với mẹ, hy vọng mẹ nghe thấy. Tôi nói với mẹ rằng: “Con thương mẹ lắm, con muốn nói chuyện với mẹ lắm. Chắc mẹ đã thấy thiên sứ của Chúa đứng cạnh mẹ để chờ đưa mẹ lên Thiên Đàng. Mẹ sẽ gặp lại ông ngoại, gặp bà Nhàn, gặp ông bà Sùng, gặp anh Cường...”

Sau đó em Khánh và tôi cầu nguyện cho mẹ rồi ra về. Vì trong phòng không có chỗ cho người nhà nằm lại. Khánh bảo sáng sớm mai sẽ trở lại thăm mẹ.

Sáng hôm sau tôi chưa thức dậy đã nghe tiếng Khánh gõ cửa phòng bảo sửa soạn vào nhà thương gấp vì vợ Khánh trước khi đi làm ghé nhà thương thăm mẹ tôi đã gọi về báo tin cô y tá bảo là mẹ tôi sắp đi rồi. Thế là tôi vội vàng sửa soạn đi theo Khánh.

Xe chạy vào giờ cao điểm, hơn ba mươi phút mới đến nơi, lên được lầu 6, vừa đến cửa phòng của mẹ, cô em

dâu, vợ Khánh ra đón khóc bù lu bù loa, bảo rằng: “Bà vừa đi có ba phút”.

Tôi và Khánh bước vào đến cạnh giường của mẹ. Mọi dây nhợ gắn vào người mẹ đã được cô y tá tháo ra. Mắt mẹ nhắm nghiền như đang ngủ, vì thế tôi không cần phải vuốt mắt cho mẹ. Tôi và Khánh cùng khóc, cùng nói xin lỗi mẹ vì chúng con có rất nhiều thiếu sót với mẹ, chúng con không có nhiều thì giờ cho mẹ, và nhiều khi chúng con làm mẹ buồn lắm, xin mẹ tha lỗi cho chúng con.

Cô y tá còn đứng đó đang khóc cho mẹ tôi. Lạ nhỉ! Y tá đã chứng kiến bao nhiêu người chết rồi, sao còn cảm động được trước cái chết bình thường của mẹ tôi? Nhưng cô bảo khi nghe em dâu tôi kể sơ qua về mẹ tôi, hiền lành, nhín nhục và cầu nguyện với Chúa từng ngày cho từng người trong nhà thờ, cho các con, các cháu và những người bà quen biết, kể cả cho các Tổng Thống Mỹ, nước Mỹ, nước Canada, nước Do Thái, nước Việt Nam vv...” Cô thấy mẹ tôi cũng giống như mẹ cô, có tấm lòng yêu thương cầu thay cho người khác. Cô biết rằng Chúa đã đem mẹ tôi đi thanh thản, không đau đớn khó nhọc.

Em dâu tôi kể sáng hôm qua thứ Ba, ngày 13 tháng 11 mẹ tôi còn ăn bữa ăn sáng cuối cùng trong nhà thương. Mẹ ăn được chén oatmeal bé và uống ít sữa, khi uống nước mẹ bảo nước lạnh quá nên em dâu tôi đi xin nước nóng về

pha thêm cho ấm để mẹ uống. Sau khi ăn xong mẹ bắt đầu ngủ cho đến khi em Khánh đón tôi từ phi trường đưa đến thăm mẹ lúc gần nửa đêm.

Tôi ước ao sao Khánh báo cho tôi hay từ hôm mẹ mới vào nhà thương để tôi qua sớm hơn thì còn nghe được mẹ nói chuyện.

Tôi gọi cho hai con trai lớn của tôi đang trên đường lái xe qua Toronto báo tin bà vừa về với Chúa, các con cứ lái từ từ, đừng vội vã nữa. Xong, tôi nhắn tin cho con trai út đang làm việc ở New York báo tin.

Các con tôi tưởng đâu mẹ tôi chỉ vào nhà thương điều trị vài hôm rồi về nhà vì đây là lần đầu mẹ tôi phải vào nhà thương. Nhưng hai con lớn tôi cũng thu xếp để qua Canada thăm bà ngoại chúng vì bà phải nằm điều trị trong nhà thương.

Trở về căn basement của bố mẹ, nhìn thấy cái bếp mà mẹ ra vào mỗi ngày để hâm thức ăn trong microwave, nhìn thấy lọ bột năng chỉ vơi đi chút đỉnh, nhìn lọ đường còn y nguyên tôi chợt nhớ mẹ dạt dào. Những thứ này tôi chẳng bao giờ còn cơ hội để nấu cho mẹ chè đậu ván nữa, chẳng còn bao giờ nấu cho mẹ được một bữa ăn nào nữa.

Cái bếp không có mẹ ra vào trở nên lạnh lẽo làm sao. Cái bàn này không còn mẹ ngồi ăn mỗi buổi sáng, buổi trưa, buổi tối nó u buồn thế nào. Tôi

nhìn đâu cũng thấy hình ảnh mẹ. Một sự trống vắng đổ ụp xuống trên tôi.

Tôi rời mẹ ngày 14 tháng 10, 2018 thì đúng ngày 14 tháng 11, 2018 mẹ qua đời.

Tự dưng tôi hiểu được Chúa đã tạo cơ hội cho tôi gặp mẹ vào tháng 10, ở với mẹ được 10 ngày. Mẹ con còn chuyện trò với nhau được 10 ngày và tôi có cơ hội nấu ăn cho mẹ được bấy nhiêu ngày. Tôi dâng lời cảm tạ Chúa về điều này. Nếu không được gần mẹ vào tháng 10 vừa qua, thì giờ này tôi đau khổ, ân hận biết bao nhiêu.

Dù biết rằng mẹ đang ở trên thiên đường hưởng bình yên với Chúa, tôi vẫn khóc và nói với mẹ: “Mẹ ơi! Con nhớ mẹ quá. Mẹ đi rồi, không còn mẹ để nói chuyện với con nữa, con buồn quá!”

Khi bố tôi thức dậy, trông thấy tôi, bố hỏi: “Mẹ đâu?” Tôi trả lời: “Mẹ ở trong nhà thương.”

Bố chỉ nhớ đến mẹ, ngoài ra không nhớ gì khác. Khi em dâu tôi xuống, nhìn thấy con dâu bố lại hỏi: “Bà đâu?” Em dâu tôi nói ngay, không dấu diếm: “Bà về với Chúa rồi.”

Nghe câu trả lời của tôi hay của con dâu không biết bố có hiểu không, nhưng miễn có trả lời thì bố không hỏi nữa. Bố lại đi ngủ.

Gần 2 giờ chiều, hai con trai tôi lái xe đến nhà cậu Khánh. Chúng xin cậu Khánh đưa đến nhà thương để nhìn xác bà ngoại. Tôi lại đi theo các con

vào nhà thương nhìn xác mẹ lần nữa. Các con tôi, em Khánh và tôi thay phiên nhau dâng lời cảm tạ Chúa đã đem mẹ tôi đi bình yên, đã tiếp rước linh hồn mẹ tôi lên Thiên Đường và chúng tôi hẹn gặp lại mẹ tôi trên Thiên Đường với Chúa.

Trở về nhà, em Khánh nhờ tôi dọn dẹp quần áo, sách vở của mẹ để đem cho hay đem bỏ. Tôi phải mở từng ngăn kéo, từng ngăn tủ đem ra một đồng sách vở, thư từ mẹ chất chứa từ mấy mươi năm qua. Tôi bắt được những bức thư của ông ngoại tôi gửi ra từ Việt Nam qua Đài Loan cho mẹ khi ông còn sống, còn cả bao thư đóng dấu bưu điện. Tôi đọc lại những bức thư này. Mẹ đã đem chúng theo qua Bolivia, qua Paraguay, rồi qua Canada. Mẹ là người chắt chiu kỷ niệm. Mẹ không bỏ được kỷ niệm. Cả những tấm ảnh đám tang của ông ngoại, do ông mục sư gửi từ Việt Nam qua Đài Loan năm 1978 cho mẹ, hãy còn nguyên.

Giờ đây đến lượt tôi giữ lại những bức thư của ông ngoại tôi. Để hình đám tang của ông ngoại lại cho em Khánh giữ. Có lẽ tôi cũng mang trong người tánh chất chiu kỷ niệm của mẹ. Khánh tìm thấy cuốn nhật ký của mẹ ghi lại những giấc mơ Khải tượng của Chúa cho, ghi rõ ngày tháng và chi tiết của giấc mơ. Có những giấc mơ đã hiện thực.

Em Khánh gọi cho nhà quản, đặt chỗ làm tang lễ sáng ngày Thứ Bảy ngày

10 tháng 11. Nhà quản đã đồng ý, nhưng hôm sau gọi lại báo tin vì mẹ tôi nằm trong diện của Bộ xã hội trang trải mọi phí tổn mai táng nên chỉ được làm trong những ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu. Có muốn bù thêm tiền để làm ngày Thứ Bảy cũng không được. Như thế cũng không sao, dời tang lễ qua ngày thứ Sáu. Vì thế ngày thăm viếng cũng phải dời lại vào tối thứ Năm.

Cả ba con trai tôi đến đầy đủ để an ủi tôi và để tiễn đưa bà ngoại. Con trai lớn tôi dẫn theo con trai đầu lòng của cháu, vừa hai tuổi. Riêng con dâu tôi phải ở lại Mỹ vì đứa cháu nội thứ hai của tôi còn bé quá, chưa đến 6 tháng, không tiện bế theo.

Tối thứ năm thăm viếng, khách đến đông ngồi kín những dãy ghế, những người đến sau phải đứng ở sát tường vì hết ghế ngồi. Chúng tôi thật cảm động vì một người vô danh, tầm thường như mẹ mà được nhiều người thương yêu đến thăm viếng như thế này.

Tôi đã đưa cho nhà quản cái áo dài màu ngọc phỉ thúy có kết hoa kim tuyến trắng của mẹ để người ta mặc cho mẹ. Chiếc áo này do người quen ở Canada khi về Việt Nam mua vải và may ở Việt Nam đem biếu mẹ. Mặc dù em dâu tôi bảo là mẹ tôi thích chiếc áo dài có hoa lốm đốm, nên áo màu xanh dương đậm đem theo từ năm 1975 khi rời Việt Nam.

Nhưng năm ngoái, tháng 7 năm 2017 khi tôi đến thăm mẹ, mẹ lại chỉ mấy cái áo dài mẹ thích bảo tôi cầm về làm kỷ niệm. Lúc đó tôi trả lời: “Đem về để chắt nhà, con đâu mặc vừa áo của mẹ.” Mẹ chỉ yên lặng không nói gì thêm. Bây giờ nghĩ lại, có lẽ mẹ biết chẳng còn sống bao lâu nữa, mẹ muốn tôi giữ lại một vài kỷ niệm của mẹ. Vì thế, tôi không muốn làm mẹ buồn, tôi phải đem chiếc áo dài này và chiếc áo dài màu cổ vịt lụa tơ tằm mà mẹ mua vải và đặt may ở một tiệm may xưởng xám ở Cao Hùng, Đài Loan, theo về Mỹ. Đem về treo thôi, không mặc được cũng chẳng sao. Nhìn thấy chúng, tôi lại nhớ đến mẹ. Người mẹ âm thầm chịu đựng nhiều gian truân, khó nhọc nhưng không bao giờ than thở hay oán trách ai, cũng không oán trách Chúa. Tôi bế đứa cháu nội đến bên quan tài nhìn mẹ tôi. Tôi nói với cháu rằng bà cố đang ngủ. Phải nhìn nhận nét mặt mẹ tôi trông thanh thản, tuy gầy gò nhưng không thấy nếp nhăn như khi còn sống. Tôi cố ý nhìn kỹ để tìm nếp nhăn trên mặt mẹ, nhưng chúng biến đâu mất hết. Sống mũi mẹ cao vừa tầm, thẳng nhọn một đường thật đẹp. Chúa cho mẹ một sắc đẹp không cần sửa chữa gì cả. Thế mà những năm còn ở nhà với mẹ, tôi đâu nhìn biết mẹ tôi đẹp. Có lẽ trông thấy mẹ hằng ngày nên quen mắt. Sau này nhìn lại những bức ảnh cũ của mẹ, tôi mới nhận thấy mẹ đẹp.

Em Khánh nhờ tôi soạn bài nói về mẹ tôi để đọc tối nay và sáng thứ Sáu trong tang lễ. Có một cô trong nhà thờ lo việc làm slide show, phóng những bức ảnh của mẹ lên màn hình từ thời trẻ cho đến tháng 10 năm 2018.

Khi Mục Sư giảng xong và mọi người xếp hàng lên viếng mẹ lần cuối, có bà đến đưa tay đặt lên ngực mẹ khóc mãi vì thương mẹ quá.

Viếng xong, mọi người được mời qua phòng tiếp tân để ăn pizza và trái cây.

Sáng thứ Sáu, ngày 14 tháng 11, 2018 trời lạnh 35 độ F, nhưng có nắng và khô ráo suốt cả ngày. Em Khánh nhờ một thanh niên theo khiêng hòm cho mẹ vì nhà tôi và nhà em Khanh chỉ có 5 con trai, còn thiếu một người đi theo khiêng hòm. Anh Phong vui vẻ nhận lời ngay.

Sau khi Mục sư giảng xong, mọi người lên viếng mẹ lần chót để đóng hòm lại. Sau đó mọi người được mời qua phòng tiếp tân để ăn nhẹ.

Sau khi hòm đã đóng lại, cháu nội hai tuổi của tôi đi vào phòng nhờ chú út bế lên xem bà cố. Thấy hòm đã đầy lại, cháu bảo chú mở ra cho cháu xem. Nhìn thấy bà, cháu nói: “She is sleeping” - Bà đang ngủ -.

Trời trong xanh, nhưng lạnh 35 độ F. Mọi người tiễn mẹ tôi ra nghĩa trang không phải lầy lội. Cháu nội tôi cũng đứng ở nghĩa trang suốt cả buổi mà không bị cảm lạnh.

Riêng bố tôi thì không được cho theo ra nhà quan từ tối qua vì ông quá yếu không ngồi nổi quá 20 phút, chỉ có nằm ở ghế, đừng nói chi ra nghĩa trang đứng cả gần hai giờ.

Qua sáng thứ Bảy trời tối xầm và mưa tầm tã từ sáng đến tối. Rõ là hôm nay quá khác biệt với hôm qua.

Tối thứ Bảy hôm đó có buổi học kinh thánh tại nhà chị Bảy. Tôi theo em Khánh đến nhà chị. Ai nấy dâng lời cảm ơn Chúa đã cho ngày hôm qua có nắng đẹp, khô ráo để tang lễ của mẹ tôi tốt đẹp, mọi người theo ra nghĩa trang không bị ướt sũng.

Cô em dâu tôi nói có lẽ Chúa biết trước ngày thứ Sáu có nắng khô ráo nên khiến cho nhà quan dời tang lễ của mẹ tôi từ thứ Bảy qua thứ Sáu. Tôi không đồng ý như vậy vì Chúa là Đấng biết trước mọi sự, Ngài cũng là Đấng làm ra thời tiết. Ngài biết trước nhà quan sẽ dời tang lễ của mẹ vào thứ Sáu nên Ngài phán với thứ Sáu rằng “Phải khô ráo và có nắng” thì phải có như vậy.

Anh Phong, người đi theo quan tài của mẹ tôi từ trong nhà quan ra xe, và từ xe đến huyệt mộ làm chứng một điều:

- Tối hôm thứ Năm, khi mọi người đi lên viếng xác bà và đã đi ra; chỉ còn tôi là người sau cùng lên nhìn bà. Khi tôi vừa nhìn vào bà, tức thì có hình ảnh bà hiện ngay ra trước mặt tôi. Bà cười thật hiền và nói với tôi rằng: “Ngày mai con sẽ đi bên cạnh bà.” Tôi nghe như vậy không hiểu gì hết nhưng trong lòng

thấy vui lắm. Qua sáng hôm sau ông mục sư đến nhờ tôi đi theo quan tài của bà ra xe, tôi nhận lời ngay và chợt hiểu câu bà nói: “Ngày mai con sẽ đi bên cạnh bà.”

Mọi người ồ lên cảm tạ Chúa vì đây là một phép lạ.

Tôi phải giải thích cho anh Phong và mọi người hiểu đó là khái tượng đến từ Chúa, không phải linh hồn mẹ tôi hiện về nói chuyện với anh. Vì người chết trong Chúa đã lên Thiên Đường, không bao giờ trở lại thế gian này. Chúa cho anh nhìn thấy khái tượng này vì Ngài muốn cho anh biết Ngài hiện diện trong tang lễ của mẹ tôi. Ngài lo cho mẹ tôi đến phút cuối cùng nên chọn anh là người khiêng hòm cho mẹ. Điều này cũng cho anh biết Chúa quan tâm đến anh, Chúa lo liệu cho mẹ tôi thế nào, Ngài cũng sẽ ở cùng anh và con dân của Ngài thế ấy cho đến khi Ngài đem họ về Thiên Đường.

Cô Tuyết cũng có lời làm chứng. Cô nói rằng tuy không có máu mủ ruột thịt với mẹ tôi, nhưng cô thương mẹ tôi như ruột thịt. Vì thế khi hay tin mẹ tôi vừa mất cô đau lòng quá. Cô vừa vào nhà thương thăm mẹ tôi sáng thứ Ba lúc 10 giờ sáng. Mẹ tôi đã ngủ sau khi ăn sáng. Cô đánh thức mẹ tôi dậy bằng cách vỗ vào đùi mẹ lay dậy. Mẹ tôi mở mắt ra nhìn cô. Cô hỏi mẹ tôi: “Con là Tuyết đây, bà có nhìn ra con không?” Mẹ tôi nhìn cô, chớp mấy môi nhưng không nói ra lời. Nhưng cô biết mẹ tôi

có ý nói nhìn ra cô. Cô cầu nguyện cho mẹ rồi ra về, hẹn hôm sau sẽ trở lại thăm bà. Vậy mà sáng thứ Tư mẹ tôi đã trút hơi sau cùng. Cô đâm ra oán trách Chúa. Cô khóc lóc với Chúa rằng: -Con tưởng Chúa đem ông đi trước, tại sao Chúa đem bà đi trước? Chúa đem bà đi rồi con mất một người cầu nguyện, hội thánh mất một người cầu nguyện.

Vừa nói với Chúa cô vừa khóc. Tức thì cô nghe thấy tiếng Chúa phán bên tai: - Ta đem bà đi vì đã đúng thời điểm rồi. Bà không chết vì bệnh gì hết. Bà đã làm xong phận sự mà ta giao phó thì Ta đem bà đi. Vũ khí của bà là sự cầu nguyện. Ta đã nhậm lời cầu xin của bà cho nhiều việc, Ta đã lo cho bác Nguyên, ta đã lo cho các con của bác An. Còn con, nếu con chưa làm xong công việc Ta giao cho, con có muốn chết cũng không chết được. Kẻ nào muốn hại con, muốn giết con cũng không giết được. Ta cho chị X là người duy nhất được nhìn thấy lúc bà trút hơi thở cuối cùng vì Ta muốn thay đổi tâm lòng của chị X đối với ông bà.

Nghe xong những lời này, cô Tuyết không còn dám oán trách Chúa nữa. Và nỗi buồn trong cô cũng nguôi ngoai. Mọi người nghe xong lời làm chứng của anh Phong và cô Tuyết đều dâng lời cảm tạ Chúa. Ngài vẫn hiện diện ở thế gian với dân sự của Ngài cho đến khi đúng thời điểm Ngài đem họ đi với Ngài.

Chị Thanh cũng kể lại khi chị và chị Bảy vào nhà thương thăm bà vài ngày trước khi bà mất. Chị khích lệ bà: “Bà hãy vững lòng nghe bà!” Nhưng bà trả lời bằng một câu kinh thánh: “Đừng sợ, vì Ta ở với ngươi; chớ kinh khiếp vì ta là Đức Chúa Trời ngươi!” (Ê-sai 41:10a)

Tuy biết chắc rằng tôi sẽ gặp lại mẹ ở Thiên Đường, nhưng ngày đó còn bao lâu? Trong lúc chờ đợi này, tôi cảm thấy một nỗi trống trải mênh mông vì không còn mẹ để kể chuyện ngày xưa cho tôi nghe, vì tôi không còn cơ hội để nấu những bữa ăn cho mẹ nữa.

Hình như lúc mẹ còn sống, tôi chưa bao giờ nói với mẹ rằng tôi thương mẹ. Tôi muốn nói với mẹ ngàn vạn lần rằng “Mẹ ời con thương mẹ quá, con nhớ mẹ quá!”

Ôi! Những ngày tôi được ở gần mẹ trên quả đất này quá ngắn ngủi.

Dù mẹ luôn tha thứ cho chúng tôi, nhưng tôi xin Chúa tha thứ cho tôi và các em trai, cho em dâu những lỗi lầm, những thiếu sót của chúng tôi đối với mẹ.

TT-Thái An - 3/10/2019



CẨM NGỘ

Xương

1. Thanh tùng, lục trúc với hồng mai
Trải suốt mùa đông quạnh kéo dài
Ánh nắng bình minh tàn buổi trước
Bóng đèn tà nguyệt lạnh đêm nay
Phù hoa lẳng đẵng nhòa mây khói
Tâm sự triền miên trải tháng ngày
Nhìn trước ngoảnh sau muôn vạn nẻo
Chết như nằm mộng, sống như say!

2. Ném bút, tiếng cười vỡ tịch liêu
Chiều qua chiều lại đã bao chiều
Hồi vừng trăng đẹp thời ươm mộng
Đâu ánh hương nồng thuở mới yêu?
Tiếng khóc vọng hoài vòng tục lụy
Bước chân lê mãi nhịp phù kiều
Dừng đây ngấm lại cơn đau bể
Cánh cửa cuối cùng bật tiếng kêu!



HỒ TRƯỜNG AN

CẢNH NGỘ

Họa

Hồng đào thổ thổ với hoàng mai
Xuân đến đôi ta lại thờ dài
Mua sắc nhớ người trồng thuở trước
Bán hương trách kẻ đón hôm nay
Dập dìu ong bướm duyên muôn kiếp
Đắm đuối trăng sao nợ tháng ngày
Hoa thật ngậm ngùi hoa giả tạo
Thực như là mộng vẫn còn say!

Thương người quạnh quẽ giữa cô liêu
Bóng ngã về tây đã xế chiều
Bạc phận đắng cay vì giận ghét
Hồng nhan bi lụy bởi thương yêu
Non thê lưu luyến lòng Kim Trọng
Biển hện phôi pha dạ Thúy Kiều
Ghềnh đá chơ vơ con sóng vỗ
Thét gào hót hãi tiếng ai kêu!



PHAN KHÂM

**** Trích từ Thi tập HOÀI CẨM ****

LARA, NGƯỜI TÌNH MUÔN THUỞ

**** Vương Trùng Dương ****

Tác phẩm Bác Sĩ Zhivago (tiếng Anh: Doctor Zhivago, tiếng Pháp: Docteur Jivago) được giải Nobel Văn Chương năm 1958 nhưng tác giả Boris Pasternak (1890-1960) đang sống trong chế độ CS Liên Xô nên không được sang Thụy Điển nhận giải và bị Hội Các Nhà Văn Xô Viết (The Soviet Writers Union) kết tội là kẻ phản động, loại ra khỏi tổ chức!. (Tháng 12 năm 1989, con trai của Boris Pasternak là nhà văn Evguenii đã được mời sang Thụy Điển nhận giải thưởng thay ông, với những nghi thức long trọng như lễ trao giải chính thức).



Boris Pasternak là nhà thơ đã ẩn hành nhiều thi phẩm và truyện ngắn, tự truyện, Dr. Zhivago là tác phẩm đầu tay đưa tên tuổi ông trên đài danh vọng, là

một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất trên thế giới.

Nhà thơ, nhà văn Boris Pasternak tuy đã có vợ và người tình nhưng khi gặp Olga Ivinskaya với cuộc tình thơ mộng và bi thương nên Olga trở thành nhân vật trong Dr. Zhivago. Tác giả dựa vào bản thân và cuộc tình trong cuộc sống để sáng tác nhân vật hư cấu nhưng rất sống động, tưởng như thật trong bối cảnh thời đó dưới chế độ CS Liên Xô. Và, Pasternak khởi đầu viết Dr. Zhivago vào năm 1948. Linh cảm của nhà văn khi sáng tác có những điểm tương đồng xảy ra trong tác phẩm.

Olga Ivinskaya, người gốc Đức-Ba Lan, sinh năm 1912 ở Tambov. Năm 1915, gia đình chuyển đến Moscow. Sau khi tốt nghiệp Học Viện Công Nhân Biên Tập tại Moscow năm 1936, cô làm biên tập viên tại nhiều tạp chí văn học. Cô là một người ngưỡng mộ Pasternak từ khi còn ở tuổi thiếu niên, tham dự các buổi họp mặt văn học để nghe thơ của ông. Olga kết hôn hai lần: lần đầu tiên với Ivan Emelianov vào năm 1936, người đã treo cổ tự tử vào năm 1939, có được con gái là Irina Emelianova; lần thứ hai vào năm 1941, Alexander Vinogradov (sau này bị giết trong chiến tranh), sinh ra một người con trai là Dmitry Vinogradov.

Olga gặp Vladimir Pasternak vào tháng 10 năm 1946, trong tòa soạn của Novy Mir, nơi cô phụ trách trong công việc giới thiệu tác giả mới. Lúc đó Pasternak 56 tuổi và Olga 36 tuổi. Olga tích thi ca nên hợp tác với Pasternak trong việc dịch thơ từ tiếng Anh sang tiếng Nga như thơ của Rabindranath Tagore.

Vào tháng 10 năm 1949, Olga bị bắt là "đồng phạm của điệp viên" và vào tháng 7 năm 1950 bị Hội Đồng Đặc Biệt của NKVD kết án 5 năm tại Gulag. Vào thời điểm bị bắt giữ, Olga đang mang thai bởi Pasternak và bị sảy thai. Cô được thả ra vào năm 1953 sau cái chết của Stalin.

Khôi hài và trớ trêu, tác phẩm Dr. Zhivago của Pasternak bị coi như "tác phẩm phản động" nhưng khi được giải Nobel Văn Chương 1958 cả thế giới biết đến nên CS Liên Xô không kết án tù tác giả mà quy tội cho người tình của ông!

Sau cái chết của Pasternak năm 1960, Olga Ivinskaya bị bắt lần thứ hai, cùng với con gái của cô, Irina Emelianova. Cô bị buộc tội là mối liên kết của Pasternak với các nhà xuất bản phương Tây. Năm 1962 Emelianova được thả đến năm 1964 Olga được ra khỏi nhà tù. Cô đã thụ án bốn năm trong bản án tám năm.

Năm 1978, hồi ký của Olga viết lại thời gian lao tù được xuất bản tại Paris bằng tiếng Nga và được dịch sang tiếng Anh dưới tựa đề A Captive of

Time. Irina Emelianova di cư sang Pháp năm 1985 xuất bản một cuốn hồi ký này kỷ niệm về mối tình của mẹ cô với Pasternak.

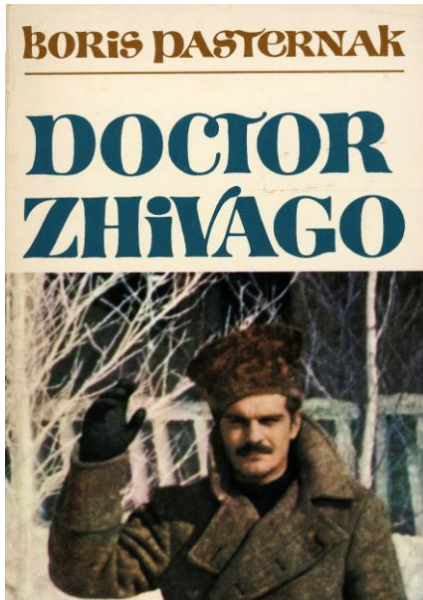
Thư từ của Pasternak gửi cho Olga, các bản thảo và tài liệu khác đã bị KGB thu giữ trong lần bắt giữ cuối cùng. Olga đã phản kháng nhiều năm trong vụ kiện nhưng kết quả với phán quyết chống lại lý do "không có bằng chứng về quyền sở hữu" và "giấy tờ nên được lưu giữ trong kho lưu trữ của nhà nước". Olga mất năm 1995 vì bệnh ung thư. Hưởng thọ 83 tuổi.

Boris Pasternak phác họa tác phẩm trong bối cảnh xảy ra bầu không khí khủng bố và nghi kỵ của thời đại Stalin vào thời kỳ "Cách Mạng 1917". Zhivago sống trong giai đoạn bất an và không thể chấp nhận ách cai trị độc đoán của chế độ này nên tự tìm lối thoát trong cuộc sống và đi tìm hạnh phúc trong tình yêu để xoa dịu bản thân.

Boris Pasternak hoàn thành tác phẩm Dr. Zhivago năm 1956, tác giả gửi bản thảo cho tờ tạp chí của Liên Xô, nhưng ban biên tập đã từ chối đăng cuốn tiểu thuyết của ông, viện lý do nó "mô tả một cách lệch lạc Cách Mạng Tháng Mười Nga và xuyên tạc những nỗ lực xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Liên Xô". Pasternak gửi chui qua Ý ấn hành bằng tiếng Nga và bản dịch bằng tiếng Ý năm 1957. Sau đó, tác phẩm được dịch sang tiếng Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Thụy Điển,

CỎ THƠM

Na Uy, Đan Mạch, Phần Lan.... Bản tiếng Anh do Max Hayward và Manya Harari dịch, xuất bản vào tháng 8 năm 1958, nổi tiếng và phổ biến nhất trong sáu thập niên qua.



Sau khi Mikhail Gorbachev chủ trương chính sách “Cởi Mở” và “Cải Cách”, tác phẩm Dr. Zhivago được xuất bản tại nước Nga vào năm 1987.

Tác phẩm này dày gần gần tám trăm trang, gồm 16 chương. Tác giả dựa vào bản thân và cuộc tình để xây dựng hai nhân vật chính là Dr. Zhivago và Lara.

Yuri Zhivago học y khoa, tốt nghiệp bác sĩ, có máu văn nghệ, làm thơ, viết văn và đã có gia đình. Lara cũng vậy đã lập gia đình. Thế nhưng, chàng và

nàng khi gặp nhau cả hai với “tiếng sét ái tình”.

Lara khi mới 17 tuổi gặp gã quý tộc Komarovsky thô lỗ, cọc cằn, dựa vào thế lực đã hãm hiếp Lara. Trong cơn tủ nhục, Lara phẫn nộ, lấy súng bắn Komarovsky trong buổi tiệc Giáng Sinh nhưng không may lại bắn trúng một người khác. Sau đó, cô kết hôn với Pasha và có một cô con gái.

Khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất nổ ra, Zhivago tòng quân với tư cách bác sĩ quân y. Chồng của Lara cũng nhập ngũ và bị mất tích. Lara tình nguyện làm y tá với hy vọng tìm kiếm tông tích chồng. Zhivago gặp Lara lần đầu tiên khi vào thăm vợ tại trạm quân y nơi Lara làm việc. Mỗi tình yêu ngang trái đã âm thầm nảy nở nhưng cả hai đều đã tự ngăn cản trái tim mình.

Chiến tranh bùng nổ khắp nơi, Zhivago và Lara được bổ nhiệm công tác chung tại nhà thương ở tỉnh nhỏ xa xôi. Chàng bị cuốn hút bởi hình ảnh dễ thương, quyến rũ nên cảm tình cho Lara. Và rồi họ đã yêu nhau tha thiết. Nhưng khi kết thúc nhiệm vụ, họ chia tay và trở về với con đường riêng của mình.

Sau cuộc chiến, Zhivago trở về chức vị bác sĩ cũ tại nhà thương ở Moscow (Mạc Tư Khoa). Tâm hồn lãng mạn của chàng thường bị đồng nghiệp bài bác và đả kích thiếu tinh thần cách mạng. Giữa cuộc xung đột chống chủ nghĩa Marx nổ ra, Zhivago cùng gia đình dời

về Urals, vùng đất mới yên bình, tránh chiến tranh.

Trên xe lửa của chuyến đi, Zhivago nhận thức được nỗi khổ của nông dân và tù binh, những nạn nhân của cuộc cách mạng. Vốn là người yêu chuộng tự do và nhân quyền nên chàng bắt đầu với những hành động hay chính kiến quá cứng rắn và thiếu tình người của những người theo cách mạng.

Tại Urals, Zhivago cùng gia đình khai đất làm ruộng và làm thợ. Nơi thư viện làng, gặp lại Lara và hai người bước vào thế giới yêu đương vụng trộm. Đó cũng là lúc Lara biết tin chồng còn sống và hiện là một tay Trùm Đỏ khét tiếng với tên mới Strelnikov.

Tại đây, Zhivago và nàng Lara vô tình gặp lại nhau sau bao xa cách và ngọn lửa tình yêu trong tim họ lại một lần nữa bùng cháy bất chấp mọi ràng buộc và mặc cảm tội lỗi. Nhưng rồi, cuộc tình của họ cũng lại thêm một lần bị chia cắt bởi chiến tranh...

Trong bối cảnh hỗn loạn của chiến tranh, mỗi cuộc chia ly là một sự biến mất. Trong thời điểm nhiễu nhương đó, không biết ngày mai sẽ ra sao, phó mặc cho số phận! Thế nhưng, Zhivago và Lara vượt lên mọi ngang trái, ràng buộc và bất an, họ lại đến với nhau, vẫn yêu nhau, cho nhau tình yêu chân thành nhất, say đắm nhất dù là trong tận cùng tuyệt vọng!

Zhivago muốn trở về với vợ để thú nhận tội ngoại tình nhưng không may bị

một nhóm quân cách mạng bắt cóc và phải phục vụ như bác sĩ của nhóm này. Sau vài năm, Zhivago trốn thoát và trở lại với Lara. Để tránh không bị điểm chỉ, cặp tình nhân bỏ trốn sang một nông trại khi xưa gia đình Zhivago từng canh tác.

Zhivago tiếp tục làm thợ (cũng như tác giả), bày tỏ tâm sự của chàng về những thăng trầm của đời sống, những lo sợ và lòng can đảm trong chiến tranh và hơn hết là tình yêu dành cho Lara. Trong khi đó Zhivago có tin vợ là Tonya và con gái bị trục xuất khỏi Nga.

Hoàn cảnh thật trớ trêu, Zhivago gặp Pasha. Sau một đêm trò chuyện, cuối cùng hai người đàn ông cùng yêu một người đàn bà đã ngủ thân thiện bên nhau dưới một mái nhà. Người này kính trọng người kia và cùng biết mình được yêu. Tuy Pasha trở thành tên Trùm Đỏ Strelnikov nhưng bị thất sủng và quân cách mạng truy đuổi, cảm thấy bất lực trước mối tình của Lara và Zhivago. Sáng ra Pasha tự sát. Pasha tin rằng đó là con đường giải thoát để mẹ con Lara hạnh phúc. Pasha chết trong cô đơn trên bãi tuyết mênh mông. Điều mà Pasha cần là tình yêu nhưng trái tim đó đã dành trọn vẹn cho Zhivago.

Thế rồi sau đó, Komarovsky xuất hiện. Hắn hăm dọa rằng quân cách mạng đang truy lùng Pasternak và Lara và sẽ giết cả hai nếu bắt được. Hắn hứa giúp

đưa Zhivago và Lara trốn ra nước ngoài.

Trước sự hăm dọa đó, Zhivago đắn đo và vì vấn đề an toàn cho Lara, chàng quyết định để Lara ra đi một mình. Chàng ở lại Nga trong nỗi đau nên say sưa uống rượu giải sầu!

Zhivago trở lại Mạc Tư Khoa và sống cùng một phụ nữ tên Marina và kiếm sống bằng cách viết sách. Chàng xin vào làm tại bệnh viện và rồi trên đường đi làm, chàng bị đột quỵ. Lara tình cờ đi tới nhà xác và... xác Zhivago vẫn còn nằm đó. Sau vài ngày, người ta không còn thấy Lara. Có người cho rằng nàng đã bị bắt đi trại tập trung cải tạo. Sau đó, Lara chết trong cô đơn, không có người đàn ông nào của nàng bên cạnh. Không ai ân hận, không ai trách cứ gì nhau!

*



Năm 1965 tác phẩm Doctor Zhivago được đạo diễn David Lean dựng thành phim của Anh. Ca khúc chính của phim là Lara's Theme hay Somewhere, My

Love của Maurice Jarre. Tài tử Omar Sharif (Dr. Zhivago), minh tinh Julie Christie (Lara). Phim giành được năm giải Oscar. Đây là một trong những cuốn phim nổi tiếng nhất thế giới, trải qua nhiều thập niên vẫn được yêu thích.

Ca khúc tiếng Pháp là La Chanson de Lara, Phạm Duy dịch bài hát sang lời Việt dưới tên Hỡi Người Tình Lara.

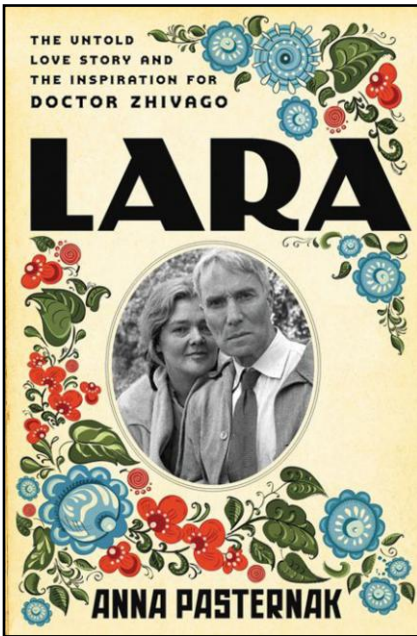
Tác phẩm Dr. Zhivago đã được Trường Văn và Song Tích phỏng dịch năm 1959 nên độc giả ở Miền Nam VN đã biết qua vì vậy khi cuốn phim này được trình chiếu, trở thành hiện tượng, khán giả đợi chờ, sắp hàng mua vé. Tựa đề cuốn phim Vĩnh Biệt Tình Em. Sau đó bản dịch Bác Sĩ Zhivago, Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa xuất bản, 1969. Vĩnh Biệt Tình Em, Nguyễn Hữu Hiệu dịch, Sài Gòn, Tổ hợp Gió, 1974. Bác sĩ Zhivago, Nguyễn Hữu Hiệu dịch, Sài Gòn, Nhà xuất bản Hoàng Hạc, 1975

*

Hiện Tượng Lara

Tuy Lara không còn thơ ngây, trinh trắng nhưng vẻ đẹp trong tâm hồn, tình yêu nồng nàn, say đắm, bất chấp ngang trái, bất chấp sự đe dọa, kết tội của chế độ Cộng Sản Liên Xô hà khắc, nàng dấn thân trong cuộc tình với trái tim và tâm hồn.

Ca sĩ Quỳnh Giao ghi nhận: “Ngày xưa, ở tại Sài Gòn, Lara đã mở ra cho chúng



ta những khung trời thơ mộng và bi thương của một thế giới khác, trong một hoàn cảnh rất chung của tình yêu trong chiến tranh và hận thù. Những gì xảy ra sau đó tại Việt Nam còn vượt qua mọi sự bi thảm của tác giả Boris Pasternak và nhiều nàng Lara thật ở ngoài đời, ở trong thế giới của chúng ta, đã khiến mình có thể quên được người nghệ sĩ Julie Christie...”.

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng viết về Nhân Vật Lara của Boris Pasternak:

“Lara - ngoài đời, người đã cho Pasternak hình tượng nhân vật Lara, tên thật là Olga Ivinskaya và đã qua đời vào ngày 8 tháng Chín, 1995 tại Mạc Tư Khoa.

Trong một lá thư gửi R. Schweizer đề ngày 7 tháng Năm, 1958, Pasternak đã viết về Olga Ivinskaya như sau: "Sau

chiến tranh thế giới lần thứ hai, tôi đã gặp một phụ nữ trẻ, tên là Olga Ivinskaya... Nàng chính là Lara trong cuốn tiểu thuyết mà tôi bắt đầu viết chính vào thời kỳ đó... Nàng là hiện thân của niềm yêu đời và đức hy sinh... Nàng biết rõ đời sống tinh thần của tôi và mọi công việc văn chương của tôi."

Một năm sau khi trả lời phỏng vấn của nhà báo Anh, Pasternak nói: "Nàng là người bạn lớn, rất lớn của tôi. Nàng đã giúp tôi trong thời gian tôi viết sách, trong cuộc đời tôi... Nàng đã bị tù 5 năm vì kết thân với tôi. Thời trẻ của tôi không có một nàng Lara độc nhất... Nàng Lara của tôi thời trẻ ấy là vốn sống chung. Còn nàng Lara của tôi thời về già thì đã được ghi khắc vào trái tim tôi bằng máu của nàng và bằng cảnh tù đầy của nàng"...

Pasternak kể lại buổi hẹn đầu tiên, ông gọi điện thoại đến toà soạn Novy Mir, nói với Olga: "Tôi muốn cô gọi tôi là ‘anh’, bởi vì gọi là ‘đồng chí’ nghe giả dối lắm."

Olga nhắc lại mối tình của bà và Pasternak: "... Cuốn tiểu thuyết ấy đã bắt đầu quyết định cả số phận của hai chúng tôi. Nó như một thứ bùa mê. Nó đem đến niềm hạnh phúc điên cuồng cùng nỗi đau khổ ghê gớm. Càng gần đến cái chết của nhân vật, đến dấu chấm cuối cùng, thì đoạn kết của cuộc đời chúng tôi càng gần lại."

Bài báo của Suacop trên tờ "Văn Hóa & Đời Sống", lên án Pasternak là người

"bất mãn với thực tế mới, không thân thiện với cuộc cách mạng Liên Xô, xa rời thực tế, không viết bài cổ động chính trị, không tham quan các nhà máy. Boris Pasternak là một 'người đi trên mây', là kẻ thù của nhân dân."

... Olga Ivinskaia đã ra đi, nhưng nàng Lara vẫn còn ở lại mãi mãi với người đọc chúng ta. Hãy tưởng tượng "cánh tay phải" của ông đang lau cho ông những giọt nước mắt. Hãy tưởng tượng Pasternak là một người hạnh phúc...". (NXH)

Hình ảnh Lara được Anna Pasternak, cháu gái của nhà văn viết thành tác phẩm cũng như Dr. Zhivago trở thành chứng nhân của thời đại.

*

Trong thời gian làm giám khảo cho nhật báo Viễn Đông trước đây về cuộc thi Chuyện Người Tù Cải Tạo & Chuyện Người Vợ Tù Cải Tạo. Đọc những bài viết của các chị, không cầm được nước mắt, tôi chia sẻ với đồng nghiệp, nàng Lara ngày xưa dưới chế độ CS Liên Xô trong tác phẩm Dr. Zhivago với cuộc tình lãng mạn và bi thương, hậu quả bi thương dưới chế độ. Cuộc tình của các chị vợ tù bây giờ tuy không còn lãng mạn nhưng quá cao cả, trong sáng, sự hy sinh vô bờ bến. Các chị hầu hết không trải qua các đời chồng như Olga (Lara) là hiện thân của người phụ nữ Việt Nam trong thời chiến và trong giai đoạn nghiệt ngã! Các chị và con cái cam chịu cuộc sống bất hạnh vì liên

quan đến "ngụy quân ngụy quyền", khi có chồng trốn trại, vượt biên thì trở thành nạn nhân như đồng phạm.

44 năm trôi qua, trên mảnh đất thân yêu và tang thương đó, có lẽ có nhiều cuộc tình với bóng dáng Lara nhưng rất tiếc không có cây bút nào như Boris Pasternak để tôn vinh!

Với tôi Lara luôn luôn là hình ảnh đáng yêu, người tình muôn thuở.

Little Saigon, 3/2019



Vương Trùng Dương



TẠP CHÍ CỔ THƠM có bán tại WASHINGTON MUSIC Eden Center 6795 Wilson Blvd. #26 Falls Church, VA 22044 Tel. 703 538 4979

CHIỀU BÊN PHÌM DƯƠNG CẦM

Chiều,
Một chiều tơ vương
Lòng chùng như sương
Ồi chiều
Em rơi,
Hồn em nhẹ rơi
Nhạc em chơi vơi
Tiếng dương cầm
Ai ơi,
Vội gì cho em
Tình em đơn côi
Ồi tình
Ru em,
Một chiều êm ru
Lời nhạc vi vu
Êm đêm
Em mơ,
Một đời thiên thu
Lòng em phiêu du
Yêu người
Mây cao,
Nhạc chiều hư hao
Tình nào xông xao
Xa người
Ô hay,
Chiều nay tơ vương
Lòng chùng như sương
Em buồn
Yêu ai,
Một chiều hương bay
Một lần em say
Tiếng dương cầm.

Bạch Cúc - Virginia 1999

(Bài thơ viết riêng tặng Hoa, người em gái dễ thương mà chị nhớ một chiều nào đã ngồi bên phím dương cầm trong nỗi niềm... tơ vương)



SOIR PRÈS DU PIANO

*Soir
Un soir nostalgique
Tisse mon âme
En rosée mélancolique.
Ô soir
Fais-la voguer
Épouse son coeur
Et sa musique qui s'envole.
Aime-la, qu'attends-tu?
Pour son amour si triste.
Amour
Berce-la
Un soir si doux
Sur ses mélodies magiques.
Fais-la rêver
D'un bonheur si lointain
Chéris-la
Sur ton nuage tendre de satin.
De ses gammes touchantes
Dans son âme lassante
Très loin de toi,
Un soir si serein.
Ne la quittes plus
Ne vois-tu pas sa tristesse
Innonder le crépuscule
Délivrer les parfums
Et enivrer les coeurs
Amoureux des notes éternelles...*

Diễm-Hoa

Hương Rừng Cà Mau

**** đoàn xuân thu ****

Năm 1956, một truyện ngắn gửi báo Tiếng Dội được ông Trần Tấn Quốc, chủ báo, nồng nhiệt đón nhận.

“Xin giới thiệu cùng quý độc giả thân mến: tân truyện Đường Về Đồng Tháp của Đoàn Hùng Việt”.

Đoàn Hùng Việt là bút hiệu của ba tôi. Từ đó, ba tôi viết cho nhiều báo khác... kể cả các tuần báo như: Nhân Loại, Bông Lúa.

Lúc ấy, nhà văn/biên khảo Sơn Nam mỗi tuần một truyện ngắn trên báo Nhân Loại như: Hương rừng Cà Mau, Tình nghĩa giáo khoa thư, Hát bội giữa rừng, Mùa “len” trâu... mà sau này gom lại thành tuyển tập “Hương rừng Cà Mau” do nhà Phù Sa của Ngọc Linh phát hành năm 1962.



Sơn Nam

Cái tình văn nghệ của phụ thân tôi và nhà văn Sơn Nam bắt đầu từ độ ấy.

Bác Sơn Nam hơn ba tôi hai tuổi nhưng hai người gọi nhau là anh. Ba tôi gọi anh Sơn Nam còn bác Sơn Nam gọi ba tôi là anh Việt. Ngoài NV Sơn Nam ra, ba còn có các bạn văn khác như: Bình Nguyên Lộc, Ngọc Linh, Kiên Giang Hà Huy Hà, An Khê, Dương Hà...

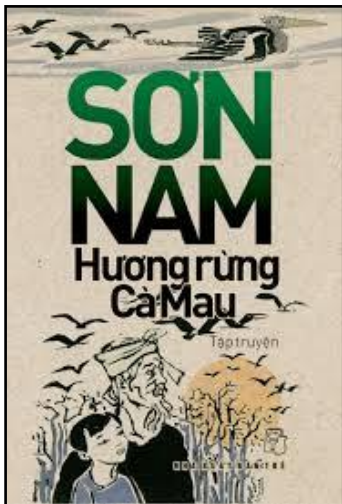
Nhà văn Ngọc Linh chuyên viết truyện dài với tựa rất thơ như: “Buổi chiều lá rụng... Mưa trong bình minh” gửi tặng ba hình một người đẹp với dòng chữ: *“Thân tặng anh Đoàn Hùng Việt”* và ký tên. Hình người đẹp đó là Kiều Chinh đang là diễn viên điện ảnh.

Nhà văn Ngọc Linh ăn mặc bảnh bao, chải chuốt, quần áo láng cón, đầu bi-ăng-tin bóng lưỡng, chạy Vespa. Còn NV Sơn Nam tóc dựng đứng, mặt như lưỡi cày, môi dày, răng hơi hô, mắt kèm nhèm dưới đôi kính cận. Áo trắng, xắn tay, bỏ vô thùng đằng hoàng nhưng mang dép lê phè... đi bộ.

Nhưng cả hai đều tài hoa và đào hoa như nhau. Cho nên NV Sơn Nam đặt tên con gái là: Đào Thúy Hằng và Đào Thúy Nga thì cũng chẳng làm ai ngạc nhiên! Hằng là tên trong giấy tờ, còn tên ở nhà là Mỹ Linh. Nga là Ngọc Ánh. Thúy Hằng là tên từ Thẩm Thúy Hằng; còn Thúy Nga là từ tên ca sĩ, vợ của Hoàng Thi Thơ. Sau này NV Sơn Nam

có thêm một người con gái nữa là Đào Thúy Liễu, tên ngoài là Trinh.

“Lúc đó, NV Sơn Nam có người bạn viết báo tên Đoàn Hùng Việt, làm việc ở Bưu điện Mỹ Tho. Sát vách nhà chú Việt có căn nhà bỏ trống nên chú đề nghị Sơn Nam đưa vợ con về thuê ở.” Lời của Mỹ Linh.



Tôi là láng giềng, sát vách với con của văn hào được hai năm, thường ra ruộng mò cua, bắt ốc hay chạy qua nhà nghe say mê bác Sơn Nam gái kể chuyện xưa tích cũ.

Năm 1959, ba tôi dời đi Bưu Điện Cái Bè, tôi xa Mỹ Tho, không còn đi bắt ốc, hái rau với Mỹ Linh và Ngọc Ánh ngoài ruộng nữa. Không còn qua nhà nghe bác Sơn Nam gái kể chuyện xưa tích cũ hay ngồi trước cửa nhà nhìn xe lửa Sài Gòn Mỹ Tho, súp lê, chạy xẹt khói nữa... Bưu Điện Cái Bè, làng Đông Hòa Hiệp, là biệt thự rộng minh mông,

chánh phủ mướn của ông Hội đồng Đôn. Không điện, không nước. Không điện thì dùng đèn măng sông. Nước thì nước sông, gạo chợ...

NV Sơn Nam một, hai tháng mới về thăm vợ con một lần ở Mỹ Tho, rồi nhơn tiện ghé Cái Bè ở chơi với ba tôi năm, bảy bữa. Nói là ghé chơi chứ thực là ông về để viết. Buổi sáng hai ông ăn sáng với hột gà ốp-la, muối tiêu... bánh mì bán dạo, nóng dòn. Uống cà phê phin kiểu Pháp. Bột cà phê bỏ vô phin, rót chút nước lạnh cho cà phê nở ra rồi rót nước thiệt sôi vào. Cà phê đen rất đậm, ít đường. Buổi sáng hương cà phê thơm ngát. Tôi hưởng nước nhì... Cả hai đều ghiền thuốc lá và ghiền nặng. Ba hút ngày một gói Melia vàng, hai chục điếu, NV Sơn Nam cũng không chịu thua, một gói Bastos!

Tới giờ ba tôi đi làm việc, chỉ cần mở cửa là tới văn phòng, thì NV Sơn Nam rút vô phòng, lấy sổ đầy chì chít những chữ ra xem... rồi viết. Trưa ăn cơm chung, chiều uống chút đỉnh rượu, rồi ngủ. Má tôi lo nấu ăn, đãi bạn văn của chồng mà không một tiếng than van. Tụi nhỏ được ăn ngon hơn một chút... thường là canh chua cá lóc với cá sặc rần kho tộ.

Sau đó là Rạch Giá và Sài Gòn, những nơi ba tôi dời đi, ông đều có đến thăm. Năm bảy lăm, mất nước, ba tôi bị bắt đi cải tạo hết sáu tháng, dù suốt đời chỉ

làm Bưu Điện, liếm tem, cò, phát thơ chứ “làm cái gì đâu” mà có nợ máu với nhân dân... vậy mà cũng bị ở tù! Ba tôi đi tù về lại Sài Gòn, đường Lý Thái Tổ kiếm sống bằng nghề đánh máy mướn.



Người ta làm đơn xin thăm nuôi chồng, con ở tù vì đủ mọi lý do, mà lúc đó ai mà hồng ở tù... mới là lạ! Bây giờ, quê người, viết bài này bằng computer, gõ nhẹ nhàng lên “keyboard” là chữ hiện lên, tôi lại nhớ và thương ba tôi nhiều hơn nữa. Thương những ngón tay cong vòng vì phải gõ lọc cọc suốt ngày trên cái máy đánh chữ “Olympia” cổ lỗ xỉ để kiếm gạo nuôi một bầy con, thân gà trống vì má tôi đã mất lâu rồi.

Có lần, khoảng năm 1980, từ Cần Thơ đi gạo lậu về Sài Gòn, ghé thăm ba, tôi lại được dịp gặp NV Sơn Nam. Sáu giờ chiều, dọn bàn máy, hai ông già, bạn văn, dắt nhau ra Ngã Bảy ăn cơm bụi. Bây giờ không còn canh chua cá lóc, cá sặt rắn kho khô hay cá lóc nướng trui, uống rượu “con cọp” nữa rồi! Mà là một khúc khổ-quá hằm trong canh toàn quốc, uống rượu bột đường...

Tôi cứ tưởng NV Sơn Nam ở tù hồi Việt Nam Cộng Hoà, nếu bây giờ còn được tiếp tục cầm bút thì chắc ông phải

làm quan... ngon rồi chứ... dè đâu cũng vậy! thì sao nhờ vả được hỡi trời! Tôi hỏi ba tôi hay là bác Sơn Nam giấu, vì sợ cha con mình mượn tiền, chứ con đọc báo thấy bài của ông nghe “mùi cách mạng” lắm mà ba?

‘Hồng có đâu con, bác Sơn Nam nói mấy thằng biên tập nó chen vô, hồng cho, nó hồng đẳng, đôi.’

“Người viết phải giao thiệp với chủ báo để biết họ cần gì, đừng mình viết mà không sợ phải ‘lạc đề’, nếu bài ‘lạc đề’ thì dù có hay mấy họ cũng ném sọt rác. Khi đưa bài báo đến tòa soạn báo, họ muốn biên tập, xử lý ra sao cũng mặc kệ, miễn là họ... trả tiền sòng phẳng. Những gì họ biên tập, cắt xén thì khi in thành sách, ta cứ việc ‘phục hồi’ lại nếu thích’. (Lời Sơn Nam)

Cái tình văn nghệ giữa ba tôi và NV Sơn Nam dễ chừng hơn bốn chục năm nhưng thời gian có hề gì. Cái “tình nghĩa giáo khoa thư” giữa thầy phái viên báo Chim Trời và độc giả Tư Có của cái xứ Cà Bay Ngop, chỉ một đêm. Hai ông ăn cá lóc nướng trui, uống rượu “ông cọp”... rồi sau đó cùng chui vô mùng nói chuyện: “QUỐC VĂN GIÁO KHOA THU”.

Cái tình văn nghệ giữa các ông với nhau là một chút “Hương Rừng Cà Mau” thoang thoảng nhưng lại thơm tới ngàn sau.

đoàn xuân thu melbourne



Sơn Nam (1926 - 2008) là một nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam nổi tiếng. Ông tên thật là Phạm Minh Tài sinh ngày 11 tháng 12 năm 1926, tại làng Đông Thái, quận An Biên, tỉnh Rạch Giá. Thuở nhỏ ông học tiểu học tại quê nhà, rồi học trung học tại Cần Thơ.

Sáng tác đầu tiên của Sơn Nam lại là tập thơ mang tựa đề *Lúa reo* (1948), tiếp sau đó là hai truyện ngắn *Bên rừng Cù Lao Dung* và *Tây đầu đỏ*. Nhưng, cái tên Sơn Nam bắt đầu được người ta nhớ nhất qua *Hương rừng Cà Mau* (1962), tiếp sau đó là một loạt các tác phẩm: *Chim quỳên xuống đất* (1963), *Hình bóng cũ* (1964), *Vạch một chân trời* (1968), *Hai cỗi U Minh*, *Vọc nước giồng trắng*, *Bà chúa hòn*... Tất cả những sáng tác ấy đến với độc giả một cách dễ dàng bởi ngôn từ bình dị, mộc mạc và thông qua đó người ta hiểu thêm về cách ứng xử của con người đồng bằng.

Nhà văn Sơn Nam đã viết nên nhiều tác phẩm dấu ấn, ông được nhiều người gọi yêu là "ông già Nam Bộ", "ông già Ba Tri", "ông già đi bộ", "pho từ điển sống về miền Nam" hay là "nhà Nam Bộ học". Ông qua đời ngày 13 tháng 08 năm 2008 tại Sài Gòn.



TÌNH NGHĨA GIÁO KHOA THƯ (trích trong *Hương Rừng Cà Mau*)

- Từ đây tới nhà ông Trần Văn Có gần hay xa vậy thầy?

Thầy xã trưởng đáp:

- Ở xóm Cà Bầy Ngọt lặn! Để tôi ra lệnh cho phó hương ấp đòi tên đó tới công sở...

Thầy phái viên nhà báo "Chim Trôi" giựt mình.

- Tôi là phái viên, đâu có quyền hạn đó đối với quý độc giả thân mến gần xa.

Thầy xã hỏi:

- Phái viên là gì vậy thầy?

- Là người thay mặt cho tờ báo đi cổ động và thu tiền.

- À! Bây giờ tôi mới biết cái thằng Tư Có. Nó thiếu tiền của nhà báo hả? Hèn chi nó bơi xuống lên công sở lãnh báo, đúng bầy bừa là có mặt nó. Nghèo không biết thân lại còn bày đặt làm sang mua báo không trả tiền!

Thầy phái viên cố nén sự bức tức khi nghe người độc giả thân mến của mình

bị thầy xã khinh khi; thầy hút thuốc suy nghĩ rồi lại hơi buồn buồn mà nhớ đến sự thất bại về tài chánh.

Ông độc giả Trần Văn Có thiếu sáu tháng tiền báo tức là hai đồng sáu cắc rưỡi. Từ chợ Rạch Giá vô đây, thầy đã tốn gần ba cắc rưỡi tiền tàu, tiền thuốc hút. Chuyển về lại phải xuất thêm ba cắc nữa... Ông độc giả nghèo nàn này chắc gì trả được một đồng trong số tiền thiếu chịu nhà báo!

Nhưng đã tới đây rồi mà trở về thì uổng cuộc viễn du Hậu Giang này quá! Thầy phái viên quyết tình bình vực thể diện của người độc giả nọ:

- Không phải tôi đi đòi tiền! Tôi đi dò hỏi ý kiến bạn đọc đối với tờ báo. Tiền bạc là quý... Nhưng ý kiến của bạn đọc lại quý hơn. Độc giả ở tới đâu, chúng tôi đi tới đó.

Sau vài phút đi tới đi lui, thầy xã găt đầu:

- Được. Để tôi biểu thằng “Trạo” chèo tam bản đưa thầy. Thầy nên dè chừng. Tên Trần Văn Có nói mười, thầy tin một là vừa. Anh ta công kích tờ Lục Tỉnh Tân Văn của nhà nước Lang Sa gởi xuống công sở; đi ăn giỗ thì nói chuyện Hít Le, chuyện nước Ý đánh nước Á, chừng hỏi kỹ mấy nước đó ở đâu, anh ta bí lổi nói lảng qua chuyện Tàu...

Thầy phái viên tò mò:

- Vậy thì ông độc giả của chúng tôi rành chữ nho?

- Ai biết rõ được. Anh ta nói có dây có nợ, tích người học trò nghèo tên là

người Thừa Cung gì đó... chần heo; ông quan đại thần Lý Tích đích thân nấu cháo cho chị ăn dè đâu bị lửa táp cháy râu. Chưa hết đâu, thầy phái viên ơi! Hễ gặp ai say rượu anh ta nói một hơi như thầy chùa tụng kinh, có ca có kệ. Cái gì mà các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mặt đỏ gay, mắt lơ lơ...

Thầy phái viên cười lớn, nhịp mạnh tay xuống bàn ba bốn lần như đánh trống chầu hát bội, đôi mắt sáng ngời, chân nhảy nhót như con nít:

- Hay quá! Hay quá! Tôi thăm ông độc giả đó mới được. Ông làm thầy giáo hả thầy? Nhờ thầy đưa tôi đi tới gặp mặt. Ngộ quá hen! Ủ! Ủ!

Bực mình quá chừng, thầy xã nghĩ: “Ông phái viên này kêu mình bằng thầy mà lại tưng bốc kêu Tư Có bằng ông. Hay là ông chê mình không dám xuất tiền mua báo như Tư Có. Chừng bận về, mình mua vài năm báo chơi cho biết mắt”.

Thầy xã hối thúc cho chú trạo sửa soạn quai chèo đưa thầy phái viên đến ấp Cà Bậy Ngọt. Thầy phái viên cảm ơn một tiếng nhỏ rồi cúi đầu xuống nói rừ rừ như xa như gần, trong cuống họng:

- Ờ! Để coi các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mặt đỏ gay, mắt lơ lơ, quần áo xốc xếch, chân đi xiêu bên nọ vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói lảm nhảm... Lũ trẻ theo sau reo cười chế nhạo... Đúng vậy, Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp sơ đẳng, Việt Nam

Tiểu học từng thư... Sách này do Nha Học Chính đã giao cho ông Trần Trọng Kim, ông Đặng Đình Phúc và ông Đỗ Thận soạn... Eo ơi! Cái buổi thơ ấy đó nay còn đau.

Đường đi ấp Cà Bậy Ngọt quá xa vời! Chiếc tam bản nhún xuống một cái “ồ” rồi nhảy tới một cái “sạt” theo nhịp chèo hai chèo. Nắng chang chang rắc vàng trên thảm cỏ hoang xanh ngắt. Vài nhánh bình bát gie ra, quất vào bụi sột soạt. Xế chiều, cò trắng phất cờ như đón người khách lạ. Trích, cúm nùm kêu ré lên. Con rạch thâu hẹp lại. Chiếc tam bản lắc nghiêng như trái dừa khô trên mặt nước đầu sóng gió. Ánh trạo chèo một chèo, nghiêng mình bên hữu. Rồi bỗng nhiên anh chụp mỗi tay một cây chèo mà chèo trên đất khô bên bờ rạch. Chiếc tam bản lại lướt nhanh trong lòng nước quá hẹp, vừa đủ lọt bề ngang.

Anh trạo mỉm cười:

- Chèo như vậy đi lạ hơn. Mọi lần mùa hạn, nước cạn queo, dưới sông đầy bùn non, tôi cưỡi trâu trên bờ mà kéo. Chiếc tam bản đi như cộ kéo lúa...
- Chú trạo biết rành nhà Từ Có không?
- Dạ, biết. Từ Có ở một mình, nuôi heo, giăng câu, ăn ong, nghe nói y ở xứ Văng Long xuống đây tính bề dạy học mà xin phép chưa được...

oOo

Buổi cơm chiều ngon lành làm sao! Ăn cá lóc nướng trui, uống rượu “ông cọt”. Anh trạo đã về, Từ Có kèm thầy phái viên ở lại ngủ một đêm, chú hứa sáng mai bơi xuống đưa thầy trở lại công sở mà đón tàu đò. Thếp đèn dầu cá kéo thêm một tim thứ nhì nữa, cháy khá sáng. Bếp un dưới đất tỏa lên cuộn cuộn, tỏ rõ từng sợi khói mịn màng như màn lưới tơ giăng bủa khắp căn chòi nhỏ hẹp.

Từ Có bỏ mũng xuống, chun vô tấn ba phía rồi mời:

- Thầy Hai vô trong này ngồi nói chuyện cho vui. Ở ngoài muỗi cắn. Khói như vậy mà muỗi cứ bu lại rớt lênh trong thếp đèn dầu cá đó.

Ngượng nghịu, thầy phái viên nhà báo Chim Trời rón rén dợ mí mừng, chun lẹ vào ngồi kế bên:

- Xứ gì lạ quá! Anh Từ ở đây hoài sanh bệnh chết.

Từ Có đáp:

- Xứ Cà Bậy Ngọt, tiếng Khơ Me nghĩa là trâu chết. Hồi đó nghe nói trâu “len” tới đây thất bại, phong thổ ảm thấp trâu chết nhiều quá. Họ đặt tên kỷ niệm luôn... Bởi vậy dân tình bệnh hoạn, thưa thớt, làng này chưa cất nổi cái trường học.

Thầy phái viên trở mắt:

- Vậy à? Còn mấy làng khác?
- Đồng Thái, Đồng Hoà, Đồng Hưng, Vân Khánh Đông... không làng nào có trường hết. Thầy nghĩ coi...

- Hèn chi miệt này chỉ một mình anh Tư là độc giả báo Chim Trờì của chúng tôi... Báo có thích hợp không anh Tư?

- Nói chí tình, đó là của người bà con ở Sài Gòn “đăng” dùm tôi, ban đầu tưởng nói chơi dè dặt nhà báo gọi xuống thiết, xem cũng đỡ buồn. Phần nhiều bài vở của mấy ông viết cao quá. Tôi thường đọc cái trương Văn Uyển, có bài thơ bát cú vùa cô Bích Lý vịnh cảnh sông Hương. Hay quá lẽ! về sau, ông Trần Bất Diệt ở Cầu Kè họa vắn...

Thầy phái viên gật đầu, ừ lầy lẹ, thật ra hồi nào tới giờ đi cổ động cho báo Chim Trờì mà ít khi thầy đọc kỹ báo nhà. Tư Có hỏi tiếp:

- Nhà báo Chim Trờì đông người không thầy? Chắc là lớn lắm? Làm sao mà thành chữ được.

- Có thợ chuyên môn ráp từ chữ a, chữ b.

- Trờì thần ơi! Biết tới chừng nào mới xong, chắc là thợ đông lắm... Còn mấy ông chủ nhiệm, chủ bút, phóng viên... Chắc làm việc rần rộ ngày đêm.

Thầy phái viên sực nhớ đến tình trạng loe hoe của toà soạn, gật đầu lần nữa.

- Làm báo thì cần nhiều trí óc lắm phải không thầy phái viên? Tiếc là hồi nhỏ cha tôi chết sớm. Hồi đó, ông làm thầy giáo cũng đặt thơ bát cú, từ cú. Cha tôi chết, má tôi giữ mấy pho sách, dạy lại tôi. Đó là sách Quốc Văn giáo khoa thư, thầy còn nhớ không?

Thầy phái viên cười:

- Nhớ chứ. Làm sao mà quên được! Hồi nhỏ tôi hót “ca rê”, tay xách tòn ten bình mực đi học ở trường làng. Hồi đó, trí óc minh sáng suốt, nhớ dai lắm. Bây giờ lớn tuổi, đầu bạc hoa râm, đi làm ăn rày đây mai đó, nhớ nhà, nhớ trường học, nhớ làng xưa.

Tư Có nói:

- Chắc là thầy muốn nói bài “chốn quê hương đẹp hơn cả” chứ gì?

Rồi chú đọc một hơi:

- Một người đi du lịch đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kẻ quen người thuộc, làng xóm, láng giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi: ông đi du sơn du thủy...

- Đó ơ! Đó ơ! Anh Tư nhớ kỹ quá... Người du lịch mới trả lời: ở chốn quê hương... từ cái bụi tre ở xó vườn cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gọi cho tôi những mối cảm tình chứa chan... Bài đó có hình ông già mang kiếng, chống gậy nói chuyện với mấy người khăn đóng áo dài.

- Thì hình nào cũng khăn đóng áo dài. Trừ ra cái hình thằng nhỏ chăn trâu cầm roi: ai bảo chăn trâu là khổ... Không, chăn trâu sướng lắm chứ.

Thầy phái viên phụ họa theo như cùng hợp xướng:

- Đầu đội nón mê như lọng che, tay cầm cành tre như voi ngựa, ngất ngưởng ngồi trên mình trâu, tôi nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ...

Rồi thầy kéo qua những đoạn khác mà thầy nhớ:

- Hay quá! Nhà báo bây giờ không ai bằng. Văn chương như vậy là cảm động lòng người... Như cái hình ông già đẩy xe bò lên dốc, có hai đứa học trò kéo dây tiếp sức. Trời nắng to. Đường thì dốc. Một ông lão đẩy cái xe lộn. Trên xe có ba bốn con lợn to, chân trối bụng phơi và mồm kêu eng éc...

Tư Có vỗ trán:

- Còn ông già khuôn tảng đá nữa, thấy mà thương: Trời nhá nhem, chạng vạng tối, tôi thấy một ông cụ già hì hục khuôn tảng đá. Ông cụ nhấc lên để xuống đến bốn năm lần mới đem được từ giữa đường đến chỗ bụi cây mà bỏ đấy... Lão đi lờ vấp phải tảng đá này, sầy cả chân đau lắm nên khuôn bỏ vào đây, sợ có người vấp nữa chẳng.

Thầy phái viên lại không chịu rằng mình kém trí nhớ:

- Ngang hình ông già đó, trương phía tay trái có bài chọn bạn mà chơi, thói thường gần mực thì đen. Cha chỉ ngón tay, con đứng khoanh tay cúi đầu mà nghe. Dưới chót lại có hàng chữ: Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

Tu Có gất đầu:

- Đó là ngụ ý răn he gương tốt thói xấu. Phải siêng năng như Sừu chăm học, ngồi bên đèn mà đọc sách; đừng lười biếng như thằng Bình đánh vòng. Phải bền chí học hành. Ở thầy phái viên chắc nhớ cái hình con kiến tha mồi! Văn chương nghe như đồn Nam Xuân:

Nước mềm, đá rắn thế mà nước chảy mãi đá cũng phải mòn. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn, vậy và dây cưa mãi cũng đứt. Con kiến nhỏ, cái tổ to, thế mà kiến tha lâu cũng đầy tổ. Người ta cũng vậy...

oOo

Không ai bảo ai, hai người lại nằm xuống lim dim. Tuổi của họ đã quá ba mươi! Nước chảy mãi mà sao đá không thấy mòn? Sợi dây cưa mãi, gỗ chưa đứt mà sợi dây sắp đứt trước. Sự nghiệp của họ nào đã có gì: Kể mền cái thú ở nhà quê, người lặn độn với cái thú ở kẻ chợ.

Nằm mãi không ngủ được, thầy phái viên lắng nghe những tiếng động trong nhà, giữa tiếng một nghiêng gỗ kèn kẹt như người đưa võng, bắt chập tiếng chuột chạy sột soạt và nhất là tiếng muỗi rừng lộng hành kêu vo vo, thầy mơ lại những ngày năm nay tôi lên bảy, tôi đã lớn, tôi không... lêu lổng nữa. Còn đâu mùi hương của những quyển sách mới bao bì kỹ lưỡng nhưng vài ngày sau đã rách bìa! Làm sao nghe được tiếng phập phồng trong ngực của đứa bé khi trời mưa to, đi học trễ, run rẩy bước vào trường rồi cởi áo phơi ngay trong lớp... Đây, thầy giáo mặc đồ bà ba, lâu lâu bước ra khỏi lớp để chào hỏi khi thầy xã, thầy cai tổng đi ngang qua. Một đôi lúc, thầy giáo quá cay nghiệt đã dùng thước đánh vào những

dầu ngón tay non yếu, hoặc hươì cây thước bằng...

Dầu sao đi nữa, những kỷ niệm xa xưa vẫn vui, vui như một lũ học trò giành nhau chụp cho được cây dùi trống, đánh thùng thùng báo hiệu giờ vào lớp.

Giọng Tư Có nói nhỏ:

- Ngủ chưa, thầy phái viên?

Thầy phái viên yên lặng, trời mới mưa, các chỗ trũng đầy nước cả nên cóc và nhái kêu ính ỏi. Vài giọt mưa rớt nhẹ xuống đất... Và rơi trên rạch Cà Bậy Ngọt trước nhà. Hồi năm nào, thầy là giọt nước trong lành đó, bây giờ nó đã trôi xa, ra sông, chứa đựng rác rến, chảy hăng ra biển. Ủ, hoá chẳng đó là con đường hiệu quả nhất là được sớm bốc thành hơi, đầu thai trở lại nguồn... Nghĩ vậy, thầy khoan khái mỉm cười ngồi dậy hỏi:

- Ngủ chưa anh Tư?

- Chưa!

- Tôi nãy giờ cũng vậy, muốn ngủ sớm để mai về nhà, mà không thấy mệt.

Im lặng một hồi lâu, rất lâu, Tư Có nói ngậm ngùi sau một tiếng thở dài:

- Biết lấy gì làm sở phí cho thầy. Thầy nói thiệt tình nghe coi... Chắc thầy tới đây thâm tiền.

- Đâu có! Đâu có! Mình là bạn đời với nhau...

- Thầy hiểu cảnh tôi. Không lẽ gởi cá lóc, rùa, mật ong... nhờ thầy đem về Sài Gòn gọi là tiền của tôi trả cho nhà báo. Tôi “đăng” là vì ái mộ báo Chim Trôi chứ ít đọc lắm. Mấy thầy viết cao

quá. Tôi mua để dành về sau cho đủ bộ.

- Anh Tư đừng ngại chuyện đó. Cứ tiếp tục đọc. Lâu lâu dò nơi mục Thư tính không chừng có lời của tôi thăm hỏi anh Tư. Nếu thấy báo đăng đòi tiền các độc giả, xin anh Tư hiểu rằng đó là nhắc nhở các người khác. Tôi hứa nói lại với ông chủ nhiệm mỗi kỳ gởi tặng anh Tư một số báo, hoài hoài cho tới số chót.

Chú Tư Có vô cùng cảm động:

- Thôi thầy ngủ lấy sức để mai về bình yên. Khuya nghe chồn cáo cộc kêu, thầy đừng giật mình: Ở đây miệt rừng, không có... xa xa thì nghe tiếng chó sủa trắng.

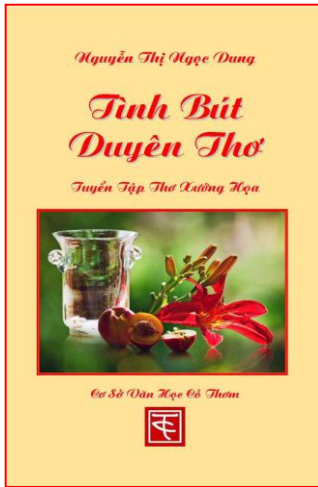
Thầy phái viên cười dòn, tưởng tượng cái cảnh biệt ly ngày mai “Ôi! Cái cảnh biệt ly ở xóm Cà Bậy Ngọt sao mà buồn vậy!”. Vĩnh biệt thì đúng hơn. Nghe nó buồn như một giọng hò, một câu rao Vọng Cổ, nhưng thầy chưa muốn nói ra, giờ này.

Sơn Nam



LỜI NGỎ

Tuyển Tập Thơ Xướng Họa Tĩnh Bút Duyên Thơ của NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG



TÌNH BÚT DUYÊN THƠ là tập thơ thứ ba của Nguyễn Thị Ngọc Dung sau *tập thơ Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời*, Cơ Sở Cổ Thơm xuất bản năm 1999, và *Nỗi Nhớ Niềm Thương*, Cổ Thơm Website, 01/01/2019.

Trong đây là những bài thơ 7 chữ 8 câu Nguyễn Thị Ngọc Dung đã xướng họa với các thi hữu. Có vài bài trích ra từ tập thơ xướng họa *Hoài Cảm*, Cổ Thơm xuất bản năm 2003. Đây là loại thơ theo thể thất ngôn bát cú, nhưng canh tân cách hóa theo ngôn ngữ Việt Nam hiện đại, giản dị và trong sáng, không có nhiều điển cố, từ ngữ cổ kính như thơ Đường luật của các bậc tiền bối, nhưng vẫn nghiêm chỉnh theo niêm luật bằng trắc, đối họa.

Sau khi Cơ Sở Cổ Thơm cho xuất bản tập thơ xướng họa *Hoài Cảm*, do chủ trương và hợp tác của Nhà thơ Hồ Trường

An, Phan Khâm và Nguyễn Thị Ngọc Dung, nhiều nhà thơ khác đã hưởng ứng họa thơ của chúng tôi và gửi thơ mời chúng tôi họa. Chúng tôi đã nghĩ có một ngày nào đó phải gom góp lại thành một quyển thơ xướng họa nữa để cảm tạ quý thi hữu đã yêu mến thơ của chúng tôi. Đến bây giờ Ngọc Dung mới có cơ hội làm việc này.

Đa số các bài xướng họa trong tập **TÌNH BÚT DUYÊN THƠ** đã được đăng rải rác trong Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm qua 20 năm Ngọc Dung là chủ bút, rồi chủ nhiệm đến tháng 3/2018. Mỗi thi nhân là một cây thơ xanh tươi rợp bóng mát trong vườn thơ Cổ Thơm và trên Thi Đàn hải ngoại.

Chúng tôi sẽ tiếp tục chọn lựa những bài thơ xướng họa được gửi tới Tạp Chí Cổ Thơm và đưa vào tập thơ này. Tân Chủ Nhiệm Phan Anh Dũng, người rất yêu quý và tận tụy với văn học nghệ thuật, sẽ thay tập thơ khi có thêm bài mới và thể tập cũ trên Website.

TÌNH BÚT DUYÊN THƠ Online sẽ được lưu giữ trong Thư Viện Website Cổ Thơm và đồng thời những vần thơ này cũng sẽ được bay bổng khắp bốn phương trời.

Xin chân thành cảm tạ quý thi sĩ Hồ Trường An, Phan Khâm, Huệ Thu, Hà Thượng Nhân, Vân Nương Lê Ngọc Chấn, Cao My Nhân, Thiên Tâm, Tâm Minh Ngộ Tăng Giao, Nguyễn Vô Cùng, Nguyễn Kinh Bắc, Đông Anh, Trùng Quang, Hồ Công Tâm, Nguyễn Phú Long, Lý Hiểu,

Văn Thị Kiều Anh, Hạ Thái Trần Quốc Phiệt, Trương Anh Thụy, Lê Ngọc Kha, Ngân Sơn, Hải Bằng Hoàng Dân Bình, Vĩnh Thao, Việt Bằng, Đỗ Quý Sáng, Thái Mộng Hùng và Tuệ Nga đã họa thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung và mời Ngọc Dung họa thơ của quý vị, gây cảm hứng cho tâm hồn khép kín và cây bút đã khô cạn của Ngọc Dung. Cảm ơn quý tác giả đã cho phép đăng thơ trong tuyển tập thơ xướng họa *TÌNH BÚT DUYÊN THƠ* này.

Xin chân thành cảm tạ quý họa sĩ: Vũ Hối, Nguyễn Trung, Nguyễn Sơn, Lê Văn Lai, quý nhiếp ảnh gia: Nguyễn Quốc Khải, Nguyễn Huy Linh, Nguyễn Sơn, Phạm Văn Tuấn, đã cho phép dùng hình ảnh và tranh

họa trong *TÌNH BÚT DUYÊN THƠ*. Những tác phẩm của quý thi, họa sĩ và nhiếp ảnh gia đã làm tăng phần linh động cho tập thơ.



Cũng xin chân thành cảm tạ quý vị độc giả sẽ bỏ thời giờ mở đọc *TÌNH BÚT DUYÊN THƠ*. Nếu có những sơ suất, xin được chỉ giáo.

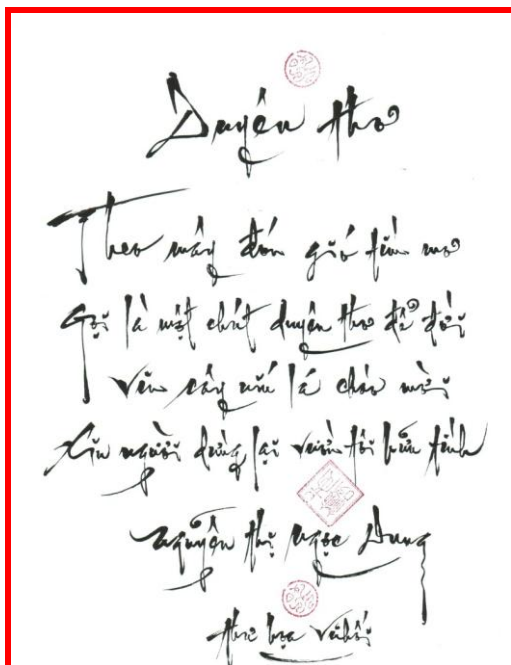
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

03/01/2019



Mời quý vị xem toàn tập thơ:

<http://www.cothommagazine.com/images/stories/sachcothom/NguyenThiNgocDung/TinhB-utDuyenTho-NTNgocDung-March2019.pdf>



**** Trích trong tập “Tình Bút Duyên Thơ” ****

Bài xướng

ĐẤT KHỔ

Quê cha đất mẹ mãi xa vời
Mấy chục năm sầu thảm thế thôi
Xóm cũ tiêu điều đời phé thải
Nhà xưa xiêu vẹo kiếp buông trôi
Dân nghèo bởi lắm quân tham bạo
Nước loạn vì nhiều lũ bần hôi
Ngươi có về thăm miền đất khổ
Gửi niềm đau xót vẫn khôn nguôi

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Bài họa 1

QUÊ CŨ

*Quê cũ tan hoang cõi tuyệt vời
Còn chẳng ác mộng chất chồng thôi
Tuổi xanh, mơ thấm tro vùi lấp
Rẫy biếc, vườn hồng nước cuốn trôi
Ngõ vắng mưa dầm tuôn nước mắt
Lối hoang nắng lũ toát mồ hôi
Đêm chong đèn lạnh ngủi tâm sự
Tình đất hồn quê há dễ nguôi?*

HỒ TRƯỜNG AN

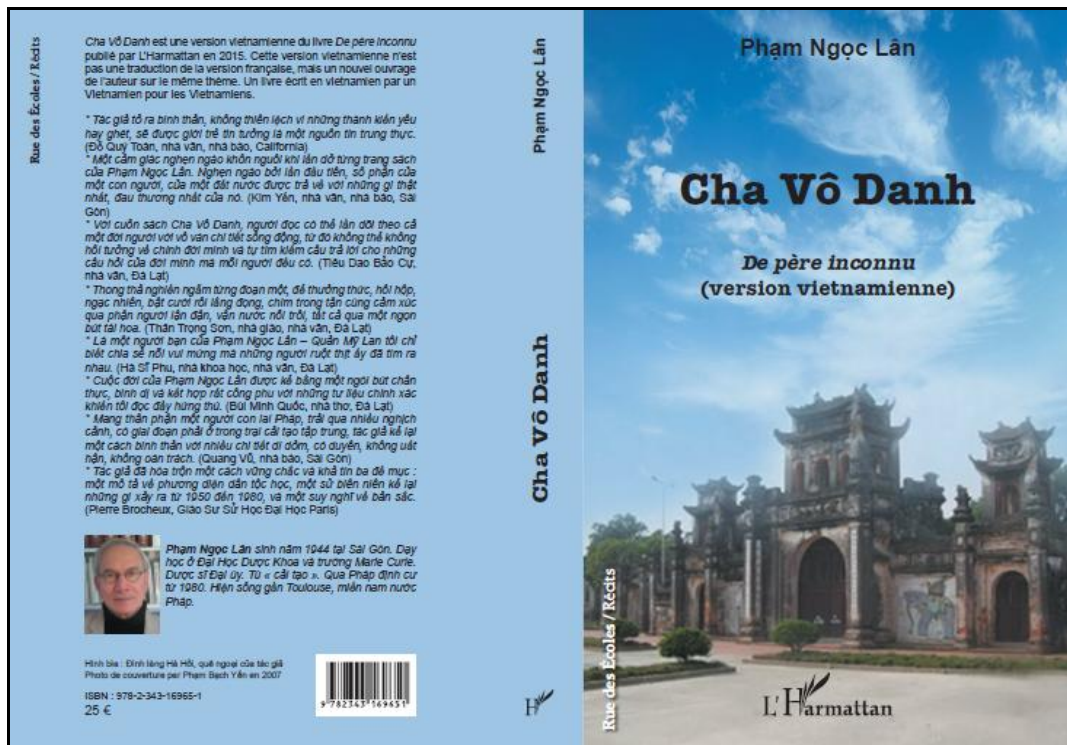
Bài họa 2

QUÊ MẸ

*Che mắt nhìn chưa được nửa vời
Trời ơi! Quê Mẹ thế là thôi!
Cung mây từng buổi còn bay mãi
Dòng nước ngàn năm vẫn cứ trôi
Tiêu hết tuổi xanh cùng chính khí
Đổ bao nước mắt với mồ hôi
Trời cao biết hỏi ai đây nhỉ?
Canh cánh niềm riêng hận chẳng nguôi*

HUỆ THU

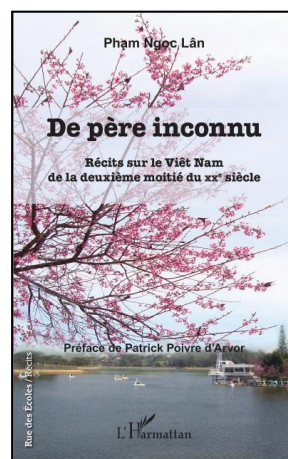
Giới thiệu sách **CHA VÔ DANH**



Sách «**Cha Vô Danh**» của **Phạm Ngọc Lân** đã phát hành tại Paris tháng 3-2019, do nhà xuất bản L'Harmattan (trước đây đã xuất bản cuốn tiếng Pháp «**De Père Inconnu**» năm 2015 và 2016).

Cuốn tiếng Việt cùng nội dung với cuốn tiếng Pháp, nhưng **không phải là một bản dịch**. Tác giả đã viết lại toàn bộ. Đây là một cuốn sách của một người Việt viết bằng tiếng Việt, cho người Việt đọc.

Sách 534 trang khổ lớn, giá 25 euros, có bán tại tiệm sách của L'Harmattan (16 rue des Écoles, 75005 Paris). Ngoài ra có thể đặt mua tại bất cứ tiệm sách nào bên Pháp.



Độc giả cũng có thể mua qua Internet, trên trang web của L'Harmattan (có bán sách in và sách điện tử dùng cho iPhone và iPad):

<http://www.editions-harmattan.fr/index.asp?navig=catalogue&sr=1>

Hoặc trên Amazon: <https://www.amazon.com/>

Ngoài ra, tác giả có thể gửi sách với chữ ký đến các bạn nào muốn.

Giá sách (kể cả cước phí) là 25 euros bên Âu Châu, 30 USD bên Mỹ.

Xin liên lạc với: lan_phamngoc@yahoo.com



Phạm Ngọc Lân sinh năm 1944 tại Sài Gòn.

- Tốt nghiệp Đại học Dược khoa và Đại học Khoa học Sài Gòn (Cử nhân giáo khoa Vật Lý).
- Dược sĩ Đại Úy trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.
- Giảng nghiệm viên Đại Học Dược Khoa và Giáo sư Lý Hóa trường Marie Curie.
- Năm 1975 bị tù « cải tạo » một thời gian ngắn, trở về Sài Gòn tiếp tục giảng dạy tại Đại học Y Nha Dược.

- Năm 1980 qua Pháp định cư cùng vợ và hai con. Học ngành Tin học (và hành nghề kỹ sư tin học) và ngành Sử (bằng Cao học Sử) ở Đại học Paris.

- Hiện đã nghỉ hưu, sống gần thành phố Toulouse miền nam nước Pháp.



TRÍCH MỘT VÀI PHẦN TRONG QUYỀN SÁCH «CHA VÔ DANH»

Câu chuyện mở đầu

Đà Lạt, đầu thập niên 50.

Thằng bé độ tám chín tuổi đeo cạc-táp trên lưng đi qua một bãi trống trên đường từ trường về nhà. Mấy đứa trẻ cùng lứa tuổi đang chơi đánh khăng, ngừng tay, quay về phía thằng bé hét to:

«Tây lai ăn khoai cả vỏ, ăn chó cả lông, ăn hồng cả hột!»

Bảo Lộc, cuối thập niên 60.

Anh Dược sĩ Trung úy trẻ có vợ mới cưới. Vợ dạy ở một trường trung học trong thị xã bé nhỏ này. Có phụ huynh học sinh «mách » với thầy hiệu trưởng: «Tôi thấy cô giáo mới về năm nay cặp bồ với Mỹ đó!»

Sài Gòn, cuối thập niên 70.

Chàng Được sĩ «cán bộ giảng dạy đại học» đạp xe vào một con hẻm đến thăm người bạn tù cái tạo mới được thả về. Bọn con nít nhìn theo xăm xì: «Liên Xô! Liên Xô!»

Paris, giữa thập niên 80.

Thằng bạn người Pháp, cũng là đồng nghiệp trong một công ty tin học, một hôm tâm sự: «Thú thật là lúc mới gặp mày, tao không biết mày người gì, tao đoán là Nam Mỹ. Chỉ biết chắc mày không phải người Pháp, nhưng không ai ngờ mày lại là người Việt Nam!»

Toulouse, tháng tư 2015.

Hai ông già «thất thập cổ lai hi» (bảy mươi nhưng thời buổi này chẳng còn «xưa nay hiếm» nữa mà nhan nhản đầy đường!), bạn nói khổ từ thời cấp sách đến trường, gặp lại nhau nơi «xứ lạ quê người» (quen miệng nói thế, thật ra xứ này chẳng còn lạ lắm gì, và quê người thật đấy, nhưng cũng là «quê thứ hai» của mình rồi).

« - Cuốn sách De Père Inconnu của mày tao mới đọc xong, mày viết công phu quá, mà sao không viết tiếng Việt mà lại viết tiếng Pháp? Thời buổi này còn mấy người đọc tiếng Pháp nữa?

- Tao viết tiếng Pháp cốt là để cho con cháu tao đọc, cho con cháu mày đọc, cho những thế hệ thứ hai thứ ba thứ tư sống ở nước ngoài đọc để biết thêm về đất nước của cha ông chúng nó.

- Nếu vậy thì mày phải viết tiếng Anh mới phải!

- Nhưng tao sống bên Pháp, cha tao là người Pháp, và dù tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ, tiếng Pháp đối với tao là tiếng «cha đẻ» dù **tao chưa hề biết mặt cha tao**. Hơn nữa tiếng Pháp nổi tiếng là một ngôn ngữ của văn chương, nên tao rất thích thú khi viết bằng tiếng Pháp. Công nhận mày nói đúng, muốn giúp ích cho các thế hệ con cháu mình sống ở hải ngoại, phải có bản tiếng Anh. Vì vậy tao đang nhờ người dịch ra tiếng Anh cuốn sách De Père Inconnu này.

- Thế mày có định dịch ra tiếng Việt không?

- Tiếng Việt sao lại phải dịch? Tao **sẽ viết lại cuốn sách bằng tiếng Việt**. Bởi vì cách viết cho người Việt Nam đọc rất khác với cách viết cho người ngoại quốc đọc về đất nước Việt Nam, về con người Việt Nam. Chưa kể là khi viết lại bằng tiếng Việt, sẽ có những chi tiết không cần thiết, sẽ lược bớt đi, có những chi tiết khác cần thêm vào. Vì độc giả người Việt có những hiểu biết về đất nước mình mà người ngoại quốc không có, cũng như họ có những cảm nhận khác mình về một nước Việt Nam xa xôi đối với họ.

- Mày đã mất tám năm cho bản tiếng Pháp, mày định bắt tao chờ bao nhiêu năm nữa để đọc bản tiếng Việt?

- Mày đừng lo! Thời buổi này «bát thập» cũng không còn «cổ lai hi» nữa, mày cứ yên chí lớn, sẽ có ngày được đọc bản tiếng Việt cuốn sách của tao! »

Và ông già Tây lai bắt đầu viết...

Phần thứ nhất: Thời thơ ấu (trước 1962)

1. Chạm trán với thực tế - 1961

Mới khoảng 10 giờ sáng mà nắng đã gắt. Trên quốc lộ 13 qua quốc lộ 14 từ Sài Gòn lên Ban Mê Thuột, chiếc xe đồ chạy chậm lại khi tới đoạn đường qua khu Đồng Xoài. Đoạn đường xấu, xe xóc nhiều. Nhưng chàng thanh niên 17 tuổi chẳng để ý đến đường xóc, chẳng để ý đến bụi mù ở những đoạn đường bị tróc nhựa. Đầu óc chàng đang còn tràn ngập niềm vui sắp về nhà khoe với gia đình mảnh bằng tú tài 1 mới đoạt được một cách vẻ vang... Đó là năm 1961, bằng tú tài trong chương trình học còn chia làm hai phần, phải đậu tú tài 1 mới được lên lớp để học thi tú tài 2, còn gọi là « tú tài toàn phần ».

Chàng tưởng tượng nỗi vui mừng của mẹ và bà ngoại khi thấy con cháu mình đã « giạt » được mảnh bằng tú tài, dù chỉ là tú tài 1 ! Ông dượng của chàng và đàn em cũng sẽ vui dĩ nhiên, nhưng không thể so sánh với niềm hân hoan chan chứa của mẹ và bà ngoại được. Khi chàng ra đời, hai người đàn bà này có khi nào dám mơ ước con cháu mình lại có một ngày mang về mảnh bằng « to » như thế, bằng tú tài ! Mà lại là tú tài Pháp nữa chứ !

Chàng thầm mỉm cười khi nghĩ lại những lần mẹ chàng có dịp khoe con mình với các bà bạn. Mỗi lần như thế, nếu chàng có mặt thì chỉ muốn độn thổ cho xong ! Sao mẹ mình có thể « ca » mình đến thế ! Hồi đó mới có bằng trung học đệ nhất cấp thôi, bây giờ có tú tài rồi thì phải biết ! Tú tài 1 hay tú tài 2 cũng thế thôi, bà đoán chắc con bà thi cái gì cũng đậu, đâu có biết là tú tài 2 nó trăn ai hơn tú tài 1 như thế nào !

Sau khi có kết quả thi ở Đà Lạt, chàng về Sài Gòn ở nhà một người bạn nội trú học dưới một lớp. Người bạn này nhờ chàng chỉ bảo thêm môn toán trong năm học, và bây giờ cha mẹ của bạn mời « ông thầy » về chơi một tuần lễ.

Chín năm rồi chàng mới trở lại Sài Gòn. Từ Hà Nội vào Sài Gòn năm 7 tuổi, học có một năm ở đấy rồi lên Đà Lạt, nên chàng chỉ có những kỷ niệm đơn sơ của đứa trẻ biết Sài Gòn qua khu xóm Chợ Quán nơi mình ở và trên đường đi học được bà ngoại đưa đi đón về. Lần này trở lại nơi chốn cũ, chàng được sống trong một gia đình giàu có bên Khánh Hội – cha mẹ người bạn là thương gia xuất nhập cảng – được thưởng thức những cái hay cái đẹp của trung tâm một thành phố từng được mệnh danh là « Hòn Ngọc Viễn Đông ». Người bạn đưa chàng đi dạo phố Tự Do, Nguyễn Huệ, Lê Lợi, đi hóng mát bờ sông, vào xem xi-nê Majestic, ăn kem Givral... Và cũng thưởng thức những thứ bình dân hơn mà Đà Lạt xứ lạnh không có như nước mía Viễn Đông... Hai « kiosques » bánh mì Hương Lan và Bưu Điện mới mở trước cửa nhà Bưu điện, ngay bên hông nhà thờ Đức Bà, bánh mì dăm-bông (jambon) sao mà ngon thế ! Tóm lại, những thú vui giản dị, nhưng đối với chàng vẫn là những khám phá mới.

Sáng sớm hôm nay, chàng mới chia tay bạn ở bến xe đồ Ngã Bảy Sài Gòn để lên đường về Kontum. Gia đình lang bạt từ Sài Gòn lên Đà Lạt, ra Phù Cát rồi Quy Nhơn để cuối cùng lên Kontum. Ông cụ làm sĩ quan tài chánh cho một đơn vị của trung

đoàn 40 sư đoàn 22 nên gia đình chẳng sống được ở đâu quá vài năm.

Đầu óc còn đang vẩn vơ những kỷ niệm tuần lễ vui chơi ở Sài Gòn, chàng giật mình khi tự nhiên thấy xe dừng lại giữa đường. Ngồi ngay cửa sổ hàng thứ hai của chiếc xe đồ dài, lúc đó chàng mới để ý thấy trước mũi xe có ba người mặc đồ bà ba đen, đội nón tai bèo, tay ôm súng đứng ngang đường, và chỉ cho tài xế lái vào một con đường rừng phía tay phải. Khi xe đã vào con đường đất này rồi, một người khác, cũng đồ bà ba đen nón tai bèo, không mang súng nhưng cầm một trái lựu đạn giơ lên phía trước cốt cho mọi người thấy rõ, đến gần tài xế kêu mọi người kéo cửa sổ xuống rồi nói to: « *Đồng bào đừng sợ, chúng tôi thuộc Mặt trận Giải phóng Miền Nam, chúng tôi không làm gì hại đến đồng bào cả. Chúng tôi chỉ muốn có dịp giải thích cho đồng bào chủ trương đường lối của Mặt Trận Giải Phóng mà thôi. Đồng bào nghe theo chỉ dẫn của chúng tôi sẽ được bình yên vô sự. Yêu cầu mọi người để hai tay lên lưng ghế phía trước, và giữ im lặng trong suốt thời gian xe di chuyển vào bên trong. Trong xe có ai là quân nhân hay cảnh sát, phải cho chúng tôi biết ngay. Tôi nhắc lại, trên xe có ai là quân nhân cảnh sát không ?* »

Mọi người im thin thít. Long nắm chặt hai tay vào phía trên của lưng ghế phía trước, cho họ thấy rõ là hai bàn tay không có cử chỉ gì nguy hiểm. « *Ráng giữ bình tĩnh, ráng giữ bình tĩnh...* », chàng tự nhủ, nhưng tim vẫn đập loạn xạ, và mặt chắc là tái mét ! Người mặc áo đen không có vẻ gì là đùa cợt, và quả lựu đạn trong tay đưa ra phía

trước dứ dứ cũng đủ làm hết vía những ai yếu bóng vía như chàng !

Không thấy ai tố cáo ai trên xe, người áo đen ra lệnh cho tài xế lái xe sâu vào trong rừng. Hai bên đường toàn là tre già khô héo quệt loạt xoạt vào thành xe, đường đất với những ổ gà to như ổ voi làm nhíp xe kéo kẹt thê thảm, dù đã đi chậm như rùa bò. Chắc ngày xưa đây là đường xe be chở gỗ trong rừng ra. Chiếc xe cứ thế từ từ tiến sâu vào vùng hoang dã...

Lòng hoang mang đến tột độ, chàng tự hỏi số phận mình và những hành khách trên xe này sẽ ra sao. Cũng như bao người dân khác, gần đây chàng được nghe loáng thoáng về một tổ chức có tên Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, bắt đầu hoạt động chống chính phủ bằng vũ lực. Các phương tiện truyền thông của nhà nước cho biết tổ chức này được những người cầm đầu đảng Cộng sản ở Hà Nội dựng lên để chuẩn bị cho một cuộc nổi dậy trong Nam với sự tiếp sức của quân đội ngoài Bắc len lỏi vào từ bấy lâu nay. Mục đích là áp đặt chế độ cộng sản trong Nam, cũng như họ đã áp đặt chế độ này ngoài Bắc từ khi đất nước chia đôi năm 1954. Cũng có những lời đồn đãi thì thào rằng họ là những người yêu nước chống lại chính phủ Sài Gòn vì chính phủ này chỉ là con bài của Mỹ. Thật ra thì Long chẳng để ý gì đến những chuyện chính trị cao xa này, chàng sống nội trú trong tháp ngà của một nhà trường ở Đà Lạt, sống với cái may mắn là chỉ phải lo học hành, tránh xa những phức tạp của cuộc sống chung quanh. Vậy mà không ngờ, hôm nay chàng lại gặp mặt với những người tự xưng thuộc tổ chức này !

Không biết xe chạy bao lâu trên con đường rừng như thế – đầu óc hoảng loạn không còn ý niệm gì về thời gian – bỗng nhiên mở ra một khoảng trống rộng lớn giữa rừng. Và ngạc nhiên : hàng chục chiếc xe đồ to nhỏ đã đậu chung quanh vòng tròn đó, hàng mấy trăm người đã ngồi bệt dưới đất thành vòng tròn. Nỗi lo sợ bỗng xuống một cấp, làm như loãng ra vì được hòa đều trong đám đông ! Quang cảnh như một bến xe chờ, chỉ khác là không có tiếng ồn ào của hành khách chào hỏi nhau lúc chia tay, cũng chẳng có tiếng hàng quà rao huyên náo, hay tiếng những người lơ xe đua nhau mời khách ! Chỉ có tiếng xầm xì của những con người bị du vào một hoàn cảnh chưa từng thấy, những hành khách bị ép buộc vào khu rừng này...

Nhiều người áo đen mũ tai bèo vai khoác súng đi qua đi lại. Một người đến chiếc xe của Long ra lệnh cho tài xế đậu vào một chỗ trống, và kêu mọi người xuống xe, ngồi xuống đất. « *Đồng bào giữ trật tự ! Không nói chuyện !* »

Sau đó đến mục kiểm tra giấy tờ. Thời xưa cũng như sau này, ở Việt Nam, một người trưởng thành đi ra khỏi nhà phải có giấy tờ tùy thân. Trong thập niên 60, đó là thẻ kiểm tra cho các công dân trên 18 tuổi. Học sinh chưa tới 18 tuổi thì dùng thẻ học sinh. Long cũng có thẻ học sinh, đi đâu cũng phải mang theo. Đến khi lấy tấm thẻ trong ví ra, chàng mới chợt hoảng: đây là tấm thẻ của trường trung học Adran ở Đà Lạt, một trường của « Thầy dòng » thuộc giáo hội Công giáo, dạy chương trình Pháp, cấp cho niên khóa 1960-61. Thẻ mang tên Hoàng Kim Long sinh ngày 20 tháng 11 năm 1944, con của ông Hoàng Văn Quy và

bà Lê Thị Kim, học sinh lớp « Première ». Trường của một tôn giáo du nhập từ phương Tây, tên trường bằng tiếng Pháp, tên lớp cũng tiếng Pháp, dạy chương trình Pháp, chàng chợt tái mặt: mấy ông áo đen này là « cách mạng » sẽ phản ứng ra sao với một tên lai Pháp, học trường Pháp?

Người áo đen xét giấy vẫn từ từ, từ từ tiến dần đến... Xem xét kỹ giấy tờ của từng người. Chỉ còn hai người nữa đến phiên chàng. Tim đập càng ngày càng mạnh, bụng đánh lô-tô như chưa từng thấy ! Nhưng làm sao bây giờ ? Cuối cùng cái gì phải đến vẫn đến: chàng lấy hết can đảm làm mặt thần nhiên đưa tấm thẻ học sinh cho người áo đen, chuẩn bị sẵn trong đầu những lời giải thích sao cho xuôi gợn... Nhưng người áo đen chỉ xem lướt qua và trả lại tấm thẻ không nói một câu nào! Tự nhiên chàng cảm thấy cần làm một chuyện mà lâu lắm chàng không nghĩ tới: « *Cám ơn Trời Chúa Phật và ông bà tổ tiên đã phù hộ cho con !* »

Chàng thở phào, nhẹ hẫng người! Nhưng suy cho cùng, tại sao những người này lại cần chú ý đến một tên học sinh 17 tuổi miệng còn hôi sữa? Chàng có tự cho mình là quan trọng quá không? Mấy người áo đen chẳng nói ngay từ đầu là họ chỉ muốn biết ai là quân nhân và cảnh sát là gì? Việc qua rồi thì nói cứng như thế dễ quá!

Trong thời gian xét giấy đó, vẫn có thêm những chiếc xe khác tiến vào khoảng trống. Các thủ tục cũng lặp lại như thế. Càng ngày Long càng bớt sợ. Tâm lý đám đông...

Cuối cùng có một người áo đen tiến vào giữa vòng tròn mang theo một cái thùng gỗ, úp xuống cỏ và leo lên, bắt đầu nói : « *Xin*

đồng bào giữ im lặng ! Xin đồng bào giữ im lặng ! Chúng tôi là những người thuộc Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Chắc đồng bào cũng đã nghe tuyên truyền của ngụy quyền Sài Gòn rằng chúng tôi là quân khủng bố, nhưng đồng bào thấy đó, chúng tôi không xa lạ gì với đồng bào, chúng tôi là con em của đồng bào, là người láng giềng của đồng bào... »

Và cứ thế, người áo đen đứng trên bục thao thao bất tuyệt về những hành vi xâm lược của Đế quốc Mỹ, về ngụy quyền Sài Gòn tay sai, cổ tình chia cắt đất nước. « *Mặt trận Giải phóng quy tụ những người yêu nước tranh đấu cho đất nước được thống nhất, cho đất nước không còn dấu vết của ngoại xâm... »*

Thời gian trôi qua, người thứ nhất nói xong lại đến người khác lên bục nói thay. Nội dung vẫn tương tự... Chàng không còn tập trung tư tưởng để chú ý nghe được nữa, chỉ còn cảm thấy khát khô cổ và bụng bắt đầu đói cồn cào...

Nhưng cuối cùng việc gì rồi cũng phải có kết thúc. Những lời tuyên truyền hoa mỹ cũng cạn dần. Mọi người lắng nghe một tiếng máy bay từ xa vọng lại, càng ngày càng gần, và cuối cùng ai cũng nhìn lên hai chiếc trực thăng mới xuất hiện trên cao bay vòng vòng quan sát khoảng đất trống giữa rừng với mấy chục chiếc xe đồ đạc vòng tròn. Người nói trên bục vội bước xuống, và hành khách được lệnh lên xe đi ra khỏi khu rừng. Cũng may mà các tài xế còn có tinh thần trật tự, các xe tuần tự di chuyển mà không chen lấn nhau trên con đường đất chật hẹp chỉ một chiếc xe đi vừa. Khi xe bắt đầu lăn bánh, chàng thấy các người áo đen mũ tai bèo ôm súng lần lượt đi sâu vào

trong rừng, dắt theo vài người đàn ông tay bị trói quặt sau lưng. Số phận họ rồi đây sẽ ra sao?

Chiếc xe đồ bị chặn lúc 10 giờ sáng, khi ra khỏi khu rừng trở lại quốc lộ 14 thì đã 3 giờ chiều. Xe không thể đến kịp Kontum vào buổi tối như dự trù vì tình trạng giới nghiêm, ban đêm không có xe nào được chạy cả. Chàng phải ngủ lại ở Ban Mê Thuột, thành phố đầu tiên trên miền cao nguyên nằm trên quốc lộ 14. Với số tiền dầm túi ít ỏi, chàng ăn một đĩa cơm với thịt kho và uống ly trà đá rẻ tiền của bà hàng ngay bên xe. Sau đó thuê một chiếc ghế bố có cái mùng trong căn nhà chợ dùng làm nơi nghỉ ngơi cho các bạn hàng lỡ đường. Đúng là cảnh « ăn đường ngủ chợ » !

Sáng hôm sau, xe tiếp tục chạy đến Pleiku cách đó 150 cây số, rồi thêm 40 cây số nữa đến Kontum.

Chàng thanh niên 17 tuổi sẽ còn nhớ mãi câu chuyện bị lừa vào rừng, một câu chuyện hi hữu chỉ xảy ra trong thời gian Mặt trận Giải phóng mới thành lập mà thôi. Đây là cuộc « chạm trán với thực tế » đầu tiên của chàng.

Và cũng không phải là duy nhất: sau này chàng sẽ còn phải chứng kiến – và có khi phải tham gia trực tiếp – nhiều biến cố khác nữa ! ...

Kính mời quý vị mua sách *Cha Vô Danh* của nhà văn *Phạm Ngọc Lân* để đọc toàn tác phẩm mà tác giả đã mất thêm 3 năm mới hoàn tất sau khi viết quyển “*De Père Inconnu*”.

NHỮNG LÁ THƯ KHÔNG GỬI

Những lá thư không gửi

Cứ cất đầy trong ngăn

Những lá thư không gửi

Cứ làm mình bận khoăn

Đàn trầm cung vi diệu

Lòng ai vui tơ đàn

Trong suối nguồn bất tận

Nắng Thanh Bình thênh thang ...

Người đã vào tịch lặng

Người đang dạo Thiên Hà

Người hân hoan Tịnh Độ

Cối Sen nở hăng sa

Biển đẹp tình em gái

Ngây thơ áo lụa vàng

Nồng nàn ơi em hát

Biển xanh tình cưu mang ...

Bâng khuâng tràn Ý Gió

Thầm lặng một cõi ta

Thiên thu Trắng u tịch

Lênh đênh cõi Ta Bà!

Thơm hương Lòng Từ Mẫu

Biển xanh lời ru ngoan

Tiếng Mẹ ru đầm ấm

Vời vợi ... mấy trường giang

Đi hỏi Trăng đầu núi

Về hỏi Mây cuối ghềnh

Có chút gì trần trở

Trong phận người mong manh

Ngát hương trời thanh khiết

Đời Hạnh Phúc vô vàn ...

Mẹ Vào Thời Kinh Nguyễn

Xin An Bình Việt Nam

Vô thường cơn gió thoảng

Vô thường đời hỗn mang

Ai đợi chờ bí tích

Biển chiều nở Sen vàng

Tiếng Mẹ ru tha thiết

Biển Thơm Tình Nhân Gian

Những Lá Thư Không Gửi

Xin Nằm Ngoan, Nằm Ngoan ...

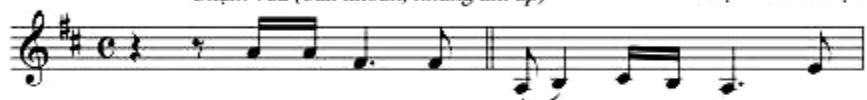
Tuệ Nga

NHỮNG LÁ THƯ KHÔNG GỬ

Thơ : *Tuệ Nga*

Nhạc : *Vĩnh Điện*

Chậm vừa (bản khoan, nhưng ấm áp)



Những lá thư không gửi, cứ chất đầy trong



ngăn. Những lá thư không gửi, cứ làm mình băn khoăn. Người đã vào tịch



lặng, người đang dạo thiên hà. Người hân hoan tĩnh độ, cội sen nở hàng



sa. Bâng khuâng trăm ý gió, thăm lặng một cội ta. Thiên thu trăng u



tịch, lênh đênh cội ta bả. Di hoi trăng đầu núi, về hoi sương cuối



ghềnh. Có chút gì tràn trở, trong phận người mong manh.

(Nhanh hơn chút, rộn ràng)



Vô thường cơn gió thoảng, vô thường đời hồn mang. Ai đợi chờ bi

tích, biển chiều nở sen vàng. Đàn trầm cung vi diệu, lòng ai vui tở

dân. Trong suối nguồn bắt tận, nắng thanh bình thênh thang.

Biển đẹp tình em gái, thơ ngây áo lụa vàng. Nồng nàn ơi em

hát, biển xanh tình cừu mang. Thơm hương lòng từ mẫu, biển xanh lời ru

ngoan. *Rall...*
(Vào nhịp, trở chậm lại) Tiếng mẹ ru đầm ấm, vời vời mấy trường giang.

Ngát hương trời thanh khiết, đời hạnh phúc vô vàn. Mẹ vào thời kinh

nguyện, xin an bình Việt Nam. Tiếng mẹ ru tha thiết, biển thơm tình nhân

gian. Những lá thư không gửi, xin nằm ngoan... nằm ngoan.

NHỮNG LÁ THƯ KHÔNG GỬI – Thơ: **Tuệ Nga**, phổ nhạc: **Vĩnh Điện**
 Tiếng hát **Ngọc Quy, Diệu Hiền**
<http://youtu.be/W-XEallVvr0>

MỖI NGƯỜI CHIA NHAU MỘT CHÚT KHỔ

**** Phạm Cao Hoàng ****

1.

Những ngày đầu tháng 5.1975 Sài Gòn lên cơn sốt thuốc tây và xe đạp. Thiên hạ đổ xô đi mua thuốc tây và xe đạp vì có tin đồn rằng tiền miền nam sẽ không còn giá trị và hai mặt hàng này sẽ trở nên khan hiếm trong những ngày sắp tới. Giá thuốc tây và xe đạp tăng vùn vụt nhưng người mua vẫn cứ tranh nhau mua.

Trong gia đình tôi, anh Bảy vốn là người nhạy bén với những biến động kinh tế theo kiểu này nên ngay từ lúc bắt đầu cơn sốt anh mua một chiếc xe đạp do Nhật sản xuất, sau đó anh tìm mua các loại thuốc tây thường dùng.

Sáng hôm ấy, anh Bảy tiếp tục đi mua thuốc tây rất sớm. Ở nhà chẳng biết làm gì, tôi lang thang ra chỗ đường Lê Văn Duyệt tìm một quán cóc để uống một ly cà phê sáng. Khi đi ngang qua tiệm thuốc tây, tôi thoáng thấy anh Bảy trong đó.

Tôi bước vào tiệm thuốc tây.

- Xong chưa? Đi uống cà phê với em.

Anh Bảy quay lại, thay vì trả lời tôi, anh nhìn ra ngoài đường, mặt biến sắc, hốt hoảng, lắp bắp:

- Chiếc xe đạp. Chiếc xe đạp mới mua. Đưa nào lấy rồi. Anh mới vừa bước vào đây thôi mà.

Cạnh tiệm thuốc tây có một con hẻm nhỏ. Tôi phản ứng rất nhanh:

- Chắc nó đi chưa xa. Em đuổi theo con hẻm này, còn anh đuổi theo hướng đường Lê Văn Duyệt.

Nói xong, tôi chạy vào con hẻm. Chưa bao giờ tôi chạy nhanh như bữa đó. Cứ lao về phía trước. Không thấy gì cả. Được khoảng 200 mét thì thấm mệt. Tôi bắt đầu giảm tốc độ, chạy chậm hơn. Vừa lúc ấy một bé trai khoảng hơn 10 tuổi, dáng vẻ lanh lợi, đang đứng trước cổng nhà, hỏi:

- Có chuyện gì vậy chú?

Tôi dừng lại:

- Cháu có thấy ai đi một chiếc xe đạp mới ngang qua đây không?

- Xe màu gì vậy chú?

- Màu đỏ.

Đôi mắt cậu bé sáng lên:

- Có. Cháu thấy thằng Thảo vừa đi chiếc xe đạp màu đỏ ngang qua đây.

Tôi thoáng thấy một tia hy vọng:

- Cháu này. Hồi nào tới giờ thằng Thảo có xe đạp không?
- Không đâu chú. Nó thường chơi với bọn cháu, cháu biết rõ mà. Nó làm gì có xe đạp.
- Cháu biết nhà nó ở đâu không?
- Biết chứ chú, ở gần đường xe lửa phía sau ga Hòa Hưng.
- Cháu có thể đưa chú đến nhà thằng Thảo không?
- Được mà chú. Cháu sẽ đưa chú đến nhà thằng Thảo.

Trên đường đi, tôi hỏi:

- Cháu tên gì?
- Cháu tên Thắng.
- Cháu học lớp mấy?
- Cháu học lớp năm.
- Thằng Thảo học lớp mấy?
- Nó lớn hơn cháu hai tuổi nhưng nghỉ học lâu rồi. Nhà nó nghèo lắm. Cha nó đi lính chết trận. Nó phải nghỉ học theo mẹ đi lượm ve chai để bán.
- Trước giờ nó có thường ăn cắp không?
- Không đâu chú. Nó chơi thân với cháu, cháu biết rõ mà. Nó rất đàng hoàng. Chú này, lát nữa tới nhà thằng Thảo chú đừng vào. Mẹ nó sẽ đánh nó nếu biết nó ăn cắp. Cháu sẽ vào gọi nó ra gặp chú.

Thắng đưa tôi đi thật xa, dọc theo đường rầy xe lửa, rồi chỉ vào một căn nhà nhỏ tồi tàn, cũ kỹ, mái tôn, vách ván.

- Nhà thằng Thảo đó chú. Chú đừng né vào chỗ lùm cây kia chờ cháu.

Một lát sau Thắng trở ra, chạy nhanh đến chỗ tôi.

- Nó không có ở nhà. Mẹ nó nói nó đi từ sáng sớm đến giờ chưa về.
- Tối nay chú trở lại chỗ này, cháu cố gắng tìm thằng Thảo để chú gặp. Được không?
- Thôi chú. Biết giờ nào nó mới về. Chú cứ để đó cháu tìm nó rồi đưa nó lên phường gặp chú. Cháu biết *chú là "cách mạng đang làm trên phường"* mà.

Câu nói của Thắng làm tôi ngó ra vì bất ngờ. Tôi là giáo chức trong chính quyền cũ, từ miền trung di tản vào đây, có biết trụ sở phường nằm ở chỗ nào đâu, bỗng dưng cậu bé này lại gọi tôi là *"cách mạng đang làm trên phường"*.

Tôi hỏi Thắng:

- Sao cháu biết chú là *"cách mạng đang làm trên phường"*?
- Chiều hôm qua cháu theo mấy thằng bạn chơi đá banh ở trên phường. Cháu thấy chú ở trong đó.

Như vậy là Thắng đã làm tôi với một người nào đó trên phường. Tuy nhiên, tôi không giải thích.

- Thắng này, nếu cháu tìm được thằng Thảo, cháu đừng đưa nó lên phường, mà đưa nó đến nhà chú vào buổi tối. Được không?

- Phải đưa nó lên phường nó mới sợ chú ơi!
- ĐỪNG cháu. ĐỪNG làm nó sợ. Cứ đưa nó đến nhà chú là được rồi. Nhà chú cũng ở gần đây thôi.

Tôi đưa Thắng địa chỉ chỗ tôi và mấy anh em trong gia đình đang ở nhờ và hỏi Thắng:

- Cháu biết địa chỉ này không?
- Biết chứ chú. Dễ mà. Trong xóm này, hẻm nào cháu cũng biết mà.

2.

Về nhà, tôi kể lại mọi chuyện cho mấy ông anh nghe. Nghe chuyện tôi là “*cách mạng đang làm trên phường*”, anh Năm cười ngặt nghẽo:

- Có khi như vậy cũng hay. Để đó xem sao.

Anh Bảy bàn với tôi sẽ đi mua một chiếc xe đạp khác. Xem như chiếc kia đã mất. Không mua, vài hôm nữa sẽ chẳng còn xe để mua. Chưa chắc thằng Thảo ăn cắp chiếc xe đó, và nếu nó ăn cắp thì chuyện lấy lại chiếc xe cũng không phải là dễ dàng.

Ngày sáng hôm sau, anh Bảy xuống các cửa hàng bán xe đạp để mua xe như đã bàn. Tuy nhiên, dự tính bất thành vì giá xe đạp tăng ngất ngưỡng;

số tiền ít ỏi còn lại trong túi anh Bảy không đủ để mua chiếc thứ hai.

Buổi tối, trời rất nóng. Tôi và anh Bảy đang ngồi trước hiên nhà bàn công chuyện cho ngày mai bỗng nhiên có hai cậu bé dừng trước cổng nhà, ngần ngừ một chút rồi bước vào.

Trời hơi tối, chưa kịp nhận ra hai cậu bé này là ai thì một trong hai đứa nói lớn:

- Cháu đưa thằng Thảo đến gặp chú. Nó lấy chiếc xe của chú đó chú ơi.

Thì ra là Thắng. Khi đưa địa chỉ nhà cho Thắng, tôi cũng đưa theo kiểu cầu may, không nghĩ Thắng sẽ đến.

Tôi bước ra, nói với Thắng:

- Cháu giỏi thật. Cảm ơn cháu rất nhiều.

Để cho Thảo không sợ, tôi đến vỗ vai nó:

- Cháu vào đây chơi, nói chuyện với chú.

Tôi đưa hai đứa vào hiên nhà, ngồi trên bậc tam cấp. Thảo có khuôn mặt hơi khắc khổ, tóc khô, nước da ngăm đen. Tôi chưa kịp nói gì thì Thắng lại lên tiếng:

- Cháu tìm được nó chiều nay ở ngoài chợ Hòa Hưng. Cháu nói chú là “*cách*

mạng đang làm trên phường” nên nó sợ lắm.

Anh Năm từ trong nhà nói vọng ra:

- Đem nhốt nó lại.

Nghe vậy, Thảo khóc rống lên:

- Cháu sợ lắm. Đừng nhốt cháu.

Anh Năm là sĩ quan trong quân đội vừa tan hàng, chưa biết sẽ bị người ta nhốt lúc nào, bây giờ anh lại dọa, đòi nhốt thẳng Thảo. Quả là buồn cười. Tôi không nhin cười được, nói vọng vào:

- Không nhốt thẳng Thảo. Nhốt anh thì có.

Thảo thật thà:

- Thiệt hả chú? Không nhốt cháu hả chú?

Nãy giờ anh Bảy ngồi im nhưng mừng ra mặt. Anh dỗ Thảo:

- Cháu để chiếc xe đạp ở đâu? Cháu đừng sợ. Sẽ không nhốt cháu đâu.

Thắng chen vào:

- Nó bán cho ông Bốn thợ mộc rồi.

- Tiền bán xe cháu để ở đâu?

- Cháu đã lấy một ít để mua thuốc và đồ ăn cho mẹ cháu. Gần một tuần nay bán ve chai không ai mua, nhà chẳng còn tiền, mẹ cháu lại bị đau...

Nói xong, nó lấy một gói nhỏ gói bằng giấy từ trong túi quần soọc đưa cho tôi:

- Tiền vẫn còn đây. Xin chú tha tội cho cháu.

Tôi đưa gói tiền cho anh Bảy đếm.

Đếm xong, anh Bảy có vẻ không vui.

Anh nói với Thảo:

- Chú muốn mua lại chiếc xe đạp này. Cháu dẫn chú đi gặp ông Bốn thợ mộc được không?

Thảo có vẻ do dự:

- Cháu không có tiền để trả lại ông Bốn. Chú ơi, cháu không dám gặp ông Bốn đâu.

- Cháu dẫn chú tới đó, còn mọi việc cứ để chú thương lượng.

- Mấy chú không nhốt cháu thì biểu cháu làm gì cháu cũng làm. Giờ này chắc ông Bốn đã đi ngủ.

- Sáng mai đi được không?

- Dạ được.

Thắng và Thảo chào rồi ra về. Tôi đi với hai cậu bé một đoạn, vừa đi vừa hỏi Thảo:

- Chú trông cháu cũng là người đàn ông hoàng, sao lại ăn cắp xe đạp?

- Gần một tuần nay ve chai lượm bao nhiêu cũng có nhưng bán chẳng ai mua. Mẹ cháu lại bị đau, nhà hết tiền, cháu làm liều kiếm tiền mua thức ăn và mua thuốc cho mẹ cháu.

- Cháu tự làm chuyện này hay có ai bày không?

- Thắng Toán ở cùng xóm bày cháu. Thắng này rất giỏi chuyện ăn cắp. Nó

nói theo kinh nghiệm của nó, sau khi dựng xe đạp, người ta đi thẳng vào trong tiệm, ít khi quay lưng nhìn lại. Do vậy, mình canh sẵn, họ vừa quay lưng là mình chớp thật nhanh và chạy đi ngay. Cháu làm theo lời thằng Toán bày.

- Cháu có biết là ăn cắp thì sẽ bị ở tù không?
- Cháu không biết, nhưng mẹ cháu thường nói với cháu ăn cắp là không tốt, mai một chết xuống sẽ bị trừng phạt. Cháu đi lượm ve chai với mẹ, thấy đồ đạc người ta để quanh nhà nhưng không bao giờ cháu lấy. Chú ơi, chú tha tội cho cháu. Cháu lỡ lần này thôi.
- Chú sẽ chẳng làm gì cháu đâu. Chú cũng không phải là "*cách mạng đang làm trên phường đâu*".

Tôi quay sang Thắng:

- Chắc Thắng làm chú với người nào trên phường.

Thắng cười bẽn lễn:

- Vậy mà cháu cứ tưởng Làm thằng Thảo hết hồn.

Tôi hỏi Thảo:

- Nghe nói mẹ cháu bị đau. Mai cho chú ghé thăm mẹ, rồi hẵng đến gặp ông Bốn thợ mộc. Được không?

Thảo lắc đầu quày quạy:

- Không được đâu chú ơi. Lỡ chú nói với mẹ chuyện cháu làm bậy, mẹ sẽ đánh cháu.

- Chú sẽ không nói gì hết. Chỉ thăm mẹ thôi.

- Thôi chú. Cháu sợ lắm.

Tôi lấy một ít tiền lẻ dúi vào tay Thắng:

- Cho cháu cái này. Cháu mua cái gì cho Thảo cùng ăn. Chắc nó đang đói. Mai hai đứa nhớ đến, đưa chú đi gặp ông Bốn thợ mộc.

Thắng thích chí:

- Đúng đó chú. Chiều đến giờ thằng Thảo chưa ăn gì. Cháu sẽ mua bánh mì pa-tê. Mai tụi cháu sẽ đến sớm.

Tôi quay về, nói với anh Bảy:

- Có thiếu chút ít nhưng dù sao nó cũng trả tiền lại rồi. Đi tìm ông Bốn thợ mộc làm gì cho mất công?

Anh Bảy lật qua lật lại gói tiền Thảo đưa, cười buồn:

- Hồi nãy chưa kịp nói với chú. Đã nghèo còn gặp cái eo. Tiền thằng Thảo đưa chỉ hơn nửa số tiền anh bỏ ra để mua chiếc xe đạp. Chắc nó bán rẻ. Rẻ người ta mới mua. Bây giờ chỉ còn cách tìm người mua để lấy lại chiếc xe đạp.

Sáng sớm, vừa mở cửa, Thắng và Thảo đã ngồi sẵn trước hiên nhà.

- Các cháu đến sớm vậy?

Thắng nhanh nhẩu:

- Thằng Thảo nói với cháu nó rất hối hận. Nó muốn đưa chú đến gặp ông Bốn thợ mộc ngay để lấy lại chiếc xe. Đêm qua nó chỉ mong trời sáng để sang gặp chú.

- Chờ chú một chút. Chú vào thay quần áo rồi đi.

Anh Bảy và tôi theo hai cậu bé đi lòng vòng qua nhiều đường hẻm ở phía ga xe lửa Hòa Hưng. Mất hơn 20 phút đi bộ mới đến nhà ông Bốn thợ mộc. Căn nhà không đến nỗi tồi tàn như nhà thằng Thảo nhưng nhìn vào có thể nhận ra ngay nhà của dân nghèo.

Bốn thợ mộc trạc 40 tuổi, người hơi thấp, tóc cắt ngắn, khuôn mặt trông có vẻ thật thà. Đặc biệt, đôi chân của ông hơi khập khiễng. Thấy chúng tôi đi với Thảo và Thắng, có lẽ ông đoán được chúng tôi là ai. Ông bước ra, mặt hơi ngượng ngùng, mời chúng tôi vào. Thắng và Thảo cũng vào theo.

Bước vào nhà, tôi thấy một bé trai và một bé gái khoảng hơn 10 tuổi, nước da tái, tóc tai bù xù, đang ngồi ăn cháo với cá khô. Nghề ông là thợ mộc, nhưng nhìn quanh nhà không thấy bàn, tủ, hay đồ đạc gì đáng giá. Tôi có ý

quan sát để xem ông để chiếc xe đạp ở đâu nhưng không thấy.

Anh Bảy làm ra vẻ thân thiện:

- Chào anh Bốn. Chị đâu rồi? Sao không ăn sáng với mấy cháu?

- Bà ấy bệnh và qua đời cách đây hai năm. Tôi gà trống nuôi con.

- Anh làm nghề thợ mộc lâu chưa?

- Hơn 10 năm.

- Trước anh cũng ở trong quân đội?

- Không. Chân tôi bị tật nên được miễn dịch vì lý do sức khỏe. Từ khi mẹ cháu qua đời đến giờ, một mình nuôi con, cực khổ quá, có gì không phải mấy anh bỏ qua cho.

Tôi trấn an:

- Không có gì đâu anh Bốn. Thảo nói nó bán chiếc xe đạp cho anh?

Bốn thợ mộc gật đầu:

- Nó bán cho tôi trưa hôm qua. Nó đi ngang nhà, hỏi tôi có muốn mua xe không, nó bán.

- Anh có biết đó là đồ ăn cắp không?

- Thật tình tôi không biết. Tôi thiệt thà, ai nói gì cũng tin. Nó nói đó là xe của nó thì tôi tin là của nó nhưng khi thấy các anh đến đây tôi mới hiểu ra.

- Sao anh không mua xe ngoài tiệm, có hóa đơn, có nguồn gốc hàng hoàng?

Bốn thợ mộc thở dài:

- Bữa trước tôi có tính mua ngoài tiệm nhưng không đủ tiền.

Anh Bảy đứng dậy, nhìn quanh, rồi nói:

- Anh Bốn này. Thằng Thảo đã đưa tiền bán xe cho tôi, bây giờ tôi trả lại anh, anh cho tôi lấy lại chiếc xe đạp.

Nói xong, anh Bảy để gói tiền trên bàn.

Bốn thợ mộc ngồi im một một lúc, khuôn mặt thẫn thờ.

- Tôi bán lại cho người khác rồi.

Anh Bảy không tin:

- Mới trưa hôm qua anh mua của thằng Thảo, bây giờ anh nói anh bán cho người khác rồi. Sao mà nhanh vậy?

Bốn thợ mộc chùng giọng:

- Thấy rẻ thì ham và mua. Mua xong thấy kham không nổi. Gần một tuần nay không đi làm vì chẳng ai thuê. Nhà hết gạo, hết đồ ăn. Vốn liếng chỉ có chừng đó. Chiều hôm qua phải bán lại cho một người qua đường, cũng bằng giá tiền đã trả cho thằng Thảo, không lời lỗ gì. Tôi thật có lỗi với các anh.

Anh Bảy quay sang nhìn tôi, lộ vẻ thất vọng. Tôi nhìn Bốn thợ mộc. Khuôn mặt chơn chất hiền hậu thoáng có chút sợ hãi của ông công nhân thật tội nghiệp. Hai đứa nhỏ vừa ăn cháo xong, đang dọn chén bát mang ra ngoài sân rửa.

Thảo đứng khép nép trong góc phòng. Thằng đứng bên cạnh, cầm bàn tay Thảo.

Tôi nói với anh Bảy:

- Thôi anh Bảy. Tiếc làm gì? Đáng lẽ mình đã chết trong chiến tranh, bây giờ vẫn còn sống là may lắm rồi. Còn người còn của mà. Anh Bốn đây thì nghèo, mình cũng khổ, mà mẹ thằng Thảo cũng cơ cực. Thôi thì mỗi người chia nhau một chút khổ trong lúc khó khăn này./.



Phạm Cao Hoàng

1975

Phạm Cao Hoàng sinh năm 1949 tại Phú Thứ, Tuy Hòa, Phú Yên.

Đã học qua các trường: Tiểu Học Phú Thứ, Trung Học Bồ Đề (Tuy Hòa), Trung Học Nguyễn Huệ (Tuy Hòa), Sư Phạm Qui Nhơn, Đại Học Đà Lạt (chuyên ngành Triết Học Tây Phương - học hết năm thứ ba, chưa tốt nghiệp), Đại Học Sư Phạm Sài Gòn (chuyên ngành Anh Văn). Do hoàn cảnh riêng, do chiến tranh và thời cuộc, việc học dở dang nhiều lần và phải học đi

học lại nhiều lần. Văn bằng cao nhất: Cử Nhân Anh Văn. Từ 1969 đến 1999 dạy học qua các tỉnh Bình Thuận, Phú Yên, Lâm Đồng. Cùng vợ và 3 cô con gái định cư ở Mỹ từ năm 1999 và hiện sống tại tiểu bang Virginia.

Khởi viết từ năm 1969.

Trước 1975 có thơ đăng trên các tạp chí văn học ở Sài Gòn: Văn, Bách Khoa, Văn Đền, Khởi Hành, Thời Tập, Ý Thức... Sau 1975 ngưng sáng tác và mãi đến cuối năm 1999 khi định cư ở Hoa Kỳ mới sáng tác trở lại. Ngoài thơ và truyện ngắn còn viết một số ca khúc.

Ngày 10 tháng 4.2012 hình thành trang Blog Phạm Cao Hoàng. Đây là nơi giới thiệu và lưu trữ các sáng tác của Phạm Cao Hoàng và bằng hữu.

Từ 10 tháng 7.2017 Blog Phạm Cao Hoàng

được chuyển thành Trang Văn Học Nghệ Thuật Phạm Cao Hoàng với địa chỉ mới: <http://phamcaohoang.com>

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:

TRƯỚC 1975:

1. **Đời Như Một Khúc Nhạc Buồn** (Thơ, NXB Đồng Dao, Sài Gòn, 1972).
2. **Tạ Ơn Những Giọt Sương** (Thơ, NXB Đồng Dao, Sài Gòn, 1974).

SAU 1975:

1. **Mây Khói Quê Nhà** (Tuyển tập thơ, NXB Thư Ấn Quán, Hoa Kỳ, 2010; gồm những bài thơ chọn lọc từ 2 tập xuất bản trước 1975).
2. **Mơ Cùng Tôi Giác Mơ Đà Lạt** (Truyện và tạp bút, NXB Thư Ấn Quán, Hoa Kỳ, 2013).
3. **Đất Còn Thơm Mãi Mùi Hương** (Thơ, NXB Thư Ấn Quán, Hoa Kỳ, 2015).



ĐI CÙNG EM GIỮA ĐÀ LẠT SƯƠNG MÙ

*rồi có lúc trở về chốn cũ
đi cùng em giữa Đà Lạt sương mù
hát cùng em bài tình ca thuở ấu
tìm lại dấu chân mình trên những lối đi xưa*

*tìm lại mùi hương bên chiều Thủy Tạ
theo em về những hò hẹn ngày mưa
và thương nhớ một thời tuổi trẻ
chỉ có hoa hồng và chỉ có mộng mơ*



*tìm lại giọt sương trên đôi buổi sớm
bước cùng em trên ngọn cỏ hồng
và thương nhớ một thời lãng mạn
chỉ có tình yêu bát ngát mênh mông*

*rồi có lúc trở về chốn cũ
đi cùng em giữa Đà Lạt sương mù
quên đi một đoạn đời lặn độn
quên đi những ngày khốn khó gian nan.*

Phạm Cao Hoàng

Đà Lạt, 17.1.2012

HƯƠNG TRẦM

Mai sau tình mộng sương ngàn,
Chút hương ngào ngọt
ngõ ngang phấn bay
Dấu về đậm nhạt môi cay
Mênh mang sợi nhớ
những ngày hội hoa.

Tránh gì được những phong ba,
Bồng trầm cung bậc
bụi nhòa đường tơ
Phấn hồng buộc chặt duyên thơ
Ngẩn ngơ thân thể mây mờ chân mây.

Bốn mùa bát ngát hương say,
Thời gian khép mở mơ này mộng kia
Dặm ngàn xa ánh trắng khuya
Chút tâm tư lỡ vụng về rụng rơi.

Rượu nồng xa xót đầy vui,
Còn ai say tỉnh nụ cười tỉnh say
Lỡ thương nhớ những trang đầy
Bài thơ chuyên chở
hương bay nhân tình.

Cuộc đời đầy ắp hư vinh,
Sắc hương nào để nửa tình nửa duyên
Buông tay từng cái ưu phiền
Ôm mơ xưa giấc mộng hiền trăm năm.

Hoa Vãn



HÌNH NHƯ XUÂN VỀ

Hình như xuân đến sáng nay,
Nắng nghiêng đầu ngõ,
chim bay cuối vườn
Nghe lòng nhung nhớ nhiều hơn
Nhớ về đâu, nhớ nỗi buồn lên cao.

Tình yêu đỏ mắt hôm nào,
Tìm em sợi tóc bay vào hồn anh
Trao nhau thơ nhạc ân tình
Bâng khuâng tiếng vọng
ngày xanh nẻo về.

Đường đời còn lắm nhiều khê,
Trăm năm còn một vố về dặm xa
Tình mênh mang giữa bao la
Cõi mơ đã thấm cúc hoa nở vàng.

Chiêm bao giấc mộng muộn màng,
Rưng rưng mắt mỗi tay choàng hồn thơ
Mai sau tình có hững hờ
Vết đau còn lại dấu mờ dặm xưa.

Đường còn xanh mộng xanh mơ,
Đợi mong đã chín tình chưa thấy về
Nghe hồng lên giữa cơn mê
Hương Hoa ngát tỏa bốn bề đèn giăng.

Hoa Vãn

“TÌNH TRAI” hay ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI

LS. Ngô Tăng Giao

“*Đồng tính luyến ái*” hay “*đồng tính*” (homosexuality) được định nghĩa là những ước muốn tình dục hướng tới những người cùng giới tính đồng thời giảm đi sự thích thú tình dục đối với những người khác giới. Đây là việc yêu đương hay quan hệ tình dục (sexual intercourse) giữa người cùng giới tính với nhau, như giữa nam với nam (“Gay”) và giữa nữ với nữ (“Lesbian” hay “Les”). Cũng có nhiều trường hợp chữ Gay chỉ cho cả 2 phái.



“*Hôn nhân đồng giới tính*” (same-sex marriage) là sự kết hợp giữa một người nam với một người nam hoặc giữa một người nữ với một người nữ. Ngày 26 tháng 6 năm 2015 Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ đã chính thức phán quyết rằng hôn nhân đồng giới tính là quyền hợp pháp trên toàn nước Mỹ (trong vụ Obergefell v Hodges). Như vậy tính cho đến thời điểm này đã có 21 nước trên thế giới có hôn nhân đồng giới tính

142

được luật pháp quốc gia sở tại công nhận và Hoa Kỳ là nước thứ 21 đã hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tính.

Có nhiều giả thuyết nói về nguyên nhân tạo ra đồng tính luyến ái, nhưng yếu tố bẩm sinh được nhiều người công nhận nhất. Học Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ (American Academy of Pediatrics) khẳng định rằng khuynh hướng tình dục (Sexual orientation) chỉ được quyết định bởi sự tác động của kiểu Gen và Hoóc-môn (Hormone) ở giai đoạn còn là bào thai và đang cấu trúc não bộ. Con người không thể chọn lựa giới tính nam nữ cho mình, cũng không thể chọn và thay đổi khuynh hướng tình dục của mình. Đó là bẩm sinh. Tất cả các tổ chức y tế kể cả APA, Hiệp hội tâm lý học của Mỹ đều cho rằng đồng tính không phải là bệnh và đã được đưa ra khỏi danh sách các rối loạn tâm thần.

Theo Sách Giáo Lý Công Giáo: “Hôn nhân đã được thiết lập bởi Thiên Chúa, là một sự kết hiệp trung tín, độc quyền và suốt đời giữa một người nam và một người nữ được kết hiệp trong một một cộng đoàn mật thiết của đời

CỎ THƠM

sống và tình yêu.” “Bản chất của hôn nhân của loài người vẫn không thay đổi và không thể thay đổi, Chúa Giêsu Kitô, chúa của tình yêu, đã dạy rõ ràng rằng hôn nhân ngay từ khởi đầu là sự hợp nhất suốt đời giữa một người đàn ông và một người đàn bà,” Theo Thánh kinh Cựu ước, việc truyền giống tạo ra kẻ nối dõi là việc làm có giá trị, cần được đề cao.

Đối với hàng Phật Tử tại gia, hôn nhân và sinh con được xem là tích cực, nhằm xây dựng một đời sống hạnh phúc gia đình của đời này và đời sau, nhưng không có nghĩa là bắt buộc. Đối với hàng Phật tử xuất gia, (Tỳ Kheo hay Tỳ Kheo Ni) theo bộ luật Tỳ Kheo thời dâm dục là giới cấm đầu tiên trong bốn giới “Ba La Di”. Dâm dục được định nghĩa là bất cứ loại hoạt động tình dục nào, cho dù đó là cùng giới tính hay khác giới tính, kể cả với loài vật. Phật giáo không lên án hôn nhân đồng tính. Đức Phật, không phê phán hay lên án những người đồng tính về phương diện đạo đức.

Tỉ lệ người hoàn toàn đồng tính luyến ái trong dân chúng chiếm từ trên 1 đến 10%. Đồng tính nam nhiều hơn nữ. Tại Hoa Kỳ 4% tự nhận là đồng tính luyến ái trong cuộc thăm dò nhân dịp bầu cử tổng thống tháng 11-2008 Theo kết quả thăm dò thời 49% người

Mỹ xem việc người đồng tính lấy nhau là hợp pháp. Số người chống lại là 44%. Vào tháng 6-2016 theo một thăm dò mới nhất của viện Gallup ước lượng năm này có đến 123,000 đám cưới của người đồng tính thực hiện tại Hoa Kỳ, từ khi Tối Cao Pháp Viện phán quyết hợp thức hóa hình thức hôn nhân này trên toàn quốc.

- Tại Mỹ theo thống kê đã có từ lâu nay, thì cứ hai cặp cưới nhau (hôn nhân truyền thống) thì một cặp tan vỡ! Phải chăng vì thế nên “hôn nhân đồng giới tính” ngày càng phát triển?

Với quân đội Hoa Kỳ: năm 1993, tổng thống Clinton ký ban hành luật gọi tắt là “*Don't Ask, Don't Tell*” (Đừng hỏi. Đừng nói). Luật này chấp thuận cho những người đồng tính luyến ái được gia nhập quân đội và các cấp chỉ huy không được hỏi, không được điều tra về khuynh hướng tình dục của người nộp đơn xin nhập ngũ. Các quân nhân cũng không được phép tuyên bố mình là đồng tính luyến ái. Ai vi phạm luật này thì sẽ bị cho giải ngũ.

- Tại Pháp phải kể đến mối tình đồng tính của hai nhà thơ nổi danh là Rimbaud và Verlaine. Xuân Diệu từng đặt bút viết bài thơ “Tình trai” để nói về mối tình đồng tính này:

*Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine,
Hai chàng thi sĩ chói sáng hơi men,
Say thơ xa lạ, mê tình bạn,
Khinh rẽ khuôn tròn, bỏ lối quen.*

*Những bước song song xéo dẫm
trường*

*Đôi hồn tươi đậm ngát hoa hương,
Họ đi, tay yếu trong tay mạnh,
Nghe hát ân tình giữa gió sương.*

*Kể chi chuyện trước với ngày sau;
Quên gió môi son với áo màu;
Thây kệ thiên đường và địa ngục!
Không hề mặc cả, họ yêu nhau.*



Verlaine & Rimbaud

Verlaine (1844 –1896) là một trong những nhà thơ lớn nhất của Pháp thế kỷ XIX. Verlaine cũng từng vào học luật tại Đại học nhưng một thời gian sau bỏ học. Sau khi chiến tranh Pháp – Phổ xảy ra, Verlaine phải vào lính nhưng thường xuyên lẩn tránh nghĩa vụ nên phải bị tổng vào trại giam một tuần. Thời gian sau đó là những năm tháng tình ái của ông với nhà thơ trẻ Arthur Rimbaud. Hai người đi sang Bỉ và Anh. Đây là quãng thời gian Verlaine viết những bài thơ hay nhất của mình. Năm 1873 Verlaine cãi nhau với Rimbaud, dùng súng lục bắn vào

tay Rimbaud nên bị ở tù hai năm và bị phạt 200 francs.

Trong những ngày tháng ngồi tù, Verlaine đã viết những bài ca không lời với những câu dành tặng Rimbaud như: “Này là trái, là hoa, là cành lá / Là trái tim tôi thổn thức chỉ vì em”.

Năm 1875, khi Verlaine ra tù, hai người bạn còn gặp lại nhau ở Đức nhưng tình cảm của họ đã nguội lạnh, không bao giờ còn hâm nóng lại được như xưa.

Sau khi mãn hạn tù Verlaine bị vợ và gia đình từ chối nên ông sang Anh dạy tiếng Pháp, dạy vẽ và làm gia sư. Ông mất ở Paris.

Là những người sáng tạo của dòng thơ tượng trưng - một trường phái thơ coi trọng hình ảnh và âm thanh hơn là ý nghĩa ngôn từ của câu chữ, Verlaine và Rimbaud để lại những ảnh hưởng lớn lao đến nền thi ca hiện đại thế giới. Tuy cuộc sống riêng tư bị dị nghị nhưng đương thời tài năng thi ca của hai người đã được đồng đạo bạn đọc mến mộ và tôn kính. Đám tang của Verlaine đã lấy đi nước mắt của hàng nghìn người hâm mộ, còn Rimbaud được André Breton gọi là “Chúa trời của lứa tuổi hoa niên”. Hai ông đã trở thành bậc tiền bối cho những nhà thơ nổi loạn “thế hệ Beat” như Henry Miller, Jack Kerouac và những nhạc sĩ của dòng

nhạc punk rock như Bob Dylan, Jim Morrison và Patti Smith.



Oscar Wilde & Alfred Douglas

- Tại Ireland cũng từng có một cặp “tình trai” nổi tiếng của văn chương thế giới là Oscar Wilde và Alfred Douglas. Oscar Wilde, sinh năm 1854. Năm 1884 lập gia đình và có hai con trai. Năm 1891, Oscar Wilde gặp Alfred Douglas. Hai người yêu nhau đắm đuối và sống cuộc đời buông thả, không giấu giếm quan hệ đồng tính luyến ái của họ. Ở thời Victoria, những mối tình đồng tính được coi là một điều cấm kỵ, thậm chí là một “tội ác”. Chuyện tình cảm của Oscar Wilde và Alfred Douglas đã tồn không ít giấy mực.

Alfred Douglas là nhà thơ, dịch giả người Anh. Những bài thơ thời thanh xuân sôi nổi của Alfred Douglas được gọi là "Uranian Poetry" (thơ tình yêu đồng tính – một thuật ngữ của thơ thế kỷ XIX). Kể cả bài thơ “Two Loves” (Hai tình yêu, 1892) của Alfred Douglas cũng được coi là bài thơ viết về mối “tình trai” này. Cha của Alfred không

chấp nhận mối quan hệ này và nhiều lần gây sự với Oscar Wilde, yêu cầu phải tránh xa con trai ông ta.

Quá tức giận vì những chuyện bị xem là đáng xấu hổ của con trai ông bố đã buông lời lăng mạ Oscar Wilde. Oscar Wilde đâm đơn kiện bố của người tình về tội lăng mạ. Ông bố kiện ngược lại Oscar Wilde tội lôi kéo con trai ông vào mối quan hệ "xấu xa".

Theo đạo luật chống đồng tính luyến ái năm 1885 dưới thời Victoria, Oscar Wilde bị xử hai năm lao động khổ sai. Alfred bị gia đình ép sang Italia trong 3 năm. Trong thời gian thi hành án khổ sai Oscar viết một số thư từ cho người tình. Sau khi ra tù năm 1897, hai người vẫn lén lút gặp gỡ nhau nhưng do áp lực của gia đình họ đi sang Napoli, Italia. Một thời gian sau họ chia tay nhau. Oscar Wilde sống những ngày cuối đời trong cảnh nghèo túng ở Paris và mất năm 1900 vì bệnh viêm não. Thọ được có 46 năm trời.

- Và sau đây là một chuyện tình giữa hai chàng được rửa khác: Ricky Martin và Jwan Yosef. Ca sĩ nổi tiếng nhạc Latin Ricky Martin mang đến ngạc nhiên cho tất cả mọi người khi anh tiết lộ vừa làm lễ đính hôn với bạn trai mới. Chuyện tình của họ đã tròn một năm.

Ricky Martin kể: “Jwan Yosef là họa sĩ, còn tôi là người thích sưu tầm tranh. Tôi yêu thích nghệ thuật và tôi nhìn

thấy những tác phẩm của anh làm tôi điên dại, tôi thật sự yêu thích những sáng tác của anh. Và tôi tìm đến anh. “Chúng tôi vừa mới đính hôn,” Martin nói. Cả hai cùng đeo nhẫn đính hôn trên tay. “Chúng tôi yêu nhau thật lòng”.

Nam ca sĩ 44 tuổi công khai đồng tính năm 2010. Jwan Yosef là họa sĩ, sinh năm 1984 tại Syria, làm việc tại Anh. Ricky Martin từng có mối tình lâu năm với kiến trúc sư Carlos Gonzalez Abella, nhưng họ chia tay năm 2014.



Huy Cận & Xuân Diệu

- Tại Việt Nam nhiều người cho rằng Xuân Diệu và Huy Cận là hai nhà thơ đồng tính luyến ái. Hai người đã từng sống với nhau trong nhiều năm. Suốt đời Xuân Diệu không có vợ, không có con. Ông sống độc thân cho đến lúc mất, vào năm 1985, lúc 69 tuổi. Ở Hà Nội, trong giới quen biết với Xuân Diệu, hình như đã có nhiều người biết chuyện này. Tuy nhiên, ít ai dám công khai nói ra, có lẽ vì sợ cái uy thế của Xuân Diệu và của Huy Cận.

- Tô Hoài trong cuốn hồi ký "Cát bụi chân ai" có đoạn viết về Xuân Diệu như

sau: “Hồi kháng chiến chống Pháp, nơi có cơ quan văn nghệ kháng chiến trú đóng, các chàng trai trẻ rất sợ ở tập thể cùng với Xuân Diệu. Ban ngày thì lặng lẽ bình thường, nhưng tối đến thì nháo nhác, bỏ đi ngủ nhờ nơi khác, trốn cả cơ quan. Bởi cứ đêm đến Xuân Diệu hay “mò” sang giường họ, để làm... “trò vợ chồng”!

Nhà văn Tô Hoài từng bị Xuân Diệu “mò” sang ngủ cùng để làm “chuyện ấy” không chỉ một lần. Hãy nghe ông tả lại một cái đêm mưa gió "ghê gớm" ấy: “Bàn tay ở đâu rờ vào. Không phải. Tay người, bàn tay đầy đặn, ấm ấm. Hai bàn tay đầy đặn xoa lên mặt, lên cổ, rồi xuống dần xuống dần khắp mình trần truồng trong mảnh chăn dạ. Bóng tối bập bùng lên như ngọn lửa đen không có ánh, cái lạnh đêm mưa rừng ảm đạm lên. Chẳng còn biết đương ở đâu, mình là ai, ta là ai, hai cơ thể con người quấn quai, quấn quýt, cánh tay, cặp đùi thường chão trối lại, thít lại, dăng ra. Niềm hoan lạc trong tôi vỡ ra dữ dội dần giữa cái xác thịt kia (...) Trời rạng sáng. Xuân Diệu trở về màn mình lúc nào không biết. Tôi hé hé mắt nhớ lại những hứng thú khủng khiếp. Những cảm giác nồng nàn kích thích trong bóng tối đã tro ra khi sáng bạch...”

Cũng theo Tô Hoài, thì hồi ấy Xuân Diệu đã từng bị cơ quan kiểm điểm, kết tội là “tư tưởng tư sản, phải chữa đi”.

Xuân Diệu thì chỉ biết ngồi khóc nức nở: "Tình trai của tôi... tình trai...". Tô Hoài còn viết rằng: "Ở đâu Xuân Diệu cũng "đào hoa những mối tình trai".

- Trong hai tập "Thơ thơ" và "Gửi hương cho gió" Xuân Diệu đã đề tặng thơ cho nhiều người nhưng ta sẽ ngạc nhiên khi phát hiện là trong 100 bài thơ có cả thấy 21 bài tuy có chưa thêm lời tặng, nhưng tất cả đều chỉ dành cho... phái nam mà thôi. Không thấy một cái tên phụ nữ nào.

Có một bài thơ khá đặc biệt đó là bài "Em đi". Đọc thơ ai cũng tưởng rằng "em" trong bài thơ phải là một người phụ nữ xinh đẹp mà nhà thơ yêu tha thiết. Ai ngờ là Xuân Diệu đề tặng cho nhà thơ Hoàng Cát, một nhà thơ phái nam, khi chia tay để Hoàng Cát vào miền Nam.

*...Em đi, một tấm lòng lưu lại
Anh nhớ thương em, lệ muốn trào
Ôi Cát! Hôm vừa tiễn ở ga
Chưa chi ta đã phải chia xa
Nụ cười em nở, tay em vẫy,
Ôi mặt em thương như đóa hoa!...*

*...Nhưng bóng em đi đã khuất rồi.
Đứt lìa khúc ruột của anh thôi!
Tình ta như mối dây muôn dặm
Buộc mãi đôi thân, dấu cách vời*

Sau đó còn một bài thơ có tiêu đề là "Biển" mô tả tình yêu nồng nàn giữa 2 người (Xuân Diệu và Hoàng Cát), giữa

hai hình tượng sóng biển và cát vàng quấn quýt với nhau.

Hoàng Cát từng xác nhận: "Tôi và anh Xuân Diệu có nhiều điều 'Sống đề dạm, chết mang theo', nhưng tôi muốn nói với bạn rằng đàn ông yêu nhau là do cấu tạo thể chất chứ bản thân họ không có tội tình gì". Năm 2013 có nhà báo ghé thăm Hoàng Cát khi ông điều trị tại gia sau 5 đợt xạ trị hóa chất chữa căn bệnh ung thư hạch cổ. Được hỏi về nghi án "tình trai" từng gây chấn động một thời với Xuân Diệu, nhà thơ Hoàng Cát thật lòng chia sẻ: "Lần đầu tôi gặp Xuân Diệu là năm 1958, khi ấy mới 17 tuổi. Lúc ấy đang hót hơ hót hải đi tìm trâu lạc thì gặp Xuân Diệu ngồi nghỉ dưới tán cây giữa đồng làng. Anh về thực tế ở trở nên thân thiết. Thực ra, Xuân Diệu có yêu tôi. Tôi biết điều đó, nhưng chỉ thương Xuân Diệu chứ không thể yêu giống kiểu trai gái yêu nhau, hay như một người đồng tính, bởi mình là người bình thường. Nhưng về mặt lý trí và tình cảm thì rất thương Xuân Diệu. Mà thương quá hóa chiều..."

LS. Ngô Tăng Giao

(Trích "Chuyện Phiếm Pháp Luật", xuất bản 2018, Virginia, USA)



TÔI MỪNG SINH NHẬT CỦA CHÍNH TÔI



Chín sáu (96) năm xưa cũng ngày này
Từ cõi hư vô tôi đến đây
Cơm Cha, áo Mẹ nên vai vóc
Ơn Thầy khai trí mới nên người.

Đến tuổi trưởng thành rồi tổ ấm
Lăn lộn mưu sinh giữa chợ đời.
Vinh nhục, thăng trầm, thành rồi bại
Quê hương khói lửa khắp nơi.

Đầu quân chống giặc, vì Tổ quốc
Giữ nước không thành, bỏ cuộc chơi
Đất khách lưu vong, thân trôi nổi
Ôm hồn vong quốc suốt cuộc đời.

Hôm nay sinh nhật lần chín sáu (96)
Đường trần cuối nẻo sắp đến rồi
Gác trọ quê người, nâng cốc rượu
Tôi Mừng Sinh Nhật của chính tôi!

Hoa Đô, Lockwood House, 3-10-2019

Trần Gò Công/Lão Mã Sơn

Mừng Sinh Nhật 96 của Thi Huỳnh Niên Trưởng Lão-Mã-Sơn Trần-Gò-Công

Giữ luôn an lạc tâm hồn,
Dầu cao tuổi Hạc, vẫn còn trẻ trung
Mừng Sinh Nhật, Bác Trần Công
Chín mươi sáu tuổi,
Huỳnh trông rất ngầu!
“Trăm năm” dư sức qua cầu!
Chúc “mười năm” nữa,
vó câu chẳng sồn!
Kính yêu, biết nói gì hơn
Dòng Thơ của Lão Mã Sơn để đời!

Trần Quốc Bảo
Richmond, Virginia



NGƯỜI BÊN KIA VĨ TUYẾN

**** Vưu Văn Tâm ****

1. Chai nước tương

Sau hai năm học ở Trường Tài Chánh, tôi tìm được một chân kế toán tại một cửa hàng dược phẩm. Công việc không quá nặng nề, tôi chỉ bận rộn vào mỗi cuối tháng, cuối tam cá nguyệt và cuối năm. Lương bổng khá "nhẹ nhàng" và tỷ lệ thuận theo việc làm hằng ngày. Với đồng lương khiêm tốn đó, tôi chỉ có thể chi tiêu cho tiền quà sáng, tiền mua sắm vặt và thay, vá vỏ ruột xe đạp. Chuyện cơm ngày hai bữa hay sắm sửa quần áo, giày dép cũng như mọi chi phí khác, tôi phải sống nhờ vào cái túi của mẹ tôi cứ ngày một teo tóp dần.

Một người thân trong họ hàng biết được gia cảnh và hứa giúp tôi một chỗ làm tại một nước Đông Âu với hợp đồng năm năm. Chuyến bay kéo dài hai mươi mấy tiếng đồng hồ và hạ cánh tại phi trường Đông Bá-Linh. Xe "ca" đưa tôi đi tiếp một đoạn đường vài trăm cây số rồi dừng lại nơi một thành phố hẻo lánh. Tôi và một nhóm người đồng hương được học 200 giờ Đức ngữ cũng như được hướng dẫn làm quen với công việc tại một hãng sản xuất giày da không xa nơi cư xá tạm trú. Tiếng Đức khó trần thân, tôi học hoài mà không sao nhớ nổi. Nhưng cũng

may, cái khó không bó cái khôn, tôi có thể dùng thêm mười ngón tay trời cho để diễn tả những gì mình muốn phân bua hay tỏ bày. May mắn thay, các đồng nghiệp người bản xứ cũng dễ dàng cảm thông và thấu hiểu nên việc làm cũng được trôi chảy. Công việc tám tiếng mỗi ngày đã đòi hỏi tôi rất nhiều, từ sức lực đến sự tỉ mỉ. Mỗi khi nghĩ đến thời gian năm năm sẽ trôi qua nhanh chóng và kiếm được một số vốn liếng kha khá mang về xứ làm ăn, tôi lại cố gắng an ủi mình đi tiếp tục quãng đường trước mặt.

Thỉnh thoảng được nghỉ phép nhiều ngày, tôi có dịp đáp xe lửa thăm vài người bạn ở Đông Bá-Linh. Thủ đô to lớn, xinh đẹp và rất thu hút người phương xa đến thăm viếng. Nhưng vui hơn nữa là tôi được gặp lại bạn bè. Tha hương ngộ cố tri, tôi tìm lại mình trong bầu không khí thật vui vẻ bên cạnh những tình thân và ấm áp bên chung trà, chén rượu. Trước ngày chia tay ra về, các bạn tôi đề nghị đi thăm phố xá và sẵn dịp ghé "Kauf" (siêu thị) mua sắm chút ít quà cáp thủ đô. Tôi ngỡ ý muốn mua một ít xì-dầu để làm quà cho các bạn trong đội và trong ký túc xá, vì nơi tôi ở là thành phố nhỏ bé nên hiếm khi tìm được.

Người Việt ở Đông Bá-Linh nhiều vô số kể. Một nhóm thanh niên nam nữ cùng trang lứa hay chỉ kém tôi một vài tuổi đi ngang và thấy chúng tôi đứng cạnh gian hàng thực phẩm. Một cô gái trẻ trung trong nhóm, có gương mặt khá xinh xắn, cất lên một giọng nói chua ngoa: "Dân ở tỉnh lẻ lên thủ đô để mua nước tương!". Trời ơi, đây không phải là cái âm thanh quen thuộc triu mến mà tôi đã nghe từ khi lọt lòng mẹ. Mẹ tôi và dì tôi từ Hà-Nội đã xuôi Nam buôn bán từ cuối thập niên 30 của thế kỷ trước và chọn đất Sài-Gòn làm nơi dừng chân. Đất lành chim đậu. Mấy chị em tôi đã lớn lên với những lời ru à ời ngọt ngào và tấm lòng nhân hậu của mẹ. Những âm thanh chua chát này, tôi đã được nghe từ cái tháng tư đau buồn đó. Và bây giờ, ở một nơi xa cách quê nhà hàng ngàn cây số, nó vẫn như một hồn ma hiện về báo oán. Tôi bị "kỳ thị" trên xứ người, nhưng không phải nơi người bản xứ, mà từ những người có cùng màu da và cùng chung tiếng nói.

2. Sầu nhi mặc trộm long bào

Một sáng thứ bảy đường sá tấp nập ngựa xe, tôi ghé vào một tiệm quần áo sang trọng nhất nhì trong phố. Đi ngang gian hàng bán "veston", tôi nghe được những âm thanh vừa quen thuộc lại vừa xa lạ. Tò mò tôi đưa mắt nhìn về hướng đó. Một người đàn ông trung niên với vóc dáng thô kệch, gương mặt nhà quê, miệng riu rít âm thanh của

đám người xuôi Nam mùa xuân năm ấy. Hắn khoác lên người bộ veston hiệu "Boss". Ôi, thằng trẻ trâu mặc trộm áo nhà vua! Vua đã mất ngôi vì bọn phản thần. Vua phải lưu vong bốn tẩu. Kẻ cướp ngôi vẫn chưa vừa dạ, chúng đuổi cùng diệt tận và tiếp tục dâng mảnh đất hình chữ "S" cho ngoại nhân.

3. Người đàn bà bên kia vĩ tuyến

Giờ tan sở nơi một thành phố khác ... Cái "Mall" mới vừa khai trương, cũng tựa tựa như cái "passage" Eden của Sài-Gòn ngày xưa, nhưng đẹp lộng lẫy, lớn hơn và hiện đại hơn nhiều. Người người ra vào vô cùng nhộn nhịp. Khó khăn lắm tôi mới tìm được cho mình một lối ra. Hai người phụ nữ ăn mặc tươm tất lách mình đi vào, trên tay mang hai cái túi xách hàng hiệu thời thượng (MK). Thoáng nhìn hai gương mặt, tôi nói vội trong lòng "chắc là người bên kia vĩ tuyến". Giọng nói của một trong hai người thốt ra, vừa chua ngoa, vừa chát chúa đã cắt ngang cái ý nghĩ mới vừa manh nha trong tôi. Thì ra ngày ấy họ đuổi mình đi, rồi bây giờ họ nín áo đuổi theo mình như một "con nợ".

4. Bờ nam sông Bến-Hải

Một chị ca sĩ có tiếng từ thập niên 60 đã nói với tôi: "Nước Việt-Nam của chị được tính từ vĩ tuyến 17 trở vào đến mũi Cà-Mau, nhưng phải phân định cho rõ, là từ bờ nam con sông Bến-Hải chứ không bao giờ là bờ sông bên kia".

CỎ THƠM

Đám người rừng rú ấy tiến vào Nam đã khiến chị hồi hải bỏ nước ra đi một ngày cuối tháng tư buồn bã. Kẻ chiến thắng có được tất cả. Người bại trận bị lưu đầy nơi xứ xa hay trên chính quê hương của mình. Cái mùa xuân tang tóc đó tính đến nay đã hơn bốn thập niên. Người đi xa rồi nhưng lòng vẫn lao xao nhớ về cảnh cũ và tiếc nuối hoài cái Hòn Ngọc Viễn Đông bên bờ Thái Bình Dương dạt dào sóng vỗ.



Vu Văn Tâm (Germany)

Vu Văn Tâm sinh năm 1963, cựu học sinh Petrus Trương Vĩnh Ký khoá 1974-1981. Sau 3 lần vượt biển không thành ở Rạch-Giá, vượt biển lần cuối tháng 9 năm 1981, gặp hải tặc Thái-Lan và được tàu Cap Anamur (Đức) cứu vớt. Sống ở Phi Luật Tân 14 tháng. Sang Đức cuối năm 1982, hiện sinh sống tại Bonn, Cộng Hòa Liên Bang Đức với vợ và 2 con. Bắt đầu viết từ cuối năm 2016.

HUẾ VẪN DẸ THƯƠNG

*Có một nơi đời rất dễ thương
Dù cho trời đất lắm tai ương
Điệu hò câu hát đầy thân thuộc
Màu áo em tôi đẹp lạ thường.*

*Ở đó tình yêu như thấm lại
Con đường Lê Lợi lạnh hơi sương
Theo em, tôi mãi theo từng bước
Lặng lẽ tôi đi tới cổng trường.*

*Thì ra thâm lặng yêu mầu nhiệm
Dào dạt tình tôi sóng đại dương
Có lẽ qua rồi bao trắc trở
Mà em gái Huế thật hiền lương.*

*Nơi bến Tòa Khâm chiều lặng lẽ
Tôi ngồi ngắm cảnh chiều sông Hương
Ly cà phê đắng hồn xưa cũ
Huế vẫn còn em đẹp phố phường.*

Đăng Nguyên - Texas 2018



LONG AN THÁNG 4, 1975

** Quốc Thái Đình Hùng Cường **

Định mệnh nghiệt ngã đã làm Sài Gòn thất thủ vào ngày 30 tháng tư năm 1975. Nhưng nếu Đại tá Huyền, Ban tham mưu tỉnh tiểu khu Long An, cũng như tất cả quân dân bảy quận, không hạ quyết tâm thề chết giữ Long An, thì Sài Gòn đã mất trước ngày 30 tháng tư. Cộng quân mở mặt trận Long Khánh, nhưng tận lực bức tử Long An để chiếm Sài Gòn. Mất Long An, là mất con đường huyết mạch tiếp tế nhu yếu phẩm từ miền Tây ...



Đại tá Huyền

Những ngày cuối tháng ba, của năm 75. Cộng Sản mở chiến dịch truyền truyền mạnh mẽ. Truyền đơn rải khắp quốc lộ số bốn, nói năng khoác lác, gây xao xuyên lòng dân. Tôi phải tổ chức hành quân càn quét, mở đường cho cán bộ thu hồi những tờ truyền đơn láo xược, thì được lệnh Đại tá Huyền gọi tôi ra quốc lộ. Từ hướng Sài Gòn xuống, Đại tá đã cho tài xế ngừng xe díp, nói cho tôi biết là ông mới họp xong với Tổng Thống. Ông dùng một câu tiếng Pháp để bày tỏ nỗi bất bình về đường lối cai trị tồi tệ của chính phủ, nhưng ông bảo tôi là sẽ đánh Việt Cộng cho đến cùng. Ông cũng chỉ thị cho tôi một số công

việc khẩn cấp cần thi hành, rồi vội vã lên xe về tỉnh. Nhìn chiếc xe díp của Đại tá phóng như bay trên đường lộ, làm tôi nhớ lại ngày ông mới về nhậm chức ... Một buổi họp bỏ túi đã được Đại tá triệu tập ngay sau buổi lễ bàn giao Tỉnh trưởng. Chúng tôi, bảy người Quận trưởng - Bình Phước (Trung tá Tứ), Cần Giuộc (Trung tá Quế), Cần Đức (Trung tá Bê), Rạch Kiến (Thiếu tá Bé), Tân Trụ (Thiếu tá Nhơn), Bến Lức (Thiếu tá Út), và Thủ Thừa là tôi (Thiếu tá Cường). Đại tá nói: " Trước khi đổi về đây, tôi là Tư lệnh phó sư đoàn 25 bộ binh, ngày thì lo đánh giặc, và lương thực để ăn là cơm gạo sấy (loại cơm khô làm cho lính, chỉ đổ nước vô là ăn), đêm ngủ dưới hầm lạnh buốt, để tránh pháo kích của Cộng Sản. Nay về đây làm Tỉnh trưởng ở trong một cái dinh thật to, vừa nói ông vừa lấy tay chỉ cái dinh tỉnh đồ sộ uy nghi xây toàn bằng gạch, quyền uy, sung sướng nào hơn". Còn các anh, Đại tá nói tiếp: - Các anh, mỗi người cũng được ở trong một cái dinh, không phải dinh tỉnh, mà là dinh quận, nó không to lớn, nhưng cũng phòng ốc tiện nghi đầy đủ. Cá nhân chúng ta đã được thượng cấp lo cho đầy đủ, nếu chúng ta không tận tâm, tận lực làm việc thì chúng ta có đáng được hưởng những đặc ân kia không? Tôi muốn các anh cùng tôi hết lòng làm việc. Làm việc thực tế và cụ thể. Đời sống dân chúng phải được cải thiện, xã ấp mỗi ngày phải một an ninh hơn, hạ tầng cơ sở Cộng sản phải bị

tận diệt, triệt tiêu tham nhũng và hồi mại quyền thế. Tôi về đây làm việc, phục vụ đất nước, và tôi không đòi các anh đóng tiền, đóng hụi chết, thì không ai có thể ăn tiền. Chấm dứt nạn biệt phái, lính ma, lính kiếng. Các anh phải cùng tôi kiện toàn sức mạnh cho tỉnh Long An. Tôi yêu cầu các anh ở tại đây, trong chốc lát, chúng ta cùng gặp những vị dân cử, bên hành chánh, tạo thông cảm, và thống nhất công việc. Đại tá Huyền muốn chúng tôi đi sang đi sang phòng bên để gặp các vị chức sắc. Đại tá Huyền vui vẻ giới thiệu chúng tôi với các vị hành chánh, dân cử. Khi đi tới ông dân biểu Tiết, và là một vị dân biểu đối lập với chính quyền. Đại tá Huyền, dừng lại trước mặt ông, nửa đùa nửa thật, Đại tá nói: - Thừa ông dân biểu, tôi mang mấy ông Quận của tôi đến chào ông, ông là dân biểu được cô bác bầu lên để giúp dân, tôi được thượng cấp chỉ định về đây, cũng để lo cho dân. Chúng ta cùng làm việc cho dân, vậy thì từ nay, ông không còn là dân biểu đối lập chống tôi nữa, vì tôi với ông cùng làm một việc: Chúng ta là một! Một vị Tỉnh trưởng chịu chơi, thanh liêm, bộc trực. Không úp mở. Nói thẳng, và nói trước là làm việc với Đại tá Huyền là không có vấn đề tiền bạc lem nhem, không làm hết sức là bỏ mạng. Hơn nữa dù vô cùng bất bình với đường lối hiện thời của Tổng Thống Thiệu. Đại tá vẫn trung thành với Tổ Quốc là đánh Cộng Sản cho đến cùng. Cùng sau nữa là khi Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng, Đại tá Huyền không chịu buông súng.

Tôi, Quốc Thái Đình Hùng Cường, xin ghi lại đây **những giờ phút cuối cùng trong đời binh nghiệp của Đại Tá Trần Vĩnh Huyền**:

Sáng ngày 30 tháng 04, 1975. 08:00 giờ sáng. Tôi (Đại tá Huyền) đang ngồi trong Trung Tâm hành quân, theo dõi các hoạt động quân sự ngoài vòng đai an ninh của mình, thì Đại tá Đồng chỉ huy trưởng các lực lượng Hải Quân tăng phái bước vào cho biết, Phó Đề đốc tư lệnh chỉ thị cho toàn bộ Hải Quân nhổ neo lúc 09:00 giờ. Đại tá Đồng hỏi tôi có đi theo không? Nếu đi, thì hải quân có khả năng chuyên chở 200 người. Không suy nghĩ tôi đáp ngay: - Xin cảm ơn Đại tá, cứ cho nhổ neo đúng lệnh, và thời gian quy định. Phần tôi, trách nhiệm lãnh thổ quá nặng nề. Hơn nữa, tôi đã kêu gọi tất cả lực lượng dưới quyền phải quyết tâm chiến đấu. Các anh em chiến sĩ của tôi hiện vẫn anh dũng đương đầu với địch, dành đất giữ dân không để lọt vào tay Cộng Sản. Họ nhất định không rã ngũ và bỏ chạy. Tôi cũng hứa cương quyết không bỏ anh em, vừa ở lại để noi gương tốt, vừa để giữ vững tinh thần chiến đấu của quân dân trong tỉnh. Chúc Đại tá may mắn, và xin hẹn gặp lại một ngày không xa. Chúng tôi ôm nhau trong nghẹn ngào, và Đại tá Đồng bắt tay từ giã, ra đi về hướng sông Vàm Cỏ Tây. Nơi đoàn tàu của ông đang cập bến chờ nhổ neo.

10:00 giờ sáng 30 tháng Tư, một sĩ quan tay cầm "radio" bước vô, chào và nói với: - Trình Đại tá, đài phát thanh loan báo lệnh của Tổng Thống

mới là Đại Tướng Dương Văn Minh ra lệnh cho toàn quân ngưng bắn, tuyên bố đầu hàng, ở tại chỗ, chờ các lực lượng địa phương Việt Cộng đến để bàn giao. Tin này làm tôi choáng người, đứng bật dậy trong khi nhiều sĩ quan khác, còn đang vỗ trang đầy người chạy vô Trung Tâm Hành Quân đứng bên tôi chờ lệnh. Thiếu tá Cháp, trưởng phòng ba, lên tiếng hỏi: - Trình Đại tá, tình hình này mình sẽ chuyển lệnh như thế nào cho các chi khu trưởng, tiểu đoàn trưởng, và các lực lượng trực thuộc? Không trả lời Cháp, tôi ngồi bất động, im lặng nghe tiếp bản nhật lệnh đầu hàng trong khi chúng tôi vẫn còn đang làm chủ tình hình. Toàn thân tôi mồ hôi vã ra như tắm, tôi tự nhủ phải thận trọng trong giờ phút nguy ngập này. Sau đó, tôi nhắc máy gọi Đại tá Hai, tỉnh trưởng Định Tường, là bạn thân từ thuở niên thiếu. Tôi nói ngay: - Tình hình bất ngờ quá, tôi bàn gấp với anh thế này. Tôi sẽ tập trung lực lượng, được bao nhiêu, hay bấy nhiêu, kéo xuống gặp anh, nhập vô quân số của anh, rồi cùng qua căn cứ Đồng Tâm, trình diện Tư lệnh sư đoàn 7 BB. Xong tiếp tục chiến đấu. Đại tá Hai đồng ý ngay, và dặn tôi duy trì liên lạc vô tuyến. Lúc này tôi mới quay sang Thiếu tá Cháp, Trung tá Nguyệt tham mưu trưởng, yêu cầu hai ông triệu tập khẩn một phiên họp gồm Ban tham mưu, các đơn vị trưởng tại văn phòng tôi để nhận lệnh.

10:30 sáng, tôi bước vô phòng họp, các sĩ quan đón tôi theo quân cách. Mời mọi người an tọa, tôi nói ngay: - Thưa các anh, chắc các anh đã nghe lệnh

của Tướng Dương Văn Minh trên đài? Mọi người đồng loạt trả lời: "Dạ có". Tôi tiếp tục: - Trước giờ phút nghiêm trọng này của đất nước, tôi cần nói với các anh quyết định của cá nhân tôi, chứ tôi không ra lệnh cho các anh như trước đây. Thứ nhất, đối với các chi khu, các đơn vị địa phương, chúng ta giữ im lặng, không ban lệnh dứt khoát, tùy theo hoàn cảnh tại chỗ, để anh em quyết định. Thứ hai, đối chính bản thân các anh, sau khi nghe xong quyết định của tôi, các anh cũng tự ý hành động, hoặc theo tôi, hoặc theo chính mình. Tôi không bắt buộc bất kỳ ai. Thứ ba, tôi thông báo ý định của tôi là sẽ cùng một số anh em xuống Định Tường, kết hợp với Đại tá Hai, cùng vô Căn Cứ Đồng Tâm xin nhập vô lực lượng của Sư đoàn 7, để tiếp tục chiến đấu. Tôi quyết tâm không bàn giao gì cả.

Vì như các anh biết, chúng ta đang thắng, chúng ta có thua đâu mà phải bàn giao hay đầu hàng? Các anh có thể cho tôi ý kiến được không? Tôi vừa dứt lời thì Trung Tá Cháp, phụ tá của tôi lên tiếng: - Trong thời gian qua, tuy không dài, được phục vụ dưới quyền của Đại tá, anh em chúng tôi đều thấy rõ Đại tá là một cấp chỉ huy tài đức vẹn toàn. Đặc biệt trong giờ phút nguy hiểm này, tôi xin đại diện toàn thể anh em có mặt trong phòng họp này để nói rằng: Chúng tôi cùng một lòng với Đại tá. Đại tá đi đâu, chúng tôi theo đó. Tôi tiếp: "- Như vậy thì tốt lắm. Cám ơn các anh đã có cùng tâm huyết với tôi. Bây giờ các anh có thể về thu xếp việc nhà, trong 30 phút nữa, chúng ta sẽ gặp lại nhau trong tư thế sẵn sàng chiến đấu.

11:30 sáng 30 tháng Tư, chúng tôi bắt đầu rút quân với Bộ chỉ huy nhẹ, hai tiểu đoàn Địa Phương Quân, một chi đội thiết giáp V 100, hai trung đội pháo binh hỗn hợp. Đoàn quân nhanh chóng vượt qua cơn mưa pháo của Việt Cộng đang bắn vô tình lỵ, tiến trên quốc lộ trong tinh thần kỷ luật cao nhất trước những con mắt lo âu, e sợ, nửa ngạc nhiên, nửa tò mò của những người dân thị trấn. Xa xa tiếng súng vẫn nổ giòn giữa ta và địch nơi xã Long Đức. Hướng tỉnh lỵ, có những cụm khói bốc cao. Từng loạt hỏa tiễn 107, 122 của những người đi "giải phóng" đang giết hại dân lành vô tội. Tiến tới ngã ba Khánh Hậu, chúng tôi tiếp nhận thêm một tiểu đoàn Biệt Động Quân trước đây thuộc Liên Đoàn 6 tăng cường. Đơn vị mũ nâu này cũng vì cái lệnh đầu hàng quái gở mà dời phòng tuyến. Chính tiểu đoàn đã xin lệnh của tôi bắn bỏ bất kỳ tên Việt Cộng nào bò qua Cầu Kinh.

Từ 15:00 giờ (3 giờ chiều) trở đi chúng tôi chạm súng lẻ tẻ, nhưng mục tiêu chính vẫn là mở đường, và chúng tôi chỉ đuổi dạt quân Cộng Sản để lấy đường tiến quân. Qua ranh quận Bến Tranh, chúng tôi chạm mạnh với một lực lượng Cộng Sản đóng chốt tại đây. Hai cây súng lớn được hạ còng, bắn tan chốt địch, Cộng Quân bỏ chạy tứ tán. Và mãi đến 20:00 (8 giờ tối), đoàn quân mới tới được Ngã Ba Trung Lương ngõ vô Định Tường, định rẽ trái dự trù vượt cầu đúc, thì toán tiền sát báo bị nghẽn, Việt Cộng đã chiếm cầu, ngăn chặn và kiểm soát. Tôi thực sự phân vân, với lực lượng cơ hữu, tôi có

thể chiếm ưu thế, đánh quân Cộng Sản, nhưng tránh sao khỏi hao tổn sinh mạng, xương máu binh lính, trong khi cuộc chiến đã sắp tàn. Trong tay không còn phương tiện yểm trợ, tàn thương. Phía trước địch chặn đứng, phía sau không có đường rút. Long An đã bị tràn ngập, liên lạc vô tuyến, ngoài hệ thống nội bộ, không liên lạc được với Định Tường, và Sư Đoàn 7 Bộ Binh. Trước tình hình bất khả kháng, hoàn toàn bất lợi cho ta. Tôi đành bó tay, không thực hiện được ý định mong ước là tiếp tục chiến đấu, mà phải thở dài ban lệnh rã quân để tiết kiệm xương máu thuộc cấp. Đây là một mệnh lệnh mà trong suốt đời binh nghiệp tôi chưa hề bao giờ ban ra. Tôi vừa ứa nước mắt, vừa vẫn phải giữ giọng nói bình tĩnh trên ống liên hợp để chuyển lệnh. Trong đêm tối, chúng tôi lặng lẽ nhìn nhau không nói, cởi bỏ quân phục, hủy diệt chiến cụ bằng cách đổ cát vô bình sáng các xe quân xa, tháo vứt cơ bả súng lớn, phá hủy bộ máy cò của những súng nhỏ. Đây là những bảo vật đã theo chúng tôi suốt đoạn đường chinh chiến, gần gũi hơn cả vợ con, cha mẹ, để cùng sống, cùng chết, nên khi phải xa rời, ai nấy đều buồn ngủi vì vận nước đến thời suy vong. Giây phút linh thiêng mà tôi nhận được một cách sâu sắc nhất về giá trị của bốn chữ Huỳnh Đề Chi Bình là: Từ nay, mỗi người một nẻo xuôi ngược, biết bao giờ được gặp để cùng nhau ôn lại những ngày đồng cam cộng khổ, vui buồn sống chết bên nhau sau khi giã từ vũ khí?

Viết những giòng này, tôi chỉ muốn cho mọi người, nhất là giới trẻ của thế hệ

đàn em biết được rằng: Trong những giờ phút cuối cùng của cuộc chiến tại Việt Nam, nơi quê hương yêu quý của chúng ta, khi phải chống lại quân Cộng Sản áp đặt sự thống trị vào miền Nam tự do. Quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã chiến đấu vô cùng uy dũng. Đó là một đội quân có tinh thần chiến đấu kiên cường, không thua sút bất cứ đội quân nào trên thế giới. Những chiến thắng không bao giờ phai lạt trong lòng dân tộc như: An Lộc, Quảng Trị, Ba Lòng, Bàu Bàng, Tết Mậu Thân. Kể cả Long Khánh, Long An, Cần Thơ trong những ngày lịch sử. Quân Lực ta đã ôm hận vì bị bó tay, chiến đấu đơn phương không được yểm trợ. Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa thất trận vì sự lãnh đạo của những kẻ tài hèn đức mỏng, tham quyền cố vị, lũng đoạn chính trị, thua trên bàn hội nghị quốc tế, và thua trong cả lòng người. Thay tàu đổi ngựa vừa xong là đầu hàng? Lúc nào tôi cũng xót thương trong dạ, những anh em chiến sĩ, từ người nhân dân tự vệ, cán bộ, cảnh sát, nghĩa quân, Địa Phương Quân trong tỉnh Long An đã cùng một lòng một dạ với tôi, tận lực tận sức chiến đấu để cứu nguy đất nước. Chúng ta đã làm tròn bổn phận của một người dân, người lính trong giờ phút lâm nguy của tổ quốc. Sau nhiều năm tù đầy, tôi đã may mắn được đi đến xứ tự do, trong khi các anh em còn sót lại vẫn còn sống trong nghèo đói, nhục nhằn, và ngậm ngùi vì nước mất nhà tan. Không biết còn bao nhiêu những chiến hữu đang bị kẹt trong cái chế độ được tuyên truyền là "ưu việt" đầy đọa khổ đau. Tôi ghi lại những dòng này cũng là để

nhớ tới các anh, vẫn luôn phải sống trong âm thầm, nghèo đói, và tối tăm dưới ách thống trị của bọn người độc tài, vô nhân đạo, nhưng luôn luôn mượn danh nghĩa "Giải Phóng". Thưa Đại tá, tôi đã ghi lại những dòng nhật ký chân tình, tâm thành và hào hùng bất khuất của Đại tá, một cấp chỉ huy xứng đáng của tôi. Trong dịp này tôi cũng có hai chuyện để thưa cùng Đại tá. Việc thứ nhất là với bao nhiêu công việc bừa bộn, Đại tá đã không bỏ tôi lúc thương tích tại chiến trường. Cho trực thăng nhiều lần vào vùng lửa đạn cứu tôi đem về nhà thương Cộng Hòa. Từ đó, tôi đã cùng gia đình may mắn thoát thân, để lại sau lưng những người bạn, đồng đội của tôi, và cả Đại tá chỉ huy trưởng của tôi, phải chiến đấu cam go, sau đây sa cơ hoặc là mất mạng, hoặc tù đầy cay đắng suốt bao năm. Xin cảm ơn Đại tá cho sự hy sinh cao quý đó. Việc thứ hai là tôi đã làm lẩn, để chút xíu nữa là mất quận Thủ Thừa ngay từ phút đầu, nếu không nhờ những may mắn của những vị linh thiêng của đất nhà phò trợ. Trong một cuộc họp khẩn cấp tại tỉnh. Với đầy đủ tin tình báo là Cộng Sản sẽ chiếm quận Thủ Thừa, cắt quốc lộ số 4, tạo rối loạn Sài Gòn. Đại tá đã đặc biệt tăng cường cho tôi 2 tiểu đoàn Địa Phương Quân, giữ Thủ Thừa. Vì tự tin, vì chủ quan, tôi đã đứng lên phân tích là Cộng Sản nguy tạo tin tức, chúng sẽ lấy Bến Lức, một quận kế Thủ Thừa, sát Bình Chánh Sài Gòn, vì Cầu Bến Lức là cây cầu chiến lược. Chiếm Bến Lức là Sài Gòn sẽ đói, hỗn loạn và thất thủ. Hơn nữa quận Thủ Thừa cách Quốc lộ đến 5 cây số, khó lòng cắt Quốc lộ khi chiếm

được quận. Đại tá đã nghe tôi và cho quận Út của Bến Lức một tiểu đoàn, tiểu đoàn còn lại Đại tá đã cho quân khu ba, để tăng cường lực lượng, chiếm lại quận Tánh Linh. Và tôi đã sai bét, đúng như tin tình báo, đại quân Cộng Sản cấp công trường (sư đoàn) đã khai pháo đánh Thủ Thừa. Và cũng xin cảm ơn Đại tá lần nữa, nhờ hai tiểu đoàn trừ bị của Đại tá, mà tôi đã tạo được chiến thắng lẫy lừng ở Thủ Thừa, cho đến khi tôi bị thương nằm xuống.

Mặt trận Thủ Thừa ngày 08 Tháng 04. (Trích trong “Tôi Là Lính” của Đinh Hùng Cường)

Vừa chiến thắng trận đầu lại bảo toàn được chủ lực, lòng tôi phấn khởi vô cùng. Tin tức bay nhanh không tả. Phóng viên ký giả từ Sài Gòn đổ xuống nườm nượp. Đại tá Phạm Văn, Cục phó Cục Quân Y, cũng xuống ủy lạo thương binh. Quân dân quận nhà chọn rận hần lên trong không khí chiến tranh. Hai tiểu đoàn ĐPQ đổ xuống ngập chợ. Cái quận lỵ nhỏ bé chứa toàn lính là lính. Lầy văn phòng quận làm tâm điểm, một tiểu đoàn cánh trái, một tiểu đoàn cánh phải, lần lượt qua sông dàn quân xuất phát. Từ trên một cái nóc của công sự phòng thủ, tôi đã liên lạc với cả hai cánh quân, trên sáu trăm người lính dàn hàng ngang đã tạo một chiều dài cả cây số. Chưa có lệnh xuất phát, vì khi xã Lợi Bình Nhơn thất thủ, chi khu đã ra lệnh cho Đại úy Hải đại đội biệt lập vượt sông Vàm Cỏ về làm tuyến án ngữ phía cầu Long An để chặn đặc công VC có thể xâm nhập vùng đó phá cầu, đồng thời cũng để dò

xét dọc sông Vàm Cỏ xem VC có ém quân tại đó hay không. Hải chạm súng rất lẻ tẻ chứng tỏ chỉ có du kích quân quấy rối quân ta ở vùng sông Vàm Cỏ mà thôi. Cánh trái của phía cầu Long An đã có quân bạn, hai tiểu đoàn bắt đầu xuất quân. Trời tháng tư, chưa vào mùa cày cấy, đất khô và nứt nẻ, những thửa ruộng bỏ trống đã làm cho quân ta có một xạ trường quan sát rất là xa. Hai cánh quân liên lạc hàng ngang tiến song song. Từ trên lô cốt, tôi theo dõi bằng mắt và giữ liên lạc máy với hai tiểu đoàn trưởng. Quân đi khoảng ba trăm thước thì bắt đầu chạm địch. Điều khủng khiếp nhất là chạm súng trên một tuyến dài cả cây số, hỏa lực của địch đàn áp trận địa, súng nổ rền trời, đạn bay vun vút, xé gió như mưa bão nhắm vào quân bạn. Đạn cày dưới chân tôi như đàn dế rúc. Đủ loại súng mạnh, cối 61, 82 và 131 ly choảng liên hồi về phía bạn. Quân ta chỉ chống trả bằng những vũ khí cá nhân, vì là khu dân chúng nên không thể dùng hỏa lực pháo binh. Trời ạ! Không thể ngờ được! Sau những đợt hỏa lực dững mẫn, cộng quân bắt đầu xung phong và tràn ngập. Chúng ùa lên đen cả cánh đồng trước mặt, nhưng cuộc cận chiến đã không xảy ra, vì trước thế tấn công biển người tàn bạo, hai tiểu đoàn ĐQP đã tháo lui. Chỉ chớp nhoáng là sáu trăm người lính hoảng hồn đâm đầu xuống nước. Hai tiểu đoàn tinh nhuệ đã bị địch áp đảo đến nỗi không còn sức phản công. Điểm may mắn cuối cùng là có con sông thiên nhiên chắn lối, nếu không, sự tháo lui của hai tiểu đoàn đã lôi theo cả sáu chục ngàn dân trong quận,

và Thủ Thừa sẽ thất thủ vào tay cộng quân một cách không ngờ. Tôi đứng như chết sững giữa muôn ngàn lần đạn của quân thù. Sự lâm nguy của hai tiểu đoàn làm tôi quên cả cái chết, nếu không phản ứng kịp thì chỉ trong năm mười phút nữa, cộng quân sẽ tràn đến, chúng sẽ tha hồ xả súng tiêu diệt quân ta đang lo ngại lóp ngóp như những đàn vịt dưới sông. Nhưng niềm may cuối cùng đã đến, cũng là do lòng trời còn thương đến cái mạng quèn của tôi và đám quân dân, thần hoặc, sự linh thiêng của Đức Tiền Quân Nguyễn Huỳnh Đức đã xui khiến ra không chừng. Số là cái rạch Thủ Thừa ăn thông với sông Vàm Cỏ. Tại đây nó bị ảnh hưởng của nước thủy triều, khi lên khi xuống, và nếu gặp nước ròng thì tàu bè xuống thấp, có khi mũi tàu chưa lên cao bằng bờ đất nên vũ khí trên tàu hoàn toàn bất khả dụng khi có nước ròng (thủy triều xuống). Trong lúc này vào đầu tháng âm lịch, thì đặc biệt nước không lên mà cũng không xuống. Nó luôn luôn đầy bờ và giữ nguyên mực nước. Nhờ vậy khi đoàn tàu được che giấu từ cái lạch con ra xung trận. Đại đội trưởng tuần giang nhận lệnh rất rõ ràng, chiếc tàu nào trúng hỏa tiễn bị chìm là bỏ, không tàu nào được dừng lại tiếp cứu tàu nào, phải tiếp tục xạ kích cho đến khi đẩy lui được địch. Mỗi tàu có 6 đại liên, một bên thành tàu là có 3 đại liên, 6 chiếc tàu của tuần giang có 36 khẩu, nhưng chỉ bắn được 18 khẩu đại liên cho một phía, mỗi khẩu súng này có thể bắn 350 phát đạn trong một phút. Đạn được thì ê hề ở trên tàu. Sáu cái tàu há mồm với 18 khẩu đại liên một bên, mỗi phút

có thể nhả gần sáu ngàn viên đạn về phía địch quân, đã di chuyển hàng dọc trên sông và tác xạ rất nhịp nhàng. Đại quân của địch đang hăng tiết xung phong đến điểm chiến thắng, bất ngờ bị hỏa lực quá mạnh của đoàn tuần giang làm chúng gục xuống như sung rụng. Bọn cộng cũng phản ứng rất nhanh, chúng phản công bằng B-40, B-41 và các loại súng cối thi nhau nổ trên sông. B-40, B-41, đại pháo đã rơi và nổ trên sông như mưa bão. May mắn đoàn tàu ở thế di chuyển, nên chưa chiếc nào trúng đạn, nhờ vậy mà hàng rào hỏa lực đã chặn đứng được cuộc xung phong khổng lồ này. Đoàn tàu đã tạo một lưới lửa trên sông, những lần đạn mãnh liệt đã hạ hết cây cối, chướng ngại vật trước mặt, làm cho xạ trường thêm quang đãng. Tình thế đã đổi ngược không ngờ, quân ta đã chuyển bại thành thắng trong chớp nhoáng. Tôi đã quá, cứ đứng ý trên lô cốt quên cả ẩn nấp để tránh cái chết, bốn thầy trò cứ tiếp tục đứng thẳng quan sát, liên lạc và nhìn những tên VC tháo chạy liên tiếp gục ngã bởi những lần đạn bắn đuổi của đoàn tàu. Gần một tiếng đồng hồ sau, hai tiểu đoàn ĐPQ mới ngại được lên mặt đất, tái bố trí và bắt đầu tiến lên để tiếp tục giao tranh với bọn VC. Hai tiếng đồng hồ sau đó, địch bị đẩy lui hoàn toàn. Cảm ơn tất cả những đáng thiêng liêng đã cho bọn CS chọn cuộc tấn công lúc nước thủy triều không xuống thấp, đã cho đoàn tàu không bị sút mẻ. Sáu cái còn nguyên vẹn, để tạo một chiến thắng lấy lừng, cứu được quận, cứu được sáu trăm mạng lính. Địch chẳng còn bao nhiêu đã rút thật xa, không lấy

được xác, chúng chết nằm ngổn ngang đầy cả một cánh đồng. Trận sống mái đã nghiêng phần thắng về quân ta. Quân lính và dân chúng nức lòng lên tinh thần, các nghĩa quân từ các đồn bót bắt đầu làm chỉ điểm cho hai con gà cồ 155 ly pháo kích vào những nơi địch lẫn trốn. Một quả đạn 155 ly nặng 45 ký lô, sức nổ tàn phá và sát hại khoảng 50 thước vuông. Với sự chỉ điểm của các đồn bót, buổi chiều hôm đó ta đã tác xạ trên trăm quả, sự thương vong của địch lên cao đến độ không thể phối kiểm được. Ngày một đã qua đi nhanh chóng, nhờ hồn thiêng sông núi, quân nhà vẫn đứng hiên ngang. Chiến thắng Thủ Thừa đã vang dội cả miền Nam và thế giới (ngưng trích).

Tôi xin ghi lại những sự việc này 40 năm qua, để biết ơn Đại Tá Trần Vĩnh Huyền, cấp chỉ huy anh hùng, không hàng giặc, và cũng để biết ơn tất cả quân, cán chính, và đồng bào Long An đã đồng tâm hiệp lực chống lại quân Cộng Sản, không đầu hàng. Sau cùng xin tưởng niệm những chiến sĩ anh hùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà đã hy sinh mạng sống cho lý tưởng tự do. Cũng ngày này 40 năm trước April 13, 1975, là ngày tôi bị Cộng Sản bắn bể đầu, tàn thương vô Tổng Y Viện Cộng Hoà.

April 13, 2015

Quốc Thái Đinh Hùng Cường



Đinh Hùng Cường & George J. Veith

George J. Veith trong cuốn "Black April" trang 403, 404 & 534 đã viết:

Trích và dịch: ...Sau trận đánh, Tỉnh trưởng Long An đã tăng cường hai tiểu đoàn ĐPQ. Ngày hôm sau, Quận trưởng ra lệnh đoàn tàu nấp sau con lạch nhỏ, trong khi ông dùng ĐPQ truy lùng VC. Khi ĐPQ băng qua cánh đồng khô, bắt thần rụng độ hỏa lực khủng khiếp từ Công Trường 5 Cộng Sản. Lực lượng ĐPQ đã phải tháo lui lại bờ kinh Thủ Thừa, nhưng không còn chỗ để lui và có thể bị tiêu diệt. Quận trưởng đã nhanh chóng phản công bằng đoàn tàu tấn công ẩn nấp phía sau... Cuộc tấn công đã làm cho Cộng Sản trả giá đắt. Cơ quan DAO của Hoa Kỳ báo cáo VC bị giết 122 tên.

- Trang 534, 3 giờ cuối: 25. Đinh Hùng Cường, "The Last Battle, [Tran Danh Cuoi Cung]", KBC #25 (1998), 36. Major Cuong was the Thu Thua district chief until he was wounded in action on 13 April, 1975.

Nguyễn Đức Phương trong cuốn "Chiến Tranh Việt Nam Toàn Tập", trang 790,791,792, đã viết: *Thượng tuần tháng 4-1975, Đài phát thanh và truyền hình tại Sài Gòn ca ngợi chiến thắng Long An (Thủ Thừa) "Chiến thắng Long An và Long Khánh là những nhát búa đập lên đầu bọn chủ bại", mục đích nâng cao tinh thần quân dân. Lê Đức Thọ cũng phải công nhận thất bại tại trận Thủ Thừa, Long An và Xuân Lộc, Long Khánh: "Sau hai lần B2 xin quân thì tôi vào chiến trường gặp lúc hội nghị miền vừa kết thúc. Tôi được nghe anh em báo cáo lại là đã bàn về việc đánh Xuân Lộc. Lúc ấy tôi cũng được biết trước đó, theo chủ trương của Miền, anh em đã đánh Thủ Thừa, đường số 4, nhưng bị thiệt hại nặng nề, không giải quyết được chiến trường? Ngoài ra, còn có bọn địch ngoan cố chống cự như trận đánh vào Đồng Dù (Củ Chi), Nước Trong (Trường Thủ Đức, Trường Thiết Giáp) là các trận đánh ác liệt tại miền Đông, thương vong của ta không phải ít. Do đó tôi mới có ý toan bàn với các đồng chí ngưng đánh Xuân Lộc lại. Nhưng nghe anh (Văn Tiến) Dũng nói, tôi cũng nghĩ có thể mình mới vào chưa rõ hết tình hình; cứ để các đồng chí đánh vậy. Kết cục là anh em ta không đánh được Xuân Lộc, bị thương vong nặng phải rút ra".*

TRĂNG HỘI ANH ĐÀO



Mời về trăng hội cùng Ta
Anh Đào nở cuối tháng ba tuyệt vời.
Tháng tư hoa thắm rạng ngời.
Quanh Hồ Bạch Thủy triệu người hoan ca.

Khung trời hoa mộng đôi ta
Kề vai sánh bước thiết tha ân tình
Không gian lễ hội linh đình,
Cùng triệu du khách đôi mình rong chơi.

Gió Xuân lay động hoa rơi,
Tựa như bông tuyết lưng trời đẹp sao?
Tùng đàn chim én trên cao,
Lượn bay, sải cánh tung vào rừng hoa.

Trời xanh, mây trắng thướt tha.
Dòng người trăng hội bao la dạt dào.
Nắng vàng tô thắm Anh Đào
Đất trời Xuân đẹp khác nào Thiên thai.

Nhớ Saigon với Hoa Mai,
Đường hoa Nguyễn Huệ chờ ai, ai chờ?
Nhớ Xuân Hà-Nội xa mờ,
Nhật-Tân Đào thắm bây giờ ra sao?

Nhớ Xuân xưa biết là bao,
Tình quê chất ngất nao nao mơ màng.
Tay trong tay nắm bên nàng,
Tình Xuân phơi phới thiên đường ngất ngây

Đời Ta phiêu bạt như mây
Khi tan lúc hợp đó đây ai ngờ?
Thời gian đâu có đợi chờ,
Chiều về đêm xuống, đèn mờ sao sa.

Một ngày Xuân đẹp đã qua,
Người về chốn cũ để ta một mình.
Chia tay lưu luyến bóng hình,
Cám ơn người với chân tình thiết tha.

Thái Hưng/PGH

LỖI HẸN

**** Phong Thu ****

Sau mười hai năm chờ đợi và nuôi dưỡng chồng học tập cải tạo, mẹ Hân đã nhận được giấy báo tử của chồng. Mọi niềm hy vọng của gia đình bỗng chốc tan vỡ. Mẹ nàng khóc ngất, và từ đó nàng không bao giờ còn thấy nụ cười nở trên môi mẹ. Khi nghe phong phanh gia đình Hân làm giấy đi Mỹ, những người hàng xóm xúm nhau cười.

Có người cho rằng gia đình Hân đang mơ chuyện lên cung trăng. Có nghĩa mĩa mai gia đình Hân sẽ được đi “Mỹ Tho”, có người còn cá độ với nhau nếu gia đình nàng đi Mỹ họ sẽ mất một triệu đồng. Hân chỉ im lặng cười và không nói gì. Miệng đời mà. Khi người ta nhìn kẻ khác không thân thể, không tiền bạc thì kẻ đó mãi mãi không bao giờ dám mơ ước điều gì tốt cho mình. Giấy tờ gia đình chạy rất nhanh. Chỉ trong vòng một năm, gia đình Hân đã rời khỏi Việt Nam không một chút nuối tiếc và buồn. Ngày đó, lòng Hân lạnh giá và tâm tư trống rỗng đến nỗi mọi cảm xúc xơ cứng, chán chường. Mẹ nàng khóc trên sân bay. Em gái nàng nhỏ lệ, còn nàng trở ra như một tảng băng. Quê hương mà nàng yêu dấu không còn là chốn bình yên và đã giết chết cảm xúc, mơ ước đầu đời và niềm yêu thương mà nàng nung nấu trong tim suốt bao năm. Chỉ có vài người bạn tiễn đưa nàng đi trong đó có Trương Nhật Nam. Người bạn trai duy nhất và nhóm “Tứ Quái”. Nhưng nhóm Tứ Quái đã vắng mặt

Thủy vì Thủy đã rời Việt Nam trước Hân một tuần. Nàng biết Thủy giận vì nàng không đưa Thủy ra sân bay. Suốt nhiều năm sau đó, nàng tìm mọi cách liên lạc Thủy mà không được. Thư gửi đi không một dòng hồi âm. Con nhỏ hờn mát, giận dai như đĩa. Nhưng cuối cùng, Thủy cũng nhớ tình xưa nghĩa cũ mà tha thứ cho nàng.

Trong nhóm Tứ Quái, Thủy là con nhỏ bạn hiền, biết điều và tốt bụng nhất. Nó sống đơn giản, nhút nhát như chính vóc dáng tươi mát và nụ cười vô tư nở trên khuôn mặt đầy đặn. Còn cái đám kia thì phá phách xí xọn không ai chịu nổi. Tất cả các nàng đã lần lượt lên “xe bông”. Riêng Thủy thì vẫn phò không chiếc bóng. Thủy gửi thư với những dòng tâm sự thật cô đơn và buồn. Ngày xưa vì muốn rời khỏi Việt Nam nên Thủy không dám yêu ai. Khi sang Úc, tuổi đã ngoài ba mươi, cộng thêm cái tính nhút nhát nên Thủy vẫn sống cô đơn. Năm vừa qua, Thủy có báo tin cho Hân biết rằng Thủy quen với một người. Anh ta học chung trường tại Việt Nam và đang sống tại California. Hân hỏi thăm nhiều lần về người bạn trai của Thủy. Nhưng cô nàng không nói và hẹn ngày sang Mỹ thăm nàng và sẽ cho nàng biết. Ngày đó đã đến...

Sáng nay, Hân ra sân bay đón Thủy. Sân bay rất đông người. Tiếng người gọi nhau í ới, tiếng loa phóng thanh hòa lẫn tiếng động cơ của xe cộ và tiếng máy bay cất cánh. Hân vừa bước đến nơi nhận hành lý đã thấy Thủy đang

đứng chờ. Hân hấp tấp chạy lại gọi bạn:
“Xin lỗi nhà người ta đến trễ.”
“Không sao. Ta chờ có dài cổ cũng được.”
“Đưa vali đây ta xách cho.”
“Ta xách được mà. Bộ mi tưởng ta ốm yếu lắm sao.”
Thủy nheo mắt cười tinh nghịch. Hân phì cười vì cả hai tuổi đã trên bốn mươi mà còn mầy-tao như thuở còn đi học. Thủy vẫn trẻ trung, hồn nhiên và vô tư như ngày xưa. Hân đưa bạn ra xe. Vừa lái xe vừa trêu chọc:
“Chà! Nhờ có chàng mà ta gặp lại bạn hiền. Không biết cái anh chàng mặt mũi ra sao mà làm cho mi phải lặn lội sang đây đến nửa vòng trái đất.”
Thủy nhìn Hân cười ý nhị:
“Mi có nghĩ rằng chàng ta có quen biết với bọn mình không?”
Hân nhíu mày hỏi:
“Nhưng là ai mới được?”
“Về nhà ta sẽ kể cho mi nghe.”
Hân vừa mở cửa là đã thấy hai nhóc tí của nàng chạy ào đến ôm chân nàng và reo lên:
“Mẹ về rồi. Mẹ ời con nhớ mẹ lắm”.
Hân cúi xuống hôn lên má hai con và ẵm bé Nga lên:
“Xạo quá. Mẹ đi có hai tiếng đồng hồ mà nhớ mẹ. Hai con chào dì Thủy đi.”
“Hai con chào dì mới đến chơi.” – Hai đứa lễ phép chào hỏi.
Thủy nhìn hai đứa bé như hai búp hoa trắng tươi, xinh xắn, dễ yêu khiến Thủy buột miệng khen:
“Hai con ngoan quá! Dì có chút quà cho hai con đây.”
Thủy đặt vali xuống nền nhà và lấy quà trao cho hai đứa. Bé Tiên và Nga mở to

đôi mắt hau háu nhìn. Khi đã nhận quà thì ôm hôn Thủy và biến mất. Thủy nhìn theo chúng cười vui vẻ.
“Trời ời! Trong đám ‘Tứ Quái’ mi là đứa hạnh phúc nhất. Cứ nhìn hai đứa đẹp như búp hoa đã mê rồi. À! Còn ông xã của mi đâu. Cho ta diện kiến dung nhan của chàng coi.”
“Anh ấy đi công tác rồi. Tuần sau mới về. Ta phải nhờ dì Tâm đến để giúp đỡ trông nom hai đứa khi ta vắng nhà.”
“Mi thật hạnh phúc. Ta ghen với mi đó nhỏ ời!”
“Làm sao mình biết được ngày mai. Ngày xưa, khi còn ở Việt Nam, ta nghĩ đời mình sẽ chôn vùi trong bóng đêm của chế độ cộng sản. Tất cả bạn bè sau khi ra trường đã bỏ nước ra đi. Thầy Quang dạy Vật Lý và thầy Khánh dạy Toán đã vượt biên. Cô Đào dạy Hoá Học cũng bỏ chồng sau khi đám cưới vừa tròn một năm. Sau đó, thầy Chánh cũng ở tù vì vượt biên. Còn thầy Chu An dạy Văn thì nghèo ời là nghèo. Hàng ngày, thầy đạp xe từ Sài Gòn về Bình Dương dạy học và còn chở đàn sau mấy chục ký khí đá để bán kiếm tiền sống qua ngày. Cuộc sống của thầy cô tan tác lắm nhỏ ời!”
“Ta cũng biết tất cả những chuyện xảy ra sau khi chúng mình ra trường. Ta với mi đã bay sang Tây. Nhỏ Ngân thì có chồng giàu nhưng nghe nói thằng chồng bây trở què nên keo kiệt và tính với vợ con từng đồng. Nhỏ Ngân khóc hoài.” – Giọng Thủy lúc vui, lúc buồn khi kể chuyện thầy cô, bạn bè – “Nhỏ Lan bây giờ làm bé cho thằng kiểm lâm. Nghe nói hần làm ra khối tiền nên nhậu nhẹt say sưa và xài tiền như

nước. Nhỏ Lan ôm hai đứa con và thỉnh thoảng hẳn mới về thăm.”

Thủy có vẻ buồn trong giây lát rồi cô nàng cũng vui trở lại. Hân nhắc khéo: “Còn người tình không chân dung của mi thì sao?”

“Ta cũng không biết mặt. Chỉ quen nhau trên website. Bây giờ, người ta yêu nhau trên không gian ảo. Hẹn nhau trên đó và yêu nhau trên đó. Nhiều người cũng cưới nhau trên liên mạng luôn.”

“Sao mi biết anh ta học chung trường với tụi mình?”

“Anh chàng viết email và kể chuyện xưa. Anh chàng nhắc đến Sài Gòn, chợ Bến Thành, bến Chương Dương, cư xá Thanh Đa, đại lộ Lê Lợi, Ngã Sáu Cộng Hòa... làm ta chú ý. Chàng biết làm thơ và có thơ đăng báo. Ta thích thơ anh chàng và cũng mơ một lần gặp mặt. Ta được giấy mời tham dự ngày ra mắt tập thơ “Tình Như Mây Khói” của chàng tại Thủ đô Washington D.C. Do đó, ta mới bay sang đây và cũng có dịp thăm mi.”

“Chà ghê quá hén. Mi làm tim ta cũng rộn ràng vui. Vậy thì mấy giờ chương trình bắt đầu.”

“2:30 chiều tại Virginia.”

oOo

Hội trường chật ních người. Cả hai đến muộn nên phải đứng bên cửa ra vào. Sau nghi lễ chào cờ và phút mặc niệm, giáo sư Hoàng Hà lên giới thiệu tác phẩm và tác giả. Nhà thơ Nguyễn Lê xuất hiện trong bộ vest màu xám tro. Mái tóc cắt ngắn, khuôn mặt điềm đạm được bao phủ bởi cặp kính trắng. Tim

Hân xao động và đập liên hồi khi nghe tiếng chàng cất lên trong máy ghi âm: “Kính thưa giáo sư Hoàng Hà và tất cả Ban Tổ Chức và quý quan khách đến tham dự buổi ra mắt sách hôm nay. Tôi chân thành cảm tạ sự giúp đỡ và quan tâm của quý vị. Tập thơ “Tình Như Mây Khói” ra đời sau mười lăm năm miệt mài sáng tác. Nó gom lại bao nhiêu suy tư, thăng trầm của một kiếp người. Nó là trái tim thổn thức của kiếp sống lưu vong. Và tình yêu quê hương gói trọn trong những vần thơ dành cho quê mẹ, cho người thân, bạn bè và cho người tôi yêu...”

Thủy bấu vào tay Hân nói nhỏ: “Trời đất ơi! Hoá ra là Nam. Anh ta chính là nhà thơ Nguyễn Lê.”

Hân nhìn như không còn nghe Thủy đang nói những gì với nàng. Hân đang bị cuốn hút bởi những lời thơ quen thuộc:

CHIA LY
*Người ời tình đã chia phôi
 Hẹn thề chi nữa như dòng nước trôi
 Hồn tôi chết lặng đơn côi
 Úa tàn như chiếc lá rơi cuối mùa
 Tình yêu như ngọn gió đùa
 Mang theo giọt đắng, giọt thương cuối trời
 Về đâu cánh nhạn mùa khơi
 Nhớ thương rồi cũng chôn vùi cõi mơ
 Xa nhau đã mấy mùa mưa
 Khó thương cho mối tình xưa lỡ làng
 Chiều nay ngắm ánh hoàng hôn
 Nhớ người tri kỷ nỗi buồn xót xa.*

Hân cúi mặt bước vội ra ngoài. Thủy chạy theo nắm tay nàng hỏi:

“Thơ anh ấy buồn quá nhỏ ời! Hình như anh ta làm thơ cho mi. Làm sao ta quên được ngày xưa Nam đã một thời yêu mi...”

Hân thản thờ không đáp. Ngày xưa yêu dấu của một thời cấp sách đến trường, một thời mộng mị với mối tình đầu tiên trong sáng, thánh thiện như pha lê. Hình ảnh xưa vụt hiện về trong tâm trí Hân... Nhóm Tứ-Quái gồm có Hân, Thủy, Kim Loan và Bích Ngọc. Hân là trưởng ban văn nghệ lớp 12D. Nhóm Tứ Quái nổi tiếng khắp trường sau khi đoạt giải nhất trong đêm hội diễn văn nghệ Tết Niên.

Nhóm Ngũ-Quỷ ở lớp 12C lần này đứng hạng nhì. Cả nhóm tức lắm nên mỗi lần thấy nhóm Hân đi ngang lớp là tha hồ trêu chọc. Tên Lộc-Lác cứ eo éo hát “*Yêu em không biết để đâu. Để trong túi áo lâu lâu anh dòm.*” Tên Lương (mà nhóm Hân gọi là Bất Lương) còn ác ôn hơn. Hắn la lên cho cả lớp nghe “*Yêu em chẳng biết để đâu. Để trong cặp táp lâu lâu anh rờ.*” Nhỏ Kim Loan nhanh mồm nhất trả đũa:

“Ê! Ắn nói cho đảng hoàng đó nghe.”

Tên Tuấn chỏ miệng vô cãi:

“Nói vậy có gì không đảng hoàng. Nói nghe thử coi?”

“Làm cao quá đi. Tưởng mình là hoa khôi ấy.” – Tiếng của tên Lâm đệm vô. “Hoa hồng có gai đã đành. Hoa giấy mà đòi có gai.” – Giọng nói chua như dấm của Hưng-Lùn làm cho cả nhóm đứng lại.

Nhỏ Ngọc tức lắm. Đôi mắt cô nàng liếc có đuôi. Nhỏ cất giọng chanh chua: “Bộ người ta là đồ chơi hay sao mà đòi bỏ túi. Còn đòi rờ nữa chứ. Ê! Mấy tên

nhóc tí kia. Tụi này có là hoa gì cũng được. Nhưng mấy cái bản mặt của mấy người hồng ai thèm. Hứ!” – Cô nàng hứ nghe cái “cốc”.

“Còn đòi bỏ vô cặp táp rờ chơi nữa. Cà chớn quá.” - Thu Thủy luôn ngậm bồ hòn mà hôm đó cũng lên tiếng. Hân biết chiến tranh mồm có vẻ căng thẳng nên xoa dịu:

“Thôi bỏ đi tụi bây. Gây sự với họ không ích lợi chi. Học chung trường, có chung một thầy đi ra, đi vô thấy mặt nên cư xử với nhau cho tốt đẹp.”

Loan còn ấm ức:

“Mi có nghe mấy tên đó ăn nói vô duyên không chứ. Bất lịch sự như vậy ai chịu nổi.”

Ngày đó Trương Nhật Nam là lớp trưởng lớp 12C. Nam nghe ồn ào nên từ trong lớp bước ra. Nam biết bạn bè chọc giận mấy “Quái-Nữ” nên kéo cả nhóm vào trong nói nhỏ và vội vàng xin lỗi:

“Các bạn đừng giận. Tại các bạn tôi hơi phá một chút chứ không có ác ý gì đâu.”

“Tôi cũng nghĩ vậy.” – Hân cũng đỡ lời và giải hoà – “Từ nay gặp nhau cứ xem như bạn. Đừng có chọc ghẹo tùm lum làm rách lòng nhau.”

Mấy cái miệng con trai dẻo quẹo đồng thanh la lên:

“Xin lỗi các cô. Xin lỗi.” – Lộc-Lác bối rối

“Bỏ qua đi nhé! Chúng ta hoà bình là tốt.” – Lương năn nỉ.

“Không có chi.” Nhỏ Ngọc cười mím chỉ cọp nhưng mắt thì liếc xéo đám “Ngũ-Quỷ” dài mấy cây số.

Gần cuối năm, tất cả học sinh lớp 12 bận rộn thi ra trường. Hân vui đầu vào

bài vở và bỏ ngoài tai lời thì thầm của bạn bè. Nhỏ Loan vào giờ học viết vào tờ giấy nhỏ, cuộn tròn quăng sang bàn Hân. Hân lấy chân gấp lên và lén thầy mở ra xem: “*Tên Nam lớp 12C trông cây si mi rồi Hân ơi! Mi nghĩ sao?*” – Hân viết ngoặc ngoạch cho nó mấy chữ “*Mi là đứa ngớ ngẩn. Đừng có tưởng tượng quá!*” Một lúc sau, Hân lại lượm được một mảnh giấy của nhỏ Ngọc quăng dưới gầm bàn: “*Tao thấy ngày nào Nam cũng đứng trước cổng trường, dưới hàng cây phượng vĩ để nhìn trộm mi. Đừng có giả bộ ngây thơ cù nằng ơi!*”. Nhỏ Thủy thì lí lắc hơn viết lên miếng giấy mấy chữ đẩy sang bàn Hân “*Nam yêu Hân lắm! Nam muốn thành cái đuôi chuột của Hân. Nàng ơi là nàng ơi!...*” Có ngày các nàng viết tên Nam thật to rồi cột sau vạt áo của Hân làm trò cười cho cả lớp. Hân chỉ còn biết cười trừ. Đúng là “nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò.” Có hôm các thầy bắt gặp chỉ lắc đầu cười hết ý kiến luôn.

Những ngày thi toán bắt đầu. Hân học toán không giỏi lắm nên rất lo lắng. Một vài bài toán nhà trường cho thi thử đã làm nàng bối rối. Khi bài phát ra, nàng rất buồn vì nhiều bài toán nàng đáp số sai. Ngay cả những bạn giỏi nhất cũng không tìm ra đáp số. Cuối tuần, lúc ra chơi, Hân đi mua nước chanh ở quán cô Lý thì gặp Nam đứng ở cầu thang. Nam chào nàng và hỏi rất tự nhiên:

“Hân có giải được mấy bài toán đại số không? Nghe nói khó lắm!”

“Thật lòng Hân cũng không biết giải những bài toán đó. Kiểu này có thể sẽ rớt tốt nghiệp.” – Hân thành thật đáp.

Nam chia cho Hân một tờ giấy học trò có ghi chép những công thức toán học chẳng chịt và giải thích rõ ràng. Cuối cùng Nam khuyến khích:

“Nếu Hân không hiểu gì cứ hỏi tôi. Tôi là dân học toán nên dĩ nhiên là hiểu con số hơn Hân.”

“Cảm ơn Nam.”

Khi nàng vào lớp thì cả đám con gái vây quanh chọc ghẹo “*Yêu là chết trong lòng một ít*”, “*Yêu là khổ mà không yêu là lỗi*.” Con nhỏ Loan bắt đầu ca bài ca con cá: “*Từ thuở nào ta đã yêu em. Con tim anh rung lên bồi hồi. Ta yêu em đam mê một đời. Mỗi chiều về nhìn lá rụng rơi... Từ thuở nào em nói yêu tôi. Một vùng trời mơ ước chưa vơi. Người yêu ơi tình ta đã xa rồi. Ngày chia ly sao bỗng ngậm ngùi. Một thời yêu thương, một thời áo trắng. Nắng sân trường đâu rồi cánh phượng năm xưa...*”

Hân mặt với đám “Quái Nữ” và chỉ còn lắc đầu cười trừ.

Cuối cùng, cả nhóm cũng qua cửa ải của mười hai năm đèn sách. Thủy mở tiệc ăn mừng và có mời cả Nam. Nam dẫn theo nhóm “Ngũ-Quỷ” đến chơi. Đêm đó, tiệc tàn và Hân ra về thì Nam đi theo sau.

“Chúc mừng Hân tốt nghiệp.”

“Hân cũng chúc mừng Nam. Cảm ơn đã giúp Hân.” – Hân lúng túng đáp

“Hân có định thi vào Đại học không?”

“Hân cũng mơ như vậy nhưng lý lịch gia đình không được nhà trường phê duyệt. Hân không thể tiếp tục đầu Nam. Ba Hân đi học tập cải tạo không biết bao giờ được thả về” – Giọng Hân buồn vơi vơi.

“Ba Hân sẽ về trong thời gian tới.”

“Hân không còn tin và hy vọng gì nữa.”

– Hân lắc đầu nhìn Nam

“Tôi xin phép được đưa Hân về đêm nay.”

“Cảm ơn Nam.”

Khi gần đến nhà, Hân từ biệt Nam.

Nàng nghe chàng nhắc khẽ:

“Đừng quên tôi nhé Hân.”

Nàng đã đi xa. Nhưng khi nàng nhìn lại vẫn thấy Nam đứng ở góc phố nhìn theo. Vóc dáng thư sinh của Nam in xuống mặt đường.

Mấy năm sau, nhóm “Ngũ-Quỷ” đã vượt biên đi hết. Chỉ còn lại một mình Nam. Nam tốt nghiệp Đại Học Tổng Hợp và làm phóng viên cho một tờ báo tại Sài Gòn.

Khi gặp lại Nam, Hân có hỏi vì sao chàng còn ở lại Việt Nam. Chàng chỉ cười và trả lời rằng khi nào Hân đi thì Nam sẽ đi. Nam đến thăm Hân thường xuyên hơn. Mỗi khi chàng đi công tác xa trở về, chàng thường tặng cho nàng những giò phong lan rừng và những bài thơ chàng sáng tác.

Một buổi chiều mưa, Nam mời nàng đi uống nước ở quán Diễm và chàng đã tỏ tình:

“Hân à! Có phải Hân vô tình với tôi không?” – Thấy nàng im lặng Nam tiếp – “Hân không bao giờ nghĩ rằng tôi yêu Hân từ khi còn học lớp mười hai sao?”

Nàng gật đầu:

“Hân biết nhưng Hân không hình dung được là mình sống ở đây có hạnh phúc không? Khổ quá làm sao còn nghĩ tới yêu?”

“Hân muốn ra đi?”

“Vâng. Nhưng không phải bằng con đường vượt biên.”

“Nếu không vì Hân tôi đã đi từ lâu.”

“Anh nên ra đi như các bạn của anh. Đừng ở đây.”

“Tôi muốn chờ Hân.”

“Đừng sống cho Hân và vì Hân. Hãy lo cho bản thân anh trước.”

Nam thần thờ nắm tay nàng.

Ngày tháng qua mau, Nam và Hân càng ngày càng quấn quít bên nhau. Và cuối cùng gia đình nàng đã có giấy xuất cảnh. Nam đau đớn chia tay và chỉ nói lời từ biệt:

“Nam sẽ đi tìm Hân. Chờ Nam nhé Hân. Anh yêu em.”

Nam hôn lên má nàng. Hân cứ để mặc cho dòng lệ tuôn rơi....

oOo

Tiếng chuông cửa reo inh ỏi. Hân từ lầu chạy xuống, mái tóc nàng mới gội xong còn ướt chưa kịp chải. Hân mở cửa và sững sờ nhìn người khách không mời mà đến. Chiếc lược chải tóc rơi trên sàn nhà. Mắt người đàn ông mở to, ngớ ngàng qua cặp kính trắng. Hân cổ trắn tỉnh hỏi:

“Ông đi tìm ai?”

“Thưa bà, tôi muốn tìm cô Thủy. Cô ấy từ Úc sang có cho tôi biết cô đang ở trọ nhà người bạn nên tôi đến thăm.”

“Mời ông vào nhà.”

Khi khách đã ngồi, Hân vội vã lấy nước mời và nói:

“Tôi đã đến xem buổi ra mắt sách của ông. Thật là thành công. Thủy có nói về ông cho tôi biết. Thật hân hạnh được làm quen với ông. Ông có cần tôi gọi Thủy không? Cô ấy vừa mới đi ra ngoài công viên.”

Hân nói huyền thuyên, nhưng Nguyên Lê vẫn chưa trả lời nàng. Chàng chưa hết bàng hoàng vì người phụ nữ trước

mặt chàng là người con gái mà chàng mãi đi tìm. Nàng đã thay đổi quá nhiều nhưng đôi mắt người xưa vẫn gọi lại trong hồn chàng một thông điệp, dấu vết của bao yêu thương triu mến. Hân vẫn chưa trấn tĩnh khi thấy người đàn ông nhìn mình trân trối. Nàng lại hỏi:

“Ông có cần tôi gọi Thủy về không?”

Chàng vẫn không trả lời câu hỏi của nàng. Chàng hỏi:

“Có phải Hân đó không? Sao Hân không nhận ra tôi.”

Nước mắt Hân trào ra khi nghe lời trách móc của chàng. Hân run giọng nói:

“Vâng, tôi là Hân. Ông vẫn còn nhớ đến tôi sao? Mười lăm năm trôi qua rồi. Tôi nhận ra ông trong buổi ra mắt sách nhưng tôi không dám nhìn. Dù sao, ông cũng là một nhà thơ tên tuổi.”

Nam buồn rầu nói:

“Nhà thơ thì có gì ghê gớm đâu. Đầu phải cứ làm thơ là trở thành vĩ nhân, thiên tài. Tôi buồn nên phải làm thơ giải sầu đó thôi.”

Hân nói như phân trần:

“Hân mất liên lạc với Nam từ khi bị một cơn lốc ở tiểu bang Texas. Nhà cửa sụp đổ, gia đình Hân đã chết hết, chỉ còn một mình Hân sống sót. Tuân, chồng Hân đã cứu Hân trong những ngày Hân bơ vơ, tro trọi một mình. Mọi thư từ liên lạc với Nam đã gián đoạn. Hân có tìm cách hỏi thăm bạn bè nhưng họ nói Nam đã vượt biên và chết trên biển.”

Nam nói:

“Thật đau buồn. Tôi xin chia buồn cùng Hân. Khi Hân đi độ một năm, tôi buồn không chịu nổi nên đã vượt biên. Con tàu lênh đênh trên biển gần một tháng

vì lạc hướng. Tôi bất tỉnh tưởng mình đã chết trên đại dương. May có tàu của Phi đi ngang và cứu vào bờ. Tôi sống trên đảo gần bốn năm trước khi được Mỹ nhận cho tị nạn.”

Giọng chàng nghẹn ngào. Hân nhận ra những giọt lệ đang rơi trên má chàng. Chàng quay đi và lau nhanh. Bao nhiêu năm chàng chờ đợi, khao khát, nhưng nhớ đi tìm nàng. Giờ nàng đã yên bề gia thất. Mười lăm năm đi tìm nàng giờ gặp lại bề bàng, chua xót. Người xưa đây, nhưng tình yêu đã mong manh đứt đoạn.

Hân im lặng nhìn Nam. Tâm trạng nàng cũng xót xa khi biết mình là người đã phụ tình chàng. Con sóng tình yêu với nỗi chờ mong khắc khoải từng ngày đã dịu xuống từ lâu. Nàng không còn nhớ thương Nam như những ngày tháng đầu tiên xa nhau. Sau khi có chồng và có con, Hân chỉ còn lo cho con và yêu thương kính trọng chồng. Người đã cứu nàng thoát chết trong cơn bão dữ. Chồng nàng đã nâng đỡ cuộc sống khó khăn của nàng trong những ngày bơ vơ trên xứ lạ quê người. Giờ gặp lại Nam, trong tim Hân chỉ còn là những kỷ niệm đẹp cần gìn giữ, trân trọng. Hân phá tan sự im lặng:

“Nam qua Mỹ vào năm nào.”

“Năm 1995. Như một sự may mắn. Chồng Hân và các con đều rồi. Nam muốn chào anh ấy. Còn Thủy nữa.”

“Anh ấy đi công tác xa chưa về. Còn Thủy đã đưa hai cháu ra công viên rồi. Nam làm thơ buồn quá.”

“Buồn nên thơ phải buồn. Thơ bây giờ không ai muốn đọc và bán cũng chẳng ai mua. Tôi ra mắt tập thơ để hy vọng

tìm lại người xưa. Thơ chỉ làm dáng cho đời.”

“Hân vẫn còn thích đọc thơ của Nam.”

“Vì Hân hiểu về Nam. Thế thôi.”

Đôi mắt Nam vẫn nhìn nàng nồng ấm. Hân cố gắng lẩn tránh cái nhìn hút hồn của Nam. Chẳng biết nàng bối rối nên đứng dậy nhìn ra ngoài sân. Nắng rắc những tia sáng cuối cùng trên hàng cây thông cao ngất. Trên nhánh dogwood, một đôi chim có bộ lông xám, cái ức và cái đuôi màu đỏ óng ả đang đứng rỉ lông cho nhau. Nam chợt buồn cho mối tình lỡ làng, ngang trái của mình. Làm sao níu kéo lại quá khứ để được nâng niu, yêu thương. Người xưa ơi! Em đã sang ngang và sống trong hạnh phúc. Ta không thể trách nàng. Ta xa quá! Xa cả không gian và cả thời gian. Ta đã giúp gì cho người con gái bất hạnh và yếu đuối này. Chỉ còn biết ngậm ngùi thương cho mối tình tan vỡ. Nam tự an ủi mình và cuối cùng chàng nói:

“Biết Hân hạnh phúc là Nam mừng lắm rồi. Chúng ta gặp được nhau xem như nguyện ước của Nam đã thành sự thật. Hân đừng bận tâm nữa.”

“Hân không yên tâm khi Nam chưa lập gia đình. Có phải vì Hân không?”

“Không phải vì Hân đâu. Đừng tự trách mình. Vì hoàn cảnh, số phận. Nếu quê hương mình không có chiến tranh. Cộng sản đừng nuôi dưỡng lòng thù hận, và làm những điều tồi tệ thì Hân đâu có bỏ nước ra đi. Có thể mình đã được sống bên nhau. Sinh ra những đứa con xinh đẹp và chúng mình thật sự hạnh phúc phải không?”

Cánh cửa chợt mở rộng. Thủy và hai con của Hân chạy ào vào. Chúng bi bô khoe:

“Mẹ ơi! Con chơi cầu tuột vui quá!”

“Con có bạn mới nữa nè!”

Hân hôn hai con và chỉ Nam:

“Hai con chào bác Nam rồi đi vào trong chơi đi.”

Hai đứa lễ phép cúi chào rồi biến mất.

Nam khen:

“Hai cháu đẹp quá.”

Hân nắm tay Thủy kéo xuống ngồi gần Nam và nói:

“Nam có nhận ra Thủy không?”

Nam cười và gật đầu:

“Khi đọc email, Nam chỉ biết là người học chung trường. Nhưng không biết rõ là ai. Bây giờ thì nhận ra Thủy thì Nam càng quý mến. Thật bất ngờ nhưng cũng thật vui.”

Đôi má Thủy đỏ bừng. Thủy nhìn Nam rồi nhìn Hân nói:

“Khi đọc email của nhà thơ Nguyễn Lê, Thủy không thể hình dung ra anh là ai. Thủy không biết rằng anh chính là Trương Nhật Nam. Thủy ngạc nhiên và vui mừng lắm. Vì từ lâu chúng ta không gặp lại nhau. Mỗi người một cảnh làm sao có dịp để tương phùng.”

“Hân không giận tôi phải không?” – Nam hỏi Thủy.

“Tại sao lại giận?”

“Những cái email trên mạng.”

“Nó làm tôi lãng mạn một chút khi nghĩ về “một người tình không chân dung”. Phải chi tôi hỏi hình của anh và nhận ra anh sớm một chút. Còn bây giờ...thật khó nghĩ...”

Hân hỏi Thủy:

“Có gì khó nghĩ đâu Thủy. Trai chưa vợ, gái chưa chồng thì đâu có gì trở ngại.”

Thủy thành thật đáp:

“Trái tim Nam không bao giờ thuộc về ta. Nam đến đây vì tò mò thôi...”
Nam khéo léo lái sang chuyện khác:
“Bao giờ Thủy trở về Úc?”
“Thứ Sáu này.”
“Nếu không có gì trở ngại, tôi sẽ đến đưa Thủy ra sân bay. Tôi sẽ liên lạc với Thủy sau nhé!” – Nam nhìn đồng hồ rồi từ biệt – “Tôi phải về vì tối nay có hẹn với vài người bạn.”
Khi Nam đã đi. Thủy vẫn còn đứng bên cửa sổ nhìn theo. Thủy không biết vui hay buồn trước hoàn cảnh trở trêu này. Thủy quen nhà thơ Nguyên Lê trên liên mạng. Cả hai cách nhau cả đại dương và Thủy mong ngày gặp được người trong mộng. Nhưng mộng của nàng đã theo gió bay đi. Nguyên Lê chính là Nam. Người thanh niên thông minh, điển trai là thủ khoa của trường Hoàng Hoa Sài Gòn. Người một thời làm điên đảo bao trái tim của những người con gái cùng trường và cũng là người yêu Hân say đắm. Từ khi mới lớn đến nay, Thủy chưa hề yêu ai. Nàng nhút nhát và ít giao tiếp nên cuộc sống khép kín trong công sở và gia đình. Rồi bạn bè hướng dẫn nàng phiêu lưu trên internet để tìm bạn bốn phương. Email gửi đi trao đổi với nhiều người và cuối cùng Thủy chọn Nguyên Lê. Chàng gửi cho nàng nhiều bài thơ đã được cái website đăng tải khắp thế giới. Những bài thơ mà Thủy nghĩ rằng chàng tỏ tình, và tâm sự. Thủy yêu nhà thơ Nguyên Lê qua trí tưởng tượng, và dặt cho mình một giấc mộng yêu thương. Giờ đây, người đàn ông trong mộng của nàng lại chính là người yêu cũ của Hân. Nam vẫn còn yêu Hân. Nam có còn muốn liên lạc với nàng nữa hay không hay từ

đây chấm dứt. Người ta nói “tình cũ không rủ cũng đến”, gặp nhau làm chi cho bẽ bàng. Thà Thủy đừng đến Hoa Kỳ tham dự ngày ra mắt sách của Nam để Thủy không đau xót khi biết rõ sự thật. Bàn tay Hân đặt lên vai Thủy vỗ về:
“Thủy đang suy nghĩ nhiều lắm phải không?”
Thủy bối rối quay mặt đi không nhìn Hân. Hân xoay người Thủy lại và ôm chầm lấy bạn:
“Thủy à! Đừng giấu Hân. Chúng mình làm bạn nhau trên ba mươi năm. Hân hiểu và thương Thủy như ruột thịt. Hân biết Thủy đang phân vân.”
Mắt Thủy ngân ngấn những giọt lệ:
“Thủy cảm ơn Hân. Nhưng Thủy không thể...”
“Không thể yêu Nam phải không? Khờ quá đi. Hân bây giờ đã có chồng. Hân mong ước Thủy thay Hân chăm sóc cho Nam. Đó là cách Thủy giúp Hân giải tỏa được nỗi lo lắng.”
“Nam vẫn còn yêu Hân. Thủy biết rõ như vậy. Nếu Thủy đến với Nam chắc gì Thủy có thể lấp đầy tình yêu trong trái tim Nam.”
Hân vuốt ve vai bạn:
“Thủy không bao giờ tự tin về mình nên mãi mãi sẽ sống cô đơn. Thủy không xinh đẹp nhưng duyên dáng, giỏi, có trái tim bằng vàng. Người đàn ông mê sắc đẹp một thời gian thôi. Cái họ cần là tư cách, đức hạnh. Thủy có đủ hai yếu tố đó. Nam mến Thủy và Hân biết rõ như vậy qua cử chỉ của Nam. Đừng rụt rè, e ngại. Thủy nên tiến về phía trước. Tình yêu sẽ đến nếu ta biết kiên nhẫn, chờ đợi bằng tấm lòng chân thật. Thủy hãy tin Hân.

Thủy ôm chặt Hân và mỉm cười:

“Hân có chắc như vậy không?”

“Chắc như bắp.” – Hân nheo mắt cười.

“Hân nghĩ gì về Nam?”

“Chỉ còn là tình bạn. Có khi tình bạn vĩnh cửu, bền vững hơn cả tình yêu” – Ngừng lại một lát Hân tiếp – “Nếu một ngày nào đó thấy Thủy hạnh phúc, Hân sẽ rất mừng. Hân mong Thủy thay Hân chăm sóc cho Nam. Cố gắng sang Hoa Kỳ sống để chúng mình còn có dịp thăm nhau.”

Thủy ôm Hân và thì thầm lời cảm ơn:

“Cảm ơn Hân đã nói những lời chân thành. Tình bạn mãi mãi vĩnh cửu phải không Hân?”

Cuối tuần Thủy đã trở lại Úc. Hân cũng nhận được một lá thư của Nam và một bài thơ chia tay:

California, Ngày...tháng...năm...

...Khi gặp lại Hân, Nam bắt đầu cảm xúc và dòng thơ cứ tuôn trào. Nam xin gởi Hân bài thơ sau cùng:

ĐỪNG TRÁCH

Người ơi đừng tự trách mình

Chuyện ngày xưa ấy mối tình dở dang

Mười lăm năm vẫn lang thang

Tìm quên kỷ niệm bóng nàng ngày xưa

Cô đơn nhìn những cơn mưa

Nhìn trăng quạnh quẽ nhìn sao phai mờ

Ta về dệt mộng thành thơ

Chôn vùi hư ảnh hững hờ tình xưa.

Hân áp lá thư vào ngực. Nỗi buồn mênh mang tràn ngập hồn nàng. Nàng thì thầm với chính mình “Ta đã lỗi hẹn rồi. Hãy chờ nhau kiếp sau Nam nhé.”

Hân chỉ còn ghi lại đây những ngày tháng đầu yêu.

Phong Thu - Maryland

SÀI GÒN ƠI!



*Ngày tháng dần qua trên đất khách
Xuân lại về trong nỗi nhớ quê hương
Ba mươi mấy năm rồi, viễn xứ
Sài Gòn ơi, trăm nhớ ngàn thương!*

*Xuân đã về trên cành cây nặng tuyết
Em có hay... ngày xưa, giờ tiễn biệt
Nhìn một lần cứ ngỡ đến trăm năm
Xuân đâu muôn nhưng đời đời tha thiết.*

*Ôi quê xưa đã cách xa biên biệt
Nơi xứ người... dù nắng tan, tuyết phủ
Cách xa em vơi vợi, nửa dòng đời
Quê hương dấu yêu ngày xanh ắp ủ.*

*Mùa Xuân nhớ nụ mai vàng vừa nhú
Xuân đất người, hoa ngát giữa lòng ta
Xứ Cờ Hoa lạnh giá, vẫn ngọc ngà
Sài Gòn hỡi, hẹn ngày ta trở lại...*

Bùi Thanh Tiên

Afternoon in February

The day is ending,
The night is descending;
The marsh is frozen,
The river dead.

Through clouds like ashes
The red sun flashes
On village windows
That glimmer red.

The snow recommences;
The buried fences
Mark no longer
The road o'er the plain;

While through the meadows,
Like fearful shadows,
Slowly passes
A funeral train.

The bell is pealing,
And every feeling
Within me responds
To the dismal knell;

Shadows are trailing,
My heart is bewailing
And tolling within
Like a funeral bell.

**Henry Wadsworth
Longfellow**

Chiều tháng Hai

*Ngày sắp sửa tàn rồi
Màn đêm đang buông lơ
Đầm lầy thời băng giá
Sông chết lặng ngừng trôi*

*Qua mây như tro tàn
Mặt trời đỏ chói chang
Soi cửa sổ trong làng
Đỏ hồng lên tươi sáng*

*Tuyết lại bắt đầu rơi
Hàng rào bị phủ rồi
Dấu vết còn đâu nữa
Lối qua cánh đồng xưa*

*Giờ đây khắp đồng cỏ
Như bóng đen kinh hoàng
Đang dần dần chuyển động
Một chuyến tàu lễ tang*

*Chuông bỗng đổ từng hồi
Niềm xúc cảm trong tôi
Từng mối như hồi đáp
Chuông báo tử nay thôi*

*Bóng tối đang dần lan
Trái tim tôi sầu than
Như hồi chuông tang tóc
Trong đó rung nhẹ nhàng.*

**Tâm Minh
Ngô Tăng Giao**

PHỞ RU

**** Võ Phú ****

Tôi đang tiêm thuốc cho chuột thì tiến sĩ Hauser đến. Ông đưa tay qua phụ nữ Á Đông và giới thiệu:

- Đây là Pete. Pete làm việc với chúng tôi hơn mười năm rồi. Cậu ấy đang tiêm saline và morphine cho chuột. Còn đây là tiến sĩ Liangru Contois.

- Chào Pete. Gọi tôi là Ru. Tôi thích mọi người gọi tên tôi như vậy cho thân mật. Rất hân hạnh. Hy vọng chúng ta sẽ làm việc chung với nhau.

- Vâng. Xin lỗi... Tiến sĩ...

- Gọi tôi là Ru được rồi.

- Vâng, Ru! Xin lỗi bà nhé. Tôi đang bận việc nên không thể bắt tay trong lúc này.

- Ồ, không sao cả. Tôi hiểu mà. Gặp cậu Pete sau nhé.

Ru vào làm việc trong phòng thí nghiệm với chúng tôi được hơn hai năm. Ru là người gốc Đài Loan, bà độ chừng trên năm mươi tuổi. Ru từ tiểu bang Maine dọn xuống Virginia này. Bà ấy đi theo chồng. Chồng Ru là một bác sĩ tim trước kia làm việc ở trường đại học Maine, Farmington, một tiểu bang lạnh giá về phía Bắc, nơi mệnh danh là xứ sở của tôm hùm. Chồng Ru mới nhận được việc làm ở một

bệnh viện trong tiểu bang Virginia này, nên bà dời theo.

Mặc dầu Ru có bằng tiến sĩ, nhưng do bà ở nhà một thời gian dài để nuôi dạy, chăm lo cho hai cô con gái, nên giờ trở lại làm việc vẫn phải học và làm lại từ

đầu. Tuy lớn tuổi, nhưng bà hoạt bát, yêu đời, luôn tươi cười và rất hòa đồng nên mọi người trong phòng thí nghiệm này ai cũng đều mến.

Ru biết tôi là người gốc Việt, bà hỏi:

- Pete, cậu có biết ở thành phố này tiệm bán thức ăn Việt không?

- Tiệm và quán ăn thì khá nhiều, nhưng hiện giờ bà ở khu nào?

- Tôi ở West End.

- Bà thích ăn những món nào của người Việt?

- Tôi thì món nào cũng thích, nhưng chồng tôi rất thích phở. Hai cô con gái của chúng tôi cũng vậy. Chúng rất thích phở như bố. Mỗi lần có dịp đi đến những nơi cộng đồng người Việt sinh sống, chúng tôi đều ăn. Món phở rất dễ ăn và ngon.

- Ồ... Ở vùng này có Phở Số 1, Việt Nam Gardens, Việt Nam One, Phở Tây Hồ, Phở Huỳnh...

Tôi kể vài cái tên cho Ru nghe. Ru nghe xong, ngạc nhiên hỏi:

- Nhiều vậy à? Lúc trước khi chúng tôi ở Farmington chỉ có vài ba tiệm thôi. Chúng tôi thích ăn Phở Hong.

Ru hỏi tiếp:

- Vậy theo cậu thì tiệm ăn nào bán món phở ngon nhất?

- Thú thật với bà, chúng tôi ít khi ra ngoài ăn, nên cũng không biết được. Vả lại còn tùy vào khẩu vị của từng người nữa. Nhưng chúng tôi thường ăn ở Việt Nam One vì mỗi lần đi chợ Việt Nam, chợ Tân Á, rồi ghé vào ăn luôn.

- Cám ơn Pete nhé. Chúng tôi sẽ đến để ăn thử.

Thứ Hai đầu tuần, trong giờ ăn trưa, Ru khoe với tôi rằng gia đình bà đã thử các món ăn ở tiệm Việt Name One. Cả nhà thích lắm, nhất là chồng của bà. Bà kể:

- Hồi tôi mới quen chồng tôi, ông ấy tưởng tôi là người Việt. Ông ta nói người Á Đông chúng ta ai cũng hao hao giống nhau. Hồi còn trẻ, khoảng mười tám đôi mươi gì đó ông ấy có tham chiến ở Việt Nam vài tháng một năm gì đó. Nên khi gặp tôi, ông tưởng tôi là người Việt. Ai ngờ tôi là người Đài Loan. Ông ta lầm. Nhưng đã lỡ thương nhau thì Đài Loan hay Việt Nam gì thì chúng tôi cũng đã lấy nhau hơn hai mươi năm. Hôm nay cậu ăn món gì vậy?

Tôi bưng tô bún bò vừa mới hâm nóng từ microwave ra. Ru hít một hơi dài và nói:

- Phở? Phải phở không? Nhưng mùi này khác quá. Chắc không phải rồi. Món này gọi là gì?

- Bún bò.

- Bún bo? Tôi cứ tưởng đâu là phở. Mà cậu sướng thật, ngày nào cũng được vợ nấu cho ăn những món ngon. Đừng nói cho chồng tôi biết nhé. Không ông ấy lại phân bì thì mệt cho tôi lắm. Món này cũng làm từ bột, giống cọng phở?

- Không... Món này khác với phở. Cay hơn. Rất tuyệt vời nếu ăn vào những ngày lạnh, như ngày hôm nay. Thường ở miền Trung nước Việt Nam hay nấu món này, chúng tôi gọi món này là Bún Bò Huế.

- Ờ, mà sao tôi thấy thức ăn của cậu lúc nào cũng là phở, nhưng chỉ khác nước soup và cọng bún?

- Không phải... Người Việt chúng tôi không chỉ có món phở là có nước và bún đâu. Còn có bún bò, bún thang, bánh canh, bún riêu, mì Quảng, hủ tiếu, bún thịt nướng ...vv...vv... Nhiều lắm...

- À, những món soup để ăn và bổ dưỡng. Chắc cậu thích các món soup?

- Vâng, tôi thích ăn những món bún và phở. Vì chúng có nước. Mà bà biết nước tiếng Việt còn có nghĩa là một quốc gia không?

- Vậy à? Hay nhỉ. Nước còn là quốc gia? Vậy Việt Nam gọi là Nước Việt Nam? Đài Loan gọi là nước Đài Loan, Mỹ gọi là nước Mỹ?

- Vâng. Đúng rồi.

- Cậu thường ăn phở do vợ cậu nấu, vậy cậu có biết nấu phở không? Tôi rất muốn học, cậu có thể chỉ giúp tôi chứ?

- Vâng, để tí nữa tôi sẽ tìm cách chỉ dẫn trên mạng gởi cho bà. Nếu bà không hiểu chỗ nào, tôi sẽ hỏi lại vợ tôi rồi nói lại cho bà nghe.

- Cám ơn cậu Pete nhé.

Tôi lên mạng internet tìm cách nấu phở bò và phở gà gởi cho Ru. Hôm sau trong giờ trưa, bà nói:

- Tôi làm theo chỉ dẫn cách nấu phở gà mà cậu gởi, nhưng nước đục ngầu không trong như ở tiệm. Cậu có bí quyết gì khác không?

- Vậy chắc là bà nấu không đúng cách. Muốn nước lèo trong; ngoài bỏ nhiều củ hành ra thì bà phải hầm nước ở lửa nhỏ và nhớ không đậy nắp. Phải hầm qua đêm thì nước mới ngon.

- Hôm nào tôi sẽ thử lại. Khi nào thành công, tôi sẽ mời cả gia đình cậu đến ăn được chứ?
- Vâng, chúng tôi rất vui lòng.

Hôm nào cũng vậy, mỗi bữa trưa, Ru đều chờ tôi ăn cơm trưa chung vì bà muốn coi thử tôi ăn món gì. Hôm nào ăn những món bún nước thì bà cũng gọi là phở, nhưng không phải là phở. Và lần nào cũng vậy, tôi cũng phải giải thích cho bà hiểu sự khác biệt giữa bún và phở. Nhưng giải thích cho bà hôm trước, mấy hôm sau bà vẫn gọi những món bún nước là phở. Dường như ngoài chữ phở ra bà không còn nhớ được tên gọi những tô bún, mì, hủ tiếu nào khác cả.

Tôi đang bận làm một thí nghiệm giữa chừng, nên đã qua quá giờ cơm trưa gần cả giờ đồng hồ. Nhưng Ru vẫn đợi tôi ăn cơm trưa chung. Khi tôi hâm lại tô phở chay, bà nhìn vào tô phở của tôi và hỏi:

- Ủa, hôm nay món phở cậu ăn lạ quá? Nó gọi là phở hay bún?
- À hôm nay là phở. Phở chay.
- Phở chay à? Hèn gì tôi thấy toàn đậu hũ và nấm. Mà phở cũng nấu chay được sao?
- Được chứ. Phở cũng giống như pizza vậy. Ai thích ăn gì thì bỏ vào thứ đó rồi nấu thôi. Có phở bò, phở gà, phở hải vị, phở chay...
- Ngoài phở bò và phở gà ra, chúng tôi chưa thử những loại phở khác. Mà chắc là chồng tôi không thích phở này đâu. Ông ấy rất ghét đậu phụ.
- Vậy à? Người Đài Loan cũng thường ăn đậu phụ lắm. Bộ bà không nấu cho ông nhà ăn sao?

- Tôi ít khi vô bếp lắm. Ba cha con họ không thích ăn đồ Tàu. Tôi thì lại lười nên cả nhà ăn đồ đông lạnh hoặc mua pizza về ăn. Cũng ít khi nấu nướng. Món này vợ cậu nấu luôn à?

- Không, chúng tôi mua ở chùa Huệ Quang.

- Chùa mà cũng bán phở sao?

- Đúng rồi. Chùa Huệ Quang vào ngày Chủ Nhật đầu của mỗi tháng đều có bán thức ăn để gây quỹ. Chủ Nhật nào chúng tôi cũng ghé chùa mua thức ăn chay về ăn cho thanh tịnh. Hôm qua chùa bán món phở chay, nên chúng tôi mua vài phần để dành hôm nay mang đi làm khỏi mất công nấu.

- Vậy khi nào bán nữa, cậu cho tôi biết nhé. Tôi cũng muốn thử. Mà chùa cậu nói ở đâu?

- Trên đường Hungary. Tôi nghĩ không xa lắm nếu bà ở West End.

- Ô, nhất định tôi về nói với chồng tôi. Biết đâu ông ấy chịu thử ăn đậu phụ thì sao. Ông ấy cần ăn đậu phụ, giảm bớt thịt đỏ. Ông ấy béo lắm rồi...

Tôi lấy điện thoại di động ra tìm địa chỉ chùa Huệ Quang và gọi qua cho Ru.

Ru hỏi:

- Pete này, cậu người gốc Việt, vậy có biết nhà văn gốc Việt sống ở Canada không? Nhà văn gì mà mới đây được đề cử The New Prize in Literature? Kim gì gì đó...

- À, có phải bà đang nói nhà văn Kim Thúy?

- Đúng rồi. Nhà văn Kim Thúy. Bà ta có viết một cuốn tiểu thuyết tựa là Ru. Không ngờ tên tôi cũng khá nổi tiếng. Mà sao cái tựa đọc lạ quá. Chắc là có ý nghĩa gì? Cậu biết Ru có nghĩa gì không?

- Tôi không chắc lắm. Nhưng có thể ru là một động từ. Một động từ khi người mẹ đang dỗ con vào giấc ngủ. Người mẹ đang ru con. Ru con là một hình ảnh đẹp đối với người phụ nữ Việt. Tôi nghĩ vậy.

- Ô, thú vị quá. Vậy tên tôi cũng là một hình ảnh đẹp. Tôi là người phụ nữ đẹp mà phải không? Tôi làm dịu những cơn giận...

- Chắc vậy. Chắc bà làm dịu cơn giận của Yun Kyung Hahn?

- Hi... Hi.... Hi....

Ru cười như nắc nẻ. Bà đưa tay lên quệt mắt. Khi vui cười người ta có thể trào nước mắt. Ru dừng lại và bà nói tiếp:

- Tôi không dám đâu. Yun có tiếng là nóng tính nhất trong phòng thí nghiệm này. Ai mà làm nguôi cơn giận của cô ấy được.

- Thì là bà..... Vì bà tên là Ru mà....

- Cậu giỡn hoài. Tôi bỏ chạy còn không kịp ở đó mà "ru" cơn giận của cô ấy....

Mùa đông phòng thí nghiệm chúng tôi làm đóng cửa từ ngày 20 tháng Chạp đến 3 tháng Giêng. Thứ Năm, ngày đầu tiên trở lại làm việc, gặp tôi, Ru khoe liền:

- Pete, tôi đã nấu phở được rồi. Tôi không biết là có ngon bằng của vợ cậu nấu không, nhưng chồng và hai cô con gái chúng tôi khen ngon lắm. Ngon bằng hoặc hơn phở bò ở Việt Nam One lặn.

- Vậy à? Chúc mừng bà nhé.

- Cám ơn cậu. Sau gần cả hai năm tôi học nấu phở. Mùa lễ Noel vừa rồi, nghỉ ở nhà nên tôi nấu miến. Nấu mỗi tuần,

nên mới được nồi phở ngon. Hôm nào tôi mời cậu và gia đình đến ăn thử nhé.

- Cám ơn bà; bà Ru. Nhất định chúng tôi sẽ đến.

- Thứ Bảy tuần sau cậu rảnh chứ? Thứ Bảy ngày 12 tháng này.

- Vâng. Tôi thì không có dự tính gì. Nhưng để tôi hỏi lại vợ tôi xem.

- Mai cậu cho tôi biết nhé, Pete.

Trưa thứ Bảy, chúng tôi đi chợ mua ít trái cây tươi và chai rượu đỏ về nhà gói lại thật đẹp. Đầu vào đây, chúng tôi lái xe đến nhà Ru. Từ nhà chúng tôi đến nhà Ru chừng hai mươi phút lái xe. Ru đón chúng tôi vào nhà và giới thiệu:

- Đây là John, chồng tôi. Jessica và Jenna, hai cô con gái của tôi. Jessica mười chín. Jenna mười bốn. Jenna chắc lớn hơn con trai cậu vài tuổi. Cô bé đang học lớp tám.

- Rất hân hạnh được làm quen. Dạ, tôi tên Pete. Vợ tôi, Kim. Con trai tôi Lamson, sắp sinh nhật 12 của cậu ấy. Còn đây là cô con gái của chúng tôi, cô bé tên Levian. Levian được bảy tuổi, đang học lớp hai.

- Rất vui tiếp đón gia đình cậu.

Cô bé Jenna, cô con gái nhỏ của bà Ru, lại bên con gái tôi làm quen. Mấy phút sau, hai chị em chơi với nhau rất vui. Còn John trò chuyện cùng con trai tôi và cô con gái lớn, Jessica. Ru dẫn hai vợ chồng tôi ra phía sau nhà giới thiệu căn phòng kính trồng nhiều loại hoa lan, chim cảnh, và hồ cá kiếng thật đẹp. Gần năm mươi chậu lan chung quanh căn phòng kiếng. Một số đang nở hoa thật đẹp. Vợ tôi ngắm đến mê mẩn. Tôi thì thích ngắm hồ cá.

Những chú cá lia thia đủ màu sắc rực rỡ làm cho người ta có cảm giác thư thả, bình yên. Ru nói:

- Chồng tôi thích trồng hoa lan và nuôi cá. Còn lồng chim là của hai cô con gái. Lúc trước chúng tôi có nuôi một con mèo, nhưng nó già và chết. Sau lần đó cô bé Jessica buồn quá, nên không còn muốn nuôi mèo nữa.

- Ô... Tội quá...

- Không sao đâu. Chuyện cũng đã lâu, khi chúng tôi còn ở trên Maine kia.

- Nhà bà đẹp quá bà Ru ạ. Vợ tôi rất mê vườn hoa lan của nhà bà. Còn tôi thì thích hồ cá và đàn chim bạc má hót riu ra riu rít này.

- Cám ơn Kim và Pete nhé. Nhưng chúng kêu cả ngày, nhiều khi ồn điếc cả tai. Hai cô bé còn đòi nuôi thỏ nữa kìa, nhưng tôi không cho chúng nuôi. Vì hồi còn nhỏ ở Đài Loan nhà tôi có nuôi thỏ. Chúng hôi và dơ lắm.

- Vâng, tôi biết. Chúng tôi cũng có nuôi hai con thỏ sau vườn.

- Ở ngoài trời à? Chúng không lạnh sao?

- Dạ không. Trước khi nuôi, chúng tôi có hỏi người bán rồi. Chúng ở ngoài trời, chịu lạnh được. Miễn sao có đầy đủ thức ăn và nước uống trong mùa đông.

- Cậu nói nhỏ thôi... Jessica hay Jenna nghe được là chúng đòi nuôi thì lại cực cho tôi.

Chúng tôi cười. Sau một hồi xem căn phòng kiếng phía sau nhà Ru, chúng tôi phụ Ru làm phở để ăn chiều. Phở có đầy đủ, nạm, gân, sárch, bò tái, bò viên. Vợ tôi phụ Ru làm phở. John, hai cô con gái và tôi giúp dọn bàn để cùng

ăn phở. Trên bàn có cả đĩa rau húng quế, giá và ngò gai tươi roi rói.



Những tô phở bốc khói, thơm lừng hương vị của phở. Tôi múc một muỗng nước lèo, đưa lên miệng húp. Nước lèo trong, thơm và ngọt. Nước lèo rất đậm đà mùi vị của gừng, hồi, quế, hành tím, đinh hương, quyện vào nhau thơm lừng không thua gì ở nhà hàng. Thịt bò flank, cắt mỏng, mềm. Hành ngò thơm phưng phức. Húp xong muỗng nước lèo, tôi mượn một cái chén nhỏ để pha nước tương chấm với thịt, gân, sárch, và bò viên. Mỗi khi ăn phở tôi thích hoà tan một phần tương đen, một phần tương đỏ và một lát nước cốt chanh để chấm thịt chứ không bao giờ xịt nước tương đen ăn phở hay tương ớt vào tô phở. Thấy tôi làm nước chấm riêng, John thích thú nhìn rồi nói:

- Pete, cậu ăn phở lạ nhỉ. Tôi thấy mọi người đều xịt tương đỏ và tương đen vào bát phở rồi trộn đều lên ăn.

- Tôi không biết người khác ăn ra sao, nhưng đối với tôi... Ăn phở cũng phải cho đúng thì mới biết được mùi vị của bát phở ngon.

- Thích nhỉ. Hồi nào tới giờ chúng tôi đâu biết rằng ăn phở cũng có cách thức ăn. Cậu ăn như thế nào mới gọi là thưởng thức một tô phở ngon?

- Đúng rồi Pete, cậu giải thích cho chúng tôi hiểu đi.

Ru lên tiếng.

- Một tô phở ngon điều quan trọng là nước lèo phải ngon. Nước lèo hôm nay của bà Ru nấu rất tuyệt vời. Nước trong và ngọt. Ngọt thanh kiểu hầm xương chứ không phải ngọt kiểu bột ngọt. Có thêm mùi vị của gừng, hành tím, đinh hương, quế, hồi... trong tô phở. Trước khi ăn, mình nên húp một vài muỗng nước lèo khi tô phở còn nghi ngút khói. Sau đó mình mới bỏ rau húng quế, giá, và ngò gai và trộn đều. Thịt, nạm, gân, gân, sách, nên chấm riêng theo khẩu vị của từng người. John, Ru, Jessica, và Jenna lắng nghe tôi giải thích cách ăn phở. Họ gật gù thích thú. Jenna nói:

- Hèn quá con chưa xịt nước tương vào tô phở của mình. Để con thử theo cách của chú Pete xem sao.

Jenna thử cách ăn phở theo tôi chỉ. Cô bé gật gù, nói:

- Dạ đúng rồi, ăn kiểu này nước lèo thơm hơn vì khi bỏ nước tương vào chỉ ngửi được mùi nước tương thôi. Mẹ Ru, thử đi ngon lắm.

- Ừa, ngon thiệt. Cám ơn Pete nhé. Nhờ cậu mà chúng tôi mới biết được ăn phở cũng phải cho đúng cách.

Tôi cười và trả lời:

- Vâng, nếu chúng ta chưa thử nước lèo mà xịt tương đen tương đỏ vào tô phở chẳng khác nào làm phật ý người nấu. Chê người nấu dở không đúng khẩu vị nên mới dùng nước tương bỏ vào. Cũng giống như người Pháp, khi ăn ở nhà hàng họ không thêm muối

vào thức ăn vì cho rằng đó là một điều sỉ nhục với người nấu.

- Hay nhỉ. Chúng tôi chưa từng nghĩ đến điều đó.

Chúng tôi vừa ăn phở vừa nói chuyện về phở cho đến gần tối mới xin phép gia đình Ru để về nhà. Trên đường lái xe về nhà, vợ tôi hỏi:

- Bà Ru là người gì mà biết nấu phở vậy anh?

- Người Đài Loan em à.

- Bên Đài Loan cũng biết nấu phở hả anh?

- Tại họ thích ăn phở nên học cách nấu. Mỗi lần em làm phở cho anh mang đi làm, bà Ru đều hỏi. Anh chỉ cách nấu phở mà anh thấy em nấu cho bà ấy nghe. Gần hai năm trời bà mới nấu ngon và mới dám mời mình qua ăn thử đó.

- Ồ... Hèn gì... Lúc nãy em ăn thấy mùi vị quen quen, giống em nấu ở nhà mình mọi khi. Mà công nhận phở bà Ru nấu ngon. Ngon hơn cả một số tiệm phở của người Việt mình làm chủ ở Richmond này.

- Ngon nhưng chưa bằng phở của em...

- Thôi đi ông. Nịnh thấy ớn...

- Nịnh gì. Thiệt mà!

Cả hai chúng tôi cùng cười.

Xe về đến nhà cũng chín giờ tối. Quanh quần đầu đây vẫn còn ngửi được mùi thơm của tô phở Ru.



Võ Phú

NÀY THÁNG BA

Này tháng Ba giọt mưa nào rớt xuống
Cành mai vàng đơm nụ chờ Xuân sang
Sáng thứ Sáu bên nhau vòng tay ấm
Chẳng muốn rời sợ hạnh phúc vỡ tan

Này tháng Ba vừa về sao chẳng nắng
Con sẽ ngơ ngậm cọng cỏ điệu dàng
Cánh chao nghiêng
giữa khung trời lãng mạn
Tìm nơi khuất để xây tổ uyên ương...

Này tháng Ba ngập ngừng bên giọt nước
Phút giao mùa ngỡ ngỡ tưởng rằng mơ
Suốt mùa Đông có biết ta đợi chờ
Tháng Ba đến, rõ ràng không hẹn trước...

Y Thi – 03.01.19

Y Thi là bút hiệu của Võ Phú khi làm thơ. Khi viết văn, dùng tên thật là Võ Phú. Võ Phú sinh năm 1978; sinh quán: Nha Trang. Định cư năm 1994 tại tiểu bang Virginia. Tốt nghiệp Cử nhân Hóa, Virginia Commonwealth University. Hiện sống với vợ và 2 con tại thành phố Richmond, Virginia. Đang làm việc tại Medical College of Virginia.



GIÀN HOA KHÔNG NỞ

Em trở lại vườn xưa hạnh phúc,
Tìm lại anh kỷ niệm ban đầu,
Nhưng sao rụng trắng mờ vô thức,
Để nỗi buồn chen lấn mắt nâu!

Trong lòng ngực, tim còn ấm lửa,
Tình muện u sầu, mãi ngổn ngang.
Yêu nhau hòa hợp nghìn năm nữa
Phá vỡ mây hồng bóng nguyệt quang.

Nhớ những buổi, vườn hoa trắng gió,
Xiết tay nhau lá rụng ngàn thông,
Ngập ngừng run rẩy cùng cây cỏ,
Dao động hờn ghen chuyện viễn vông.

Dây phím còn ngân lên dạ khúc,
Cõi thiên nhiên như động ngàn hoa
Thương thân tủi phận duyên trần tục,
Ánh nguyệt loang trong mắt lệ nhòa.

Tim se thắt nương vào nhịp thở,
Anh hỡi anh! Sao vội chia xa!
Mỗi em run giàn hoa không nở
Đời mất anh rồi, hết trở hoa!

HOÀNG BẠCH MAI

TIẾC

(kính gửi thiên thần Phạm Huấn)

**** Cao Nguyên ****

Tiếc

*lúc gặp anh, Tây Nguyên mùa rực lửa
hẹn rồi chờ, rượu chưa bữa mời nhau
đêm thao thức chờ cổng thành rộng mở
(*)*

đón bạn về từ giữa núi rừng sâu

Tiếc

*những tráng khúc, anh mơ chưa viết
được
ngọn bút tình ghen chết giữa tim đau
bạn đang giữa trùng vây chưa bỏ cuộc
mà khăn tang ai có buộc trên đầu*

Tiếc

*sự tàn nhẫn không thể nào hiểu được
giữa lương tri và cứu cánh làm người
trên đất lạ anh mãi còn thao thức
nhìn xuyên đêm tìm kiếm lại nụ cười*

Tiếc

*những nụ cười xưa, giờ đã mất
trên chính anh và của bạn bè anh
vậy mà lúc hoàng hôn anh sắp tắt
nhìn cháu con, ánh mắt chột long lanh*

Tiếc

*khi anh đi, mình lại không được gặp
nhìn anh thôi, không dám nhắc gì đâu
chỉ lời nói còn trong tim là thật
còn mọi điều, rất tiếc - đã là không!*

Cao Nguyên



Tôi đã gặp anh Phạm Huấn chỉ vài lần trong thời gian quân vụ ở Pleiku, không quen lắm nên chưa được thân, chỉ là cảm mến tính cách và văn phong của anh.

Đâu ngờ bài thơ này lại là một sợi dây nối kết tình thân ái giữa tôi và anh Nhất Tuấn - bào huynh của anh Phạm Huấn.

Khi bài thơ "Tiếc" xuất hiện trên trang khanhly.net, anh Nhất Tuấn nói sẽ chuyển bài thơ đến chị Minh Hà - vợ anh Phạm Huấn. Ô hay, cái vòng quay thời gian đã tạo nên mối ân tình huyền diệu giữa những tấm lòng mang ơn chữ nghĩa.

Mà chữ nghĩa cũng lạ, có gì đó rất quen quen giữa 2 bài thơ: "Thăm Người Lính Cao Nguyên" (Nhất Tuấn - 1964) và "Chiều Trên Cao Nguyên" (Cao Nguyên - 2004). Bốn mươi năm, lịch sử chuyển dịch qua mấy chặng

đường, mà chữ nghĩa vẫn một mạch đi
"Đây có những người trai Của núi rừng
đất đỏ" của ngày xưa, và nay nghe "gió
reo lời hát / ngổ tiếng bạn về / từ cội trăm
năm"!

Một Mỏ / Một Kết - Hai tâm hồn đồng
điệu viết một tình khúc chứa cả bi và
tráng của một thời mình đi qua trên vùng
đất còn da diết nhớ:

Thăm Người Lính Cao Nguyên

*Chiều muộn, lên rừng núi
Thăm anh lính cao nguyên
Mây trôi xa giăng khói
Chìm dần trong mưa đêm
Đây có những người trai
Của núi rừng đất đỏ
Ba lô nặng trĩu vai
Từng hành quân gian khổ
Hết ở "Pla-tô J"
Lại sang miền "Dak-sut"
Bụi nhòa bộ treillis
Thân run trong giá buốt
Vì dân anh diệt cộng
Nào sá gì lắm than
Chết cho mọi người sống
Đem thân giữ giang san
Đêm nay mưa rừng bay
Thăm nhau trong chốc lát
Ta cùng tay nắm tay
Tìm vui trong điệu hát
Rồi thanh bình trở lại
Có những người em thơ
Chờ anh về tâm sự
Cho trọn niềm ước mơ*

Nhất Tuấn ("Truyện Chúng Mình" I.
1964)

Chiều Trên Cao Nguyên

*chiều trên cao nguyên
gió reo lời hát
ngổ tiếng bạn về
từ cội trăm năm
bạn từng một thời
trong đêm nước mắt
mời rượu tiễn người
vào đất lạnh căm!
chiều trên cao nguyên
sương mù rót vội
quyện phần thông vàng
khỏa dấu chân quen!
lòng ta đi qua
từng con dốc sỏi
trên đường về làng
nỗi nhớ gọi vang!
chiều trên cao nguyên
giăng hàng phố mới
đêm ta về đâu
tìm lối trắng xưa
lối chờ, lối đợi
hoa lá giao mùa
chừ xa vời vợi
gót hồng đón đưa!*

Cao Nguyên
(tháng ba 2004)

Cám ơn anh Nhất Tuấn, nhờ dòng thơ
anh, tôi có thêm một mối ân tình.

Cao Nguyên

(Virginia - tháng hai 2009)

CẢNH ĐỜI HƯ' ẢO

**** Đỗ Bình ****

Chiều trên sông Seine nắng vàng ngả long lanh mặt nước tựa ánh trăng đêm, bờ xa mấy con sóng bạc nhấp nhô rẽ theo chiếc du thuyền trắng như đám mây nổi chờ đầy khách du ngoạn. Vừa chớm thu trời se se lạnh, gió hiu hiu không đủ làm dòng sông gợn sóng nhưng hàng cây ven bờ vẫn lao xao, thỉnh thoảng có chiếc lá vàng nhẹ rơi. Cứ mỗi độ thu, vào những ngày cuối tuần, Đấng thường ra sông Seine một mình ngồi nghe tiếng sóng vỗ để nhớ về những dòng sông quê. Cơn gió lùa thoáng qua hơi lạnh làm sáng khoáy tâm hồn, Đấng hít mạnh nhưng vẫn dõi mắt nhìn chiếc lá lững lờ trôi. Chàng thầm nghĩ: «Nếu cuộc đời êm như dòng sông thì tâm hồn chàng sẽ chẳng dâng bão tố! Như thế những danh từ chiến tranh, thù hận và tình yêu cũng trở thành vô nghĩa.»

Đấng đang thả hồn theo chiếc lá, bỗng những giọng Việt Nam chen lẫn tiếng cười làm chàng sực tỉnh, lòng cảm rộn rã vì nơi mảnh trời xa xôi này thoáng được nghe ngôn ngữ, làn điệu quê hương rất ấm áp phát ra quanh đây. Chàng ngoái lại ngắm nhóm khách du lịch người Việt đang đi dọc theo bờ sông, trông cách ăn mặc của họ chàng biết đây là đám nhà giàu mới từ Việt

Nam sang Paris. Quần áo và nữ trang của họ rất đắt tiền, loại dành cho những buổi dự dạ tiệc, có lẽ đây là những thành phần có quyền thế nên trưng diện như thế? Nhìn họ bảnh bao mà chàng chạnh lòng nhớ đến quê mẹ, mảnh đất còn nghèo đói. Ký ức một thời trước và sau chiến tranh, khúc phim dĩ vãng chợt quay về...

Ông bà ngoại Đấng ngày trước không giàu, ngoài một số ít ruộng đất ở quê và một hiệu buôn nhỏ ở Hà Nội, nhờ biết cần kiệm và chịu khó làm việc nên gia đình ngoại cũng dư giả; dù có tính cần kiệm nhưng ông bà lại rất hảo tâm, hay làm phước bố thí cho kẻ nghèo. Do công việc buôn bán ông bà phải giao tiếp với những khách hàng thuộc nhiều thành phần mà chẳng quan tâm đến các đảng phái, nhưng ông bà lại rất nhiệt tình ủng hộ những phong trào yêu nước nên chẳng bỏ xót lần đóng góp nào, nhất là những tuần lễ vàng do Việt Minh phát động. Ngoại có tám người con mà một nửa đã theo tiếng gọi Việt Minh lên đường, trong số đó có mấy người đã mất tích và chết trên chiến khu Việt Bắc, chỉ còn sống sót mỗi cậu giáo út! Những người con còn lại theo những chí hướng Quốc Gia, hai người bác của Đấng đều gia nhập quân đội

Cộng Hòa, và đều bị tử trận hồi Tết Mậu Thân ở chiến trường Quảng Trị! Bà di ruột chị của mẹ chàng cho đến ngày nhắm mắt vẫn chưa một lần quay về đất Bắc. Bên nội Đăng là ngoại kiều, bố chàng là người lai sinh và lớn lên ở Paris làm y sĩ, có một thời gian phục vụ tại bệnh viện De Lanessan (Đồn Thủy) ở Hà Nội.

Sự mâu thuẫn âm ỉ trong gia đình ngoại đã ăn vào xương tủy lâu ngày nên gia đình thiếu vắng hẳn tiếng cười! Mẹ Đăng ngậm ngùi khóc, kể: “Bà ngoại con buồn vì sự chia rẽ, anh em trong nhà thù lẫn nhau nên ngoại già trước tuổi!”

Trong số các anh chị em, cậu giáo Tú là em út, người mà mẹ Đăng thương nhất. Cậu ở chung với ông bà và thường ghé thăm chị và cho quà các cháu. Nhưng bỗng dưng cậu biệt tích! Mãi sau này di cư vào Nam nghe mẹ kể cậu đã theo Việt Minh lên chiến khu chống Pháp, và chính cậu đã lên về Hà Nội khuyên gia đình nên sang Pháp để tránh hiểm họa sau này, nhưng mẹ Đăng vì thương những người thân nên nấn ná chưa kịp đi thì hiệp định Genève chia đôi đất nước xảy ra!

Vào Sài Gòn mẹ Đăng là một nhà buồn, bà đang làm ăn phát đạt thì gia đình chàng có giấy hồi hương về Pháp, mẹ Đăng thương anh chị nên không muốn rời quê hương vì bà đã từng sống bên ấy. Chàng vì thương mẹ nên ở lại. Sau này khi chiến tranh trở nên

khốc liệt, một số người bạn Pháp của mẹ là nhân viên sứ quán khuyên Đăng nên về Pháp, nhưng chàng cứ dửng dăng. Tự ái không cho phép chàng trốn tránh chiến tranh, dù rằng không thích, vì nó đã hủy diệt bao mầm sống, cướp đi bao người thân của chàng. Nhưng chàng cũng không thể làm ngơ khi các bạn xa gần của chàng nhiều người đã hy sinh vì lý tưởng, nằm xuống cho ước vọng tự do quê hương để giữ an lành cho bao kẻ khác, trong đó có gia đình chàng. Do đó chàng theo tiếng gọi lên đường dấn thân vào chốn hiểm nguy không phải để tìm vinh quang hay làm người hùng, mà chỉ mong giữ sự bình yên xóm làng, và cũng để trả nợ núi sông nơi đã sinh ra chàng.

Biến cố tháng tư năm 75, chàng cùng chung số phận với bao chiến hữu khác bị đi tù nhiều năm, và được thả về vì lý do bệnh tật. Chàng được gia đình đưa vào bệnh viện Bình Dân tiếp tục điều trị, nhờ đầy đủ phương tiện chữa trị nên sức khỏe chàng dần dần khá nhiều, mắt đã hồi phục được một phần ánh sáng. Một hôm người thân đến thăm cho biết cậu Tú đã hưu trí và hiện đang ở nhà mẹ chàng tại Sài Gòn. Nghe tên cậu, lòng chàng vẫn lạnh băng, không cảm xúc! Hình ảnh của cậu Tú khi xưa đã nhạt nhòa trong ký ức!

Ngày chàng xuất viện, thay vì về thẳng vùng kinh tế mới, mẹ Đăng đã chạy cho chàng về tạm trú nhà mẹ, ở đây hai cậu cháu bắt đầu dĩ phải chạm mặt nhau. Cậu Tú khuôn mặt lạnh như đá, chẳng chút tình cảm. Đã thế cậu thường hay khiêu khích, mỉa móc trong mỗi câu chuyện nói với các bà chị cố ý cho Đăng nghe. Cậu oang oang tuyên truyền khoe thành tích chống Pháp, chống Mỹ, chống Tàu. Lúc đầu chàng còn nể tình cậu cháu nên im lặng, sau thấy cậu làm quá nên đã dốp chát lại. Chàng đem sự nghèo đói của VN ra so sánh với các nước Âu Mỹ, cứ mỗi lần như thế cậu Tú lại giả đồ ngủ gà ngủ gật để tránh rơi vào ngõ bí, đúng là thủ thuật CS!

Tình trạng xung đột ấy cứ âm ỉ kéo dài cho đến một hôm mấy người bạn cũ đến thăm Đăng. Trông mặt cậu có vẻ hớn hờ, bớt hậm hực khi biết cả đám ấy đang phục vụ cho nhà nước. Họ có vẻ rất nể trọng cậu, và còn có nhã ý mời cậu cùng đi ăn. Trong lòng cậu hả hê, nhưng vẫn làm mặt nghiêm, giả bộ từ chối. Mẹ Đăng thấy thế nói thêm vô, và cậu nhận lời. Cả nhóm cùng kéo nhau lên phố Tự Do vào một nhà hàng sang trọng, nơi dành riêng cho người nước ngoài và cán bộ. Đây là lần đầu kể từ ngày Sài Gòn đổi tên chàng trở lại chốn quen thuộc này nên bỗng xúc động. Con đường xưa vẫn thế dù đã thay tên nhưng dấu tích kỷ niệm vẫn còn. Vía hè vẫn tấp nập người qua lại

nhưng người hôm nay trong những bộ quần áo xốc xếch, thiếu lượt là. Màu sắc lộng lẫy của con đường năm xưa đã tắt ngóm vì hồn thành phố đã chấp cánh bay xa!

Bước vào trong nhà hàng cảnh sắc trang trí bàn ghế vẫn thế, chàng thấy rạo rực tâm hồn như vừa tìm lại một kỷ vật lâu ngày đánh mất. Nhưng niềm hân hoan vội chùng xuống, có cái gì nghèn nghẹn chặn nơi cổ họng; thì ra quanh đây lơ lửng những chiếc nón cối ngả nghiêng trên bàn.

Mọi người ngồi xuống bàn, Dũng gọi những món ăn, rượu ngoại và bia xuất khẩu. Đăng không biết uống rượu nên chỉ thích ăn, nhìn những món hảo vị bày ra chàng chợt nhớ những năm đói lạnh trong tù, chàng đã thèm từ mẩu đường, hạt muối hay nhánh tóp mỡ. Nhớ đến những bạn tù còn đang khốn khó trong các trại giam lòng cảm chua xót và ngời thừ ra! Mùi cá hấp và chim bồ câu quay hương bay lên thơm phức, nhưng chàng chẳng còn thiết tha ăn. Cậu Tú ăn uống rất tự nhiên như một nhà sành điệu, không biểu hiệu ngỡ ngàng gì. Rượu đã mềm môi cậu vẫn uống, cậu có vẻ rất háo rượu! Từ lúc rời nhà đến giờ mới thấy nét mặt cậu tươi, môi nhõn nụ cười. Cậu gật gù mở miệng khen rượu ngon. Cả bọn đồng ồ lên!

- Rượu Mỹ đấy cậu!

Cậu Tú chẳng nói gì, nét mặt phẳng lì, vươn vai thò tay cầm chai rượu tự động rót cho mình rồi nâng ly nốc cạn.

Ánh đèn vàng vọt của nhà hàng tỏa ra ấm cúng, những chiếc bàn đầy khách thường xa nhau như giữ một khoảng cách, chắc họ sợ người khác nghe chuyện của mình. Người mặc chiếc áo xanh đã cũ ngồi cạnh cậu Tú là Dũng trắng, gốc “rau giá”, nó tốt nghiệp Cử nhân Văn Khoa làm báo chí được vài năm, đổi nghề khi miền Nam đứt phim. Bố nó ngày trước là một trí thức theo Mặt Trận Giải Phóng bị chết trên Trường Sơn, bạn bè ai cũng biết nhưng tình cảm đối với nó vẫn đậm đà thấm thiết, chẳng có gì ảnh hưởng với chung quanh. Nó được hoãn dịch vì lý do gia cảnh mẹ già con một, nay đang làm công nhân sở vật tư nên rất dư giả. Bỗng cao hứng nói:

- Bao mùa Noel rồi chúng mình không có dịp đón réveillon chung. Noel này mình gặp nhau chung vui đi.

Phong râu, gốc “Hổ Nai” ngồi đối diện với cậu Tú, học ở Luật, tốt nghiệp cùng năm với Dũng. Ngày trước nó được hoãn dịch vì lý do sức khỏe diện “con ông cháu cha”, bố và ông nó đều chết trong tù CS, nay đang làm ở sở thương nghiệp cũng khá khá. Nó toe toét cười nói:

- Chúng ta sẽ cùng nâng cốc rượu đón mừng Chúa giáng sinh. Hồng ân Thiên Chúa sẽ mang hạnh phúc đến với gia đình chúng ta.

Cậu Tú bỗng dần ly rượu xuống phán một câu chớe lữa:

- Chẳng có Chúa Phật gì cả! Chỉ có Bác thôi... Bác mới có khả năng đem hạnh phúc no ấm đến toàn dân.

Dũng trắng đáp liền:

- Chẳng có Bác biếc gì cả! Chỉ có đô la Mỹ là no ấm thôi.

Cậu Tú dùng dùng nổi giận đứng phắc dậy, khoa chân múa tay trợn mắt nói:

- Chúng mày tưởng các ông chiến thắng tạm bợ hả? Đừng có hòng... liệu cái hồn đấy!

Đám bạn Đàng biến sắc về sự cố bất thường này chưa biết phải phản ứng ra sao! Cậu định nói nữa thì thằng bạn ngồi cạnh Đàng là giáo viên cấp ba ngày trước, thuộc loại thầy giỏi, nay bị hạ xuống cấp hai. Nó gốc xứ Quảng, được mệnh danh là kẻ ít nói! Lê Khang đứng phắc dậy kề tai cậu nói nhỏ. Chẳng biết nó nói gì mà cậu Tú xui như trái bóng và từ từ ngồi xuống. Một đứa vội tiến ra quây tính tiền, những đứa còn lại điệu cậu ra xe.

Thật hú hồn! May mà chẳng ai nghe được những điều cậu nói, nếu không thì cả đám tù mút mùa!

Lên xe cậu Tú nhũn người ra, ngoẹo đầu vào thành xe ngủ một giấc đến nhà. Bước chân xuống xe cậu lại tỉnh queo! Tiễn bạn về, ra xe Đàng hỏi thằng bạn xứ Quảng:

- Lê Khang! Mày nói gì mà ông cậu tao xò thế? Xuýt tí nữa là chúng mình đi tù cả đám!

Lê Khang cười khoái trá nói:

- Tao nói phét cậu mày sợ!

Cả đám trố mắt nhìn nó. Nó vỗ vai
Đặng cười nói tiếp:

- Tao cũng sợ toát mồ hôi...nhưng
bỗng dưng tao phọt được một câu mà
tao mang máng đọc được ở đâu nên
nói bừa: «Tôi là người của Sở Bảo Vệ
Chính Trị được lệnh theo dõi cậu trong
thời gian ở trong Nam... thế là ông xò
xuống!»

Cả bọn cười rũ lên khoái trá, một cán
bộ gộc mà sợ một câu hù vu vu của
thằng công nhân viên quèn, thế mới
biết chế độ CS kiểm soát lẫn nhau quả
khiếp thật! Khi đám bạn đi khuất rồi,
Đặng quay vào nhà kể cho mẹ nghe,
bà tức giận mắng cậu như tát nước!
Cậu Tú mếu máo khóc và phân trần,
hai chị em cùng khóc! Riêng Đặng
chưa hả giận, chàng nghi là cậu muốn
hại mình. Vốn sẵn bất đồng vì chứng
kiến, nay sự việc càng trầm trọng hơn
khiến chàng quên hẳn tình cậu cháu,
một ý nghĩ cực ác lóe trong đầu, Đặng
hành xử như kẻ mộng du, xồng xộc
vào phòng xách mấy chai rượu mạnh
mà mẹ chàng dùng để điều dóm đám
công an phường. Bà thấy Đặng mang
nhiều rượu ra định cản vì không sợ cậu
Tú uống nhiều hại đến sức khỏe,
nhưng bà lại muốn hai cậu cháu có dịp
ngồi với nhau để xả bớt sự căng thẳng
bấy lâu và nhất là chuyện mới đây. Bà
dặn:

- Cậu con già rồi, cho cậu uống ít chứ.
Đề cậu ngủ, sáng mai lại sức tha hồ
uống.

Đặng vâng dạ cho qua, chàng khui chai
Whisky, khui thêm chai Martel Rémi,
mùi rượu thơm phức! Chàng thường
nghe bạn bè nói rượu pha hai ba thứ
rất dễ say, một khi đã thấm rượu cậu
sẽ chẳng còn nói những lời hoa mỹ bốc
thơm chế độ! Đưa hai chai rượu lên
xoay xoay soi trong ánh điện, như tìm
cái chất tinh khiết trong rượu, chàng
muốn khêu gợi con sâu rượu trong cậu.
Mắt cậu Tú sáng quất...Thế là Đặng đã
chài được cậu! Những thời đá trong ly
rượu lóng lánh như kim cương đang
mời gọi, màu rượu làm tăng độ óng ả
thơm như hương môi thiếu nữ tuổi dậy
thì. Cậu cạ ly này sang ly khác. Mặt
cậu Tú không giống những tấm bia
hình tượng trong những bãi tập bắn ở
quân trường, khuôn mặt sáng sủa của
cậu bắt đầu chảy ra, môi tái, run lên
bần bật. Ly rượu trên tay cậu sóng
sánh, chao đi chao lại làm đổ, chàng
được dịp rót thêm cho đầy. Cậu Tú bắt
đầu nhũn ra, người rút lại, cậu bỗng
thều thào, lè nhè kể lại chuyện gia đình
năm xưa, những điều Đặng không hề
biết. Giọng cậu buồn như tiếng văng
giữa trưa hè, lòng Đặng chợt bùi ngùi
xót xa như lọt vào một câu chuyện
buồn cổ tích! Chàng thấy hối hận vì cho
cậu uống quá nhiều lỡ cậu bị trúng gió
thì lương tâm chàng sẽ không bao giờ
được yên ổn. Nghĩ đến đó, mồ hôi

chàng toát ra nên cầm vội ly rượu của cậu uống cạn. Rượu mạnh xông lên tận óc cháy rụi cả lồng ngực vì đây là lần đầu tiên trong đời chàng uống rượu! Đứng bàng hoàng trầm nghĩ: "Chàng ghê tởm chủ thuyết CS chứ đâu thù ghét con người. Cậu Tú chỉ là nạn nhân, kẻ mê sảng chủ nghĩa... Xuýt nữa chàng đánh mất mình!"

Đứng thu vội mấy chai rượu cất xuống gầm bàn, cậu Tú định giựt lại nhưng không được. Cậu ngoe nguẩy trong tiếng nắc cụt và thều thào:

- Rượu ngon lắm, cậu còn uống được mà... để cho cậu uống.

Chàng vói tay tắt chiếc quạt đứng cạnh đó đang xoay hết tốc độ, sợ cậu bị nhiễm lạnh, dù trời đang oi bức. Cậu Tú lại khều khào định nói với Đấng điều gì nhưng chẳng nghe rõ, rồi cậu rũ ra ghé ngủ. Trong men rượu chộp chờn hình như cậu có hai con người: Con người hiện tại là con người CS đầy rẫy những ham muốn nhưng biết che nắp dưới nhãn hiệu «yêu nước». Cái não trạng của cậu đã chứa đầy tính đảng nên chỉ biết vâng lời và sẵn sàng hy sinh thân thể vào tội ác dù biết bị lừa dối! Còn con người thứ hai là con người mang thuần tính người, biết lý lẽ của con tim nhưng phải nhẫn nhục để tồn tại. Hai thực thể ấy mâu thuẫn nhưng luôn hiện hữu và dẫn dắt nhau.

Đấng sát lại gần cậu, lúc này chàng mới có dịp nhìn thật kỹ cậu và cảm thấy thương xót: Một thân hình tiều tụy còm

cổ nào có khác gì tù nhân! Ôi bao nhiêu năm tận tụy với đảng nào cậu có được gì ngoài danh từ hảo! Những nghiệt ngã đờn đau đã giáng ngay lên đầu cậu đến bố mẹ bị đấng đầu tổ cũng không dám mở miệng can ngăn hay than phiền. Chủ thuyết phi nhân đến thế mà vẫn trung thành, thật uống phí một đời!

Đấng bế cậu vào giường, người cậu mềm như bún. Chàng ra tủ lấy hộp dầu con hổ vào cạo gió khắp toàn thân cho cậu, chàng còn thức suốt đêm canh chừng cậu. Chưa hừng sáng đường phố Sài Gòn đã tấp nập, tiếng ồn ào của xe cộ lẫn tiếng người buôn bán nghe huyền ảo. Dù bị công an rượt đuổi cấm chợ ngăn đường nhưng không cản được dân, cấm chỗ này họ bày chỗ khác, vì miếng cơm manh áo họ đã bớt sợ hòng súng. Cậu Tú thức dậy nhìn thấy Đấng ngồi bên cạnh giường và đang quạt cho cậu. Bằng một giọng đầy xúc động:

- Con thức cả đêm không đi ngủ hả?

Đây là lần đầu tiên từ hôm gặp mặt cậu buông lời triu mến như lời cha với con. Đấng mỉm cười thấy như vừa trút đi một gánh nặng.

Kể từ sáng hôm ấy những móng vuốt chủ nghĩa, những cùm gông cách mạng, những hảo huyền lý tưởng đều vụt bay. Nơi ấy chỉ còn lại tình gia đình sau bao năm nẫu nát. Cậu Tú trở lại nguyên hình với con người bằng xương thịt, máu mủ huyết thống.

Gương mặt rười rượi của cậu sáng hẳn lên, ánh mắt thoáng nét vui. Môi run run cậu hé mở cõi lòng: - Hai chị ạ ! Đã từ lâu em đợi giây phút này để được bày tỏ nỗi lòng cùng các chị: Trong giai đoạn «cải cách ruộng đất» ông bà về thăm quê bị đội cải cách bắt ghép tội là địa chủ cường hào, có con theo thực dân, phản động nên bị đem đấu tố. Mẹ buồn mà chết vì sự bạc bẽo, phản phúc của những người trong đội đấu tố, họ đã từng được gia đình ta giúp trong lúc nghèo đói túng thiếu! Bố thì bị đày lên Thái Nguyên và bỏ xác trên đó! Những người thân còn lại ở Bắc chẳng ai dám hé môi can thiệp, hay một lời van xin giúp, có người còn cải tên đổi họ để tránh liên lụy!

Bá vừa khóc, hỏi:

- Thế lúc đó cậu ở đâu?

Cậu Tú mếu máo:

- Hai chị ạ! Trong giai đoạn chỉnh lý, thanh trừng xảy ra khắp nơi ấy em bị đưa đi công tác xa, mãi Thanh Hóa!

Giọng cậu Tú ngập ngừng, đứt khúc buồn bã:

- Em vì đã quá sợ cấp lãnh đạo đảng ghép tội liên hệ với gia đình phản động, nên đã hèn yếu khi hay tin bố mẹ bị bắt mà không cấp tốc trở về quê bảo lãnh... Thật đáng tội! lúc đó em vẫn ngây thơ tin vào Đảng, cứ ngỡ nhà ta có nhiều người hy sinh ở chiến khu Việt Bắc thì họ không dám đấu tố bố mẹ, nhưng đâu ngờ họ lại phải công khiến bố mẹ ra nông nỗi ấy! Cũng vì chuyện

đó em xin phục viên không những không được mà còn bị hạ tằng công tác! Xin hai chị cứ mắng nhiếc và lượng thứ cho em!

Mấy chị em nức nở chan hòa nước mắt.

Bá ngừng khóc nói:

- Thôi em ạ, đằng nào bố mẹ cũng mất lâu rồi... nhắc lại chuyện cũ chỉ thêm buồn. Nhưng nếu chẳng làm sáng tỏ thì lòng các chị đây không yên. Hôm nay chị mới hiểu rõ nội tình, biết em cũng đau khổ thì sao các chị còn trách em được nữa.

Cậu Tú đứng lên tiến lại bàn thờ tổ có cả hình thờ ông bà ngoại mồm lâm râm khấn và thấp nén nhang.

Đặng trở mặt nhìn cậu, thì ra chủ thuyết CS không diệt được lòng tín ngưỡng ẩn trong cậu, bỗng chàng cảm thấy đời vui lên. Gia đình chàng đa tôn giáo: Mẹ Đẳng đạo Phật, bà dì lấy chồng Công giáo nên theo đạo, Đặng theo bên nội nên đạo Chúa, giờ Cậu Tú sau nhiều năm theo CS nhưng gốc vẫn đạo Ông Bà.

Sau khi thấp nhang cậu Tú quay về chỗ cũ tiếp tục nhắm rượu, cậu cũng mong Đặng thông cảm cho những thái độ quá quắt về định kiến đã trở thành một thói quen của người CS. Còn chàng lòng cũng đầy ăn năn của đứa cháu vẫn xem cậu là kẻ thù!

Bữa cơm trưa hôm đó thật ấm cúng như cơn mưa đã tạnh. Cậu ngâm nga trong cốc rượu, bồi ngùi kể cho gia

đình nghe những đắng cay cơ cực mà cậu đã trải qua trên đất Bắc. Ba chị em cùng khóc. Mẹ Đăng nói:

- Gia đình nghèo như thế sao cậu không viết thư xin?

Bá khóc, bùi ngùi hỏi:

- Em là cán bộ mà khổ như thế sao không bỏ quách vào Nam từ năm bảy lần thì có đỡ hơn không?

Cậu ghen ngào:

- Rõ tội! Nếu biết sự tình như thế em đã theo các anh chị vào Nam hồi năm mười tư thì còn gì nói... Khốn thay... em lại ngỡ trong Nam bị kìm kẹp chắc phải khổ hơn ngoài Bắc nhiều! Chẳng thế hôm vào thăm hai chị và các cháu em có mua mấy cân đường, định mang vào biếu hai chị... nhưng vào đây, thấy nhà hai chị em xấu hổ quá... Do đó em đã nói láo cho đỡ thẹn!

Bá vẫn khóc, thổn thức nói:

- Chị em mà xấu hổ cái gì! Còn gặp được nhau là quý rồi!

Cậu Tú quay sang Đăng gọng trằm buồn:

- Bằng mọi giá con phải đi nước ngoài con ạ! Quê hương này sinh ra con nhưng không dưỡng được đâu! Người ta chỉ tạm gác thù hận qua một bên, khi cần họ lại mang ra bêu xấu hoặc đổi chác! Những người như con khó sống chung được với họ! Cũng chính vì các anh chị của cậu người theo Pháp kẻ theo Mỹ mà bao năm cậu chỉ là chiếc bóng trong đảng CS, họ dùng những không tin! Họ cho cậu sống là may đấy

con! Trong đảng mà trù ếm nhau thì còn ác hơn loài thú dữ!

Bá nổi giận:

- Chúng nó ác như thế mà trời lại không tru diệt nó! Thà chị chết trong Nam chứ không trở về Bắc!

Paris, một hôm Đăng nhận được thư gia đình báo tin cậu Tú mất lòng chàng buồn rười rượi! Trong thư có hình tấm ảnh chụp một căn nhà tranh xơ xác nằm bên bờ sông nơi vùng quê hẻo lánh. Nếu không có khung hình cậu trên cổ quan tài thì chẳng bao giờ Đăng dám nghĩ cậu Tú lại sống cơ cực như thế! Ôi cả đời cậu hy sinh cho một lý tưởng huyền hoặc những tưởng mang đến sự công bằng phúc lợi cho mọi người, nào ngờ ngay chính bản thân cậu sống trong cơ cực nghèo đói, bị chèn ép, đổ kỵ bởi chính tình «đồng chí»! Từ ngày rời quê, Đăng chưa lần trở lại, mẹ chàng vẫn ở lại vì muốn được chết trên quê hương, bà viết thư sang muốn chàng đừng về dù cho mai này bà có nhắm mắt cũng an tâm. Bà dặn dù ở bất cứ nơi đâu hãy nhớ mãi hình ảnh đất mẹ trong tim vì sông nào cũng đều chảy ra biển cả. Chàng thầm nghĩ: “Nếu chẳng có những lời ru tha thiết ngọt ngào đầy man trá của chủ thuyết CS làm mê hoặc những kẻ mộng du, cùng với bao tham vọng của những kẻ hám quyền lực tạo cơ hội cho ngoại cường giành xé, thì quê mẹ đâu phải

lầm than đổ nát, rạn vỡ tình người, và gia đình ngoại đầu phải ly tán !”

Bóng chiều tắt, dòng sông Seine rực rỡ muôn ánh điện với những chiếc du thuyền lộng lẫy ngược xuôi. Ngồi trên tàu điện ngắm trở về nhà mà đầu chàng vẫn miên man hình ảnh đám du khách Việt Nam quần áo sang trọng hồi chiều, họ là những nhà «tư bản đỏ» trông thật béo tốt tươi tắn, chẳng bù cho những bà mẹ già còm cõi da bọc xương, một thời được vinh danh xếp vào loại gia đình liệt sĩ vì có con có chồng bỏ xác ở Trường Sơn. Những mái đầu bạc đó hiện đang sống trong cô đơn hiu quạnh nơi quê nhà, phải tắt tả chạy gạo từng bữa để tự nuôi thân thì lấy tiền đâu du lịch? Huống chi những người dân đen thấp cổ bé miệng chắc còn khổ biết chừng nào? Chàng nghe tin đất nước ngày nay đã thay đổi, phải thay đổi để có thể theo kịp các cường quốc Đông Nam Á và Á Châu thì đó là điều đáng mừng. Nhưng rất tiếc sự thay đổi đó chỉ là sự chuyển từ «cái xấu này sang cái xấu khác»

khiến xã hội hôm nay càng tha hóa hơn! Đấng thần thờ về một mảng đời chột đến của dĩ vãng.

Sáng nay trước hàng hiên nhà có chùm hoa vàng mới nở, cánh hoa mong manh trong nắng gợi khơi niềm nhớ. Chàng bỗng thương quê mẹ, mảnh đất còn nhiều dấu tàn phá chiến tranh, những vết hận thù mà thời gian chưa đủ xóa! Ở đó chàng đã mất quá nhiều, chỉ còn lại kỷ niệm. Tiếng chuông nhà thờ bên khu phố cổ vọng lại lằng lằng tâm hồn, xa xa những vầng mây trắng nối đuôi nhau không biết về đâu cuối trời? Đấng chạnh nhớ đến những người thân và bằng hữu một thời lòng bỗng bùi ngùi. Một thoáng yên lặng cho những người thân, những người đã nằm xuống vì ý nghĩa tự do... và những linh hồn ly hương phiêu bạt./

Đỗ Bình (France)

TÌNH XUÂN

*Vườn xuân êm dịu nắng ban mai,
Lấp lánh đào mơ sương hạt cài.
Oanh yến ngọt mỗi sau khóm trúc,
Bướm ong say mật trước nhà ai.*

*Đàn thơ ngâm dạo đôi tình khúc,
Tranh họa tô thêm một nét hài.
Bút mực tuôn tràn câu đối Tết.
Tình xuân lai láng, ý xuân bày.*

Nguyễn Mây Thu

KHÓI THUỐC ĐÊM TỪ

Khói thuốc lòa xanh màu tiếc nhớ,
Hương xưa sầu đọng tím thời gian.
Nghe sôi máu đỏ trong lòng điệu.
Năm tháng vàng theo cuộc chiến tàn.

Từ độ sa chân vào giếng bão,
Đại bàng gãy cánh giữa rừng sâu.
Mắt trùng rảo hoành tương lai trắng,
Đêm nổi từng đêm, sầu nổi sầu.

Nửa đời gầy kiếm thiên thu hận,
Lỗi hẹn non sông muốn hỏi trời.
Điếu cày ngắt ngưỡng ôm làm bạn,
Nửa nuốt cơn say, nửa nụ cười.

Ai hát đêm nay tình ca cũ,
Đàn rung cung bậc một trời xưa.
Vàng son lẳng đặng về đàn mộng,
Dư ảnh lung linh giữa khói mờ.

Văn Quang

Rừng lá 1982



CỎ TUYẾT, TÌNH QUÊ

*Trận chiến tàn xuân một sớm mai,
Thần thờ rồng đá nát vàng phai,
Ta thành nhân chứng đời dâu bể
Đất khách phiêu du cách dặm ngoài.*

*Xứ lạ xa trông tuyết mỗi mòn
Quanh năm lạnh trắng phủ đầu non.
Cố nhân tuyết tích phương nào nhỉ?
Chẳng thiết than van chuyện mắt còn.*

*Đời nay chẳng một ai thành đá,
Thì khóc làm chi một biển thiên?
Đến lúc ruộng dâu thành biển cả,
Còn gì để nhớ tuổi hoa niên?*

*Ngoảnh mặt thương ai còn ở lại,
Lạnh lòng cỏ tuyết trắng tình quê.
Đêm đêm trắng đổi trời quan tái,
Nhìn lại, non sông khép nẻo về!*

*Em sống mê trong bụi nắng hồng,
Ta nhìn xa dõi tuyết tàn đông.
Bao giờ bắc được cầu qua biển?
Nói lại đôi bờ đẹp núi sông*

Hà Bình Trung



THÀNH PHỐ ẤY

Thành phố ấy có lần em đã nói
Nắng đã phai và lá chẳng còn xanh
Những con đường, người đi qua rất vội
Nhịp xe đời - mắt dấu, vẫn tìm quanh.

Thành phố ấy có lần em đã nói
Tuởng chừng như đã chết tự bao giờ
Những tội ác ẩn chìm trong bóng tối
Sân trường nào im tiếng nói em thơ.

Thành phố ấy có lần em đã nói
Đã nhóm lên những ánh lửa căm thù
Cả thành phố bùng trái tim nóng hổi
Muốn xóa đời nô lệ mãi âm u.

Em đã sống những ngày trong hỏa ngục
Cũng như anh mang nặng kiếp lao tù
Xin hãy để lòng lắng đi một chút
Gửi hồn về thành-phố-của-ta-xưa!

Nguyễn Kinh Bắc

Trại tù Katum 1976



LÒNG NHƯ THẮNG TƯ

*Thắng Tư không nói gì
lẽ nào như thế được?
người vẫn còn chân đi
mắt nào không lệ ướt?*

*Thắng Tư rầm rộ bước
xe như thác lên đèo
trực thẳng rời sân thượng
còn vương người đeo theo*

*Người đeo theo phi cơ
thân hình treo lủng lẳng
giữa trời đen, mây mù
cặp mắt trũng, ngó thẳng*

*Đối diện với cái chết
người sáng suốt như ma
tiềm thức bảo nó biết:
xuống thuyền. Đi. Đi xa ...*

*Nước loạn chẳng dung thân
người như chim xao xác
ra đi. Chết một lần
tắm lòng, như áo bạc!*

*Thắng Tư không nói gì
là người đã căm hết
cho tôi xin một lời
để biết mình chưa chết.*

Vi Khuê

NGÀY XUÂN TRÊN QUÊ CŨ

“Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm,
Rượu hồng đào chưa nhấm đã say”

Tết về lạnh gió heo may
Mưa phùn lấm tấm suốt ngày mùa Đông
Ta về dừng gót phiêu bồng
Thăm thành phố Cổ, dòng sông năm nào
Biển xanh sóng vỗ rì rào
Phố xưa chứng kiến biết bao thăng trầm
Tuổi buồn hóa đá trăm năm
Chùa Cầu: khỉ, chó lặng câm ngồi nhìn
Ta về mang nặng mối tình
Quê hương và những bóng hình thân thương
Ngày Xuân đoàn tụ từ đường
Cùng nhau thắp một nén hương nguyện cầu
Mong cho đất nước đổi màu
Nhân dân vui bớt nỗi sầu thiên thu.

HOÀNG TRÙNG DƯƠNG



NHỮNG MÙA XUÂN LƯU ĐÀY

Trên vùng kinh tế mới
Mùa Xuân lặng lẽ về
Ngày cùng năm tháng tận
Thời gian vẫn lê thê.

Trong túp lều trống vắng
Nhìn chiều Xuân đi qua
Không gian buồn im ắng
Cô đơn một mình ta.

Kệ thờ không hương khói
Nước suối thế rượu trà
Nồi khoai mì cứu đói
Dạ càng thêm xót xa.

Rừng chiều sương lãng đãng
Sói buồn tru thê lương
Hoàng hôn dần bao phủ
Những mảnh đời tang thương.



HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

CỎ THƠM HỢP MẶT MỪNG TẾT KỶ HỢI

26 THÁNG 1, 2019 – FALLS CHURCH, VIRGINIA USA

Nhân dịp phát hành Cỏ Thơm số 83 và cũng để mừng Tết Kỷ Hợi, Ban Điều Hành Cỏ Thơm đã tổ chức một buổi họp mặt ngày 26 tháng 1, 2019 tại Hội Người Việt Cao Niên vùng Hoa Thịnh Đốn, thành phố Falls Church, Virginia - với sự chấp thuận của ông Hội Trưởng Nguyễn Văn Đăng. Hội Cao Niên tọa lạc gần khu thương mại nổi tiếng Eden Center, nơi có những sinh hoạt quan trọng của Cộng Đồng và nhiều hàng quán của người Việt.

Vì đang trong mùa Đông lạnh giá và nhiều hội đoàn tổ chức cùng lúc thời điểm ấy nên buổi họp mặt đã vắng bóng một số tác giả, độc giả dài hạn và thân hữu.

Trong kỳ họp mặt này, Chủ nhiệm Phan Anh Dũng đã giới thiệu những tác giả mới cộng tác trong vòng một năm trở lại như: Nguyễn Thị Ngọc Hạnh (Virginia), T.T. Thái An (Virginia), Vưu Văn Tâm (Bonn, CHLB Đức), Đoàn Xuân Thu (Melbourne, Úc), Trường Đình (Anh Quốc)... Cỏ Thơm cũng rất mong các tác giả lâu năm giới thiệu những tay viết mới. Sau đó, anh cũng mời tất cả đến tham dự cũng như giúp cổ động cho buổi họp mặt ngày Chủ nhật 23 tháng 6 lúc 11 am tại nhà hàng quen thuộc Harvest Moon ở Falls Church, VA (xem thêm chi tiết ở trang 200) để mừng CoThom Foundation đã hoạt động liên tục được 24 năm. Mời quý vị xem một số hình ảnh dưới đây - từ máy ảnh của Phạm Bá và máy thu video của Phạm Gia Hưng:



*Từ trái: Phan Anh Dũng, Tâm Hào, Ý Nguyên, ĐT Mỹ Hạnh,
Thu Thủy, NT Ngọc Dung, Ngọc Thanh, Vũ An Thanh*

CỎ THƠM HỢP MẶT MỪNG TẾT KỶ HỢI
26 THÁNG 1, 2019



Trương Anh Thụy, NT Ngọc Dung, Phạm Gia Hưng...



Phan Khâm, Bùi Thanh Tiên, ĐT Mỹ Hạnh, Cao Nguyên



Phạm Bá, Ngọc Hạnh, Ý Nguyên, Phan Anh Dũng, Tâm Hảo, TT Thái An, Hà Văn Sang

CỎ THƠM HỢP MẶT MỪNG TẾT KỶ HỢI
26 THÁNG 1, 2019



Ngọc Thanh, Thu Thủy, Cao Nguyên, Nguyễn Huy Long, Ý Nguyễn, Phong Thu...



CỎ THƠM HỢP MẶT MỪNG TẾT KỶ HỢI
26 THÁNG 1, 2019



CỎ THƠM HỢP MẬT MỪNG TẾT KỶ HỢI
26 THÁNG 1, 2019



CỎ THƠM HỢP MẶT MỪNG TẾT KỶ HỢI
26 THÁNG 1, 2019



CỎ THƠM HỢP MẶT MỪNG TẾT KỶ HỢI
26 THÁNG 1, 2019



Những đóa hồng thân ái từ nhà thơ Cao Nguyên để ghi nhận nỗ lực của Ban Điều Hành và Biên Tập của Cỏ Thơm - Từ trái: Nguyễn Văn Đặng (Hội trưởng Hội Người Việt Cao Niên vùng HTĐ), Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Minh Châu, Ý Nguyên, ĐT Mỹ Hạnh, NT Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, Nguyễn Lân, Phạm Trọng Lệ, Phong Thu, Bùi Thanh Tiên, Cao Nguyên.



THIỆP MỜI

Trân trọng kính mời quý vị tham dự

Kỷ Niệm 24 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật của
TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Chủ Nhật ngày 23 tháng 6, năm 2019

Khai mạc lúc 11:00AM tại

HARVEST MOON RESTAURANT

7260 Arlington Boulevard, Falls Church, VA 22042

ĐT: (703) 573-6000

Chương trình gồm:

*** TIỆC TRƯA**

*** VĂN NGHỆ CHỌN LỌC** với sự tham dự của ca sĩ: Như Hương, Hiếu Thuận, Thái Ninh,
Loan Phượng, Bạch Mai, Tâm Hào, Hoàng Cung Fa, Nguyễn Xuân Thường,
Nguyễn Cao Thăng, Sĩ Tuấn...

Ban nhạc: Trần Thanh (keyboard, âm thanh), Nguyễn Khải (guitar), Phạm Dương Hiền (violin)

MC: Đàm Xuân Linh & Mỹ Hạnh

Vé: 25 USD / Vé bảo trợ VIP: 35 USD

LIÊN LẠC:

Phan Anh Dũng: (804) 387-8773

Phan Khâm: (240) 893-7812

Nguyễn Thị Ngọc Dung: (571) 926-8962

Hồng Thủy: (301) 466-6120

Phạm Văn Tuấn: (703) 707-1602

Ỡ Nguyên: (505) 453-9009

Thái Phượng: (804) 873-1033

Phong Thu: (202) 657-8654

Trương Anh Thụy: (703) 525-4538

Trúc Mai: (703) 534-0712

ĐÃ CÓ BÁN



VĂN HỌC VIỆT NAM

Tác phẩm mới nhất của **Trần Bích San**
nhà xuất bản  Cỏ Thơm

- **Cộng Sản hủy diệt, người Việt Quốc Gia bảo tồn, gìn giữ nền văn hóa nhân bản dân tộc.**
- Tác phẩm bao gồm các yếu tố căn bản của nền Văn Học Việt Nam. Truy tìm tận gốc rễ sự thực các dữ kiện văn học tiềm ẩn chưa phát hiện. Hiệu đính sai lầm, bổ túc thiếu sót trong Văn Học Sử.
- Một quyển sách không thể thiếu trong mỗi gia đình người Việt hải ngoại.
- Công trình biên soạn công phu trong 20 năm. Sửa chữa và bổ túc trong 3 năm. Sách dày 1200 trang, khâu chỉ, bìa cứng, bọc plastic, chữ vàng, hơn 500 hình ảnh, tài liệu quý hiếm.
- **Giá bán \$50. Độc giả ở Hoa Kỳ miễn phí shipping. Tất cả tiền bán sách (vốn & lời) được dùng tặng quỹ yểm trợ Thương Phế Bình VNCH của Nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế ở Saigon. Tổng số tiền yểm trợ và biên nhận tiền gửi sẽ được công bố trên báo chí. Check hay Money Order trả cho THÁI TRẦN.**
- *Mua sách xin liên lạc:*
Tiến Sĩ Trần Gia Thái, Ph.D.
hoặc **Trần Ngọc Châu**
P.O. Box 740248
New Orleans, LA 70174
(504) 615-5606 - (504) 263-5661
Email: chautran6@aol.com

Thế Giới của Hoàng Dungdc



CỎ THƠM HÂN HẠNH GIỚI THIỆU ĐẾN ĐỘC GIẢ VÀ THÂN HỮU KHẮP NƠI:

4 quyển sách của nhà văn Hoàng Dungdc
vừa mới xuất bản vào đầu tháng 4, 2019:

- Chuyện Dung Kể: \$ 20
- Những Kẻ Lạc Loài: \$ 20
- Biển và Cá: \$ 15
- Bên Kia Đồi: \$15
- Một bộ 4 cuốn: \$ 60

Vui lòng liên lạc: Hoangdungdc@gmail.com

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO

(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #): tới số (To issue #):

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM 4 SỐ BÁO CỎ THƠM, kể luôn cước phí media mail

PRICE OF 4 ISSUES, including media mail cost

Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

Trên Tạp Chí Cỏ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00

1 trang trong: US \$60.00

Trang trong bìa trước: US \$100.00

Trang trong bìa sau: US \$100.00

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về:
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

9020 CARDIFF RD

RICHMOND, VIRGINIA 23236

USA

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO
LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỎ THƠM.**



Bìa trước: Trăng Trong Đầm Sen
Bìa sau: Ánh Lửa Trong Nhà
Tranh của Họa sĩ **NGUYỄN ĐỒNG**

